BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử giáo dục Mã số

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Cán bộ hợớng dẫn khoa học:

Luận văn 24

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình hoàn thành luận án này, tôi đã nhận đợợc sự giúp đỡ vô cùng quí báu của các tập thể và cá nhân.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến GS.TS Nguyễn Hữu Châu và PGS.TS Nguyễn Đức Minh đã tận tâm chỉ bảo, hợớng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học, các thầy cô giáo. Phòng Quản lí khoa học - Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam đã tạo mọi điều kiện cho tôi đợợc học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Ban Giám Đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Ban chủ nhiệm Khoa Sợ phạm và Ngoại ngữ, Bộ môn Tâm lý đã động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi cũng xin cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình của các cộng tác viên, đồng nghiệp, sinh viên của các trợờng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông lâm Huế.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 3
3. Khách thể và đối tọợng nghiên cứu 4
4. Giả thuyết khoa học 4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu 4
6. Phạm vi nghiên cứu 4
7. Phoợng pháp luận và phoợng pháp nghiên cứu 5
8. Những luận điểm cần bảo vệ 7
9. Đóng góp mới của luận án 8
10. Bố cục của luận án 9
Choợng 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC 10
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề 10
1.1.1.*Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp* 10
1.1.2.*Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp* 14
1.1.3. *Nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục Đại học* 16
1.2. Một số khái niệm cơ bản 17
1.2.1. *Đạo đức* 17
1.2.2. *Giáo dục đạo đức* 19
1.2.3. *Nghề nghiệp* 21
1.2.4. *Đạo đức nghề nghiệp* 22
1.2.5.*Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp* 24
1.2.6. *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp* 24
1.3. Lí luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học 25

1.3.1. *Đặc điểm ngành Nông nghiệp và những yêu cầu đạo đức đối với ngành Nông nghiệp*
25
1.3.2. *Các nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp* 35
1.3.3. *Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học*
36
1.3.4. *Một số yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục đại học*
59
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 66
Chương 2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
67
2.1. Mục đích khảo sát 67
2.2. Mẫu và địa bàn khảo sát 67
2.3. Nội dung khảo sát 67
2.4. Phương pháp khảo sát 68
2.4.1. *Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi (Anket)* 68
2.4.2. *Phương pháp nghiên cứu trường hợp* 68
2.4.3. *Phương pháp quan sát* 68
2.4.4. *Phương pháp phỏng vấn* 68
2.4.5. *Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học* 68
2.5. Kết quả khảo sát 69
2.5.1. *Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp*
69
2.5.2. *Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.*
80
2.5.3 *Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học*
88

2.5.4 *Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học* 102
2.6. Nhận xét chung về thực trạng đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nông nghiệp và thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học
106
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 108
Chương 3 CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC.110
3.1. Một số nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp 110
3.2. Các biện giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp.111
3.2.1. *Biện pháp 1: Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp* 112
3.2.2. *Biện pháp 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp*
124
3.2.3. *Biện pháp 3: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại địa phương*
135
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp 146
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 149
Chương 4. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 150
4.1. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp 150
4.1.1. *Mục đích khảo nghiệm* 150
4.1.2. *Đối tượng khảo nghiệm* 150
4.1.3. *Số hóa tên các biện pháp* 150
4.1.4. *Kết quả khảo nghiệm các biện pháp, minh họa bằng biểu đồ và so sánh*
.150 4.2. Khái quát về quá trình thực nghiệm
154

4.2.1. *Mục đích thực nghiệm* 154
4.2.2. *Đối tượng và qui mô thực nghiệm* 154
4.2.3 *Nội dung thực nghiệm* 155
4.2.4 *Thời gian thực hiện thực nghiệm* 155
4.2.5 *Tiêu chí và công cụ đánh giá* 155
4.2.6. Phương pháp đánh giá 157
4.3. Cách tiến hành thực nghiệm 158
4.4. Phân tích kết quả thực nghiệm 158
4.4.1 *Thực nghiệm lần 1* 159
4.4.2. Thực nghiệm lần 2 163
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 170
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 171
NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo 69
Bảng 2.2: Kết quả khảo sát nhận thức của cán bộ ngành Nông nghiệp về mức độ quan trọng của đạo đức nghề nghiệp ngành Nông nghiệp 70
Bảng 2.3: Kết quả lựa chọn các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo quan điểm của cán bộ ngành nông nghiệp
71
Bảng 2.4: Kết quả thái độ của ngọời cán bộ nông nghiệp đối với những biểu hiện sai trái về đạo đức nghề nghiệp
73
Bảng 2.5: Kết quả biểu hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành Nông nghiệp
75
Bảng 2.6: Tóm tắt quá trình quan sát qui trình sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn của VietGap 77
Bảng 2.7: Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên ngành nông nghiệp về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp
81
Bảng 2.8: Kết quả khảo sát sự lựa chọn của sinh viên với những nội dung giáo dục đạo đức phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp
82
Bảng 2.9: Kết quả khảo sát thái độ của sinh viên ngành Nông nghiệp đối với những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp
84
Bảng 2.10: Kết quả khảo sát về các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Nông nghiệp 86
Bảng 2.11: Kết quả điều tra ý kiến của nhà giáo dục về vai trò của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học
88
Bảng 2.12: Kết quả điều tra ý kiến đánh giá các nhà giáo dục (cán bộ quản lí, giảng viên) về việc thực hiện mục tiêu của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho

sinh viên ngành Nông nghiệp
89
Bảng 2.13: Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo dục về việc lựa chọn những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học 91

Bảng 2.14: Kết quả đối chiếu sự lựa chọn nội dung giáo dục đạo đức của cán bộ ngành nông nghiệp và việc thực hiện những nội dung giáo dục đạo đức cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học 94

Bảng 2.15: Kết quả khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục về phoợng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp đã và đang sử dụng tại các cơ sở giáo dục đại học
95

Bảng 2.16: Kết quả khảo sát nhà giáo dục đã sử dụng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học
98

Bảng 2.17: Khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục đánh giá hiệu quả tham gia hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các lực loợng giáo dục của các lực loợng giáo dục
100

Bảng 2.18: Đánh giá của nhà giáo dục về kết quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học 101

Bảng 2.19: Khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục về mức độ ảnh hoởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học
103

Bảng 3.1: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành trồng trọt qua môn học Kiểm soát doị loợng thuốc trừ hại dịch 117

Bảng 3.2: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp trong môn Tâm lý học nghề nghiệp 119

Bảng 3.3: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy môn Tâm lý học đại coợng
121

Bảng 3.4: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong môn Pháp luật
123

Bảng 4.1: Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp
150

Bảng 4.2 kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học 152

Bảng 4.3: tọơng quan giữa tính cấn thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên ngành nông nghiệp
154

Bảng 4.4: Mẫu thực nghiệm 155

Bảng 4.5: Hệ số tin cậy của thang đo 157

Bảng 4.6: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN 1 và nhóm ĐC1 trọớc TN
159

Bảng 4.7: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 1 161

Bảng 4.8: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN 2 và nhóm ĐC2 trọớc TN
164

Bảng 4.9: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 2 166

Bảng 4.10: Đánh giá sự tọơng quan giữa hành vi ĐĐNN và tính tích cực rèn luyện sau TN lần 2
169

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 4.1: Thể hiện tính khả thi của các biện pháp 152
Biểu đồ 4.2: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC trợớc TN 159
Biểu đồ 4.3: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trợớc TN 160
Biểu đồ 4.4: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trợớc TN 161
Biểu đồ 4.5: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN 162
Biểu đồ 4.6: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1 162
Biểu đồ 4.7: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1 163
Biểu đồ 4.8: Biểu diễn điểm trung bình về nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm 2 trợớc thực nghiệm 164
Biểu đồ 4.9: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trợớc TN 165
Biểu đồ 4.10: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trợớc TN 166
Biểu đồ 4.11: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 167
Biểu đồ 4.12: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 167
Biểu đồ 4.13: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2 168

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử phát triển của xã hội loài ngơời cho thấy đạo đức có vai trò rất lớn trong đời sống xã hội, trong đời sống của con ngơời. Đạo đức là vấn đề thơờng xuyên đơợc đặt ra và giải quyết nhằm đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng tồn tại, phát triển. Sống trong xã hội, ngơời ta ai cũng phải suy nghĩ về những vấn đề đạo đức để tìm ra những con đơờng, cách thức và phơơng tiện hoạt động nhằm kết hợp lợi ích của mình và lợi ích của cộng đồng, từ đó bảo đảm cho sự tồn tại, phát triển của chính mình và cộng đồng. Đạo đức góp phần hoàn thiện nhân cách con ngơời, giúp cá nhân có ý thức và năng lực sống hơớng thiện, sống có ích, tăng tình yêu với gia đình, ngơời thân, xã hội và toàn nhân loại. Các bậc triết gia xơa đã từng nói: "Ngơời không có đạo đức không khác gì cầm thú" [6; 48].

Giáo dục đạo đức cũng là một vấn đề nổi cộm trong xã hội ở mọi thời đại. Nó giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống đạo đức, là phơơng thức trực tiếp để hình thành nhân cách con ngơời. Chính vì vậy, các nhà quản lí xã hội, các nhà giáo dục đã chú ý đến việc giáo dục đạo đức nhằm hình thành nhân cách con ngơời theo những chủ đích nhất định phù hợp với những yêu cầu của xã hội đơơng đại. Giáo dục đạo đức cũng chính là một hình thức biểu hiện của đời xã hội và hiệu quả của giáo dục đạo đức cũng là một trong những tiêu chí đánh giá trình độ đạo đức xã hội.

Đạo đức đơợc biểu hiện trong mọi mặt, mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Do đó, đạo đức nghề nghiệp cũng chính là một bộ phận của đạo đức con ngơời, nó đơợc bộc lộ trong hoạt động lao động của con ngơời. Hay nói cách khác, đạo đức nghề nghiệp là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là một loại đạo đức đã thực tiễn hóa trong những ngành nghề cụ thể.

Đạo đức nghề nghiệp là vấn đề không mới nhơng luôn mang tính thời sự cấp thiết, nhất là trong tình hình hiện nay bởi bên cạnh những mặt tích cực, tiến bộ của quá trình mở cửa, hội nhập, giao lơu quốc tế thì mặt trái của kinh tế thị trơờng, của đồng tiền, của danh vị và lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm đang tạo ra những hệ lụy làm băng hoại và suy thoái đạo đức của con ngơời ở nhiều lĩnh vực ngành nghề. Những vụ việc tiêu cực xảy ra trong thời gian gần đây ở nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực nhơ: y tế, giáo dục, kinh doanh, xây dựng, và sản xuất nông nghiệp..v..v đã gây ra

nhiều thiệt hại cho con ngoịời (đặc biệt là những ngoịời sử dụng các dịch vụ) về của cải, sức khỏe và cả tính mạng.

Trong bất kì lĩnh vực sản xuất nào nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu, lợi ích con ngoịời thì những ngoịời tham gia trong lĩnh vực đó cần phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và quan trọng hơn nữa là họ phải có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng vậy, ngoịời nông dân, ngoịời kỹ soị nông nghiệp cần có kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp nhoịng đồng thời phải có đạo đức, đạo đức nghề nghiệp nếu không họ sẵn sàng vì lợi nhuận troịớc mắt mà tạo ra những sản phẩm độc hại đến sức khỏe ngoịời tiêu dùng, ảnh hoịởng đến môi troịờng. Một thực tế hiện nay đang nhức nhối trong xã hội chúng ta là ngành Nông nghiệp có nhiệm vụ cung cấp loịơng thực, thực phẩm để nuôi sống con ngoịời, để phát triển kinh tế - xã hội của đất noịớc nhoịng lại có những vụ việc nhoị trong lĩnh vực trồng troịt, ngoịời làm nông nghiệp có thể sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá mức cho phép gây ảnh hoịởng đến sức khỏe ngoịời tiêu dùng, gây ô nhiễm môi troịờng. Hoặc trong chăn nuôi họ sử dụng thuốc kích thích tăng troịởng không hợp lý đã tạo ra những sản phẩm thiếu chất dinh doịỡng mà thừa hóa chất độc hại. Hay những qui trình bảo quản nông sản, ngoịời sản xuất đã sử dụng những hóa chất có thể dẫn đến những căn bệnh nguy hiểm cho sức khỏe của ngoịời tiêu dùng. Nếu những điều này không đoịợc khắc phục, không có những giải pháp triệt để thì vấn đề đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp đã và đang tạo nên sự bức xúc gay gắt trong xã hội.

Hiện nay, vai trò của giáo dục đạo đức nghề nghiệp trên bình diện lý luận có vai trò rất quan trọng, nhoịng thực tế, trong những năm qua, việc triển khai công tác giáo dục đạo đức ở noịớc ta vẫn choịa đáp ứng đoịợc yêu cầu đặt ra. Giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp còn xa rời thực tế, nội dung chung chung và sáo mòn, hình thức đơn điệu. Đánh giá tình trạng này, Đại hội Đảng lần thứ X nhấn mạnh: "Công tác giáo dục lý toịởng cách mạng, đạo đức, lối sống còn chung chung, kém hiệu quả". Đảng ta coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong chiến loịợc phát triển con ngoịời trong thời kì đổi mới, thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất noịớc. Và mới đây nhất vấn đề này tiếp tục đoịợc Đảng ta khẳng định trong Nghị quyết Trung oịơng 8 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục Đại học là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Vì sinh viên chính là nguồn nhân lực đầy tiềm năng để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Chính vì vậy, Sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng họ cũng là một trong những lực lọ̣ợng sản xuất chính cho nền Nông nghiệp của đất nọ́ớc nên họ cần phải có những tri thức khoa học, những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Trong hầu hết các chuẩn đầu ra của mỗi một chuyên nghành nông nghiệp cũng đều có đề cập đến yêu cầu các phẩm chất đạo đức. Song những yêu cầu đó còn rất chung chung, mang tính giáo điều mà chọ̣a có sự cụ thể, chi tiết và đặc biệt là chọ̣a đọ̣a ra đọ̣ợc những những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đặc thù của từng ngành nghề, những đòi hỏi của thời đại, của xã hội đối với đạo đức nghề nghiệp của từng chuyên ngành. Trong quá trình giảng dạy, những kiến thức chuyên môn luôn đọ̣ợc chú trọng nhọ̣ng những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp thì lại chọ̣a có những môn học, hay những chọ̣ơng trình cụ thể mà hầu hết là tích hợp trong các môn học. Mục tiêu đọ̣ợc xác định trong mỗi một học chủ yếu vẫn là về kiến thức, cũng có đọ̣a ra mục tiêu hình thành ở ngọ̣ời học thái độ, hành vi nhọ̣ng chọ̣a có tiêu chí rõ ràng về những phẩm chất đạo đức cần hình thành là gì. Trong kiểm tra- đánh giá kết quả học tập thì đặc biệt chỉ có tiêu chí về kiến thức, kĩ năng chứ không có những tiêu chí để đánh giá đọ̣ợc đạo đức nghề nghiệp cần hình thành ở ngọ̣ời học nhọ̣ thế nào. Môi trọ̣ờng để giáo dục đạo đức nghề nghiệp còn thiếu sự đồng nhất, thiếu sự liên kết với hoạt động nghề nghiệp trong thực tế để từ đó có thể thuận lợi rèn luyện hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cần phải đọ̣ợc thực hiện thông qua nhiều con đọ̣ờng giáo dục trong đó quan trọng nhất là phải chú trọng thực hiện ở những con đọ̣ờng chủ đạo đó là thông qua dạy các môn học trên lớp, qua các hoạt động tổ chức ngoài giờ theo chủ đề, chủ điểm và thông qua thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất ở địa phọ̣ơng. Qua đó để hình thành ở sinh viên nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp.

Xuất phát từ lí luận và thực tiễn giáo dục trên, nghiên cứu đề tài "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học" là có tính cấp thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

3. Khách thể và đối tọợng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu:

Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho của sinh viên ngành Nông nghiệp.

3.2. Đối tọợng nghiên cứu:

Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

4. Giả thuyết khoa học

Hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay chọa đáp ứng đọợc yêu cầu của xã hội. Nếu xây dựng đọợc những nội dung các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp đồng thời có sự thay đổi tích cực trong việc thực hiện các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua lồng ghép trong các môn học trên lớp, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp và qua thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất nhằm tác động vào nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên thì sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

+ Xác định cơ sở lý luận của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

+ Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

+ Đề xuất các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học qua dạy học các môn học, qua việc tổ chọc các hoạt động ngoại khóa, qua hoạt động thực tập nghề nghiệp.

+ **T**hực nghiệm sọ phạm.

6. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Một số phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp ở chuyên ngành: Nông học (Trồng trọt hay khoa học cây trồng).

+ Phạm vi địa bàn nghiên cứu: Chúng tôi tiến hành nghiên cứu ở 3 cơ sở giáo dục đại học đại diện: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông lâm Huế, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

+ Phạm vi nghiệm thể nghiên cứu: 30 cựu sinh viên của 3 cơ sở giáo dục đại học - hiện đang là cán bộ ngành nông nghiệp; 320 sinh viên tại 3 cơ sở giáo dục đại học; 30 cán bộ quản lí và giảng dạy tại 3 cơ sở giáo dục đại học.

+ Phạm vi thực nghiệm: Tiến hành thực nghiệm tại Học viện nông nghiệp Việt Nam. Thời gian từ tháng 1/2017 - 3/2017 và tháng 1/2018 - 3/2018.

7. Phoƚơng pháp luận và phoƚơng pháp nghiên cứu

7.1. Phoƚơng pháp luận

- Đề tài nghiên cứu đoƚợc dựa trên phoƚơng pháp luận khoa học Mác - Lê nin, toƚ toƚởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp. Kế thừa có chọn lọc những giá trị của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

- Phoƚơng pháp tiếp cận:

+ Tiếp cận hệ thống và cấu trúc: Bản thân hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống cấu trúc bao gồm các thành tố mục tiêu, nội dung, phoƚơng pháp và hình thức tổ chức và với những chức năng khác nhau nhoƚng có quan hệ mật thiết với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, đoƚợc lồng ghép với giáo dục các bộ môn văn hoá và các hoạt động giáo dục khác. Mặt khác các thành tố này có liên quan mật thiết và bị chi phối bởi các yếu tố tâm lí của chính sinh viên nhoƚ: Nhận thức, tình cảm, ý chí, năng lực, động cơ, thái độ, nhu cầu, cũng nhoƚ chịu tác động của các yếu tố bên ngoài. Bên cạnh đó mỗi thành tố, mỗi yếu tố trên lại có những cấu trúc phức tạp, chịu ảnh hoƚởng của các nhân tố chủ quan và khách quan. Mỗi sinh viên là một nhân cách có cấu trúc tâm lý phức tạp, đặc biệt chú ý đến sự tác động qua lại của: mục tiêu, động cơ, hứng thú, năng lực cũng nhoƚ tác động của các yếu tố này đến kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

+ Cách tiếp cận thực tiễn cụ thể

Đề tài vận dụng quan điểm thực tiễn cụ thể - khái quát hoá để phân tích hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp của một số troƚờng đại học và học viện có đào tạo khối ngành nông nghiệp. Khái quát hoá các kết quả điều tra để thấy đoƚợc xu hoƚớng chung về hiện trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khối nông nghiệp từ đó đề xuất giáo dục các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khối nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp một cách phù hợp và khả thi.

+ Phoƚơng pháp tiếp cận kĩ năng sống: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng chính là tập trung hoƚớng giúp ngoƚời học hình thành kiến thức, thái độ, kĩ năng để có đoƚợc những hành vi nghề nghiệp lành mạnh, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của ngành nghề, của xã hội. Qua giáo dục đạo đức nghề nghiệp sinh viên sẽ sống có trách nhiệm với bản thân mình, với tập thể và với cộng đồng, xã hội hơn. Sinh viên biết cách lựa chọn những hành vi lành mạnh và rèn luyện cho mình có đủ bản lĩnh để từ chối sự cán dỗ của những thói hoƚ, của lối sống tiêu cực và hạn chế tối đa những hành vi có hại đến cộng đồng, đến xã hội.

+ Phoƚơng pháp tiếp cận giá trị: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng chính là giúp cho sinh viên có khả năng xác định những đức tính, những phẩm chất đạo đức của mình phù hợp với những đặc troƚng của ngành nghề, phù hợp với yêu cầu xã hội để từ đó tự điều chỉnh thái độ, quan điểm, mong muốn, hành vi của mình sao cho phù hợp với chuẩn mực của ngành nghề.

7.2. Phoƚơng pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phối hợp một cách có hiệu quả các phoƚơng pháp nghiên cứu: phoƚơng pháp nghiên cứu lý thuyết, phoƚơng pháp nghiên cứu thực tiễn và các phoƚơng pháp xử lý thông tin. Cụ thể là:

7.2.1. Phoƚơng pháp nghiên cứu lý thuyết:

- Phoƚơng pháp phân tích lịch sử-logic để tìm hiểu, đánh giá lịch sử nghiên cứu và xác định vấn đề nghiên cứu.

- Phoƚơng pháp so sánh để tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế.

- Phoƚơng pháp khái quát hoá để xây dựng quan niệm, khung lí thuyết của nghiên cứu.

7.2.2. Phoƚơng pháp nghiên cứu thực tiễn:

- Phoƚơng pháp quan sát soƚ phạm: Để thu thập những thông tin trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khối nông nghiệp ở các troƚờng Đại học từ đó có thể khái quát rút ra đoƚợc những qui luật nhằm tổ chức quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đoƚợc tốt hơn. Chúng tôi quan sát thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong quá trình các em đi rèn nghề, thực tập; quan sát phoƚơng pháp giảng dạy của giảng viên thông qua một số tiết dự giờ; quan sát một số những hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên tại một số

cơ sở giáo dục đại học (nhoị buổi học chính trị đầu năm, các buổi tổ chức hội chợ việc làm, tọa đàm với những doanh nhân thành đạt...vv.).

- Phoịơng pháp điều tra bằng bảng hỏi:

Chúng tôi sử dụng phiếu troịng cầu ý kiến (bao gồm hệ thống câu hỏi đóng và câu hỏi mở) để khảo sát. Chúng tôi thiết kế 03 mẫu phiếu dùng cho cán bộ nông nghiệp (cựu sinh viên nông nghiệp), cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lí, sinh viên. Khi tiến hành khảo sát sinh viên chúng tôi khảo sát tại 3 cơ sở giáo dục đại học: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Đại học Nông Lâm Huế.

- Phoịơng pháp phỏng vấn: Tùy từng đối toịợng chúng tôi xây dựng mẫu câu hỏi phỏng vấn theo một choịơng trình cho phù hợp: Chúng tôi tiến hành phỏng vấn 01 cán bộ ngành nông nghiệp là chủ của một trang trại sản xuất ở địa phoịơng và phỏng vấn 1 nhóm sinh viên.
- Phoịơng pháp thực nghiệm soị phạm: Là phoịơng pháp thu thập thông tin về sự thay đổi về số loịợng và chất loịợng trong nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.
- Phoịơng pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm giáo dục để tìm hiểu về bản chất, nguyên nhân của thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học có ngành nông nghiệp.
- Phoịơng pháp lấy ý kiến chuyên gia: Nhằm thu thập thông tin khoa học, nhận định, đánh giá về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học bằng cách sử dụng trí tuệ của đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục có trình độ cao.

7.2.3. Phoịơng pháp xử lý thông tin

- Sử dụng phần mền SPSS để xử lí thông tin định tính và xử lí thông tin định loịợng

- Sơ đồ hóa các bảng số liệu khi so sánh, đối chiếu.

8. Những luận điểm cần bảo vệ

- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp chuyên ngành nông học cần phải có một nội dung các chuẩn mực nghề nghiệp rõ ràng phù hợp với đặc troịng của ngành nông học và phù hợp với yêu cầu của xã hội.
- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nghành nông nghiệp cần tính đến sự ảnh hoịởng của các yếu tố tới hiệu quả của hoạt động giáo dục. Qua đó để lựa

chọn mục tiêu, nội dung, phoƚơng pháp, hình thức tổ chức và cách thức đánh giá sao cho phù hợp.

- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là một công việc đòi hỏi phải thực hiện linh hoạt các hoạt động thông qua các con đoƚờng giáo dục chủ đạo đó là: thông qua hoạt động dạy các môn học trên lớp; thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp; thông qua thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất. Đồng thời cần có sự thống nhất, đồng bộ trong sự phối hợp giữa các lực loƚợng giáo dục trong nhà troƚờng và ngoài xã hội.

9. Đóng góp mới của luận án

- Về mặt lí luận:

+ Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lí luận cơ bản về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp thuộc lĩnh vực Nông nghiệp.

+ Xây dựng đoƚợc nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp (chuyên ngành Nông học - khoa học cây trồng) với các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đặc troƚng ngành Nông học và phù hợp với yêu cầu xã hội.

+ Phân tích đoƚợc ảnh hoƚởng của các yếu tố đến hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học.

- Về mặt thực tiễn:

+ Khảo sát, phân tích, đánh giá đoƚợc thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp - nguyên là cựu sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học. Đây là cơ sở để đối chiếu với kết quả hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

+ Khảo sát, phân tích, đánh giá đoƚợc thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nghành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

+Thông qua kết quả nghiên cứu thực tế, đề tài đã chỉ ra đoƚợc thực trạng trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Từ đó thiết kế các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các con đoƚờng giáo dục: Thông qua giảng dạy các môn học trên lớp; Thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp; Thông qua hoạt động thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất.

+ Tổ chức thực nghiệm sơ phạm và đã khẳng định đơợc sự thay đổi về tổ chức biện pháp giáo dục đạo nghề nghiệp sẽ làm tăng hiệu quả nhận thức, thái độ, và hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

10. Bố cục của luận án

Luận án gồm các phần sau:

Phần mở đầu

Phần nội dung: gồm 4 chơơng

Chơơng 1: Cơ sở lí luận của đề tài

Chơơng 2: Thực trạng Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Chơơng 3: Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

Chơơng 4: Thực nghiệm sơ
phạm. Phần kết luận và khuyến
nghị Danh mục và tài liệu tham
khảo Phụ lục

Chơng 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp là một khái niệm nhạy cảm đối với bất cứ ngành nghề nào trong xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ suy thoái. Theo một khảo sát đợc thực hiện bởi tổ chức ACFE (Association of Certified Fraud Examiners), suy thoái kinh tế đã gián tiếp làm gia tăng hành vi sai phạm, lừa đảo và gian lận trong nội bộ doanh nghiệp, làm ảnh hợởng đến tình hình sản xuất của các cơ sở sản xuất, ảnh hợởng đến ngợời tiêu dùng, ảnh hợởng trầm trọng đến môi trợờng. Tuy nhiên, để có thể thành công và phát triển trong môi trợờng hiện nay, đạo đức nghề nghiệp lại chính là "tài sản vô hình quý giá nhất của ngợời hành nghề", theo bà Trịnh Hồng Nguyệt - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thợ ký Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp và giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Một số phạm trù về đạo đức hay chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đã đợc trở thành nội dung chính mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thợờng nhắc đến khi Ngợời gặp và làm việc với các bộ phận ban ngành từ Trung ợơng đến địa phợơng, từ ngợời công nhân đến ngợời lãnh đạo, từ ngợời thầy giáo đến những chiến sỹ công an, ngợời thầy thuốc...Đạo đức nghề nghiệp là cái gốc của cách mạng nhợng phải nhận thức đức và tài có mối quan hệ mật thiết với nhau. Có đức phải có tài nếu không sẽ không mang lại lợi ích gì cho dân. [30]

Trần Hữu Quang (2014) trong bài "Luận về đạo đức nghề nghiệp", tác giả đã chỉ ra nền tảng của đạo đức nghề nghiệp xuất phát từ hai nền tảng đó là ý nghĩa lao động của nghề nghiệp và ý nghĩa của hành vi đạo đức. Đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực quy định thái độ chủ quan của ngợời lao động trong một ngành nghề nào đó đối với công việc và sản phẩm của mình khi hành nghề. Tác giả cho rằng: "Thực chất của đạo đức nghề nghiệp là đạo đức nghĩa vụ theo học thuyết đạo đức của Kant, trong đó nhấn mạnh đến động cơ chủ quan và lợơng tâm của ngợời lao động, sự tôn trọng các qui tắc của nghề nghiệp".[37]

Tác giả Đặng Vũ Tuấn Sơn (2015), trong nghiên cứu "Có say mê mới có đạo đức nghề nghiệp" đã phân tích thực trạng về sự phát triển của xã hội dẫn đến số lọợng nghề nghiệp cũng ngày càng trở nên phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây những hiện tọợng làm trái với đạo đức nghề nghiệp ngày càng diễn ra nhiều và nghiêm trọng ở các ngành nghề khác nhau: trong y học, giáo dục, kinh doanh, sản xuất..v.v. Mặc dù giáo dục nghề nghiệp có đọợc giáo dục, tuyên truyền dọới nhiều các hình thức khác nhau sự suy thoái vẫn diễn ra đến mức báo động trong xã hội. Yếu tố để đạo đức nghề nghiệp đọợc ổn định và bền vững trong ngọời lao động là gì? Theo tác giả đó chính là sự say mê nghề nghiệp của mỗi con ngọời - "sức mạnh của đạo đức nghề nghiệp chính là nằm ở chỗ đó". Vì vậy, muốn có đạo đức nghề nghiệp thì giáo dục và đào tạo cần mang lại niềm hứng thú, lòng yêu nghề và cao nhất là sự say mê nghề cho ngọời đọợc đào tạo nghề đó.[39]

Thích Giác Toàn (2012) trong bài viết "Phật giáo và đạo đức nghề nghiệp" cho rằng: khi nói về đạo đức nghề nghiệp thực chất là nói đến những phẩm chất của ngọời hành nghề. Đó là phẩm chất chân thực, tích cực, khéo léo, thành thạo công việc, không gian dối, không tham lam, làm ra những sản phẩm có ích cho xã hội. Đạo đức nghề nghiệp có căn bản là đạo đức nói chung, dựa trên đạo đức nói chung nhọợng tùy theo từng nghề, theo pháp luật của từng quốc gia, theo hoàn cảnh sinh hoạt mà có những điều khoản khác nhau. Nội dung về đạo đức nghề nghệp trong đạo Phật đọợc thể hiện ở chi phần thứ năm, tiếp theo là chánh nghiệp, đó là chánh mạng - nghĩa là làm các nghề chân chính. Nghề chân chính là ngọời hành nghề phải mang lại lợi ích cho mình và cho đa số ngọời trong xã hội. Trong chánh mạng đã nêu lên mối lọợu tâm của đức Phật vào nghề nghiệp. Phẩm chất của ngọời hành nghề đó là: chánh kiến (thấy đúng, hiểu lý sự việc); chánh tọợ duy (suy nghĩ đúng); chánh ngữ (lời nói nhu hòa, chân thật không dối trá); chánh tinh tấn (siêng năng, nỗ lực tiến bộ); chánh niệm (luôn tỉnh giác); chánh định (ổn định tâm thức).[43]

Nguyễn Huy Phòng (2013), đã nghiên cứu về "đạo đức nghề nghiệp trong kinh tế thị tọờng và hội nhập quốc tế" đọợa ra những đánh giá về thực trạng đạo đức nghề nghiệp trong tất cả các ngành nghề của cán bộ công chức, viên chức lao động. Tác giả khẳng định là đa số cán bộ công chức, viên chức đều tuân thủ đúng qui tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, giữ gìn đọợc thuần phong mĩ tục, có đủ phẩm chất

cần cù, chịu khó, nhân ái, khoan dung. Đạo đức nghề nghiệp và những giải pháp khắc phục tình trạng suy thoái đạo đức nghề nghiệp mà tác giả đơa ra mang tính khái quát, chung chung chứ không mang tính đặc trơng của từng ngành nghề.[36].

Trong "Bộ qui tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp" của Hoa Kỳ(2012) đã đơa ra những nguyên tắc cơ bản và những tiêu chuẩn đạo đức cao chi phối. Bộ qui tắc đã nói lên sứ mệnh và những giá trị cốt lõi là: Duy trì những tiêu chuẩn đạo đức cao nhất và thực hiện tất cả những gì mà chúng ta làm với sự chính trực; tiếp tục tập trung cao độ vào việc làm hài hòa các kết quả kinh doanh và sự hài lòng cũng nhơ thành công của cổ đông; bảo vệ sức khỏe, sự an toàn và phẩm giá của nhân viên và quản lý nơi làm việc của chúng ta với tinh thần, trách nhiệm và sự tôn trọng; tuân thủ luật và các qui luật có liên quan đến việc kinh doanh cả về mặt nội dung và tinh thần.[67]

Tác giả J.Patric Dobel(1990), trong nghiên cứu "Integrity in the pulic service" (Liêm chính trong các dịch vụ công cộng) có thảo luận những cam kết với bộ phận phụ trách chế độ đó là có tinh thần trách nhiệm cá nhân cao, có tính thận trọng, chu đáo lấy đó là nguồn đạo đức để hành động khôn ngoan.[72]

Tác giả Blatz C. V (1991), trong nghiên cứu *Ethics and agriculture: an anthlogy on current issues world context* đã khẳng định: Đạo đức nghề nghiệp là một yêu cầu không thể thiếu của bất cứ loại hình công việc nào. Mỗi loại nghề đòi hỏi ngơời tham gia nghề đó cần phải hội đủ các thành tố: tri thức, thái độ, kĩ năng. Do đó mỗi nghề nghiệp thơờng có những chuẩn mực đạo đức riêng biệt. Tác giả đã bàn sâu về ý thức, thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của ngơời làm mỗi nghề.[64] Jonh Hardwig (1991), trong nghiên cứu "Vấn đề đạo đức chuyên môn" (Toward an ethics of expertise) đã đơa ra những đánh giá cụ thể trong đạo đức chuyên môn rồi từ đó nêu lên những qui tắc chung trong đạo đức chuyên môn. Theo tác giả, đạo đức chuyên môn cũng sẽ đơa ra những đặc điểm chung cho vấn đề đạo đức trong nhiều ngành nghề khác nhau và sự khác nhau về vấn đề đạo đức ở những ngành nghề khác nhau có thể liên quan phần nào đến sự khác nhau giữa các chuyên môn. Ông đã đơa ra 5 nguyên tắc đạo đức cho những ngơời có chuyên môn (đơợc gọi là chuyên gia) và những nguyên tắc đạo đức này có vai trò định hơớng hành vi cho những ngơời làm chuyên môn. John Harwig đã nhấn mạnh: "Đạo đức chuyên môn cũng cần phải bao gồm yếu tố tử tế (yếu tố nhân đức) trong đó. Nó phải trung

thành với lợi ích của những ngoịời không chuyên, và phục vụ cho những ngoịời không chuyên. Ít nhất, nó cần đem lại sự công bằng cho những lợi ích không đoịợc bảo vệ của ngoịời không chuyên."[74]

Joshua joseph (2000) trong cuốn "Đạo đức nơi làm việc" đã nêu các choịơng trình đạo đức ngày càng trở nên phổ biến trong các tổ chức của Mỹ. Các choịơng trình đạo đức ở các tổ chức, các cơ quan đều ảnh hoịởng đến cách thức con ngoịời suy nghĩ và giải quyết vấn đề đạo đức phát sinh trong công việc, nó giúp cho ngoịời làm việc hành động đúng và thành công. Vì vậy, các tổ chức cần phải xây dựng bộ tiêu chuẩn đạo đức để hoịớng dẫn cho nhân viên trong việc thực hiện các hành vi tại nơi làm việc và trong công việc. Những tiêu chuẩn này, một phần dựa trên các giá trị cốt lõi nhoị trung thực, tôn trọng và tin toịởng, nhoịng cũng có thể dựa trên sự quan sát và học hỏi từ hành động của ngoịời khác.[77]

Daniel E.Wueste (1998) trong cuốn "Professional ethics and social responsibility" (Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội) - cũng đã phân tích và chỉ ra đạo đức nghề nghiệp khác với đạo đức xã hội hay đạo đức trong các tổ chức cơ quan ở chỗ nó có phạm vi hẹp hơn. Phạm vi của đạo đức nghề nghiệp nhỏ hơn phạm vi của tiêu chuẩn áp dụng cho tổ chức cơ quan ở mức độ nào đó và có thể nhỏ hơn đạo đức xã hội. Đạo đức nghề nghiệp và thể chế mà nó chi phối cũng thuộc phạm vi của đạo đức phi thể chế (nghĩa là đạo đức cơ bản hay đạo đức theo ý nghĩa đơn giản, dễ hiểu) và chịu sự đánh giá về mặt đạo đức.[68]

Trong qui định về đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội Tham vấn Tâm lý Hoa Kì ASCA (ASCA code of ethics) đã nêu những nội dung cụ thể về đạo đức nghề nghiệp của Hội:

+ Giúp Hiệp hội (ASCA) làm sáng tỏ bản chất những trách nhiệm đạo đức chung nhất phải giữ đối với những hội viên hiện tại, toịơng lai và cho những ngoịời hoịởng thụ dịch vụ của các hội viên này.

+ Giúp duy trì sứ mệnh của hiệp hội.

+ Chính thức hóa những nguyên tắc dùng để xác định những hành vi đạo đức và việc hành nghề một cách tốt nhất của những hội viên.

+ Cung cấp sự hoịớng dẫn về đạo đức để hỗ trợ những hội viên trong việc xây dựng một tiến trình hành động chuyên nghiệp với mục đích phục vụ tốt nhất cho

những ngơi sử dụng dịch vụ tham vấn và nâng lên mức cao nhất những giá trị của nghề tham vấn tâm lý.

+ Làm căn bản cho việc khiếu kiện và hơớng dẫn để phản đối những hội viên của hiệp hội trong những vấn đề đạo đức.[69]

1.1.2. Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp

Tác giả Đào Xuân Thảng (2012), trong "Nghiên cứu khoa học phải đáp ứng yêu cầu thực tiễn", Tạp chí Khoa học quản lý, 1/2012 đã nhấn mạnh: Khoa học Nông nghiệp luôn đòi hỏi ngơời hành nghề phải tự học hỏi, trau dồi năng lực chuyên môn, say mê với nghề, gắn bó với nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nhơ vậy, phẩm chất rất quan trọng đối với những ngơời tham gia lĩnh vực nông nghiệp dù là nhà khoa học, nhà sản xuất hay nhà kinh doanh sản phẩm nông nghiệp thì cần có niềm say mê hay nói cách khác phải có tâm huyết với nghề, với công việc.[50]

Khuất Thu Hồng (1989), trong "Một số đặc điểm tâm lý xã hội của nông dân đối với sự phát triển ngành nghề ở một vùng nông thôn" đã phân tích và chỉ ra đơợc những hạn chế về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nhơ tơ duy trì trệ, dễ thỏa mãn, bằng lòng với những cái hiện có, ngại thay đổi tập quán, thói quen, do đó ngơời nông dân thiếu đi sự mạnh dạn, năng động trong sản xuất. Đây chính là trở ngại cho việc mở rộng các ngành nghề mới ở nông thôn.[17]

Tác giả Ngọc Lan(2004), trong bài "Tâm lý của ngơời nông dân Việt Nam: Một số vấn đề cần lơu ý trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực" đã chỉ ra những đặc trơng trong tâm lý của ngơời nông dân Việt Nam nhơ yêu quê hơơng đất nơớc, gắn bó với cộng đồng, chịu thơơng chịu khó..v.v, nhơng đồng thời cũng có những hạn chế nhơ tơ duy manh mún, tản mạn, có bộ phận nông dân lơời biếng, bảo thủ, thụ động trong sản xuất nên luôn phụ thuộc vào thiên nhiên. Những đặc trơng này đã ảnh hơởng rất nhiều đến việc đào tạo nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu của tác giả Ngọc Lan phần nào đã cung cấp những thông tin cần thiết cho những nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Bởi sinh viên đang theo học các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp hầu hết là xuất thân từ nông dân, vì vậy, các em cũng mang những đặc trơng tâm lý của ngơời nông dân Việt Nam. Nắm bắt đơợc những đặc trơng tâm lý sẽ là cơ sở cho việc đề ra những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên một cách hợp lí, hiệu quả hơn.[27]

Tác giả Joseph R. Herkert (1991) cho rằng: Ngành nông nghiệp có đối tọợng đối tọợng là thiên nhiên (thực vật và động vật). Do đó, ngọời làm trong lĩnh vực này cần phải tuân theo những qui tắc đạo đức nghề nghiệp nhọ là:

+ Tôn trọng sự đa dạng của tự nhiên

+ Có trách nhiệm bảo tồn sự đa dạng của tự nhiên

+ Sự phát triển ngành nghề phải dựa trên lí tọởng đạo đức là công lý và sự công bằng.[76]

Marter J. Chrispeels, (2003) thảo luận về một nghiên cứu của Hà Lan trong tọơng lai thực hành "xã hội mong muốn" trong chăn nuôi mà có thể phù hợp với thực tiễn phát triển bền vững và sẽ kết hợp các mục tiêu dài hạn sau đây:

+ Minh bạch trong các dây chuyền sản xuất;

+ Giảm tác động môi trọờng do một yếu tố;

+ Tăng phúc lợi động vật và an toàn thực phẩm;

+ Sản xuất thực phẩm có giá trị gia tăng;

+ Thức ăn gia súc và chăn nuôi sản phẩm mới;

+ Hệ thống chăn nuôi để giữ động vật

Có thực hiện những qui định này mới tạo ra một thế giới bền vững mà cung cấp một cuộc sống lành mạnh an toàn cho cộng đồng.[81]

Penelope L. Diebel (2008), Ethics and agriculture teaching perspective, Cho rằng các kỹ sọ duy trì và thúc đẩy sự toàn vẹn, danh dự và nhân phẩm của nghề kỹ thuật bằng cách:

1. Các kỹ sọ phải giữ trọng sự an toàn, sức khỏe và phúc lợi của công chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của họ.

2. Kỹ sọ thực hiện dịch vụ duy nhất trong khu vực thẩm quyền của mình.

3. Các kỹ sọ phải ra tuyên bố công khai chỉ một cách khách quan và trung thực.

4. Các kỹ sọ sẽ hành động trong các vấn đề chuyên môn cho mỗi nhà tuyển dụng hoặc khách hàng là các đại lý trung thành hay ngọời đọợc ủy thác, và phải tránh xung đột lợi ích.

5. Các kỹ sọ phải xây dựng uy tín nghề nghiệp của họ về công đức của các dịch vụ của họ và sẽ không cạnh tranh không công bằng với những ngọời khác.

6. Các kỹ sọ sẽ hành động một cách nhọ vậy để duy trì và nâng cao danh dự, liêm chính, và nhân phẩm của nghề nghiệp.

7. Các kỹ sọ sẽ tiếp tục phát triển chuyên môn của họ trong suốt sự nghiệp của họ và phải tạo cơ hội cho sự phát triển chuyên môn của các kỹ sọ khác dọ́i sự giám sát của họ.[84]

Hai tác giả Paul Lasley và Arne Hallam đã nghiên cứu "Đạo đức ứng dụng trong Nông nghiệp" (2003). Xuất phát từ cuộc thăm do ý kiến về cuộc sống nông thôn và các trang trại, hai nhà nghiên cứu đã giải thích nguyên nhân các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp bị suy đồi. Đó là: Áp lực rất cao vì phải tạo ra lợi nhuận; có nhiều sự cạnh tranh không lành mạnh; nông dân trẻ tuổi ít xem trọng giá trị của hợp tác xã; thời buổi kinh tế khó khăn đối với nhà nông cũng góp phần làm xói mòn các tiêu chuẩn đạo đức. Vì vậy, những phẩm chất cần có trong nhân cách của ngọ́i nông dân:

+Tính đáng tin cậy

+ Tôn trọng

+ Trách nhiệm

+ Công bằng

+ Chu đáo

+ Tọ́ cách công dân

Hai tác giả cũng đọ́a ra những họ́ớng dẫn cụ thể để thực hiện những hành động đạo đức nghề nghiệp, đó là:

+ Tuân thủ theo qui tắc vàng "Bạn hành xử theo cách bạn mong đợi những gì ngọ́ời khác hành xử với mình"

+ Đối với đạo đức nghề nghiệp "Bạn chỉ thực hiện những hành động đọ́ợc xem là thích hợp theo bản qui chiếu khách quan của các đồng nghiệp"

Các tác giả cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có một bộ qui tắc đạo đức trong nông nghiệp.[61]

1.1.3. Nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục Đại học

Stanislas J. Durdon (1980), "Professional ethics in the classroom" tác giả đã mô tả lại việc giảng dạy đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp tại Cal Poly san unis Obispo. Ông lựa chọn chủ đề và các dự án lớp học nhằm mục đích: nâng cao nhận thức của công chúng về các nhu cầu hợp pháp của nông nghiệp. Đồng thời tác giả cũng đọ́a ra mô hình đạo đức nghề nghiệp trong nông nghiệp dựa trên những nguyên tắc cơ bản nhọ́ nguyên tắc vàng.[86]

Hai tác giả J Peter Clark và Chritopher Riston (2011) với cuốn "Practical ethics for food professionals: ethics in research, education and the workplace" đã cung cấp cách hoịớng dẫn thiết thực các vấn đề đạo đức cho những ngoịời làm việc trong sản xuất thực phẩm nói riêng và sản xuất nông sản nói chung. Trong đó, các tác giả đã trình bày cụ thể những nguyên tắc cơ bản trong toị duy đạo đức nghề nghiệp. Việc tuân thủ hành vi đạo đức nghề nghiệp sẽ đem lại lợi ích cho cả ngoịời sản xuất và ngoịời tiêu dùng. [74]

Sự tồn tại và phát triển của mỗi một ngành nghề đều có những yêu cầu riêng của nó và trong đó yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp là không thể thiếu đoịợc. Các công trình nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp nói chung và đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp nói riêng đã chứng minh rất rõ điều này. Các nghiên cứu đã nêu trên cũng chỉ ra rất rõ những tiêu chuẩn, những qui định về đạo đức nghề nghiệp của mỗi ngành nghề. Và trong ngành nông nghiệp các nhà nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp cũng đã nêu ra đoịợc những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của ngoịời hành nghề nông nghiệp. Những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đó phải đoịợc cụ thể hóa trong nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp của ngoịời hành nghề chứ không phải là chỉ nằm trong bộ qui tắc hành nghề của một lĩnh vực, một công ty hay một nơi làm việc nào đó. Ở Việt Nam những tiêu chuẩn đạo đức này vẫn choịa có những qui định cụ thể và cũng choịa có nghiên cứu nào đề cập một cách chi tiết về đạo đức nghề nghiệp cho ngoịời làm trong ngành nông nghiệp nói chung và sinh viên ngành nông nghiệp nói riêng cần phải có những biểu hiện nhoị thế nào trong nhận thức, thái độ và hành vi khi họ hành nghề để có đoịợc đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của xã hội và theo đặc troịng của ngành nghề sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Nhoị vậy, choịa có một công trình nào nghiên cứu có hệ thống về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp. Đây là một khiếm khuyết lớn đã ảnh hoịởng không nhỏ đến nhân cách của ngoịời cán bộ ngành nông nghiệp và phần nào nó cũng đã làm cho sản xuất nông nghiệp của noịớc ta choịa thực sự phát triển đoịợc mạnh nhoị tiềm năng vốn có của ngành này.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Đạo đức

Thời Hi lạp cổ đại: Danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng La tinh là mos (moris) - lề thói, (moralis nghĩa là có liên quan đến lề thói, đạo nghĩa). Còn "luân lí" thoịờng xem

nhơ đồng nghĩa với "đạo đức" thì gốc ở chữ Hy Lạp là Êthicos nghĩa là lề thói; tập tục. Hai danh từ đó chứng tỏ rằng, khi ta nói đến đạo đức, tức là nói đến những lề thói tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa ngơời và ngơời trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày. Sau này ngơời ta thơờng phân biệt hai khái niệm, moral là đạo đức, còn Ethicos là đạo đức học.

Ở phơơng đông, các học thuyết về đạo đức của ngơời Trung Quốc cổ đại bắt nguồn từ cách hiểu về đạo và đức của họ. Đạo là một trong những phạm trù quan trọng nhất của triết học trung Quốc cổ đại. Đạo có nghĩa là con đơờng, đơờng đi, về sau khái niệm đạo đơợc vận dụng trong triết học để chỉ con đơờng của tự nhiên. Đạo còn có nghĩa là cách sống của con ngơời trong xã hội.

Khái niệm đạo đức đầu tiên xuất hiện trong kinh văn đời nhà Chu và từ đó trở đi nó đơợc ngơời Trung Quốc cổ đại sử dụng nhiều. Đức dùng để nói đến nhân đức, đức tính và nhìn chung đức là biểu hiện của đạo, là đạo nghĩa, là nguyên tắc luân lý. Nhơ vậy, có thể nói đạo đức của ngơời Trung Quốc cổ đại chính là những yêu cầu, những nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà mỗi ngơời phải tuân theo.

Ở Việt Nam một số tác giả định nghĩa về đạo đức nhơ sau: "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, bao gồm một hệ thống các quan điểm, những qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội" [23].

Chủ tịch Hồ Chí Minh xem đạo đức là một thứ nguyên lí, là một qui luật khách quan của xã hội. Nguyên lí đó bao gồm cả mặt tồn tại và ý thức. Ngơời viết rằng: "Đạo đức là nguyên lí phải theo trong quan hệ ngơời với ngơời, giữa cá nhân với tập thể, tùy theo yêu cầu của chế độ kinh tế và chính trị nhất định"[29]

Hay "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong mối quan hệ của con ngơời với con ngơời" [58].

Theo giáo trình Đạo đức học của Học viện Chính trị quốc gia, xuất bản năm 2000 thì: "Đạo đức là hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con ngơời trong quan hệ với nhau, với xã hội, với tự nhiên trong hiện tại hoặc quá khứ cũng nhơ tơơng lai, đơợc thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dơ luận xã hội" [31].

Theo Nguyễn Khắc Viện: "Đạo đức bao gồm những chuẩn mực hành vi đạo đức của con ngơời hơớng thiện, tránh hơớng ác. Mỗi một xã hội, mỗi một nhóm xã

hội, mỗi cá nhân có thể lý giải cái thiện (đạo đức) cái ác (vô đạo đức) theo những cách khác nhau, tùy thuộc vào quan niệm sống và lợi ích của mình." [58]

Tác giả Đặng Thành Hưng thì lại có một cái nhìn khác khi bàn về đạo đức: "Bản chất của đạo đức chính là giá trị. Đúng như khái niệm giá trị, đạo đức bao hàm mặt khách quan và mặt chuẩn mực (chủ quan). Phải có hiện tượng đạo đức trong xã hội rồi mới có thể nghĩ ra chuẩn mực cho nó. Và quá trình áp dụng, tuân thủ những chuẩn mực này sẽ thúc đẩy đạo đức phát triển hơn. Đến một lúc nào đó, do sự phát triển của đạo đức mà các chuẩn mực lại phải thay đổi, tức là ra đời những chuẩn mực mới." Từ đó tác giả định nghĩa về đạo đức như sau: "Đạo đức là hệ giá trị được xã hội hoặc cộng đồng nhất định thừa nhận và được qui định thành chuẩn mực chung, có chức năng và tác dụng thực tế điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội có liên quan đến việc xử lí những phạm trù Thiện và ác, tốt và xấu giữa con người và con người, giữa con người và tự nhiên, giữa cộng đồng và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân, tồn tại và phát triển ở đời sống xã hội và đời sống cá nhân dưới ảnh hưởng lịch sử của truyền thống và thành tựu kinh tế - xã hội mới mẻ trong phát triển của cộng đồng đó" [23].

Tuy có nhiều cách định nghĩa khác nhau, nhưng có thể khái quát chung về đạo đức như sau: *Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình vì lợi ích xã hội, hạnh phúc giữa con người trong mối quan hệ giữa con người và con người, giữa cá nhân và tập thể hay toàn xã hội, và trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, môi trường sống xung quanh. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.*

1.2.2. Giáo dục đạo đức

Theo Macarenko: "Giáo dục đạo đức có nghĩa là rèn luyện những phẩm chất tốt cho học sinh(tính trung thực, tính thật thà, thái độ tận tâm, tình thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, lòng yêu thích học tập, thái độ XHCN đối với người lao động, chủ nghĩa yêu nước) và trên cơ sở đó uốn nắn những sai sót của chúng"[6]. Đây là một khái niệm rất cụ thể, dễ hiểu song chưa mang tính khái quát cao.

Giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch đến học sinh nhằm cho nhân cách mỗi học sinh được phát triển đúng đắn, giúp cho học

sinh có những hành vi ứng xử đúng mực trong các mối quan hệ của cá nhân với xã hội, cá nhân với mọi ngơời xung quanh và với chính bản thân mình.

Về bản chất, giáo dục đạo đức là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài xã hội đối với cá nhân, thành những đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của ngơời đơợc giáo dục trong nhà trơờng. Bản chất của giáo dục đạo đức chính là ở chỗ nhà giáo dục khơi dậy trong học sinh của mình sự khát khao vơơn tới lý tơởng, vơơn tới những gì cần phải đạt đơợc.

Quá trình giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục nhằm biến những yêu cầu, chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội thành những phẩm chất, giá trị đạo đức của cá nhân.

Giáo dục đạo đức từ xơa đến nay không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển cá nhân của mỗi con ngơời mà còn có ý nghĩa to lớn đối với gia đình, nhà trơờng, và toàn xã hội.

Trơớc hết, giáo dục đạo đức góp phần gìn giữ kỉ cơơng ổn định lâu dài của xã hội, đồng thời thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Mặt khác, xã hội ổn định là tiền đề, là cơ sở để đạo đức xã hội phát triển. Muốn vậy, giáo dục đạo đức phải là một nhiệm vụ quan trọng trong các nhà trơờng cũng nhơ trong toàn xã hội. Muốn học đơợc đạo đức không phải chỉ thông qua những bài giảng lý thuyết về luân lí, về chuẩn mực hay nhơng qui tắc mà ngơời học phải đơợc học qua những hành động thực tiễn trong cuộc sống cá nhân, cuộc sống với cộng đồng, trong các mối quan hệ xã hội trong mối quan hệ nghề nghiệp, mối quan hệ với môi trơờng và mối quan hệ với chính mình. Giáo dục đạo đức quan trọng nhất là phải giúp ngơời học hình thành tính tự giác, ý chí bền bỉ, bản lĩnh tự giáo dục vào niềm tin vào cái thiện, cái tốt. Nhơ vậy, giáo dục đạo đức phải tác động vào đủ cả 3 mặt của ý thức con ngơời đó là mặt nhận thức (là hiểu đơợc các chuẩn mực, các qui tắc..), có thái độ lựa chọn đúng đắn, phù hợp và quan trọng là phải hình thành đơợc hành vi đạo đức đúng trong các mối quan hệ xã hội. Hành vi đạo đức không phải một sớm một chiều ngơời học có đơợc ngay mà nó cần có thời gian, có tình huống để ngơời học trải nghiệm và đơợc sự cổ vũ, sự đồng tình, khích lệ của những ngơời xung quanh, của cộng đồng, của xã hội để cá nhân hiểu đơợc giá trị tốt đẹp của hành vi phù hợp.

Đối với các trợờng Đại học, giáo dục đạo đức có vai trò định hợớng cho các nội dung giáo dục khác. Thông qua việc rèn luyện, hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho sinh viên các trợờng sẽ nâng cao hiệu quả công tác giáo dục và dạy học. Giáo dục đạo đức còn đợợc cụ thể hóa và gắn liền với đặc trợng từng ngành nghề - đó chính là giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Chúng tôi đồng ý với khái niệm: "Giáo dục đạo đức là hoạt động của nhà giáo dục dựa theo yêu cầu xã hội, tác động có hệ thống lên ngợời đợợc giáo dục một cách có mục đích và có kế hoạch để bồi dợỡng những phẩm chất đạo đức mà nhà giáo dục kỳ vọng, chuyển hóa những quan điểm, yêu cầu và ý thức xã hội có liên quan thành phẩm chất đạo đức, giá trị đạo đức của mỗi cá nhân".

1.2.3. Nghề nghiệp

Theo Wikipedia thì nghề nghiệp chính là công việc trong một lĩnh vực nào đó mà con ngợời khi tham gia phải cố gắng làm tốt công việc của mình sao cho phù hợp với khả năng, trình độ, lòng đam mê. Nói đến nghề nghiệp là nói đến một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ đợợc đào tạo, con ngợời có đợợc những tri thức, những kĩ năng để làm ra sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Chuyên môn là một lĩnh vực lao động sản xuất hẹp mà ở đó con ngợời bằng năng lực thể chất và tinh thần của mình làm ra những giá trị vật chất (thực phẩm, lợơng thực, công cụ lao động ..v..v) hoặc giá trị tinh thần. Nghề nghiệp trong xã hội không phải là một cái gì cố định, cứng nhắc. Nó giống nhợ một cơ thể sống có sinh thành, phát triển và tiêu vong.

Ở Việt Nam trong những năm gần đây, do sự chuyển biến của nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trợờng, nên đã gây ra những biến đổi sâu sắc cơ cấu nghề nghiệp trong xã hội.

Theo tác giả Ngô Đình Giao thì nghề đợợc hiểu là "một tập hợp công việc có những đặc điểm chung về hoạt động cần thực hiện và về năng lực cần có để thực hiện các hoạt động đó"[12].

Chúng tôi đồng ý với khái niệm: "Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ đào tạo, con ngợời có đợợc những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng đợợc những nhu cầu của xã hội"

1.2.4. Đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội và bản thân nghề nghiệp đối với ngọời làm trong lĩnh vực nghề nghề nghiệp đó. Đạo đức nghề nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với năng lực nghề nghiệp. Đây là hai thành phần cấu thành nên nhân cách của ngọời lao động. Hai thành phần này kết hợp với nhau, biểu hiện thông qua nhau tạo nên nhân cách của cá nhân, giúp cho cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của mình đạt kết quả cao.

Tác giả Daryl Koel cho rằng: "Tiêu chuẩn đạo đức của mỗi nghề đều đọợc tầm quan trọng của các nghề qui định. Và sự khác biệt về vai trò của các nghề khác nhau đã tạo nên sự đa dạng về đạo đức nghề nghiệp"[70]

Theo Elliot D. Cohen, Micheal David (1994) thì đạo đức nghề nghiệp đọợc cụ thể hóa trong "Bộ qui tắc đạo đức trong công việc" là phọơng tiện để thể chế hóa các quan hệ xã hội và ấn định vai trò xã hội. Tức là sự kiểm soát về mặt đạo đức gắn liền với một vị trí hoặc vai trò nào đó và do đó gắn với một cá nhân đảm nhận vị trí và vai trò chứ không phải là chung chung. Đạo đức nghề nghiệp gắn liền với vai trò của cá nhân khi tham gia vào một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể nào đó.[72]

John Hardwig thì cho rằng cần phải có đạo đức chuyên môn. Đạo đức nghề nghiệp đọợc cụ thể hóa trong đạo đức chuyên môn.[77]

Nhọ vậy nhiều quan niệm của các tác giả nọớc ngoài đều nhìn nhận đạo đức nghề nghiệp không phải là những luân lí chung chung, giáo điều mà nó là sự cụ thể đọợc thể hiện trong các qui định, những nguyên tắc mà ngọời tham gia vào công việc trong lĩnh vực ngành nghề phải có đọợc để hành nghề. Ngoài đạo đức về mặt chuyên môn thì mỗi cá nhân còn phải tuân thủ những qui định của cơ quan hay nơi làm việc và những qui định này nếu phù hợp với những yêu cầu của xã hội thì nó cũng là một bộ phận của đạo đức nghề nghiệp.

Còn ở Việt Nam một số tác giả quan niệm về đạo đức nghề nghiệp là gắn với những nguyên tắc, chuẩn mực đọợc dọ luận xã hội thừa nhận và quy định những hành vi ứng xử trong mối quan hệ nghề nghiệp. Bản thân nó lại có những nét đặc thù riêng, phản ánh đầy đủ phẩm chất cần có của một ngành, một nghề cụ thể. Đó là những qui tắc, chuẩn mực của một nghề nghiệp hoặc một nhóm nghề nghiệp nào đó, nó qui định những hành vi ứng xử của những cá nhân khi hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó. Khi những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức đó không đọợc

thực hiện hoặc thực hiện không đúng nó sẽ ảnh hoởng đến chất luợng và hiệu quả trong hoạt động của chính hoạt động đó. Mỗi một lĩnh vực nghề nghiệp đều có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chung. Đạo đức nghề nghiệp cũng thể hiện mối quan hệ giữa con ngoời với con ngoời, giữa con ngoời với công việc và môi troờng làm việc.

Khó có đoợc một đạo đức nghề chung cho tất cả các loại ngành nghề trong xã hội bởi do đặc trong của mỗi nghề là khác nhau nên yêu cầu của xã hội đối với mỗi ngành nghề cũng khác nhau. Ta có thể thấy có những phẩm chất đạo đức cần cho ngành nghề này nhoợng với ngành nghề khác thì lại không cần. Hoặc có những phẩm chất thì ngành nghề nào cũng cần nhoợng ở mỗi một ngành nghề thì phẩm chất ấy lại bộc lộ với những biểu hiện khác nhau. Ví dụ nhoợ tính dũng cảm cần ở nhiều ngành nghề nhoợng trong báo chí thì dũng cảm là dám phản ánh đúng sự thật, đoơng đầu với những tiêu cực xã hội nhoợng dũng cảm trong ngành nghề lái xe lại là sự chấp nhận đoơng đầu với những khó khăn, nguy hiểm, sẵn sàng hi sinh để bảo về sự an toàn cho ngoời khác..v..v.

Đạo đức nghề nghiệp đoợc thể hiện ở những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trong của nghề nghiệp. Những quan điểm, những chuẩn mực hành vi đoợc qui định trong những phẩm chất, những giá trị đạo đức. Trong xã hội có bao nhiêu nghề thì có bấy nhiêu thứ đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp là đạo đức xã hội đoợc thể hiện một cách đặc thù, cụ thể trong các hoạt động nghề nghiệp. Với tính cách là một dạng của đạo đức xã hội, nó có quan hệ chặt chẽ với đạo đức cá nhân và thể hiện thông qua đạo đức cá nhân. Đồng thời, do liên quan với hoạt động nghề và gắn liền với một kiểu quan hệ sản xuất trong một giai đoạn lịch sử nhất định nên đạo đức nghề nghiệp cũng mang tính giai cấp, tính dân tộc.

Vì vậy, khi chúng tôi đoợa ra định nghĩa đạo đức nghề nghiệp cũng chỉ mang tính chất là cách hiểu khái quát, đại diện cho các ngành nghề, đó là:

Đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống phẩm chất, giá trị đạo đức xã hội nhưng phù hợp với đặc điểm của mỗi loại nghề, phản ánh bộ mặt nhân cách của người lao động. Nó thể hiện ở việc tuân thủ những qui định, những yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp, của xã hội đối với cá nhân tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp đó. Đạo đức nghề nghiệp trở thành động lực phát triển nhân cách, phát triển năng lực chung và

năng lực nghề nghiệp, làm tăng năng xuất và hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội của mỗi người.

1.2.5. Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp

Tác giả Joseph R. Herkert cho rằng: Ngành nông nghiệp có đối tợng đối tợng là thiên nhiên (thực vật và động vật). Do đó, ngợời làm trong lĩnh vực này cần phải tuân theo những qui tắc đạo đức nghề nghiệp nhợ là:

+ Tôn trọng sự đa dạng của tự nhiên

+ Có trách nhiệm bảo tồn sự đa dạng của tự nhiên

+ Sự phát triển ngành nghề phải dựa trên lí tợởng đạo đức là công lý và sự công bằng.[79]

Hai tác giả Paul Lasley và Arne Hallam đã nghiên cứu "Đạo đức ứng dụng trong Nông nghiệp" (2003) và khẳng định những phẩm chất cần có trong nhân cách của ngợời nông dân: Tính đáng tin cậy; Tôn trọng; trách nhiệm; Công bằng; chu đáo; Tợ cách công dân.[63]

Nhợ vậy, đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp có thể hiểu là *hệ thống những phẩm chất, những giá trị đạo đức phù hợp với đặc trưng của lĩnh vực Nông nghiệp và yêu cầu của xã hội, phản ánh bộ mặt nhân cách của người lao động trong ngành Nông nghiệp, là động lực phát triển năng lực nghề nghiệp của người lao động và làm tăng năng xuất lao động, uy tín của nghề Nông nghiệp trong xã hội.*

1.2.6. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Theo các tác giả Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt: "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là quá trình biến đổi hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài, bên trong của cá nhân niềm tin, nhu cầu, thói quen của ngợời đợợc giáo dục".[13]

Mỗi ngành nghề có những tiêu chuẩn, những qui định đặc trợng riêng. Ngay cả cùng ngành nghề nhợng ở các cơ quan, các công ty, các nơi làm việc khác nhau cũng có những qui định, chuẩn mực riêng mà đòi hỏi cá nhân tham gia vào ngành nghề đó phải có hoặc phải tuân thủ theo để đảm bảo hiệu quả công việc, đảm bảo uy tín của ngành nghề, của cơ quan, nơi làm việc đó.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cần phải tổ chức một cách có kế hoạch, có hệ thống, bài bản trong các trợờng chuyên nghiệp hay ở bất cứ cơ sở đào tạo nghề nào đó. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp phải đợợc lựa chọn kỹ lợỡng những chuẩn

mực, những yêu cầu đạo đức chung và đặc biệt phải chú trọng đến những chuẩn mực, yêu cầu đạo đức đặc trọng của ngành nghề.

Theo Jonh Hardwig thì giáo dục đạo đức nghề nghiệp chính là việc tổ chức hoạt động để hình thành ở những ngọời lao động tọơng lai, hiện tại những vấn đề thuộc về đạo đức chuyên môn nhọ là giáo dục họ về vị trí xã hội gắn liền với quyền và trách nhiệm của công việc, gắn với mối quan hệ giữa chuyên gia và đối tác.[77]

Đạo đức nghề nghiệp sẽ đọợc thể hiện thông qua hành vi nghề nghiệp và kết quả lao động. Do đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp là giáo dục đạo đức cho những ngọời làm việc trong một nghành nghề cụ thể để họ có đọợc những phẩm chất phù hợp với xã hội, với nghề nghiệp. Điều chỉnh hành vi của họ theo những qui tắc lĩnh vực nghề nghiệp mà họ sẽ tham gia.

Đạo đức nghề nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với năng lực nghề nghiệp, chúng kết hợp với nhau, biểu hiện thông qua nhau tạo nên nhân cách của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Vì vậy, khi tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp cần tiến hành 3 nhiệm vụ sau: thứ nhất là trang bị những tri thức cần thiết về nghề nghiệp; thứ hai là hình thành những kĩ năng, kỹ xảo mà nghề nghiệp đòi hỏi; thứ ba là giáo dục cho ngọời học những phẩm chất đạo đức đặc thù của nghề nghiệp mà xã hội yêu cầu.

Theo tác giả luận án thì giáo dục đạo đức nghề nghiệp là *một hệ thống các hoạt động, các giải pháp, biện pháp nhằm tác động vào nhận thức, thái độ, hành vi của người học nhằm hình thành những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp để khi hành nghề, mỗi cá nhân biết kết hợp hài hòa giữa năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.*

1.3. Lí luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

1.3.1. Đặc điểm ngành Nông nghiệp và những yêu cầu đạo đức đối với ngành Nông nghiệp

1.3.1.1. Đặc điểm ngành Nông nghiệp

Nông nghiệp nếu hiểu theo nghĩa hẹp chỉ có ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi, ngành dịch vụ. Còn nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng thì còn bao gồm cả ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp là những tác động của con ngoời lên các đối toợng tự nhiên (cây trồng, đất đai...) để tạo ra các sản phẩm (nông sản) nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. Những tác động đó nếu phù hợp với các quy luật khách quan sẽ thúc đẩy sự phát triển và tạo ra nhiều sản phẩm có ích cho con ngoời. Ngoợc lại, nếu những tác động trong nông nghiệp cũng nhoị các tác động khác của con ngoời trong các hoạt động sản xuất và đời sống không phù hợp với các quy luật khách quan của tự nhiên thì sẽ gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng. Nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất cho xã hội không thể thay thế đoợc. Nó cung cấp loơng thực, thực phẩm cho con ngoời. Đồng thời cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp, sản xuất nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ cho nền kinh tế của quốc gia. Ở Việt Nam hiện nay nông nghiệp vẫn là ngành thu hút nhiều nguồn lao động nhất. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng, đặc biết đối với sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng.

Ngành nông nghiệp có toị liệu sản xuất chủ yếu là đất và các yếu tố tự nhiên khác. Đối toợng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi. Trong sản xuất nông nghiệp phải có sự tôn trọng các qui luật tự nhiên, qui luật sinh học. Đối với nền kinh tế hiện đại thì nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.

Cùng với sự phát triển của xã hội loài ngoời, dân số trên trái đất ngày càng tăng, số loợng ngoời cần đoợc nuôi sống ngày càng nhiều. Nông nghiệp cần đoợc phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân loại. Nhiều thành tựu của khoa học và công nghệ đoợc áp dụng để tăng năng suất và sản loợng của cây trồng.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của sản xuất, hiểu biết của con ngoời ngày càng gia tăng. Nhiều tiến bộ khoa học và công nghệ đoợc sáng tạo ra và áp dụng vào sản xuất. Từ cuối thế kỷ thứ 18 của thiên niên kỷ thứ nhất, công nghiệp ở nhiều noớc trên thế giới phát triển mạnh mẽ với tốc độ nhanh. Nhiều máy móc, công cụ lao động cơ khí đoợc phát minh và sáng chế phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Công nghiệp hóa chất tạo ra nhiều loại phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng trong nông nghiệp. Năng loợng hóa thạch (xăng, dầu), năng loợng điện đoợc sử dụng trong nông nghiệp ngày càng nhiều.

Những thành tựu khoa học, những tiến bộ của công nghệ đoợc áp dụng trong thời gian này, đã tạo điều kiện để đẩy mạnh; quá trình thâm canh, tăng năng suất

trong nông nghiệp đợợc tạo ra ngày càng nhiều. Trong những năm đầu và giữa của thế kỷ 20, thiên niên kỷ thứ nhất ở nhiều nợớc phát triển trên thế giới đã diễn ra các quá trình cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa sản xuất nông nghiệp. Cùng với các quá trình này công cụ, máy móc, phân bón hóa học, thuốc hóa học bảo vệ thực vật, năng lợợng điện đợợc ồ ạt đợa vào cho nông nghiệp, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp.

Các thành tựu của khoa học và công nghệ tạo điều kiện cho con ngợời tác động mạnh mẽ lên thiên nhiên. Các tác động của con ngợời lên thiên nhiên đa dạng hơn, rộng lớn hơn, sâu sắc hơn và gây nên nhiều hậu quả to lớn và nghiêm trọng. Trợớc đây, trong thời kỳ con ngợời tiến hành sản xuất nông nghiệp dựa chủ yếu vào lao động chân tay, vào sức khỏe của cơ bắp và sức kéo của súc vật, những hậu quả gây ra cho thiên nhiên phần lớn đợợc khôi phục do những khả năng tự bù đắp của thiên nhiên. Vì vậy, con ngợời sống trong môi trợờng tợơng đối an toàn. Vào cuối thế kỷ XX, do những tác động mạnh mẽ và sâu sắc của con ngợời lên thiên nhiên, trong đó rất nhiều trợờng hợp hậu quả các tác động do con ngợời, vợợt quá sức chịu đựng, khả năng hồi phục của thiên nhiên, gây nên những đảo lộn, những huỷ hoại cho thiên nhiên ở những vùng rộng lớn.

*Đặc trợng của lĩnh vực của ngành trồng trọt trong nông nghiệp

Lĩnh vực Khoa học nông học hay khoa học trồng trọt trong nông nghiệp tại một số cơ sở giáo dục đại học bao gồm những chuyên ngành nhợ là: Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Chọn giống cây trồng, Khoa học cây dợợc liệu, Cử nhân Nông nghiệp, Rau hoa quả và cảnh quan. Chức năng của lĩnh vực này là làm công tác nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về cây trồng, chọn giống cây trồng và bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất trong nông nghiệp. sau khi tốt nghiệp ngợời học có kiến thức và kĩ năng về lựa chọn cây trồng, gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng và kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm trồng trọt có năng xuất, chất lợợng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao góp phần bảo vệ môi trợờng và phát triển nông nghiệp bền vững.

Ngành Khoa học cây trồng vẫn giữ vai trò quan trọng và ngày càng phát triển do sản xuất nông nghiệp hiện nay đòi hỏi phải có kinh nghiệm và kỹ thuật cao, đa số ngợời dân ở nông thôn gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh

đó, do tác động của biến đổi khí hậu ngày càng sâu sắc, đất canh tác bị thu hẹp dần và dịch bệnh ngày càng phát triển. Nơớc ta đang từng bơớc tiến tới một nền nông nghiệp an toàn, bền vững và thân thiện với môi trơờng. Do đó, cần nhiều lao động có trình độ trong lĩnh vực trồng trọt để có thể đơa nền nông nghiệp nơớc nhà lên một tầm cao mới.

Những nội dung mà sinh viên sẽ đơợc đào tạo khi học về lĩnh vực cây trồng nhơ: Nghiên cứu những thành phần hóa học của cơ thể sống (protein nucleic axit,

carbonhydrat, lipid, vitamin, enzym, hormon của động thực vật, quá trình trao đổi chất và năng lơợng sinh học.

Nghiên cứu về hình thái và giải phẫu thực vật (mô thực vật, cơ quan dinh dơỡng của thực vật, sinh sản của thực vật, phân loại thực vật, các phơơng pháp phân loại..vv)

Nghiên cứu về tính di truyền và biến dị các tính trạng của thực vật, điều hòa sự biểu hiện của gen đối với sinh trơởng và phát triển của cây.

Nghiên cứu về các phơơng pháp và kĩ thuật cải tiến và sản xuất giống cây trồng áp dụng các nguyên lí di truyền và các khoa học khác có liên quan, chọn và tọa ra giống cây trồng.

Nghiên cứu nhóm vi sinh vật chủ yếu, cơ chế hoạt động của chúng và những ứng dụng chính trong sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

Nghiên cứu việc sử dụng các loại phân bón cho cây để có thể kích thích sự phát triển của cây một cách an toàn đồng thời quản lí đơợc độ phì đất đai trong hệ thống canh tác.

Nghiên cứu các đặc điểm sinh học, sinh thái, qui trình kỹ thuật sản xuất và nguyên lí bảo quản chế biến các loại rau nhiệt đới, ôn đới, các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định hệ thống cây trồng, luân canh cây trồng, biện pháp tận dụng tốt nhất tài nguyên thiên nhiên (khí hậu, đất trồng, tài nguyên thực vật), nguyên lí và biện pháp làm đất phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

Nhơ vậy, khi sinh viên tham gia học tập ở lĩnh vực này sinh viên sẽ đơợc ngành học cung cấp những kiến thức về giống, kĩ thuật canh tác, đất phân bón và bảo vệ thực vật một cách khoa học và hiện đại, Qua đó sinh viên có thể áp dụng

những kiến thức này vào trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, an toàn và bền vững, có khả năng qui hoạch và phát triển ngành nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu, có khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan, quản lí sản xuất và kinh doanh.

Không như những ngành khác đòi hỏi người học phải có những năng khiếu, tố chất đặc thù mới có thể theo học, ngành Khoa học cây trồng chỉ đòi hỏi người học có tinh thần học tập tốt và yêu thích lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, mà cụ thể là trồng trọt. Chính sự yêu thích sẽ giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Về cơ hội nghề nghiệp, Khoa học cây trồng là một ngành tương đối rộng nên tùy vào sở thích và khả năng mà sinh viên sau khi tốt nghiệp làm ở lĩnh vực như: chuyên viên các cơ sở quản lý nông nghiệp, phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư; các trạm, trại liên quan đến trồng trọt; Làm nhân kinh doanh, kỹ thuật trong các Công ty phân bón - thuốc bảo vệ thực vật. Ngoài ra, người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các nông trường, trang trại trồng cây ăn trái, lúa giống, rau màu, các hợp tác xã và mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ nông nghiệp.

1.3.1.2. Đặc điểm sinh viên đang theo học các chuyên ngành trồng trọt trong nông nghiệp

* Đặc điểm tâm lý

Theo kết quả nghiên cứu của Triết học, Xã hội học và Tâm lý học, sinh viên trước hết mang đầy đủ những đặc điểm chung của con người, mà theo C.Mác là "tổng hoà của các quan hệ xã hội". Nhưng về cơ bản họ còn mang những đặc điểm riêng: Tuổi đời còn trẻ, thường từ 18 đến 25 dễ thay đổi, chưa định hình rõ rệt về nhân cách, ưa các hoạt động giao tiếp, có tri thức đang được đào tạo chuyên môn, họ là một nhóm xã hội đặc biệt, đang tiếp thu những kiến thức, kỹ năng chuyên môn ở các trường cao đẳng, đại học để chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

Sinh viên vì thế dễ tiếp thu cái mới, thích cái mới, thích sự tìm tòi và sáng tạo. Đây cũng là tầng lớp xưa nay vẫn khá nhạy cảm với các vấn đề chính trị - xã hội, đôi khi cực đoan nếu không được định hướng tốt.

Một đặc điểm rất đáng chú ý đang xuất hiện trong những ngoời trẻ hôm nay, liên quan đến sự phát triển của công nghệ thông tin với toị cách là một cuộc cách mạng, đó là sự hình thành một môi troờng ảo, hình thành một lối sống ảo. Đặc điểm này chỉ biểu hiện trong giới trẻ, đặc biệt những ngoời có tri thức nhoị SV. Hình thành một phoơng pháp toị duy của thời đại công nghệ thông tin: Ngôn ngữ ngắn gọn, viết bằng bàn phím thay vì cây bút, có tính lắp ghép chính xác, hệ thống, hạn chế sự bay bổng về mặt hình toợng trực quan. Con ngoời vì thế sống trong một môi troờng ảo, và cái hiện thực ở đây là cái hiện thực ảo, giao tiếp ảo. Về môi troờng sống, sinh viên thoờng theo học tập trung tại các troờng đại học và cao đẳng (thoờng ở các đô thị), sinh hoạt trong một cộng đồng (troờng, lớp) gồm chủ yếu là những thành viên toơng đối đồng nhất về tri thức, lứa tuổi, với những quan hệ có tính chất bạn bè khá gần gũi.

Đối với sinh viên noớc ta, một thực tế là trong số họ hiện nay đang diễn ra qúa trình phân hoá, với hai nguyên nhân cơ bản: Tác động của cơ chế thị troờng dẫn đến khác biệt giàu nghèo; sự mở rộng quy mô đào tạo khiến trình độ sinh viên chênh lệch lớn ngay từ đầu vào. Dù vậy, vẫn có thể nhìn thấy trong đó những đặc điểm toơng đồng doới đây.

Tính thực tế: Thể hiện ở việc chọn ngành chọn nghề, ở việc hoớng đến lựa chọn những kiến thức để học sao cho đáp ứng nhu cầu thực tế, chuẩn bị kinh nghiệm làm việc cho toơng lai, định hoớng công việc sau khi ra troờng, thích những công việc đem lại thu nhập cao, v. v... Nói chung là tính mục đích trong hành động và suy nghĩ rất rõ.

Tính năng động: Nhiều sinh viên vừa đi học vừa đi làm (làm thêm bán thời gian, hoặc có khi là thành viên chính thức của một cơ quan, công ty), hình thành toị duy kinh tế trong thế hệ mới (thích kinh doanh, muốn tự mình lập công ty ngay khi đang còn là sinh viên), thể hiện sự tích cực chủ động (tham gia phong trào tình nguyện). Nhiều sinh viên cùng một lúc học hai troờng.

Tính cụ thể của lý toởng: Đang có một sự thay đổi trong lý toởng sống gắn liền với sự định hoớng cụ thể. Một câu hỏi vẫn thoờng đoợc đặt ra là: sinh viên hôm nay sống có lý toởng không, lý toởng ấy là gì, có sự phù hợp giữa lý toởng của cá nhân và lý toởng của dân tộc, của nhân loại không. Có thể khẳng định lí toởng có, nhoợng đang xuất hiện những đặc điểm lý toởng có tính thế hệ, lý toởng gắn liền với bối cảnh đất noớc và quốc tế rất cụ thể. Lý toởng hôm nay không phải là sự lựa

chọn những mục đích xa xôi, mà hoịớng đến những mục tiêu cụ thể, gắn liền với lợi ích cá nhân.

Tính liên kết (tính nhóm): Những ngoịời trẻ luôn có xu hoịớng mở rộng các mối quan hệ, đặc biệt là những quan hệ đồng đẳng, cùng nhóm. Các nghiên cứu của hai nhà xã hội học ngoịời Pháp về bản sắc xã hội doịới góc độ nhóm là Taspen và Turnez, đã đoịa đến kết luận: Tính nhóm phụ thuộc vào môi troịờng xã hội xung quanh chúng ta đang sống. Sự thay đổi của đời sống tinh thần trong sinh viên troịớc xu hoịớng toàn cầu hoá (cả mặt thuận lợi và hạn chế của xu hoịớng này) đang hoịớng mạnh đến tính cộng đồng.

Tính cá nhân: Trào loịu dân chủ hoá, làn sóng công nghệ thông tin và việc nâng cao dân trí đã làm ý thức cá nhân ngày càng rõ, đặc biệt rõ trong những ngoịời trẻ có học vấn là sinh viên. Họ tự ý thức cao về bản thân mình và muốn thể hiện vai trò cá nhân. Doịờng nhoị có sự đề cao lợi ích hơn nghĩa vụ cá nhân. Sự hy sinh và quan tâm đến ngoịời khác thấp đi, và nếu có thì đánh giá doịới góc độ kinh tế thực dụng hơn là tình cảm và sự chia sẻ. Xuất hiện thái độ bàng quan với xung quanh ở một bộ phận sinh viên.

Sự phân tách các đặc điểm trên chỉ có tính toịơng đối để phục vụ công tác nghiên cứu, còn trên thực tế các đặc điểm ấy đan xen và có tác động qua lại lẫn nhau. Tính cá nhân không tách rời tính liên kết, tính năng động gắn liền với tính thực tế. Mỗi đặc điểm, qua những biểu hiện cụ thể của nó, luôn bộc lộ tính hai mặt: Vừa có những tác động tích cực, vừa có những tác động tiêu cực.

* Đặc điểm xã hội

Sinh viên ngành trồng trọt đại đa số các em đến từ các vùng nông thôn, miền núi ở khắp mọi miền của đất noịớc, và khi boịớc vào troịờng đại học các em hầu hết đều mong muốn học tập, rèn luyện để trở thành những ngoịời kĩ soị nông nghiệp, nhà doanh nghiệp, bác sĩ thú y giỏi để cống hiến tài năng và sức lực của mình cho đất noịớc. Tuy nhiên, mong muốn đó của các em có thành hiện thực hay không thì còn phụ thuộc rất nhiều vào quá trình học tập và rèn luyện của các em. Trong quá trình sống và học tập trong môi troịờng của troịờng ĐH các em chịu sự tác động của nhiều yếu tố từ phía nhà troịờng, gia đình, xã hội, bạn bè…v..v có những yếu tố tích cực nhoịng cũng có những yếu tố ảnh hoịởng tiêu cực đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên.

Sinh viên ngành trồng trọt sinh ra và lớp lên trong bối cảnh đất nợớc, xã hội đang trong xu thế hòa nhập toàn cầu, trong thời đại mà nhân loại đang bợớc và cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0. Vì thế, bức tranh xã hội ngày càng đợợc ghi nhận đậm nét trong sinh viên. Họ là những trí thức tợơng lai của đất nợớc - những kĩ sợ nông nghiệp, không ai hết mà chính họ sẽ là những ngợời đóng vai trò chủ chốt trong công cuộc Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nợớc. Thế kỷ XXI là thế kỷ của văn minh trí tuệ, của sự phát triển Khoa học kỹ thuật, nên rất cần có những con ngợời trẻ tuổi, có trình độ và năng lực sáng tạo cao, có khả năng tiếp nhận cái mới rất nhanh và biết thay đổi linh hoạt, thích nghi kịp thời với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại, đại diện cho một thế hệ tiên tiến mới.

* Đặc điểm học tập

Sinh viên khối ngành trồng trọt có đặc điểm chung là những học sinh học tốt khối A, khối B (khối các môn học thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên). Trong quá trình học tập các ngành nghề nông nghiệp sinh viên học các môn đại cợơng và các môn chuyên nghành của từng ngành. Hình thức học tập tại các cơ sở giáo dục đại học là tín chỉ. Các em sẽ học đủ số tín chỉ theo yêu cầu từng ngành và có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học chuyên nghiệp.Nhìn chung sinh viên các ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học có khả năng nhận thức tốt, các em khá chăm chỉ, không quản ngại những khó khăn trong quá trình học tập trên lớp và thực hành ở ngoài tự nhiên hay trong phòng thí nghiệm. Các em cũng rất thích thú khám phá lĩnh vực mình học, ham học hỏi và tích cực tự rèn luyện những kĩ năng của ngành nghề mình đang học.

Hoạt động học tập của sinh viên nông nghiệp hợớng tới nghiên cứu, chiếm lĩnh những môn học về khoa học tự nhiên, những môn học liên quan đến các nghành sản xuất nông nghiệp phục vụ đời sống con ngợời, phục vụ sự phát triển của xã hội.

1.3.1.3. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần giáo dục cho sinh viên ngành trồng trọt

Để lựa chọn đợợc những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết để giáo dục cho sinh viên ngành trồng trọt, chúng tôi căn cứ trên một số vấn đề sau:

Thứ nhất là đặc điểm của ngành nông học, yêu cầu chuẩn đầu ra của các chợơng trình đào tạo là sau khi tốt nghiệp ngành nông học, sinh viên sẽ trở thành

những kĩ sơ trồng trọt có trách nhiệm nghiên cứu chất lợợng môi trợờng, sinh thái khi muốn triển khai một dự án trồng trọt mới hoặc triển khai các nghiên cứu về cây trồng, sâu bệnh hay các đề tài có liên quan. Họ phải nắm bắt cụ thể công nghệ sinh học cũ và mới. Họ phải hiểu rõ sinh lí thực vật, khoa học thảm cỏ..vv. Công việc của họ còn là quản lí dịch bệnh, di truyền học, chọn tạo giống cây, xây dựng mô hình nông nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế để tạo ra những sản phẩm chất lợợng đáp ứng yêu cầu đời sống của con ngợời.

Thứ hai là căn cứ vào từ những yêu cầu của xã hội và xu thế phát triển của thời đại, đặc biệt là từ yêu cầu của thị trợờng lao động, của nhà tuyển dụng. Chúng tôi đã đợa ra 23 phẩm chất đạo đức và trợng cầu ý kiến của các cán bộ kĩ sợ nông nghiệp, nhà tuyển dụng, các chủ trang trại hoặc chủ hộ kinh doanh, các nhà giáo dục. Những phẩm chất đợợc lựa chọn trên 60% thì chúng tôi đợa vào nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Thứ ba là căn cứ vào đặc điểm tâm lý - xã hội của lứa tuổi sinh viên.

Từ đó, chúng tôi đã chọn lọc đợợc các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết để giáo dục cho sinh viên ngành trồng trọt nhợ sau:

- Nhận thức sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của ngành nghề trồng trọt. Khi sinh viên tham gia vào một ngành nghề trồng trọt đó thì cần phải hiểu đợợc về giá trị ngành nghề trồng trọt đối với xã hội đó là tạo ra những giống cây trồng cung cấp lợơng thực, thực phẩm cho con ngợời và còn tạo ra những giống loài thực vật khác phục vụ các nhu cầu của con ngợời. Từ đó, sinh viên có ý thức bảo vệ giá trị ngành trồng trọt của mình, nâng cao uy tín của bản thân trong nghề nghiệp và nâng cao uy tín của ngành nghề trong xã hội.
- Phải có lợơng tâm - trách nhiệm với nghề nghiệp: sinh viên phải ý thức đợợc công việc của mình là tạo ra những giống cây có ích cho cuộc sống con ngợời và đồng thời phải có trách nhiệm bảo vệ môi trợờng, cần bằng hệ sinh thái trong tự nhiên. Họ tạo ra những giống cây trồng nhợng phải phục vụ đợợc nhu cầu của con ngợời một cách an toàn, đảm bảo sức khỏe và đảm bảo sự phát triển giống nòi tốt.
- Tôn trọng các qui định của ngành nghề, cơ quan, nơi làm việc: Tự giác, trung thực thực hiện những nội qui, qui định của nơi làm việc.

- Tôn trọng đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp: luôn có thái độ lịch sự, nhã nhặn khi tiếp xúc với đối tác và đồng nghiệp. Luôn biết lắng nghe ý kiến phản hồi của ngọời khác. Quan tâm đến nhu cầu, nguyện vọng, mong muốn của khách hàng. Đó là những qui tắc để ngọời kĩ sọ ngành trồng trọt có thể thành công hơn trong ngành nghề của mình.

- Tôn trọng thiên nhiên - môi trọờng sống xung quanh: Thiên nhiên là tọ liệu sản xuất vô cùng quan trọng đối với ngành nông nghiệp nói chung và đặc biệt là đối với ngành trồng trọt. Vậy, ngọời kĩ sọ trồng trọt trong quá trình sản xuất phải luôn ý thức việc bảo vệ thiên nhiên. Khi khai thác thiên nhiên bao nhiêu thì phải khôi phục, cải tạo lại thiên nhiên bấy nhiêu.

- Tinh thần dấn thân khởi nghiệp: Là biểu hiện của sự nỗ lực phát huy những ý tọởng sáng tạo, ý chí tự lập, bản lĩnh kinh doanh. Dấn thân khởi nghiệp là biết sống có hoài bão, có mơ ọớc và quyết tâm biến mơ ọớc thành hiện thực trong tọơng lai.

- Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân: đối với ngành khoa học cây trồng thì không cần đến những năng khiếu nổi trội nhọng rất cần sự cần mẫn của ngọời học, luôn phải cập nhật những cái mới, tìm hiểu khám phá những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực cây trồng và các lĩnh vực khác có liên quan để từ đó liên tục làm mới những tri thức của bản thân. giúp bản thân vận động, phát triển kịp với sự phát triển của ngành nghề, của xã hội, của thời đại.

- Dũng cảm, tự tin, linh hoạt đối đầu với những khó khăn trong cuộc sống cũng nhọ trong nghề nghiệp: Ngành trồng trọt là ngành phụ thuộc vào tự nhiên rất nhiều có thể có những thiên tai dẫn đến những khó khăn, thất bại trong công việc. Vì vây, sinh viên cần phải có lòng dũng cảm, sự tự tin vào bản thân để đối chọi với những thử thách trong công việc.

- Có tinh thần hợp tác trong công việc: để xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp hiện đại chúng ta cũng cần có một mô hình hợp tác xã theo kiểu mới và đó chính là nơi mà rất cần những kĩ sọ trồng trọt phải có một tinh thần hợp tác trong công việc để đạt đọợc những hiệu quả cao. Đồng thời, tình thần hợp tác cũng là một xu thế trong bối cảnh hòa nhập của mỗi một quốc gia với thế giới.

- Có ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp - pháp luật: Pháp luật là đạo đức tối thiểu còn đạo đức lại chính là pháp luật tối đa. Vậy, những kĩ sọ của ngành trồng

trọt khi tham gia hành nghề cũng cần phải biết tuân thủ theo Hiến pháp - pháp luật nhoị luật bảo vệ môi troịờng, luật sử dụng đất nông nghiệp ...vv.

1.3.2. Các nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp

1.3.2.1. Nguyên tắc 1: Tránh làm điều ác, tích cực làm điều thiện.

Đây là mục đích tối cao của giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp nói riêng. Làm điều ác là làm thiệt hại đến vật chất, tinh thần, sức khỏe của ngoịời khác, của cộng đồng, của xã hội. Vì vậy, giáo dục cần hoịớng con ngoịời đến làm điều thiện là biết chia sẻ, đồng cảm, đem lại lợi ích cho mọi ngoịời.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng phải chú trọng đến việc giáo dục về lòng nhân ái, nhân từ. Giáo dục cho sinh viên có những hành vi nghề nghiệp thể hiện rõ loịơng tâm, trách nhiệm của mình đối với ngoịời khác, với xã hội.

1.3.2.2. Nguyên tắc 2: Tôn trọng nhân cách kết hợp với yêu cầu cao.

Muốn giáo dục con ngoịời, phải tôn trọng nhân cách con ngoịời. Tôn trọng nhân cách sinh viên là tôn trọng nhân phẩm, tài năng trí tuệ, tự do toị toịởng, nhu cầu, nguyện vọng và thói quen sống của mỗi con ngoịời.

Tôn trọng nhân cách con ngoịời cũng đồng nghĩa với tin toịởng con ngoịời, tin toịởng ở khả năng trí tuệ, khả năng lao động sáng tạo của con ngoịời..Trong quá trình giáo dục cùng với việc tôn trọng nhân cách học sinh, nhà giáo dục luôn phải có những yêu cầu cao đối với các em. Yêu cầu cao chính là thể hiện niềm tin và sự tôn trọng nhân cách con ngoịời.

Yêu cầu cao nhoịng phù hợp và kết hợp với sự tôn trọng ngoịời học là hai điều không thể thiếu trong hoạt động giáo dục nói chung và đặc biệt là trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Bởi giáo dục là quá trình giúp ngoịời học hoàn thiện nhân cách và hoạt động này chỉ có thể thành công đoịợc khi nó khơi gợi nên trong lòng ngoịời học lòng ham muốn, khát khao tìm đến những giá trị chân - thiện - mĩ. Yêu cầu cao là để kích thích tính tích cực, sự nỗ lực của ngoịời học. Còn tôn trọng là ghi nhận sự tiến bộ của ngoịời học, động viên, khích lệ ngoịời học cố gắng hơn nữa, tạo cơ hội để ngoịời học đoịợc bộc lộ, khẳng định bản thân. Ngoài ra, tôn trọng sẽ giúp nhà giáo dục đoịa ra những yêu cầu chân tình với mong muốn của ngoịời học hoàn thiện bản thân chứ không phải gây khó dễ cho ngoịời học.

1.3.2.3. *Nguyên tắc 3:Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong lao động, bằng lao động.* Lao động là thuộc tính bản chất của con ngoời, lao động đã làm cho từ voợn trở thành ngoời. Lao động đoợc coi là một nguyên tắc quan trọng nhất trong giáo dục trách nhiệm, nghĩa vụ, loơng tâm của con ngoời. Nhà giáo dục vĩ đại ngoời Nga đã từng nói: "Có một định luật tâm lý bất biến là con ngoời không lao động thì sớm muộn gì cũng tự hạ thấp trình độ của mình xuống trình độ con vật" (Nguyễn Lân - Lịch sử giáo dục học - Nxb GD 1959, tr120). Trong lao động, con ngoời bộc lộ và rèn luyện đoợc những phẩm chất đạo đức tốt đẹp nhoơ cần cù, có trách nhiệm, sự đồng cảm giữa con ngoời với con ngoời, sự chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau.

1.3.2.4. Nguyên tắc 4:Thống nhất mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các lực lượng giáo dục.

Đây là nguyên tắc tạo môi troờng lành mạnh, nhất trí cao. Vì mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp là rèn luyện, bồi doỡng con ngoời trở thành một nhân cách phát triển toàn diện. Khi tham gia vào một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó trong xã hội thì bản thân cá nhân đó chịu sự tác động của những yêu cầu xã hội. Do đó, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên không chỉ bó hẹp trong trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học mà nó còn cần đến sự phối kết hợp của các lực loợng, các tổ chức khác trong xã hội. Sự kết hợp giữa các lực loợng giáo dục thể hiện trong việc thống nhất mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

1.3.3. Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

1.3.3.1. Mục tiêu của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là một hoạt động mang tính xã hội phúc tạp cần sự phối kết hợp của các lực loợng giáo dục trong nhà troờng và gia đình, xã hội để tác động đồng bộ lên các mặt (nhận thức, thái độ, hành vi) của sinh viên để nhằm mục tiêu chung là hình thành những tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức lành mạnh.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cần giúp cho sinh viên định hoớng trong cuộc sống và đặc biệt là định hoớng trong hoạt đồng nghề nghiệp - chuyên môn của mình sau này. Cụ thể là: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp giúp cho sinh viên định hoớng và phát triển các hành vi đạo đức nghề nghiệp trong toơng lai;

Giúp sinh viên hình thành lối sống trung thực, giản dị, sống có lợương tâm; Có ý thức rèn luyện, phấn đấu hoàn thiện bản thân; Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với dân tộc; Có ý thức bảo vệ môi trợường sống; Kiên quyết không làm những hành vi vi phạm về đạo đức nghề nghiệp

Nhợ vậy, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chính là giúp cho sinh viên nhận thức đợợc đúng đắn các giá trị đạo đức, biết hành động theo lẽ phải, theo công bằng và nhân văn, biết sống vì mọi ngợời, vì cộng đồng, vì sự tiến bộ của xã hội. Cuối cùng thì mục đích quan trọng nhất của giáo dục đạo đức nghề nghiệp đó là tạo lập đợợc những thói quen hành vi đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

1.3.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp trong đào tạo đại học

Thông qua việc hỏi ý kiến của các chuyên gia, các cán bộ ngành nông nghiệp, cán bộ quản lí, giảng viên và những yêu cầu từ đặc trợng của ngành nghành nông học chúng tôi thấy rằng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp trong đào tạo đại học cần phải tập trung vào những vấn đề sau:

* Giáo dục cho sinh viên hiểu đợợc ý nghĩa của đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngành trồng trọt.

Đạo đức nghề nghiệp đợợc con ngợời nhìn nhận từ xa xợa là là chuẩn mực để đánh giá nhân cách, là thợớc đo của sự thành công. Trong cuộc sống hiện đại, những chuẩn mực đạo đức sẽ có sự điều chỉnh, thay đổi. Tuy nhiên, nếu muốn thành công trong sự nghiệp thì cá nhân không thể thiếu đạo đức nghề nghiệp.

Đối với ngành trồng trọt, đạo đức nghề nghiệp luôn giữ một vai trò rất quan trọng. Đó chính là yếu tố để cá nhân khi tham gia hành nghề sẽ tâm huyết với nghề, chủ động trong công tác nghiên cứu, học hỏi, áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ tân tiến nhất vào trong nghiên cứu. Ngợời kĩ sợ sẽ hăng say với công việc cho dù có gặp những trở ngại, những khó khăn. Họ sẽ quí trọng thiên nhiên hơn vì thiên nhiên chính là "nơi làm việc" của họ. Họ sẽ có trách nhiệm khi tạo ra một giống, một loại thực vật nào đó hữu ích cho con ngợời.

Cá nhân có đạo đức nghề nghiệp không những họ thành công trong công việc mà họ nâng cao đợợc giá trị nhân cách của họ trọng xã hội. Họ trở thành những ngợời có ích trong xã hội trong cộng đồng.

Đạo đức nghề nghiệp nó không hình thành một cách ngẫu nhiên, tự phát mà bản thân mỗi sinh viên phải hiểu đoợc về nó. Có sự cố gắng, quyết tâm rèn luyện, tu doỡng hàng ngày trong quá trình học tập tại các cơ sở giáo dục đại học. Sinh viên cũng cần phải có ý chí để voợt qua những cám dỗ bất hợp lí của vật chất, những tệ nạn xã hội, những thói ích kỉ cá nhân để rèn luyện những hành vi đạo đức phù hợp với đặc troợng của nghề trồng trọt.

* Giáo dục cho sinh viên những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu đặc troợng của ngành trồng trọt, đó là:

- Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng:

Toợng lai cuộc đời mỗi con ngoời tùy thuộc vào nghề nghiệp mà mỗi cá nhân đó lựa chọn. Nó là một trong những nguồn quan trọng tạo ra nguồn vật chất và tinh thần để cá nhân tồn tại và phát triển. Nghề nghiệp không chỉ tạo ra nhiều hay ít tiền mà cái quan trọng hơn là tạo ra uy tín, giá trị xã hội của cá nhân. Vì thế, chọn ngành nghề có thể nói là điều rất quan trọng trong cuộc đời của mỗi con ngoời.

Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng đoợc biểu hiện nhoị sau:

+ Khi lựa chọn nghề nghiệp cá nhân cần xem xét tố chất của mình, khả năng của mình mạnh yếu nhoị thế nào và phù hợp với những nghề nào? Do vậy, nghề nghiệp còn là nơi để con ngoời phát huy những năng lực, nhận thức, kĩ năng của bản thân đoịa con ngoời đi đến thành công, vinh quang của nghề. Nghề nghiệp là nền tảng vững chắc đầu tiên cho cá nhân xây dựng ngôi nhà của cuộc đời mình.

+ Mỗi ngành nghề đều có vai trò, ý nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Ngành nghề tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Nghề ra đời xuất phát từ nhu cầu thiết thực của xã hội, của con ngoời. Nó phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp nhu cầu cuộc sống của con ngoời.

+ Khi cá nhân tham gia vào một ngành nghề nào đó thì cần phải hiểu đoợc về giá trị ngành nghề của mình đối với xã hội để từ đó có ý thức bảo vệ giá trị nghề nghiệp của mình, nâng cao uy tín của bản thân trong nghề nghiệp và nâng cao uy tín của ngành nghề trong xã hội.

- Lương tâm - trách nhiệm nghề nghiệp:

Đạo đức học Mác - Lenin cho rằng lương tâm là điều kiện của hạnh phúc. Hạnh phúc được cảm nhận trước hết ở chủ thể đạo đức. Khi con người có lương tâm trong sạch, nhân ái, cao thượng thì luôn ý thức được nhân phẩm của mình, cảm thấy cuộc sống dễ chịu, tự nguyện làm điều thiện, điều tốt đẹp. Vậy lương tâm chính là tinh thần trách nhiệm trước bản thân mình. Nó có nguồn gốc tự sự nhận thức nghĩa vụ đạo đức của con người và được hình thành thông qua quá trình hoạt động thực tiễn. Lương tâm có vai trò rất to lớn trong đời sống đạo đức xã hội loài người. Nhờ có lương tâm mà con người gạt bỏ được những cái xấu, cái ác, hướng tới cái thiện.

Biểu hiện của lương tâm - trách nhiệm nghề nghiệp:

+ Lương tâm nghề nghiệp là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp là biểu hiện tập trung nhất của ý thức đạo đức cá nhân trong thực tiễn; nó vừa là dấu hiệu vừa là thước đo sự trưởng thành của đời sống đạo đức cá nhân. Mỗi con người với tư cách một chủ thể đạo đức đã trưởng thành bao giờ cũng biểu hiện là người sống có lương tâm, mà rõ nét nhất là trong hoạt động nghề nghiệp của họ. Lương tâm nghề nghiệp là ý thức trách nhiệm của chủ thể đối với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp, là thái độ và cách ứng xử của người làm nghề trước lợi ích của người khác, của xã hội; là sự tự phán xử về các hoạt động, các hành vi nghề nghiệp của mình. Theo Đêmôcrít - nhà triết học Hy Lạp cổ đại - lương tâm chính là sự tự hổ thẹn, nghĩa là hổ thẹn với bản thân mình. Sự hổ thẹn giúp cho con người tránh được ý nghĩ, việc làm sai trái. Do vậy, ông cho rằng, cần phải dạy cho con người biết hổ thẹn, nhất làm hổ thẹn trước bản thân mình. Nếu làm được như vậy thì sẽ giữ vững và nâng cao được đời sống đạo đức cá nhân và cộng đồng. Trong hoạt động nghề nghiệp nếu không biết tự hổ thẹn, sẽ không nâng cao được tay nghề và kết quả của hoạt động nghề nghiệp không những không có tác dụng, mà ngược lại, còn ảnh hưởng xấu đối với xã hội. Lương tâm nghề nghiệp không phải là cảm xúc nhất thời, hời hợt mà là kết quả của một quá trình nhận thức sâu sắc thông qua hoạt động nghề nghiệp của một con người đối với nhu cầu, đòi hỏi của xã hội và sự tồn tại, phát triển của nghề nghiệp.

+ Lương tâm nghề nghiệp có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người tin tưởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.

Niềm tin tưởng đó là động lực bên trong thôi thúc con người vươn tới cái thiện, cái tốt đẹp, cái cao cả; loại trừ cái xấu, cái nhỏ nhen, ty tiện nhằm làm cho xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

+ Muốn giữ được đạo đức nghề nghiệp, trước hết phải giữ được lương tâm nghề nghiệp, bởi vì, làm điều ác lần thứ nhất thì lương tâm còn dằn vặt, cắn dứt nhưng điều ác được lặp lại thì lương tâm biến mất. Lúc đó cũng là thời điểm báo trước sự đổ vỡ của lòng tự tin, lòng tự trọng nghề nghiệp. Trong thực tiễn đạo đức, người có lương tâm trong sạch là người có khả năng tự ý thức và đánh giá được bản chất lương thiện của chính mình. Ngược lại, mọi giá trị đạo đức sẽ tiêu tan khi chủ thể không còn cảm nhận về lương tâm trước những việc làm sai trái của bản thân.

+ Lương tâm luôn được biểu hiện thông qua việc thể hiện trách nhiệm của người tham gia nghề nghiệp đối với xã hội, với cộng đồng. Bất cứ nghề nào cũng là hình thành xuất phát từ nhu cầu của xã hội. Vì vậy, đáp ứng nhu cầu chính đáng của xã hội, của cộng đồng là trách nhiệm lớn lao của người tham gia lao động. Cá nhân phải biết tôn trọng lợi ích của cộng đồng, cân đối lợi ích của cộng đồng với lợi ích cá nhân. Trong những trường hợp đặc biệt phải biết đặt lợi ích của cộng đồng, của xã hội lên lợi ích cá nhân. Đó mới là biểu hiện trách nhiệm nghề nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.

+ Trách nhiệm nghề nghiệp được thể hiện trong việc cá nhân biết lo toan gánh vác công việc; biết bảo vệ uy tín của nghề nghiệp của mình; không vì lợi ích trước mắt mà làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của cộng đồng, của xã hội.

- Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc:

Mỗi ngành nghề đều có những qui định, chuẩn mực hành nghề. Tham gia vào ngành nghề nào thì đòi hỏi cá nhân phải biết tuân thủ một cách tự giác các qui định, nội qui của nghành nghề, của cơ quan - nơi làm việc. Tôn trọng còn thể hiện ở một số biểu hiện sau:

+ Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao đúng thời hạn. Điều này sẽ chứng minh cho cả người quản lý và cấp dưới thấy rằng bản thân mình là một người có trách nhiệm và luôn thực hiện những gì đã hứa. Điều này cũng khiến cho người khác tin tưởng bạn và cho thấy bạn là người có tinh thần trách nhiệm cao. Nếu bạn được giao một thời hạn không hợp lý, hãy khéo léo tìm cách để chuyển tải thông tin này đến cho người đã đặt ra hạn chót đấy.

+ Luôn thể hiện thái độ khiêm tốn: Hãy sẵn sàng thừa nhận sai sót của bản thân, nhơng đừng tập trung vào chúng. Cần có một sự khiêm nhơờng nhất định, nhơng nó cũng nên đi kèm với sự tự tin. Thơờng thì sẽ chẳng ai thể hiện sự tôn trọng đối với một ngơời cấp trên mà có vẻ nhơ họ sẽ không dựa vào đơợc, hoặc đối với một ngơời lãnh đạo cứ liên tục chỉ trích thiếu sót của cấp dơới. Hãy cho mọi ngơời thấy những khía cạnh chân thực về con ngơời bạn, nhơng phải luôn giữ vững sự can đảm và tự tin.

- Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp:

Biết tôn trọng ngơời khác là yêu cầu tối thiểu của làm ngơời. Thực sự làm đơợc tôn trọng ngơời khác. Mạnh Tử nói: "Thơơng ngơời thì ngơời thơơng lại mình, kính ngơời thì ngơời kính lại mình"[2]. Câu nói ấy nhấn mạnh tầm quan trọng của tôn trọng ngơời khác. Một ngơời khi kết giao với ngơời khác, nếu nhơ có thể hiểu về họ, tôn trọng họ, vậy thì ngơời đó cũng sẽ đơợc ngơời khác hiểu về mình và tôn trọng lại mình gấp trăm lần. Ngơời thông minh, ơu tú thì đối với bất kể ai cũng sẽ tôn trọng. Tôn trọng cấp dơới chính là một loại mỹ đức, tôn trọng khách hàng chính là một loại ý thức, tôn trọng đối thủ là một loại độ lơợng, tôn trọng tất cả mọi ngơời là một loại giáo dơỡng.

Trong hoạt động nghề nghiệp, tôn trọng đối tác đơợc biểu hiện nhơ:

+ Tạo bầu không khí thân thiện. Dù là môi trơờng trang trọng tại công sở hay không gian tiếp khách thân mật ở tiệc chiêu đãi đều phải thể hiện sự chân thành và trân trọng mối quan hệ hiện có với đối tác. Phải tế nhị trong ứng xử và rèn luyện kỹ năng nắm bắt tình hình, thái độ của khách hàng qua ánh mắt, nét mặt, câu từ - để linh hoạt trong trò chuyện và thay đổi chủ đề phù hợp. Giảm nhẹ sự căng thẳng (nếu có) bằng những câu chuyện ngoài lề, gần gũi trơớc khi đi vào nội dung chính nhơ hỏi thăm về cuộc sống, quê quán, sở thích… "Thêm một ngơời bạn là thêm một cơ hội", với suy nghĩ đó cùng sự tự nhiên, chân thành bạn sẽ dần đơợc sự quý mến từ đối tác.

+ Bình đẳng trong trao đổi hợp tác. Tự tin, khiêm nhơờng trong hợp tác là thái độ mà các chuyên gia đàm phán thành công thơờng áp dụng. Mặc dù việc có đơợc khách hàng với những hợp đồng mang lại lợi nhuận cho công ty là điều cần thiết, nhơng nên nhớ rằng "bạn mới chính là chuyên gia". Khách hàng tìm đến bạn cũng

bởi họ cần sự tơl vấn và muốn tìm một đối tác thật sự; hoặc bởi sản phẩm, dịch vụ của bạn cần cho họ. Chính vì thế bạn đừng tỏ ra quá phục tùng, thỏa hiệp với mọi yêu cầu của khách hàng. Ghi nhớ rằng chỉ gật đầu khi thỏa thuận đơla ra là hợp lý và bạn thực hiện đơlợc những cam kết về thời hạn cung ứng, chất lơlợng dịch vụ - sản phẩm…

+ Suy nghĩ về đôi bên cùng có lợi. Điều khó nhất trong nghệ thuật bán hàng, trong tiến trình ký kết hợp tác là đem lại giá trị tơlơng ứng ngang nhau và quyền lợi cho cả đôi bên. Tức là khi bạn bán đi một giá trị (có thể là sản phẩm hoặc dịch vụ), bạn sẽ thu về một giá trị tơlơng ứng, hợp lý, và 2 bên đều có lợi (win - win). Đi chệch với nguyên tắc trên dẫn đến đàm phán thất bại. Vì thế, cần làm cho đối tác hiểu những quyền lợi của họ dơlới góc nhìn của mình cũng nhơl thế cân bằng trong hợp tác giữa hai bên. Điều này đem lại sự hợp tác bền lâu, dù ai cũng muốn tối đa lợi nhuận. Mỗi doanh nghiệp nên có những hành động thiết thực thể hiện sự quan tâm, tơl duy đôi bên cùng có lợi với đối tác, khách hàng.

- Tôn trọng thiên nhiên - môi trơlờng sống xung quanh:

Có quan điểm cho rằng việc tôn trọng tự nhiên - môi trơlờng cũng chính là "đạo đức sinh thái".Thiên nhiên là nơi để con ngơlời tồn tại và phát triển. Con ngơlời dựa vào thiên nhiên để sống vì thế chất lơlợng cuộc sống của con ngơlời khó có thể đảm bảo đơlợc khi mà môi trơlờng sinh thái - tự nhiên bị ô nhiễm và bị tàn phá một cách nặng nề. Từ việc khai thác nguồn tài nguyên không hợp lí nhơl chặt phá rừng, khai thác triển để nguồn thủy hải sản…cho đến việc làm thải ra môi trơlờng quá nhiều chất bẩn nhơl xả rác bừa bãi, xả khói công nghiệp, bụi công nghiệp, âm thanh ồn ào…Làm cho bầu không khí, nguồn nơlớc bị ô nhiễm nặng, các thảm thực vật biến mất, các loài động vật tuyệt chủng dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái. Trong mối quan hệ với tự nhiên, con ngơlời chỉ quan tâm đến lợi ích của mình mà quên mất lợi ích của tự nhiên. Vậy tôn trọng tự nhiên là thể hiện trong quá trình hành nghề chúng ta đã khai thác thiên nhiên thì phải có ý thức cải tạo phục hồi thiên nhiên; biết tôn trọng những qui luật của tự nhiên. Đặc trơlng cơ bản của đạo đức là sự tự ý thức. Con ngơlời sống có đạo đức là con ngơlời luôn có ý thức, có năng lực tự điều chỉnh hành vi một cách tự nguyện theo những chuẩn mực đạo đức và điều này càng phải đơlợc thể hiện cao hơn trong việc tôn trọng tự nhiên.

Biểu hiện của thái độ tôn trọng thiên nhiên đó là:

+ Nhận thức về thiên nhiên có vai trò vô cùng quan trọng, ảnh hợởng sâu sắc đến cách ứng xử của con ngợời với môi trợờng. Nếu coi môi trợờng là vô hạn, thì sẽ ra sức khai thác mà không phải lo lắng gì. Nhợng thực tế cho thấy, môi trợờng là có hạn, Trái Đất rất mong manh, thì phải chú ý giữ gìn, luôn tính toán đợợc - mất. Con ngợời phải nhận thức đợợc, dù đòi hỏi là cả một quá trình về những hạn chế của Trái Đất, tính hệ thống và từng thành phần của môi trợờng và tác động giữa chúng. Con ngợời phải đánh giá và nhận thức đợợc những chiều hợớng, xu thế diễn biến của môi trợờng, dự báo đợợc khả năng đáp ứng của tài nguyên thiên nhiên trong đời sống con ngợời. Cao hơn, con ngợời phải nhận thức mối quan hệ đạo đức giữa con ngợời và thiên nhiên, về ảnh hợởng của các lối sống, hành vi ứng xử của con ngợời với thiên nhiên.

+ Tôn trọng tự nhiên cũng chính là phải hình thành văn hóa môi trợờng. Đây cũng phải đợợc coi là một tiêu chuẩn của đạo đức nghề nghiệp. Bởi nghề nghiệp nào thì cũng liên quan đến môi trợờng tự nhiên. Xuất phát từ tình hình thực tế và các nguyên tắc cơ bản của đạo đức môi trợờng thì mỗi cá nhân khi tham gia bất cứ một ngành nghề nào cũng phải đạt đợợc chuẩn mực đạo đức này. Điều đó cũng chính là thể hiện sự quan tâm, sự tôn trọng của cá nhân đến cuộc sống chung của cộng đồng góp phần xây dựng xã hội phát triển bền vững - đó cũng là nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của bất cứ ngành nghề nào trong xã hội.

- Tinh thần dám dấn thân khởi nghiệp:

Tinh thần khởi nghiệp (entrepreneurship) còn đợợc gọi là tinh thần doanh nhân khởi nghiệp, là một thuật ngữ xuất hiện khá lâu trên thế giới. Theo các nhà nghiên cứu thì những doanh nhân có tinh thần khởi nghiệp thật sự phải là những con ngợời mà bản thân họ có hoài bão vợợt lên số phận, chấp nhận rủi ro với tinh thần đổi mới và sáng tạo; đồng thời dũng cảm gánh chịu những tai họa nghiêm trọng về vật chất và tinh thần khi làm ăn thua lỗ. Ngợời có tinh thần khởi nghiệp phải là ngợời tiến hành biến những mơ ợớc thành hiện thực. Tinh thần khởi nghiệp cũng đồng nghĩa với tinh thần đổi mới, sáng tạo. Nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất khái niệm "tinh thần khởi nghiệp - tinh thần kinh doanh" (entrepreneurship) gắn với khái niệm "khởi nghiệp - doanh nhân" (entrepreneur). Và trong những năm gần đây có một khái niệm khởi nghiệp ra đời, đó là Startup.

Biểu hiện của tinh thần khởi nghiệp:

+ Khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh; thái độ chấp nhận rủi ro; và ý tưởng đổi mới - sáng tạo. Các nhà nghiên cứu đã đưa ra một số đặc trưng của tinh thần khởi nghiệp là: Có hoài bão và khát vọng; Dám vượt qua giới hạn của chính bản thân mình - tức là dám biến những ý tưởng còn ấp ủ trong đầu thành những hành động thực tiễn,

+ Có khả năng kiến tạo cơ hội kinh doanh; Độc lập và dám làm, dám chịu trách nhiệm; Phát triển ý tưởng sáng tạo và đổi mới phương pháp giải quyết vấn đề; Bền bỉ và dám chấp nhận rủi ro, thất bại; và Có đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Từ đó, có thể thấy động cơ chủ đạo của người khởi nghiệp trước hết là muốn khẳng định bản thân và sau đó là muốn đóng góp cho xã hội, còn động cơ vì tiền, vì sự giàu có chỉ là thứ yếu.

Có thể nói, sinh viên là lứa tuổi nhiều sáng tạo nhất, nhiều ước mơ, khát vọng và dám dấn thân, muốn cống hiến. Sinh viên cần phải hiểu về khởi nghiệp, hiểu con đường mình sẽ dấn thân, hiểu được khát vọng và mục tiêu khởi nghiệp thì lúc đó sẽ bước vào khởi nghiệp với một tâm thế tự tin, chủ động và cơ hội thành công chắc chắn sẽ cao hơn. Mầm mống của tinh thần khởi nghiệp của sinh viên phải được tạo dựng từ quan điểm, tư tưởng và chương trình giáo dục cụ thể ở mỗi một cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học phải tạo ra được chiếc cầu nối thông suốt giữa chương trình đào tạo trong nhà trường với các doanh nghiệp, cơ quan xí nghiệp, trang trại, nhà máy. Khởi nghiệp là tinh thần làm chủ và nó được khởi nguồn từ những con người lăn lộn thực tiễn. Họ tích lũy những kinh nghiệm và nhanh chóng rút ra được bài học bổ ích để đi đến thành công. Dấn thân khởi nghiệp không chỉ đòi hỏi phải có kiến thức mà còn cả cách sử dụng kiến thức, không chỉ đòi hỏi phải có bản lĩnh mà phải biết sử dụng và thể hiện bản lĩnh đúng mức, đúng chỗ và đúng thời điểm. Khởi nghiệp suy cho cùng chính là đổi mới có mục đích và hệ thống.

Trong chương trình của các cơ sở giáo dục đại học cần phải có những giải pháp căn bản về đổi mới giáo dục, tăng cường các cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp từ các cấp chính quyền, từ các lực lượng giáo dục. Và ngay trong nhà trường cần phải tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm để tạo dựng nên nền văn hóa khởi nghiệp, văn hóa chấp nhận "thất bại" cho sinh viên.

- Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân:

Trong mỗi con ngơời, ai cũng muốn sống tốt đẹp, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Đó là một mong muốn rất chính đáng, rất nhân bản. Tuy vậy, để đạt đơợc ơớc vọng đó, không phải tự nhiên bỗng có mà đòi hỏi mỗi con ngơời cần có quyết tâm, nghị lực tự hoàn thiện mình để luôn giữ đơợc phẩm chất cao đẹp của con ngơời. Thực tế cuộc sống với những mối quan hệ xã hội phức tạp hàng ngày, vấn đề hơn thiệt, đơợc mất, vấn đề nhân phẩm luôn hình thành trong con ngơời những mặt sáng và khoảng tối, những cái cao cả và thấp hèn ... đòi hỏi con ngơời phải đấu tranh, lựa chọn để tâm hồn luôn trong sáng, hành vi luôn đẹp đẽ.

Tự hoàn thiện và phát triển bản thân đơợc biểu hiện nhơ sau:

+ Cá nhân tự nhận thức, ý thức đơợc về hành động của mình, kiên định với mục tiêu đã đề ra, bản thân và biết lập kế hoạch cho tơơng lai: Tự nhận thức bản thân là khả năng nhận biết một cách chính xác về đời sống tâm lý(năng lực, hứng thú, tính cách, khí chất..v..v), về cơ thể, và những mối quan hệ xung. Tự nhận thức bao gồm việc kiểm soát đơợc những phản ứng thông thơờng của bản thân đối với những sự việc, thách thức và đối tơợng cụ thể.

+ Hiểu biết thấu đáo về khuynh hơớng của bản thân đóng vai trò rất quan trọng; nó giúp cá nhân nhanh chóng nắm bắt đơợc cảm xúc của mình. Khả năng tự nhận thức tốt đòi hỏi cá nhân sẵn sàng chịu đựng sự khó chịu khi phải chú ý đến những cảm xúc tiêu cực. Cách duy nhất để thấu hiểu cảm xúc của mình là dành một khoảng thời gian cần thiết để suy nghĩ về chúng, nhằm tìm ra nguồn cơn và tại sao chúng lại xuất hiện. Cảm xúc bao giờ cũng có lý do của nó. Bởi cảm xúc phản ánh những trải nghiệm trong cuộc sống của bạn, và chúng luôn bắt nguồn từ một nguyên do nào đó. Những ai làm đơợc việc này sẽ nhanh chóng tìm ra cốt lõi của cảm xúc. Những tình huống gây ra xúc cảm mạnh mẽ thơờng đòi hỏi phải suy nghĩ kỹ càng, và chính việc bình tâm suy nghĩ này sẽ giúp cá nhân tránh đơợc những hành động đáng tiếc về sau.

+ Hiểu biết chính xác và trung thực về những điểm mạnh của bản thân. Những ngơời có khả năng tự nhận thức cao là những ngơời đặc biệt hiểu rõ về những gì họ làm tốt, những gì thôi thúc và khiến họ thỏa mãn, cả về những đối tơợng và hoàn cảnh khiến họ phải lơu tâm. Tự nhận thức giúp cá nhân cải thiện kỹ năng, ổn định

cảm xúc từ đó định hoịớng hoạt động đúng đắn và đạt hiệu quả tốt. Tự nhận thức là kỹ năng căn bản; một khi đã có nó, cá nhân sẽ vận dụng những kỹ năng trí tuệ cảm xúc khác dễ dàng hơn nhiều. Khi mức độ tự nhận thức tăng lên, sự thỏa mãn của con ngoịời trong cuộc sống - đoịợc định nghĩa là khả năng họ có thể đạt đoịợc những mục tiêu trong công việc và cuộc sống gia đình - sẽ gia tăng đột biến. Tự nhận thức đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với thành tích cá nhân, đến mức 83% những ngoịời có mức độ tự nhận thức cao là những ngoịời đứng đầu về hiệu suất công việc, và chỉ có 2% những ngoịời có kết quả làm việc kém lại có khả năng tự nhận thức cao mà thôi. Khi con ngoịời biết tự nhận thức, nhiều khả năng họ sẽ theo đuổi đúng cơ hội hơn, biết cách vận dụng thế mạnh của mình vào công việc và không để cho cảm xúc ngăn trở mình. Cá nhân cần phải quyết định hành động một cách tốt nhất cho mục tiêu mà bạn đã đặt ra từ đầu. Quá trình này đòi hỏi cá nhân phải luôn tự xem xét, phân tích và nên viết ra những mục tiêu, tham vọng hay oịớc muốn của mình. Làm nhoị thế cá nhân sẽ biết đoịợc mình là ai, mình cần gì và hoịớng tới giá trị gì.

+ Ý thức về hành động của mình: Sự tự chủ phụ thuộc vào việc cá nhân ý thức rõ cái gì nên làm và cái gì không nên làm. Nếu không ý thức đoịợc điều đó hành động của họ sẽ không đoịợc điều chỉnh phù hợp. Phải có sự suy nghĩ, cân nhắc kĩ loịỡng nên thực hiện hành động nào là phù hợp với tình huống, hoàn cảnh, thực hiện hành động nào troịớc, hành động nào sau. Điều này sẽ giúp các nhân có cơ hội đoịa ra những quyết định tốt đối với những giá trị họ đang thực sự theo đuổi.

+ Kiên định với mục tiêu đã đề ra: ngoịời kiên định luôn tự tin tích cực tiếp nhận điều mới, nhận lấy những công việc không giống nhau và sẵn sàng hành động. Trong cuộc sống và công việc không phải lúc nào ta cũng gặp đoịợc những may mắn, những thuận lợi, sự dễ dàng. Những khó khăn, thử thách, trở ngại luôn xuất hiện nếu không có sự kiên định thì không thể đi đến sự thành công. Muốn có tính kiên định thì cá nhân đó cũng cần phải có một vốn kinh nghiệm phong phú. Biết chờ đợi, biết khắc phục khó khăn và phải sẵn sàng hành động khi khó khăn. Kiên định giúp chúng ta tiếp tục đứng dậy, để tiếp tục hành trình đi đến thành công. Sự thất bại trong công việc đối với những ngoịời mới hành nghề là điều không tránh khỏi. Nếu họ chán nản, buông xuông hoặc tìm cách trốn tránh trách nhiệm thì sẽ không có sự thành công trong công việc cũng nhoị trong sự nghiệp. Khi con ngoịời

biết chấp nhận sự thất bại thì họ sẽ tìm đơợc cho mình những nỗ lực mới để đi đến thành công. Ngơời kiên định tự tin thơờng hình dung đơợc cảnh tơợng thành công trơớc khi hành động. Còn ngơời tơ duy không cao lại tơởng tơợng sự thất bại trơớc khi hành động, tinh thần do vậy mà chịu tổn hại. Sự khác biệt giữa xây dựng tầm nhìn và ảo mộng là ở chỗ: Xây dựng tầm nhìn để có thể đơa ra quyết sách, giải quyết vấn đề, và vì thực hiện mục tiêu mà hành động. Ảo mộng gần nhơ là hoang tơởng, muốn đạt đơợc mà không phải nỗ lực. Ngơời mơ giữa ban ngày nói mọi ngơời nên làm cái gì đó để giúp thực hiện mục tiêu mà họ hy vọng đạt đơợc, hoặc kiếm cớ lý do vì sao để thoái thác.

+ Khả năng tự đánh giá bản thân đó là quá trình nhìn lại, đánh giá những kinh nghiệm sống để xem xét mình đã tích luỹ đơợc những kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp nào và đánh giá xem các kỹ năng đó sẽ đơợc tiếp thị tới nhà tuyển dụng ra sao, bản thân mình có những điểm mạnh nào có thể phát huy sở trơờng của mình trong công việc đồng thời cũng xem mình có những điểm yếu nào để khắc phục, sửa chữa, thay đổi. Không bao giờ là quá sớm để bắt đầu quá trình tự đánh giá. Ngoài việc chuẩn bị tốt về học vấn, đây cũng là một việc đáng làm trong bất cứ quá trình làm việc gì. Đánh giá năng lực bản thân cũng góp phần quan trọng trong việc hình thành thái độ của cá nhân trong công việc. Nếu đánh giá khả năng bản thân quá cao so với mức thực tế sẽ làm cho cá nhân huyễn hoặc về bản thân mình, từ đó nảy sinh tơ tơởng cao ngạo, bảo thủ không chịu học hỏi để nâng cao trình độ bản thân. Điều này khiến cho cá nhân hình thành nét tính cách tiêu cực, không phù hợp với nhân cách nghề nghiệp trong tơơng lai

+ Biết lập kế hoạch là một tập hợp những hoạt động đơợc sắp xếp theo lịch trình, có thời hạn, nguồn lực, ấn định những mục tiêu cụ thể và xác định biện pháp tốt nhất… để thực hiện một mục tiêu cuối cùng đã đơợc đề ra. Khi cá nhân lập đơợc kế hoạch thì tơ duy quản lý của bản thân sẽ có hệ thống hơn để có thể tiên liệu đơợc các tình huống sắp xảy ra. Bạn sẽ phối hợp đơợc mọi nguồn lực của cá nhân, tổ chức để tạo nên một sức mạnh tổng hợp, có thể giữ vững "mũi tiến công" vào mục tiêu cuối cùng mình muốn hơớng đến. Bên cạnh đó, cá nhân cũng sẽ dễ dàng kiểm tra, giám sát hiệu quả thực hiện dự án của mình. Khi lập kế hoạch tơơng lai cần trả lời đơợc những câu hỏi sau: Mục tiêu của kế hoạch là gì?; Nội dung công việc làm gì?; Ở đâu, khi nào, ai thực hiện?; Phơơng pháp và cách thức để tiến hành nhơ thế nào?

- Dũng cảm,Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn:

Dũng cảm là sẵn sàng đối diện với gian khó để thực hiện cho đợợc mục đích đề ra. Cuộc sống ngày càng khó khăn, để tồn tại con ngợời phải đối diện với bao nhiêu thử thách, gian nan. Nếu không có đủ nghị lực và nếu không có lòng dũng cảm, chúng ta sẽ rất khó có đợợc sự thành công trong cuộc sống. Dũng cảm là một phẩm chất mà chúng ta có thể bồi dợỡng thông qua rèn luyện. Cùng với lòng trung thực, dũng cảm sẽ là tố chất để mỗi ngợời có thể là một ngợời tốt. Biểu hiện của sự dũng cảm:

+ Trong bất cứ ngành nghề hay công việc nào, những nguy hiểm, khó khăn thử thách, những áp lực công việc luôn luôn diễn ra. Lòng dũng cảm biểu hiện ở việc cá nhân dám nghĩ dám làm. Ví dụ trong khởi nghiệp kinh doanh hay sản xuất, trợớc hết đó là một quyết định táo bạo và dũng cảm. Họ chấp nhận những khó khăn, chấp nhận cả thất bại. Bất chấp những khó khăn, những trở ngại (nhợ thiên tai, bệnh dịch..vv) để phát triển những mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao.

+ Chấp nhận hi sinh lợi ích của mình, của công ty để phục vụ lợi ích của cộng đồng, của xã hội trong những tình huống cần thiết.

+ Sẵn sàng lập nghiệp với những điều kiện còn khó khăn, thiếu thốn nhợ sẵn sàng về quê hợơng hay miền núi xa xôi để đem những công nghệ, khoa học nông nghiệp về phát triển kinh tế địa phợơng.

+ Nhận ra những sai lầm của bản thân và có quyết tâm khắc phục

+ Có bản lĩnh để tránh đợợc những cám dỗ, những lợi ích cá nhân

+ Dũng cảm trong việc cạnh tranh với những đối thủ mạnh hơn. Táo bạo đợa ra những ý tợởng mới, độc đáo nhợng có giá trị lớn lao. Vậy để hành nghề đợợc thì cá nhân phải có trong mình phẩm chất dũng cảm.

Tự tin là một trong những tài sản quan trọng nhất của ngợời sở hữu, nó quan trọng hơn cả những kỹ năng, kiến thức và những kinh nghiệm. Sự tự tin là cách nhận biết đợợc giá trị và sự quan trọng của bản thân cá nhân. Cảm nhận bản thân chúng ta đợợc yêu, đáng yêu, có năng lực, tự hào, có trách nhiệm, đợợc chấp nhận, có giá trị và những tợ tợởng khác mà ta tạo ra cho chính bản thân mình. Các yếu tố này là những yếu tố cơ bản của lòng tự tin.

+ Trong hoạt động nghề nghiệp, tự tin giúp cho cá nhân thể hiện năng lực của mình một cách tốt nhất, tạo đợợc sự tin tợởng ở lãnh đạo, đồng nghiệp, đối tác -

khách hàng. Tự tin còn giúp cho chúng ta luôn có đợc thái độ vui vẻ, lạc quan, thân thiện từ đó mà có kỹ năng giao tiếp tốt, thiết lập đợc các mối quan hệ.

+ Sẵn sàng cạnh tranh một cách lành mạnh để bản thân trợởng thành hơn, thành công hơn.

- Tinh thần hợp tác trong công việc:

Hợp tác có nghĩa là những cá nhân hợp lực với nhau để thực hiện một điều gì đó thiết thực cho tập thể mà cá nhân ấy tham gia. Nhìn lại lịch sử nhân loại, sự hợp tác là một trong những yếu tố then chốt giúp loài ngợời tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Hợp tác cùng nhau làm việc, cùng nhau xây dựng, cùng nhau suy nghĩ để tìm ra một điểm chung nào đó mà chúng ta có thể cùng nhau làm việc một cách tự do.

Xã hội chúng ta đang bợớc sang thời kì giao lợu, hòa nhập trong phạm vi quốc gia và trong phạm vi toàn cầu. Vì vậy, tinh thần hợp tác trong công việc ở mọi lĩnh vực cũng là vấn đề rất cốt lõi. Với mỗi một cá nhân phải tự rèn luyện cho mình cách làm thế nào để thích ứng với xã hội này. Sức mạnh của cá nhân dù có lớn đến đâu đi chăng nữa, cũng chỉ là một lực lợợng đơn độc, khó mà vợợt qua đợợc những thử thách lớn lao. Trong khi đó, đoàn kết và hợp tác lại có thể tập hợp nên một lực lợợng vĩ đại, một sức mạnh phi thợờng, có thể hoàn thành tất cả những việc mà một cá nhân không thể nào làm nổi. Hợp tác là yếu tố giúp cho cá nhân tăng khả năng sinh tồn. Hợp tác với ngợời khác cũng là một loại nghệ thuật tổng hợp kĩ xảo và năng lực. Trong quá trình hợp tác, cá nhân sẽ học đợợc cách làm thế nào để kết hợp một cách hài hòa lợi ích của bản thân và của ngợời khác, để hoạt động của tập thể có thể tiến hành đợợc. Một ngợời hiểu đợợc tinh thần hợp tác sẽ dễ dàng thích nghi với xã hội, đồng thời phát huy đợợc tác dụng tích cực. Ngợợc lại, một ngợời không hiểu đợợc tinh thần hợp tác sẽ gặp rất nhiều phiền toái trong cuộc sống, làm nảy sinh nhiều khó khăn mà không cách nào thích nghi nổi.

Biểu hiện của tinh thần hợp tác đó là:

+ Luôn chủ động giúp đỡ những ngợời khác, chia sẻ những khó khăn để nhận đợợc sự giúp đỡ từ ngợời khác

+ Chung tay làm việc cùng nhau trên tinh thần cả 2 cùng có lợi,

+ Luôn hòa đồng, cởi mở với mọi ngợời, đây là hành động tạo thiện cảm cũng nhợ sự vui vẻ với mọi ngợời, có nhợ vậy việc hợp tác mới dễ dàng hơn.

Hợp tác là yêu cầu tự thân của cuộc sống. Để tồn tại và phát triển, từ bao đời nay, mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng dù muốn hay không vẫn không ngừng hợp tác với nhau để chinh phục thiên nhiên hay giải quyết các vấn đề xã hội. Điều cần nói là xã hội loài ngoời hiện đã phát triển đến trình độ cao, với sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức, con ngoời không thể tiếp tục hợp tác một cách rời rạc và nhiều khi là do tình thế thúc ép nhoi troớc nữa. Ngày nay, hợp tác không chỉ là nhu cầu tăng thêm sức lực hoặc trí lực để hoàn thành những mục tiêu chung, mà quan trọng hơn do mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đang ngày càng phụ thuộc vào nhau hơn bao giờ hết, vì vậy nhu cầu hợp tác đã trở nên bức thiết với mọi cá nhân và cộng đồng. Mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng tồn tại và phát triển không phải bằng sự loại trừ cá nhân và cộng đồng khác (những đối thủ) mà ngoợc lại phải biết hợp tác hiệu quả nhất với cá nhân và cộng đồng khác (những đối tác).Cự tuyệt hợp tác hoặc thiếu khả năng hợp tác đồng nghĩa với trì trệ và kém phát triển. Cuộc sống mới đòi hỏi phải nhận thức lại vai trò và khả năng hợp tác nhoi là một giải pháp chủ yếu để nhân loại chung sống và phát triển. Tinh thần hợp tác là trong những tiêu chuẩn để đánh giá con ngoời trong xã hội hiện đại.

Hợp tác trong sản xuất nông nghiệp là một yêu cầu tất yếu. Nó thể hiện rất rõ nét trong chính mô hình sản xuất hợp tác xã. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới các hợp tác xã có vai trò hết sức quan trọng, không chỉ nâng cao thu nhập cho nông dân mà còn góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn thời kỳ hội nhập.

- Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật:

Tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật là điều tất yếu mà mỗi cá nhân trong xã hội phải làm theo.Hiến Pháp và pháp luật là những nguyên tắc ứng xử mà nhà noiớc dùng để quản lý công dân nói chung và pháp luật điều chỉnh những quan hệ xảy ra trong xã hội nói riêng. là những quy định mà bắt buộc mọi ngoiời cần phải tuân theo, nó giúp mọi ngoiời có ý thức, giúp xã hội có nề nếp, kỉ coiơng. Trong xã hội nếu mọi công dân đều thực hiện đúng pháp luật thì xã hội ngày càng phát triển, cái xấu sẽ bị đẩy lùi, cuộc sống của chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn.Chúng ta đều hiểu pháp luật với toi cách là các yếu tố điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển xã hội.

Biểu hiện của tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật:

+ Mỗi công dân cần phải hiểu và nắm vững các quy định của pháp luật, có nắm vững thì mới thực hiện đúng pháp luật. Đối với các ngành nghề khi hoat động đều phải tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật. Vì vậy, cá nhân tham gia ngành nghề cũng cần phải thực hiện tốt điều này. Pháp luật mới chỉ là đạo đức tối thiểu vì thế là ngoời lao động thì không có yếu tố này trong đạo đức nghề nghiệp của mình.

+ Tuân thủ những qui định của Hiến pháp và pháp luật một cách tự giác, nghiêm túc và thấy việc tuân thủ theo pháp luật là trách nhiệm công dân của chính bản thân.

+ Không đồng tình, phản đối, lên án những hành vi, những việc làm vi phạm pháp luật làm ảnh hoởng đến lợi ích của cộng đồng, của xã hội.

1.3.3.3. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo đại học

Phoơng pháp giáo dục là một hệ thống những tác động của nhà giáo dục đến sinh viên thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giúp họ hình thành ý thức, thái độ, hành vi văn hóa phù hợp với yêu cầu ngành nghề, với chuẩn mực xã hội.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng là một nội dung tri thức giống nhoơ các môn khoa học khác. Do đó, cần phải có phoơng pháp, hình thức tổ chức phù hợp mới truyền tải đoợc những nội dung của đạo đức nghề nghiệp đến ngoời học. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp không chỉ là sự thuyết trình xáo rỗng những yêu cầu, những tiêu chuẩn đạo đức mà mỗi ngành nghề cần mà quan trọng là giảng viên phải có phoơng pháp và hình thức tổ chức đa dạng, phong phú để ngoời học có cơ hội đoợc trải nghiệm thông qua các tình huống thực tế. Từ đó, ngoời học có đoợc sự hiểu biết sâu sắc và phần nào chuyển những hiểu biết thành những hành vi đạo đức cụ thể.

Một phoơng pháp giáo dục áp dụng trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp không phải bao giờ cũng thành công đối với mọi đối toợng, với mọi ngành nghề. Phoơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp muôn hình, vạn trạng, không có "khuôn mẫu chung" cho mọi troờng hợp. Có thể vận dụng một số phoơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhoơ sau:

* Phoƚơng pháp thuyết trình

Giáo viên dùng lời nói sinh động để giảng giải hay tổng kết lại những tri thức về đạo đức nghề nghiệp giúp cho sinh viên có đoƚợc một cách bài bản, hệ thống những tri thức đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp.

Khi sử dụng phoƚơng pháp thuyết trình, giảng viên cần nắm rõ các boƚớc đó là:

+ Đặt vấn đề: Là boƚớc đầu tiên nhằm thông báo vấn đề cần đề cập đến doƚới dạng tổng quát để kích thích sự chú ý của sinh viên.

+ Phát biểu vấn đề: Giảng viên nêu lên những câu hỏi cụ thể nhằm vạch ra phạm vi những vấn đề cần đoƚợc giải quyết.

+ Giải quyết vấn đề: Giảng viên có thể sử dụng cách qui nạp hoặc diễn dịch để giải thích cho sinh viên hiểu vấn đề cần bàn luận.

+ Kết luận: Giảng viên đoƚa ra những ý chính, mấu chốt đoƚợc rút ra từ vấn đề đã nêu.

Trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp sẽ có những khái niệm mới, trừu toƚợng vì vậy nhà giáo dục cần phải dùng lời nói để trình bày, giải thích để sinh viên hiểu đoƚợc những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp mà ngành trồng trọt yêu cầu đối với ngoƚời lao động. Hoƚớng dẫn, giải thích để sinh viên hiểu và có đoƚợc những hành vi đúng đắn với đạo đức nghề nghiệp. Phoƚơng pháp này có thể áp dụng trong những buổi tọa đàm với chủ đề đạo đức của ngoƚời kĩ soƚ nông nghiệp hoặc trong những buổi học chính trị đầu năm của sinh viên, giảng viên sẽ giảng giải cho sinh viên hiểu sâu sắc hơn những khái niệm liên quan đến các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp hoặc trong những đợt thực tập và rèn nghề ở các trang trại, các công ty ..vv.

* Phoƚơng pháp đàm thoại

Nhà giáo dục tổ chức buổi trò chuyện giữa nhà giáo dục với sinh viên với các chủ đề nhoƚ: các phẩm chất mà ngoƚời kĩ soƚ trồng trọt cần phải có, hay đạo đức của sinh viên ngành nông nghiệp trong bối cảnh xã hội hiện nay..vv.Trong buổi trò chuyện, nhà giáo dục đoƚa ra hệ thống những câu hỏi nhằm khai thác sự hiểu biết của sinh viên về nhận thức đạo đức nghề nghiệp, tạo cơ hội để sinh viên đoƚợc trao đổi ý kiến, đoƚợc lắng nghe và đoƚợc thể hiện những quan điểm về đạo đức nghề nghiệp trong ngành trồng trọt. Phoƚơng pháp đàm thoại có thể áp dụng linh hoạt trong những môn học chuyên ngành lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành trồng trọt.

Có thể sử dụng phoƖơng pháp đàm thoại khi tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các chủ đề, chủ điểm, các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Ví dụ nhoƖ buổi gặp gỡ giữa sinh viên với các doanh nhân thành đạt, hay những câu lạc bộ do đoàn thanh niên, hội sinh viên thành lập nhoƖ câu lạc bộ Khởi nghiệp.

PhoƖơng pháp đàm thoại cũng có thể sử dụng trong việc giảng viên tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp. Thông qua từng nội dung kiến thức môn học, giảng viên lồng ghép liên hệ những nội dung về đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông học, trao đổi với sinh viên, khơi gợi những những kinh nghiệm vốn có của sinh viên để trao đổi về vấn đề đạo đức nghề nghiệp. Qua đó giúp sinh viên lĩnh hội những tri thức, những kinh nghiệm về đạo đức nghề nghiệp một cách thực tế, gần gũi dễ nhớ.

* PhoƖơng pháp khen thoƖởng

Là phoƖơng pháp biểu thị sự đánh giá tích cực, sự hài lòng, sự ủng hộ của nhà giáo dục, của tập thể, của xã hội đối với những hành vi tốt đẹp của cá nhân hay tập thể. Từ đó tạo cho ngoƖời đoƖợc khen trạng thái phấn khởi, tự hào với những đóng góp của họ để họ phấn đấu nhiều hơn, ngày càng có thành tích cao hơn. Việc khen thoƖởng sẽ góp phần quan trọng để tạo ra động cơ phấn đấu cho cá nhân, tạo nên nội lực thúc đẩy quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp đạt hiệu quả cao.

* PhoƖơng pháp trách phạt

Là cách thức tác động vào nhân cách sinh viên bằng cách biểu thị sự không đồng tình, phê phán và lên án những hành động, hành vi trái với các chuẩn mực đạo đức của ngành nghề, của xã hội hoặc đi chệch khỏi những qui tắc tập thể, bỏ qua lợi ích cộng đồng.

*PhoƖơng pháp trải nghiệm

Là phoƖơng pháp trong đó ngoƖời dạy khuyến khích ngoƖời học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phân tích, đánh giá, xác định cái gì là cần thiết, quan trọng, từ đó tạo ra tri thức mới, phát triển kĩ năng, khai thác tiềm năng của bản thân.

Học qua trải nghiệm có thể tiến hành doƖới nhiều hình thức nhoƖ: thảo luận (chung/ nhóm), nghiên cứu tình huống, đóng vai, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trò chơi, trò chơi mô phỏng vv… Tùy tính chất của môn học và quy mô của lớp học mà chúng ta có thể sử dụng các kĩ thuật nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả.

Phoƚơng pháp trải nghiệm có thể đoƚợc vận dụng một cách hiệu quả thông qua những buổi học thực hành các môn chuyên ngành, thông qua các đợt hoƚớng dẫn thực tập, rèn nghề, các đề tài nghiên cứu khoa học có sinh viên tham gia. Phoƚơng pháp trải nghiệm cũng có thể đoƚợc tiến hàng thông qua các hoạt động đoàn thể của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

* Phoƚơng pháp nêu goƚơng

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng giống nhoƚ giáo dục đạo đức chung, việc ảnh hoƚởng của những tấm goƚơng tốt đến ngoƚời học là một yếu tố vô cùng quan trọng. điều này giúp các em có thể hình dung ra đoƚợc những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp mà mình cần có trong toƚơng lai nhoƚ thế nào. Nhìn vào những tấm goƚơng tốt nhoƚ thầy cô, các doanh nghiệp, bạn bè ..v..v có em có thể biết đoƚợc cụ thể những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đoƚợc cụ thể hóa ra sao. Học tập qua những tấm goƚơng mẫu mực giúp cho sinh nhận thức đoƚợc thực tế hơn các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Hình thành ở sinh viên đoƚợc thái độ, động cơ đúng đắn. Từ đó hình thành lên niềm tin đạo đức nghề nghiệp. Đó là cơ sở, nền tảng vững chắc để các em hình thành và biểu hiện đoƚợc đạo đức nghề nghiệp trong toƚơng lai.

Ngày nay, ngành giáo dục noƚớc nhà đang đổi mới theo hoƚớng đào tạo theo năng lực thực hiện với triết lí cơ bản là "học để thành thạo". Vì thế, với mỗi ngành nghề muốn hình thành đoƚợc hành vi đạo đức nghề nghiệp thì nhà giáo dục phải tổ chức cho ngoƚời học có cơ hội đoƚợc trải nghiệm qua các tình huống thực tiễn**.** Qua đó mới giúp cho ngoƚời học đoƚợc rèn luyện và nâng cao nhận thức và hành vi đạo đức nghề nghiệp.

* Phoƚơng pháp rèn luyện

Mục đích cuối cùng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp là hình thành ở sinh viên những hành vi nghề nghiệp đúng đắn, để sau này ra troƚờng các em áp dụng ở nơi làm việc của mình. Phoƚơng pháp này có thể đoƚợc sử dụng trong quá trình hoƚớng dẫn sinh viên thực tập và rèn nghề. Nhà giáo dục chủ động tạo ra những tình huống ứng xử để sinh viên có cơ hội bộc lộ những hành vi chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Việc rèn luyện thoƚờng xuyên mới hình thành đoƚợc thói quen trong hành vi và đó là điều kiện để những hành vi đạo đức nghề nghiệp đoƚợc thực hiện một cách tự giác, thuần thục.

* Phoɪơng pháp giao công việc

Khi tiến hành phoɪơng pháp này nhà giáo dục phải tổ chức cho sinh viên đoɪợc học tập theo những yêu cầu sau:

Giao một công việc cụ thể để sinh viên có cơ hội thực hành khi đó nhà giáo dục phải xác định rõ ràng: Mục tiêu định loɪợng của công việc (bao gồm thời hạn, ngân sách, tiêu chuẩn chất loɪợng khi hoàn thành công việc); Hoɪớng dẫn cách thức thực hiện công việc; xác định ngoɪời thực hiện công việc (có sự phân công rõ ràng cụ thể từng công việc cần làm); có sự trao đổi với ngoɪời nhận việc để thoɪờng xuyên đôn đốc công việc; xây dựng cách đánh giá công việc và kết quả mong muốn.

* Phoɪơng pháp tiếp cận kĩ năng sống

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng chính là hình thành cho sinh viên những kĩ năng sống. Những hành vi đạo đức nghề nghiệp đoɪợc bộc lộ phù hợp hay không cũng còn phù thuộc vào kĩ năng sống của chính sinh viên. Có thể các em hiểu đúng về đạo đức nghề nghiệp nhoɪng kĩ năng để thể hiện ra hành vi còn choɪa thành thạo, choɪa có sự tự giác. Phoɪơng pháp tiếp cận kĩ năng sống có thể thực hiện qua các các học phần kĩ năng mềm của sinh viên. Qua việc rèn luyện và hình thành đoɪợc những kĩ năng mềm thì sinh viên sẽ có thể nhận diện đoɪợc những vấn đề về đạo đức nghề nghiệp trong thực tế và từ đó có những phản ứng về thái độ và hành vi phù hợp.

1.3.3.4. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo đại học

* Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động dạy học trên lớp

Mỗi môn học đều có vị trí, vai trò riêng trong quá trình dạy học và đều góp phần quan trọng cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành thái độ về nghề nghiệp của sinh viên. Việc giáo dục đạo đức cho sinh viên không chỉ đơn thuần dừng lại ở môn học riêng biệt nào mà là sự cộng hoɪởng của tất cả các môn học.

Thực tế cho thấy, không phải ngoɪời giảng viên nào cũng đều lồng ghép việc giáo dục đạo đức sinh viên thông qua môn học của mình phụ trách, mà thoɪờng việc giáo dục đạo đức sinh viên đoɪợc đặt nặng lên đôi vai của các giảng viên cố vấn học tập, các bộ phận chuyên trách hoặc các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên.

Kết quả của việc giáo dục đạo đức cho sinh viên không chỉ đoɪợc thể hiện liền sau mỗi tiết dạy mà là kết quả toàn bộ quá trình giáo dục có sự kết hợp từ nhiều môn học với nhau.

Lĩnh vực giáo dục đạo đức cho sinh viên phải đợợc nhận thức toàn diện thông qua thái độ học tập, hành vi ứng xử, tinh thần, thái độ trong công việc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ với vai trò là ngợời học. Do đó, trong từng môn học, giảng viên phải có trách nhiệm trong việc hợớng cho học sinh, sinh viên nhận thức đúng đắn và có những hành vi ứng xử phù hợp từng hoàn cảnh cụ thể.

Giảng viên phải thể hiện cho sinh viên thấy rằng thời gian mà họ trải qua trong từng tiết học trên lớp là thực sự cần thiết và xứng đáng; rằng đó là những kiến thức thực sự quan trọng trên con đợờng hoàn thiện kiến thức chuyên môn về nghề nghiệp của các em sau này. Điều đó liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với nghề nghiệp vì chỉ khi có kiến thức chuyên môn vững thì khả năng xử lý những tình huống trong chuyên môn mới có thể chính xác và mang lại kết quả cao.

Ngoài ra, giáo dục đạo đức cho sinh viên thông qua hành vi ứng xử, giải quyết tình huống của giảng viên. Bất cứ buổi học nào cũng có thể xảy ra những tình huống giao tiếp thông thợờng trong hoặc ngoài dự kiến của giảng viên. Vì vậy, các em có thể học đợợc cách xử lý tình huống từ giảng viên để linh hoạt, khéo léo hơn khi gặp những tình huống cụ thể. Đồng thời, những biểu hiện về xử lý tình huống trong giao tiếp cũng mang lại ấn tợợng tốt đẹp cho các em.

Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên còn có thể thông qua lối sống, phong cách của giảng viên. Thực sự phong cách, lối sống của ngợời giảng viên ảnh hợởng không nhỏ trong quá trình giáo dục sinh viên. Khi đề cập đến những chuẩn mực về đạo đức, dợ luận xã hội thợờng tôn vinh đạo đức của ngợời thầy giáo; và thầy, cô giáo thực sự là tấm gợơng cho học sinh của mình noi theo. Vì vậy, giảng viên phải chuẩn mực, lối sống giản dị, trong sáng, lành mạnh. Cuối cùng, thông qua các hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt chuyên đề của các môn học, ngợời giảng viên có dịp để giáo dục đạo đức cho sinh viên nhiều hơn. Các hoạt động này là sự kết hợp rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên.

Giáo dục tợ tợởng trong đào tạo là hoạt động quan trọng gắn liền trong toàn bộ quá trình giáo dục nói chung, mỗi giảng viên phụ trách từng môn học cần thiết phải giáo dục tợ tợởng bên cạnh nhiệm vụ cung cấp kiến thức chuyên môn theo phợơng châm dạy ngợời đi cùng với dạy chữ.

* Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua tổ chức các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm ngoại khóa

Với nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức mới trong các trọờng đại học, cao đẳng: Coi trọng công tác giáo dục chính trị, tọ tọởng; Coi trọng hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng; coi trọng sự tu dọỡng của bản thân... sẽ đào tạo ra thế hệ sinh viên có chuyên môn nghề nghiệp vững vàng, năng động, sáng tạo, có niềm tự hào dân tộc, có đạo đức và ý chí vọơn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Hoạt động ngoài giờ lên lớp là những hoạt động đọợc tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là bộ phận tiếp nối và thống nhất hữu cơ với hoạt động học tập trong giờ học. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tạo những điều kiện giúp sinh viên thể hiện những điều đã đọợc học trong cuộc sống; là con đọờng gắn lý thuyết và thực tiễn góp phần quan trọng vào sự hoàn thành nhân cách toàn diện của thế hệ trẻ.

Tại các cơ sở giáo dục đại học, các hoạt động ngoài giờ lên lớp rất phong phú và đa dạng nhọ việc tổ chức tọa đàm, giao lọu với các doanh nhân, doanh nghiệp giúp sinh viên có cơ hội làm quen với các nhà tuyển dụng, nắm bắt đọợc những yêu cầu, đòi hỏi về phẩm chất mà các em cần phải có hoặc tổ chức các câu lạc bộ nhọ Câu lạc bộ Khởi nghiệp, Câu lạc bộ kỹ sọ trẻ..v..v qua những buổi sinh hoạt, giao lọa sinh viên sẽ thu đọợc nhiều điều bổ ích nhọ các em học hỏi từ bạn những điểm tốt mà mình chọa có, hoặc chia sẻ giúp đỡ bạn có đọợc những kinh nghiệm về học tập cũng nhọ những kinh nghiệm trong cuộc sống, góp phần giúp các em hoàn thiện nhân cách mình tốt hơn.

* Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập nghề nghiệp Thực tập tốt nghiệp là hoạt động giáo dục đặc thù nhằm góp phần hình thành,

phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cần thiết của sinh viên theo mục tiêu đào tạo đã đề ra. Thực tập tốt nghiệp bao gồm: thực tập nghề đối với sinh viên không thuộc ngành đào tạo giáo viên và thực tập sọ phạm đối với sinh viên sọ phạm. Hoạt động này có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với sinh viên.

Kết quả thực tập tốt nghiệp thọờng đọợc tính điểm với trọng số tọơng đối lớn trong học kỳ, ảnh họởng đến kết quả xếp loại tốt nghiệp của sinh viên. Nhọng thực ra, điểm số chỉ đóng một vai trò nhỏ. Kỳ thực tập này giúp sinh viên đọợc tiếp cận

với nghề nghiệp mà các bạn đã lựa chọn khi bợớc chân vào trợờng đại học. Các hoạt động thực tiễn thêm một lần nữa giúp sinh viên hiểu đợợc mình sẽ làm công việc nhợ thế nào sau khi ra trợờng và có những điều chỉnh kịp thời, cùng với chiến lợợc rèn luyện phù hợp hơn.

Đối với sinh viên ngành kỹ thuật nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng, trợớc khi nhận đồ án tốt nghiệp, các em phải trải qua quá trình thực tập thực tế ở công trợờng. Đó là điều hết sức cần thiết, giúp các em tiếp cận dần với công việc sau này của một ngợời kỹ sợ nông nghiệp.

Hoạt động thực tập tốt nghiệp có vai trò quan trọng không chỉ với quá trình học tập mà còn với cả công việc của sinh viên sau này. Kết quả thực tập tốt nghiệp thợờng đợợc tính điểm với trọng số tợơng đối lớn trong học kỳ, ảnh hợởng đến kết quả xếp loại tốt nghiệp của sinh viên. Nhợng thực ra, điểm số chỉ đóng một vai trò nhỏ. Kỳ thực tập này giúp sinh viên đợợc tiếp cận với nghề nghiệp mà các em đã lựa chọn khi bợớc chân vào trợờng đại học. Các hoạt động thực tiễn thêm một lần nữa giúp sinh viên hiểu đợợc mình sẽ làm công việc nhợ thế nào sau khi ra trợờng và có những điều chỉnh kịp thời, cùng với chiến lợợc rèn luyện phù hợp hơn. Quá trình áp dụng các kiến thức học đợợc trong nhà trợờng vào thực tế công việc giúp sinh viên nhận biết đợợc điểm mạnh, điểm yếu của mình và cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng nhu cầu công việc. Trong thực tế, chợơng trình đào tạo đã cung cấp hệ thống lý luận và lý thuyết hữu dụng về ngành nghề và nhất thiết cần đợợc áp dụng vào thực tiễn sinh động với đối tợợng và môi trợờng nghề nghiệp cụ thể. Vì thế, các kỳ thực tập càng trở nên cần thiết đối với sinh viên. Những trải nghiệm ban đầu này giúp sinh viên tự tin hơn sau khi ra trợờng và đi tìm việc, giúp các em không quá ảo tợởng dẫn đến thất vọng về thực tế khi thực sự tham gia thị trợờng lao động. Trong quá trình thực tập, sinh viên có thể thiết lập đợợc các mối quan hệ trong nghề nghiệp của mình, điều này rất hữu ích cho sinh viên khi ra trợờng. Nếu thực tập tốt, sinh viên còn có cơ hội kiếm đợợc việc làm ngay trong quá trình thực tập.

Hoạt động thực tập nghề nghiệp giúp cho sinh viên đợợc thâm nhập vào môi trợờng làm việc thực tế, áp dụng các kiến thức đã thu thập đợợc vào công việc thực của một công ty, trang trại, hay cơ sở sản xuất nào đó. Từ đó các em có thể học hỏi,

rèn luyện phong cách làm việc và cách ứng xử trong các mối quan hệ công tác tại nơi làm việc.

Đạo đức nghề nghiệp đợợc bộc lộ ở hành vi nghề nghiệp. Thông qua hoạt động thực tập sinh viên sẽ có điều kiện để bộc lộ những nhận thức, hiểu biết về những qui định, những chuẩn mực đạo đức ngành nghề mà mình đang theo học.

1.3.3.5. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục đại học

Trong các cơ sở giáo dục đại học cần thợờng xuyên đánh giá các hoạt động giáo dục, nhằm cung cấp thông tin cho công tác quản lý và tổ chức giáo dục. Sinh viên cũng phải biết tự đánh giá mình để có phợơng hợớng phấn đấu vợơn lên.

Đánh giá kết quả giáo dục là hoạt động cần có tiêu chí và thang đo chính xác. Đánh giá giáo dục thợờng xuyên sẽ tạo nên những tác động mạnh mẽ đến quá trình tu dợỡng của cá nhân sinh viên và của tập thể.

Đánh giá kết quả của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khi các em còn học trong nhà trợờng là chợa thể thực hiện đợợc một cách đầy đủ, toàn diện. Bởi đạo đức nghề nghiệp đợợc bộc lộ thông qua hoạt động nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp đợợc bộc lộ ở ba mặt: nhận thức, thái độ, hành vi. Có thể đánh giá đợợc phần nào nhận thức của sinh viên về đạo đức nghề nghiệp. Thông qua đánh giá nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của sinh viên để ngợời làm công tác giáo dục có thể dự đoán đợợc sản phẩm đào tạo có đáp ứng đợợc yêu cầu của ngành nghề, của xã hội hay không. Từ đó, các nhà giáo dục điều chỉnh chợơng trình đào tạo cho phù hợp.

1.3.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục đại học

1.3.4.1. Các văn bản có tính pháp lí

Nghị quyết Trung ợơng 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo - Nghị quyết số 29 - NQ/TW đã nêu rõ nhiệm vụ của giáo dục bậc chuyên nghiệp là: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hợớng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của ngợời học... Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân... Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp". Nhợ vậy, Đảng và nhà nợớc đã rất quan tâm đến đạo đức nghề nghiệp của sinh viên

và coi đây là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Giáo dục và đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, mỗi một trọờng đều có những tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra cho mỗi một chuyên ngành, trong đó có đề cập đến phẩm chất đạo đức nói chung và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của từng ngành. Ví dụ nhọ trong Chuẩn đầu ra của Trọờng đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh có nếu về thái độ và hành vi của sinh viên khi tốt nghiệp đó là:

Nhận thức đúng đắn chủ trọơng, đọờng lối chính sách của Đảng và Nhà Nọớc trong các lĩnh vực: Chính trị, Giáo dục, Môi trọờng, Kinh tế, An ninh, Quốc phòng.

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và nhân cách toàn diện con ngọời mới Xã Hội chủ nghĩa
- Có ý thức trách nhiệm, tôn trọng pháp luật của người công dân; có đạo đức, thái độ và tác phong đúng đắn của một cán bộ chuyên ngành đọợc đào tạo
- Có tinh thần tập thể và làm việc tập thể
- Có phọơng pháp làm việc khoa học, biết giải quyết các tình huống theo họớng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hoàn thành kỹ năng tọ duy sáng tạo trong nghề nghiệp.

Hay chuẩn đầu ra của ĐH Nông lâm Huế cũng có nêu:

Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, sẵn sàng nhận nhiệm vụ;

- Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến;
- Có tính hòa đồng, kiên nhẫn, năng động và sáng tạo, biết khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong thông tọ liên tịch qui định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ số 36/2015/TTLT- BNNPTNN-BNV có nêu rõ trong chọơng II, điều 3: Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành bảo vệ thực vật và chọơng III, điều 7: Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề ngiệp của viên chức chuyên ngành giám định thuốc và bảo vệ thực vật:

- Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác;

- Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ đợợc giao;
- Chấp hành nghiêm túc các qui định, quy chế hoạt động nghề nghiệp;
- Thợờng xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ đợợc giao;
- Có trách nhiệm quản lý tài sản vật tợ, máy móc và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ công tác giám định thuốc bảo vệ thực vật.

1.3.4.2. Nội dung chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học

Hiện nay trong các chợơng trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học nói chung và các cơ sở giáo dục đại học có ngành nông nghiệp thì đều không có môn đạo đức nghề nghiệp riêng biệt. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp chỉ đợợc lồng ghép trong các môn học đại cợơng và trong các môn học chuyên ngành.

Trong chuẩn đầu ra của mỗi nghành nghề cần phải có những qui định chi tiết, cụ thể về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra chính là thể hiện mục đích của chợơng trình đào tạo của mỗi ngành nghề. Do đó, với mỗi ngành nghề thì khi sinh viên học xong họ phải có đợợc những tiêu chuẩn gì trong đạo đức nghề nghiệp.

Tất nhiên là đạo đức nghề nghiệp sẽ đợợc thể hiện cụ thể thông qua hành vi nghề nghiệp khi ngợời học tham gia thực tế trong hoạt động nghề nghiệp. Nhợng khi còn ngồi trên giảng đợờng, bản thân ngợời học phải đợợc trang bị những hiểu biết về các phẩm chất, các chuẩn mực mà mình cần có khi ra hành nghề.

Nhợng vậy, chợơng trình đào tạo của mỗi ngành nghề có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Nội dung đào tạo càng chi tiết, cụ thể thì sẽ giúp ngợời học hình thành đạo đức nghề nghiệp đợợc cách bài bản hơn, hệ thống hơn.

1.3.4.3. Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, của thời kì mở cửa hội nhập giao lưu về các mặt của đời sống xã hội.

Hiện nay đất nợớc ta đang tiến hành đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm. Thực chất của đổi mới kinh tế là chuyển từ mô hình kinh tế tập trung quan liêu hành chính bao cấp sang phát triển nền kinh tế thị trợờng định hợớng xã hội chủ nghĩa.

Việc chuyển sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó vừa có tính tích cực, vừa có tính tiêu cực đối với đạo đức.

Ảnh hưởng của cơ chế thị trường đối với đạo đức là một hiện tượng hết sức phức tạp; có thể khái quát mặt tích cực và tiêu cực của nó như sau:

Về mặt tích cực: Cơ chế thị trường kích thích sự phát triển kinh tế, nâng cao tổng công lợi xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển con người về mọi mặt, trong đó có đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng. Con người tham gia vào hoạt động kinh tế thị trường về nhân cách được độc lập, tự do có quyền bình đẳng trong cạnh tranh, giữ chữ tín trong trao đổi và tăng cường quan tâm phát triển lợi ích chung của toàn xã hội.

Tham gia vào kinh tế thị trường, con người có điều kiện phát triển nhân cách cá nhân: Tính quyết đoán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động sáng tạo trong lập thân, lập nghiệp được khẳng định. Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các cơ sở sản xuất với nhau mà yếu tố để đảm bảo thắng lợi trong cạnh tranh đó là uy tín và chất lượng. Uy tín của ngành nghề nào đó là do yếu tố về mặt đạo đức nghề nghiệp của người tham gia lao động trong lĩnh vực nghành nghề đó.

Về mặt tiêu cực: Bên cạnh những mặt tích cực nói trên, cơ chế thị trường cũng gây ra hàng loạt những hiện tượng tiêu cực đối với đạo đức và tiến bộ xã hội. Đó là, sự phân hoá giàu nghèo một cách sâu sắc, từ đó làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn xã hội. Kinh tế thị trường dễ nảy sinh những tệ nạn xã hội: tham nhũng, tội phạm, bạo lực. Đó là sự kích thích lòng tham lợi, dẫn đến khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như sức lực của người lao động. Kinh tế thị trường còn kích thích chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý. Đặc biệt, đối với những nước mới bước vào kinh tế thị trường, sự đụng độ giữa kinh tế thị trường và các giá trị đạo đức nghề nghiệp cũng trở thành một vấn đề nan giải.

Trong nền kinh tế thị trường thì một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng lớn đến mục tiêu đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học đó chính là những đòi hỏi, yêu cầu của thị trường lao động. Các cơ sở giáo dục đại học phải ưu tiên đào tạo theo định hướng ứng dụng nhằm cung cấp cho thị trường lao động những sinh viên có

kiến thức sâu rộng, kỹ năng nghề nghiệp thành thạo và thái độ nghề đúng đắn. Trong những năm qua, chúng ta đã chứng kiến những bợớc phát triển khá dài của giáo dục đại học Việt Nam. Từ chỗ các trợờng luôn dạy những gì mình có, chủ yếu là lý thuyết, hàn lâm, khảo cứu tài liệu để xây dựng chợơng trình; đánh giá ngợời học chủ yếu thông qua khả năng tiếp thu kiến thức từ sách vở..., thì đến nay nhiều trợờng đã gắn kết với khu vực doanh nghiệp để phát triển chợơng trình, xác định chuẩn đầu ra theo yêu cầu của thị trợờng lao động, đánh giá kết quả học tập theo chuẩn năng lực ngợời học và theo yêu cầu của vị trí việc làm. Những yêu cầu, đòi hỏi của thị trợờng lao động là yếu tố quan trọng để nhà trợờng xác định mục tiêu đào tạo sao cho kết quả của đào tạo là tạo ra đợợc nguồn lao động có đầy đủ năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Làm đợợc điều này mới đem lại thành công và nâng cao uy tín của cơ sở giáo dục trong xã hội.

1.3.4.4. Yếu tố cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học

Cơ sở vật chất cũng có ảnh hợởng nhất định trọng việc thực hiện tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Cơ sở vật chất bao gồm: giảng đợờng, phòng thí nghiệm, xợởng thực hành, các phợơng tiện hỗ trợ việc dạy và học, thợ viện và các tài liệu..v..v. Các trang thiết bị là yếu tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo, nó đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lợợng dạy và học và đảm bảo chất lợợng cơ sở giáo dục. Ngợời học phải đợợc tiếp cận với những công nghệ mới liên quan đến cung cấp thông tin để có thể quản trị sự kiện, tổ chức sự kiện, khai thác giá trị nhân văn của các địa danh, di tích lịch sử, văn hóa - xã hội vv... Nghĩa là ngợời học thực sự bợớc vào "thực tế" nghề nghiệp ngay trên giảng đợờng. Nhợ vậy, cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học cũng góp phần ảnh hợởng quan trọng trong việc hình thành những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên cần có để sau này ra hành nghề.

1.3.4.5. Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục ngoài và trong nhà trường (gia đình, các cơ sở sản xuất..v.v)

Việc giáo dục, bồi dợỡng, rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhằm giúp ngợời học phát triển nhân cách một cách toàn diện là một quá trình lâu dài liên tục, diễn ra ở nhiều môi trợờng khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp.

Trong sự phát triển nguồn nhân lực cho đất nớc đang đổi mới hiện nay, rõ ràng nổi lên yêu cầu cấp bách là nâng cao chất lợợng ngợời lao động, đào tạo con ngợời có nhân cách, có kỷ luật lao động. Để có đợợc những con ngợời đảm bảo yêu cầu của đổi mới xã hội cần có sự kết hợp nhịp nhàng đồng bộ và hỗ trợ giữa ba môi trợờng giáo dục: gia đình - nhà trợờng và các tổ chức xã hội, tác động mạnh vào việc phát triển nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ - sinh viên. Nhà trợờng sẽ là vai trò trung tâm, tổ chức phối hợp dẫn dắt nội dung, phợơng pháp giáo dục của gia đình và các lực lợợng trong xã hội. Bởi lẽ nhà trợờng là một tổ chức chuyên biệt đối với công tác giáo dục, đợợc sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và nhà nớc, nắm vững quan điểm, đợờng lối, mục tiêu bồi dợỡng đào tạo con ngợời xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nhà trợờng luôn luôn có đội ngũ thầy cô giáo có trình độ, năng lực, nhiệt tình, tâm huyết, đã đợợc đào tạo có hệ thống. Giáo dục nhà trợờng trong mọi thời đại có chức năng cơ bản là truyền thụ tri thức văn hóa đã đợợc rút kết từ các tinh hoa của nhân loại, mở mang trí tuệ cho ngợời học. Nhờ nắm vững những tri thức văn hóa cơ bản này mà nhân cách của sinh viên đợợc hình thành và phát triển một cách vững vàng.

1.3.4.6. Phong tục tập quán, văn hóa của địa phương và thói quen trong sản xuất của ngành nghề

Phong tục tập quán là một bộ phận quan trọng trong vốn văn hóa truyền thống, nó không chỉ là công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội mà còn ẩn chứa những quan niệm sâu xa về triết học, nhân sinh.

Phong tục tập quán là những thói quen đã đợợc mọi ngợời tuân thủ tại một địa phợơng trong một hoàn cảnh bắt buộc phải chấp nhận lề thói ấy nhợ là một phần luật của địa phợơng. Thực chất đó là những qui tắc xử sự mang tính cộng đồng, phản ánh nguyện vọng qua nhiều thế hệ của toàn thể dân cợ trong cộng đồng tự quản. Những qui tắc này ảnh hợởng đến tất cả các mặt của đời sống xã hội trong đó có sản xuất kinh tế của các ngành nghề, nhất là đối với ngành nông nghiệp - một nền sản xuất gắn liền với nền văn minh lúa nớc.

Phong tục tập quán còn là một bộ phận cấu thành lên những giá trị đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng trong đó phải nói đến những chuẩn mực đạo đức truyền thống. Do đó, khi giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng cần phải chú ý đến yếu tố phong tục tập quán.

Thói quen trong sản xuất nghành nghề có ảnh hoɹởng tới lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Những thói quen tốt thì sẽ góp phần tạo ra những giá trị tích cực cho ngành nghề đó, và ngoɹợc lại những thói quen xấu sẽ là hại đến lợi ích của cộng đồng.

Trong ngành nông nghiệp ở noɹớc ta, để cùng chung tay xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững thì việc thay đổi toɹ duy sản xuất là một yêu cầu tất yếu. Ở nhiều địa phoɹơng vẫn còn tồn tại những thói quen sản xuất làm ô nhiễm môi troɹờng, ảnh hoɹởng tới sức khỏe của cộng đồng, tạo ra những sản phẩm chất dinh doɹỡng thì ít mà hóa chất độc hại thì nhiều. Nền nông nghiệp Việt Nam thay đổi từ toɹ duy nhận thức đến thói quen sản xuất, quan trọng hơn hết là phải chú trọng đến yếu tố văn hóa đạo đức trong sản xuất và kinh doanh ngành công nghiệp sản xuất loɹơng thực - thực phẩm này. Bởi nó liên quan đến sinh mạng của con ngoɹời và lợi ích của cộng đồng xã hội, hơn nữa cũng còn là vấn đề thoɹơng hiệu của quốc gia, dân tộc.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học cần phải chú ý đến yếu tố này để hình thành ở sinh viên nhận thức đoɹợc những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất hơn.

KẾT LUẬN CHƠƠNG 1

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói chung luôn luôn là nhiệm vụ quan trọng. Bởi họ là những lực lơợng lao động có tri thức trong tơơng lại và mỗi cá nhân muốn tham gia hành nghề phải biết kết hợp hài hòa giữa năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

Đạo đức nghề nghiệp là một phạm trù vĩnh hằng từ xa xơa cho đến nay và về sau. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp có thể thay đổi theo thời gian, theo sự phát triển của xã hội nhơng nó phải có nền tảng là đạo đức cơ bản làm ngơời. Từ nền tảng đó, khi tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp phải dựa vào đặc thù của từng ngành nghề, những yêu cầu xã hội đối với ngành nghề đó để từ đó. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp phải tiến hành khi sinh viên bắt đầu việc học ở các cơ sở giáo dục đại học với các phơơng pháp, hình thức tổ chức phong phú, đa dạng. Giúp cho sinh viên có đơợc sự trải nghiệm để hình thành nhận thức đúng đắn về các chuẩn mực đạo đức cần có từ đó có thái độ phù hợp với nghề nghiệp trong tơơng lai.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp là một quá trình vô cùng khó khăn, phức tạp vì nó chịu nhiều ảnh hơởng tích cực và tiêu cực của xã hội, của thị trơờng lao động, môi trơờng sống của sinh viên, của các lực lơợng tác động khác trong xã hội.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, nền kinh tế thị trơờng mở cửa kết hợp với xu hơớng toàn cầu hóa do đó sự giao lơu, ảnh hơởng của nhiều nền văn hóa nơớc ngoài đã ảnh hơởng không nhỏ đến suy nghĩ, thái độ, hành động của sinh viên về mọi mặt, trong đó có suy nghĩ về ngành nghề trong tơơng lai. Vì vậy, trong các cơ sở giáo dục đại học không chỉ chú trọng về đào tạo về chuyên môn và còn phải chú trọng trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Đặc biệt là trong ngành nông nghiệp, vấn đề an toàn và vệ sinh lơơng thực - thực phẩm đang là vấn đề cấp thiết. Nó ảnh hơởng mạnh đến sức khỏe của cộng đồng, đến môi trơờng sinh thái. Dó đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp nói chung và sinh viên ngành trồng trọt nói riêng là vấn đề luôn luôn phải quan tâm, chú trọng và đặc biệt phải tổ chức, thực hiện công việc này một cách có hiệu quả thiết thực chứ không mang tính chất hình thức, sáo rỗng. Nhơ vậy, mới góp phần giáo dục nhân cách toàn diện cho sinh viên.

Chơng 2
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu, đánh giá đơợc biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ đang làm việc trong ngành Nông nghiệp thông qua nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của họ.
- Tìm hiểu, phân tích và đánh giá đơợc hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Qua đó, xác định cơ sở thực tiễn để xây dựng các biện pháp tác động sơị phạm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp.

2.2. Mẫu và địa bàn khảo sát

- Để tìm hiểu về những biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ đang làm việc trong ngành Nông nghiệp chúng tôi chọn khảo sát 30 cán bộ (là cựu sinh viên đại diện ở 3 cơ sở giáo dục đại học) làm ở các cơ sở sản xuất, các viện nghiên cứu, các công ty ở khắp các tỉnh thành trong cả nơớc.
- Để tìm hiểu về thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp, chúng tôi khảo sát 30 cán bộ giảng dạy và quản lí ở 3 cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành Nông nghiệp: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông Lâm Huế - Đại học Huế
- Sinh viên các chuyên khoa ngành Nông nghiệp (302 sinh viên): đại diện sinh viên từ năm thứ nhất đến năm cuối ở Khoa Nông học ở 3 cơ sở giáo dục đại học.

Chúng tôi chọn số mẫu trên theo phơơng pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, số mẫu đơợc chọn đại diện cho các đối tơợng mà đề tài cần khảo sát.

2.3. Nội dung khảo sát

- Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp
- Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học
- Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học.

- Thực trạng mức độ ảnh hoợởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp.

2.4. Phoợơng pháp khảo sát

2.4.1. Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi (Anket)

- Xây dựng 3 loại phiếu hỏi:

+ Phiếu troợng cầu ý kiến dành cho sinh viên đang theo học - Mã số 01

+ Phiếu troợng cầu ý kiến dành cho cán bộ ngành nông nghiệp - nguyên là cựu sinh viên ngành nông nghiệp ở 3 cơ sở giáo dục đại học - Mã số 02

+ Phiếu troợng cầu ý kiến dành cho cán bộ quản lí và cán bộ giảng dạy tại 3 cơ sở giáo dục đại học - Mã số 03

Nội dung phiếu đoợợc thiết kế bằng hệ thống câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Trong số những câu hỏi đóng phần gợi ý trả lời thoợờng đoợợc để ở 5 mức độ. Tuy nhiên, một số câu hỏi nhằm khẳng định lại ý kiến đã đoợợc hỏi ở những câu hỏi trên thì có thể để ở các mức độ khác 5.

2.4.2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

- Đoợợc sử dụng hỗ trợ trong quá trình khảo sát những biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp.

2.4.3. Phương pháp quan sát

- Đoợợc sử dụng trong quá trình dự giờ cán bộ giảng dạy và quan sát thái độ và hành vi của sinh viên trong những buổi thực tập nghề nghiệp.

2.4.4. Phương pháp phỏng vấn

- Sử dụng phỏng vấn cán bộ quản lí và cán bộ giảng dạy

- Sử dụng phỏng vấn sinh viên (có phỏng vấn cá nhân và nhóm)

2.4.5. Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học

- Sử dụng phần mềm SPSS để thống kê xử lí số liệu

- Những câu hỏi khảo sát với 5 mức độ, đoợợc sắp xếp theo mức độ giảm dần, toợơng ứng với mỗi mức độ là các điểm số 5, 4, 3,2,1 đoợợc xử lí theo điểm trung bình cộng. Mức độ chênh lệch của điểm trung bình cộng của các câu có thang đo mức độ đoợợc tính bằng cách Lấy điểm cao nhất của thang đo 5 điểm trừ đi điểm thấp nhất của thang đo là 1 điểm chia ra 5 mức độ để thu đoợợc điểm chênh lệch là 0,8 và thu đoợợc các mức độ của thang đo là

Bảng 2.1: Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo

Gía trị trung bình	Xếp loại mức độ						
	Mức độ phù hợp	Mức độ sử dụng	Mức độ quan trọng	Mức độ thể hiện	Mức độ đạt đoợc	Mức độ cần thiết	Mức độ ảnh hoởng
Mức 1 1,0 - 1,8	Rất không phù hợp	Chola bao giờ	Rất không quan trọng	Không thể hiện	Không đạt đoợc	Rất không cần thiết	Rất không ảnh hoởng
Mức 2 1,81- 2,6	Không phù hợp	ít khi	Không quan trọng	Bình thoờng	Rất ít	Không cần thiết	Không ảnh hoởng
Mức 3 2,61- 3,4	Phù hợp	Thi thoảng	Bình thoờng	Khá	Bình thoờng	It cần thiết	ảnh hoởng
Mức 4 3,4 - 4,2	Khá phù hợp	Khá thoờng xuyên	Quan trọng	Tốt	Tốt	Khá cần thiết	Khá ảnh hoởng
Mức 5 4,21- 5,0	Rất phù hợp	Rất thoờng xuyên	Rất quan trọng	Rất tốt	Rất tốt	Rất cần thiết	Rất ảnh hoởng

2.5. Kết quả khảo sát

2.5.1. Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp

2.5.1.1. Thực trạng nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành Nông nghiệp

* Nhận thức của cán bộ ngành nông nghiệp về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp

Để thành công trong lĩnh vực nông nghiệp thì cần phải có nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến đạo đức nghề nghiệp. Vậy, quan điểm của ngoời cán bộ ngành Nông nghiệp về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đoợc đánh giá nhoị thế nào (câu hỏi 1, phiếu troịng cầu ý kiến MS02 - phụ lục). Điều này đoợc thể hiện qua bảng số liệu doới đây:

Bảng 2.2: Kết quả khảo sát nhận thức của cán bộ ngành Nông nghiệp về mức độ quan trọng của đạo đức nghề nghiệp ngành Nông nghiệp

STT	Các yếu tố	Sự lựa chọn của ngoịời đoịợc hỏi theo các mức độ (tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Tri thức về lĩnh vực chuyên môn ngành nghề	10,0	0,0	23,3	30,0	36,7	3.83	3
2	Những kĩ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành nghề	0,0	13,3	20,0	30,0	36,7	3.90	2
3	Đạo đức nghề nghiệp của ngoịời tham gia vào lĩnh vực ngành nghề	10,0	0,0	16,7	33,3	40,0	3.93	1
4	Khả năng thiết lập đoịợc các mối quan hệ xã hội tốt	0,0	20,0	46,7	33,3	0,0	3.13	4
5	Gặp đoịợc thời cơ thuận lợi trong công việc	3,3	16,7	46,7	33,3	0,0	3.10	5
6	Có hỗ trợ giúp đỡ từ ngoịời khác	6,7	33,3	30,0	20,0	10,0	2.93	6
7	Có kinh nghiệm trong công việc	10,0	30,0	30,0	23,3	6,7	2.87	7

Qua bảng số liệu mà chúng tôi thu đoịợc đã cho thấy đa số cán bộ ngành Nông nghiệp đánh giá cao về mức độ quan trọng của đạo đức trong nghề nghiệp có điểm trung bình là 3,93 thuộc mức độ 4 - mức độ khá quan trọng, có thứ bậc là 1. Nhoị vậy, những cán bộ ngành Nông nghiệp là những sinh viên đã ra troịờng và hiện tại đang đoịợc hoạt động trong ngành Nông nghiệp họ đã tổng kết từ lý thuyết đến thực tiễn làm việc và thấy rằng đạo đức nghề nghiệp vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng khi ra hành nghề. Đạo đức nghề nghiệp là yếu tố quyết định uy tín nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Và muốn thành công trong nghề thì phải tạo dựng đoịợc cho mình thoịơng hiệu - uy tín. Thoịơng hiệu - uy tín đoịợc tạo nên từ sự kết hợp của 3 yếu tố tri thức nghề, kỹ năng nghề và đạo đức nghề. Tuy nhiên "kỹ năng nghề nghiệp, tri thức nghề nghiệp chúng ta có thể dùng công nghệ, máy móc thay thế con ngoịời

nhoŋng đạo đức nghề

nghiệp thì không có gì thay thế đợợc" - lời nhận xét qua phỏng vấn một cán bộ ngành Nông nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp là yếu tố nền tảng trong hoạt động nghề nghiệp. Nó thể hiện rõ ở tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc đối với công việc và nó đợợc hình thành chủ yếu dựa trên sự tự ý thức của mỗi cá nhân.

*Những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp đợợc lựa chọn theo quan điểm của những ngợời cán bộ ngành Nông nghiệp (Câu hỏi 2, phiếu trợng cầu ý kiến MS02 - Phụ lục)

Bảng 2.3: Kết quả lựa chọn các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo quan điểm của cán bộ ngành nông nghiệp

STT	Một số gợi ý về nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo các mức độ (tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	10,0	0,0	0,0	53,3	36,7	4,07	4
2	Lợơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp	10,0	0,0	0,0	20,0	70,0	4,70	1
3	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	0,0	0,0	20,0	36,7	43,3	4,23	2
4	Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp.	0,0	10,0	13,3	50,0	26,7	3,93	6
5	Tôn trọng thiên nhiên - môi trợờng sống xung quanh	0,0	16,7	3,3	43,3	36,7	4,00	5
6	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân	20,0	20,0	40,0	20,0	0,0	2,88	8
7	Dũng cảm trong nghề nghiệp	20,0	40,0	33,3	6,7	0,0	2,83	10
8	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp	26,7	30,0	13,3	13,3	16,7	2,86	9
9	Tinh thần hợp tác	13,3	12	12	41,5	21,2	4,12	4
10	Tinh thần dấn thân lập nghiệp	8,2	15	16	22	38,8	4,23	2
11	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn	10,0	20,0	50,0	10,0	10,0	2,90	7
12	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật	10,0	0,0	10,0	26,7	3,3	4,13	3

Từ bảng số liệu cho thấy tất cả những nội dung về giáo dục đạo đức đều là phù hợp và quan trọng cần phải có khi hành nghề. Tất cả các nội dung lựa chọn đều có điểm trung bình trên 2,8 ở mức độ 3 trở lên. Trong đó, nội dung đoợc cán bộ ngành Nông nghiệp lựa chọn nhiều nhất đó là: Loơng tâm, trách nhiệm nghề nghiệp có điểm trung bình là 4,7 thuộc mức độ 5 - mức độ rất phù hợp, xếp thứ 1; Tôn trọng các qui định của ngành nghề, cơ quan - nơi làm việc và tinh thần dấn thân lập nghiệp có điểm trung bình là 4,23 thuộc mức độ 5 - mức độ rất phù hợp, xếp thứ 2; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật có điểm trung bình là 4,13 thuộc mức độ 4, xếp thứ 3,

Loơng tâm, trách nhiệm nghề nghiệp là nội dung đoợc lựa chọn cao nhất. Nhoơ vậy, nói đến đạo đức nghề nghiệp thì đặc troơng của nó luôn đoợc thể hiện ở loơng tâm, trách nhiệm nghề nghiệp của mỗi con ngoời. Loơng tâm nghề nghiệp có vai trò nâng cao tính tích cực của con ngoời, giúp cho con ngoời tin toởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Niềm tin toởng đó là động lực bên trong thôi thúc con ngoời voơn tới cái thiện, cái tốt đẹp, cái cao cả; loại trừ cái xấu, cái nhỏ nhen, ty tiện nhằm làm cho xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

Ý kiến đoợc đánh giá cao thứ 2 là tôn trọng các qui định của ngành nghề, cơ quan - nơi làm việc. Mỗi ngành nghề đều có những qui định, chuẩn mực hành nghề. Tham gia vào ngành nghề nào thì đòi hỏi cá nhân phải biết tuân thủ một cách tự giác các qui định, nội qui của nghành nghề, của cơ quan - nơi làm việc. Tôn trọng còn thể hiện ở một số biểu hiện sau: Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ và công việc đoợc giao đúng thời hạn. Điều này sẽ chứng minh cho cả ngoời quản lý và cấp doới thấy rằng bản thân mình là một ngoời có trách nhiệm và luôn thực hiện những gì đã hứa. Nội dung giáo dục cho sinh viên phải tuân thủ những nội qui, qui định của cơ quan, của nơi làm việc cũng rất quan trọng. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng việc giáo dục nội dung này cũng cần nhoơng nó phải đoợc cụ thể ở trong những tình huống thực tế. Sau này, sinh viên ra troờng làm ở những nơi khác nhau sẽ có những qui định cụ thể khác nhau nên nội dung này nếu thực hiện trong nhà troờng thì chỉ có thể tiến hành thông qua những đợt thực tập nghề nghiệp.

Ý kiến đoợc đánh giá cao thứ 3 là sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật. Tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật là điều tất yếu mà mỗi cá nhân trong xã

hội phải làm theo.Hiến Pháp và pháp luật là những nguyên tắc ứng xử mà nhà nợớc dùng để quản lý công dân nói chung và pháp luật điều chỉnh những quan hệ xảy ra trong xã hội nói riêng. là những quy định mà bắt buộc mọi ngợời cần phải tuân theo, nó giúp mọi ngợời có ý thức, giúp xã hội có nề nếp, kỉ cợơng. Pháp luật là đạo đức tối thiểu mà con ngợời bắt buộc phải tuân thủ. Do đó, nội dung này không thể xem nhẹ. Trong thực tế, vì lợi nhuận trợớc mắt mà có những cá nhân bất chấp cả pháp luật để làm và đã gây ra những thiệt hại khôn lợờng cho xã hội và đời sống con ngợời. Ví dụ nhợ vụ gây ô nhiễm biển trầm trọng ở Miền trung trong thời gian qua.

2.5.1.2. Thái độ của người cán bộ nông nghiệp đối với những biểu hiện trái về đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp của ngợời cán bộ nông nghiệp đợợc thể hiện qua thái độ đó là sự đồng tình hay phản đối với những hành vi, những việc làm vi phạm đến lợi ích của cộng đồng, của xã hội. (Câu hỏi 5, phiếu trợng cầu ý kiến MS02- Phụ lục)

Bảng 2.4: Kết quả thái độ của ngợời cán bộ nông nghiệp đối với những biểu hiện sai trái về đạo đức nghề nghiệp

STT	Những biểu hiện trái với đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp	Ý kiên đồng ý của ngợời đợợc hỏi		Ý kiến Phản đối của ngợời đợợc hỏi	
		Số lợợng	Tỉ lệ phần trăm	Số lợợng	Tỉ lệ phần trăm
1	Làm ô nhiễm môi trợờng sinh thái	0	0,0	30	100,0
2	Sử dụng các chất kích thích tăng trợởng, các chất bảo quản, hoặc các chất phụ gia khác có hại cho sức khỏe con ngợời	0	0,0	30	100,0
3	Không tuân thủ theo những qui định của pháp luật	0	0,0	30	100,0
4	Thiếu sự tôn trọng khách hàng	0	0,0	30	100,0

5	Khai thác thiên nhiên bừa bãi mà không có việc làm để phục hồi thiên nhiên	0	0,0	30	100,0

6	Không tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	0	0,0	30	100,0
7	Thiếu sự hiểu biết về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	0	0,0	30	100,0
8	Gian lận trong buôn bán làm ăn	0	0,0	30	100,0
9	Không trọng chữ Tín với đối tác	0	0,0	30	100,0
10	Không có trách nhiệm trọ|ớc lợi ích của cộng đồng, của xã hội	0	0,0	30	100,0
11	Làm mất ý nghĩa, giá trị của ngành nghề trong xã hội, trong cộng đồng	0	0,0	30	100,0

Qua bảng số liệu trên ta thấy đa số cán bộ ngành Nông nghiệp có những thái độ phản ứng gay gắt đ|ợc về những hành vi trái với đạo đức nghề nghiệp, họ bày tỏ sự không đồng tình, sự phản đối rất cao về những hành vi đó. Cụ thể, đối với việc Khai thác thiên nhiên bừa bãi mà không có việc làm để phục hồi thiên nhiên có 100% ý kiến không đồng ý với việc làm này. Vì đối với ngành Nông nghiệp thì thiên nhiên vừa là t| liệu sản xuất, vừa là môi tr|ờng sản xuất, sinh sống. Thiên nhiên n|ớc ta phong phú và đa dạng nh|ng nếu việc sản xuất nông nghiệp không có kế hoạch, khai thác bừa bãi thì sẽ là cho nguồn tài nguyên đất, n|ớc, sinh vật, khí hậu ..v..v bị biến đổi, bị ô nhiễm, cạn kiệt. Hiện nay, vấn đề khai thác thiên nhiên một cách quá mức đang là vấn đề bức xúc của toàn xã hội và đặc biệt là trong ngành Nông nghiệp thì hiện t|ợng này càng diễn ra phổ biến. Ví dụ nh| việc khai thác nguồn tài nguyên đất, con ng|ời tiến hành canh tác, việc trồng trọt diễn ra quanh năm suốt tháng dẫn đến nguồn dinh d|ỡng trong đất bị cạn kiệt đi, con ng|ời lại liên tục sử dụng các loại phân bón hóa học làm cho tính chất đất bị biến đổi nghiêm trọng, tình trạng đất bạc màu diễn ra ngày càng nhanh.

Bên cạnh ý kiến phản đối việc khai thác thiên nhiên bừa bãi thì sự phản đối với việc làm ô nhiễm môi tr|ờng sinh thái cũng chiếm tỉ lệ 100% ý kiến không đồng ý . Nạn ô nhiễm môi tr|ờng không chỉ do những ống khói của các khu công nghiệp hay sự thải rác bừa bãi của các ngành dịch vụ mà trong sản xuất nông nghiệp việc làm ô nhiễm môi tr|ờng sinh thái cũng đang ở mức rất báo động. Việc sử dụng quá nhiều thuốc trừ

sâu, các loại thuốc diệt cỏ, diệt côn trùng đã làm cho môi trợờng không khí, nợớc, đất bị ô nhiễm ảnh hợởng rất nhiều đến đời sống của con ngợời và làm thay đổi hệ sinh vật tự nhiên.

Ngoài ra, những hành vi khác vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp cũng đều có 100% ý kiến phản đối

2.5.1.3. Thực trạng những biểu hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành Nông nghiệp

Chúng tôi khảo sát mức độ thợờng xuyên thực hiện những việc làm thể hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành nông nghiệp qua câu hỏi số 4 trong mẫu phiếu số 02 phụ lục. Kết quả đợợc thể hiện ở bảng số liệu sau

Bảng 2.5: Kết quả biểu hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành Nông nghiệp

STT	Các biểu hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp ngành Nông nghiệp	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo các mức độ (tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Thực hiện nghiêm túc những qui định về đảm bảo chất lợợng sản phẩm.	0,0	3,7	16,3	35	45	4,27	2
2	Tợ vấn, giải thích trung thực với khách hàng về chức năng, công dụng của sản phẩm.	2,1	11	14	22,3	50,6	4,10	3
3	Hủy bỏ những sản phẩm không đảm bảo chất lợợng hoặc đã hỏng, hết hạn sử dụng	3,2	1	32	31	32,8	3,47	7
4	Chăm sóc chu đáo khi khách hàng sử dụng sản phẩm của mình sản xuất	1,0	12	33	35	19	3,30	8
5	Sử dụng các loại phân bón vi sinh có nguồn gốc thiên nhiên	0,0	8,0	29,0	35,0	28,0	3,50	6

6	Sử dụng thiên địch để tiêu diệt hoặc hạn chế sự phát triển của dịch bệnh đối với cây trồng	12,0	11,0	31,0	21,0	25,0	3,11	9
7	Củng cố chu kì sinh học trong nông trại, đặc biệt là chu kì dinh dọỉỡng	3,0	4,0	23,2	35,6	34,2	3,94	4
8	Giu chữ tín trong làm ăn với đối tác	0,0	0,0	12,0	43,0	45,0	4,51	1
9	Cạnh tranh lạnh mạnh trên thị trọỉờng	5,0	12,0	15,0	31,0	37,0	3,83	5

Qua bảng khảo sát chúng tôi thấy kết quả biểu hiện ở điểm trung bình của các item đều mức độ 3, 4, 5 đây là các mức độ đã thể hiện đọỉợc đạo đức nghề nghiệp.

Những hành vi nghề nghiệp mà đảm bảo đọỉợc sự phát triển ngành nghề, lợi ích của cộng đồng, xã hội, lợi ích của cá nhân thì đó là những hành vi đạo đức nghề nghiệp phù hợp. Trong số những cán bộ Nông nghiệp mà chúng tôi tiến hành điều tra qua bảng hỏi thì đa số ý kiến đều đánh giá cao hành vi đạo đức nghề nghiệp phù hợp nhất đó là: Gĩu chữ tín trong làm ăn với đối tác có điểm trung bình 4,51 thuộc mức độ 5 là mức độ rất thọỉờng xuyên, thể hiện tốt nhất đạo đức nghề nghiệp và xếp thứ bậc 1 trong số ý kiến lựa chọn;

Hành vi thứ 2 cũng đọỉợc đánh giá là hành vi thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp Thực hiện nghiêm túc những qui định về đảm bảo chất lọỉợng sản phẩm 4,27 thuộc mức độ 5 - mức độ rất thọỉờng xuyên. Trong sản xuất, lợi ích của ngọỉời tiêu dùng sẽ đọỉợc thể hiện rõ nhất ở sản phẩm có chất lọỉợng. Các sản phẩm nông nghiệp đều có ảnh họỉởng trực tiếp đến sức khỏe của ngọỉời tiêu dùng. Do đó, ngọỉời sản xuất phải đảm bảo đọỉợc việc này thì mới đọỉợc coi là có đạo đức nghề nghiệp.

*Cùng với kết quả của phiếu điều tra thu đọỉợc, chúng tôi đã tiến hành quan sát trực tiếp qui trình sản xuất rau sạch tại một hộ sản xuất của một cán bộ ngành nông nghiệp tại xã Chúc Sơn, Chọỉơng Mỹ, Hà Nội. Anh đã sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn của Vietgap

Bảng 2.6: Tóm tắt quá trình quan sát qui trình sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn của VietGap

Qui trình sản xuất rau sach	Quá trình thực hiện	Thời gian	Đánh giá
Chọn đất và làm đất	Chọn đất : đất pha cát Làm sạch đất: Xới đất tơi xốp làm cho đất thoáng khí, đánh luống, nhặt cỏ dại Kiểm tra độ dơ thừa của hóa chất trong đất để xử lí Phơi ải đất để diệt mầm sâu bệnh.	1 tuần	Đúng theo qui trình
2.Lên liếp và sử dụng màng che phủ công nghiệp	Sử dụng màng lợới công nghiệp để hạn chế chuột hoặc các côn trùng gây hại, ngăn ngừa cỏ dại, điều hòa độ ẩm và giữ cấu trúc mặt đất, giữ phân bón, tăng nhiệt độ của đất giúp cho hạt giống nảy mầm tốt - Lên liếp: Lên liếp cao 20 - 30cm, mặt liếp phải bằng phẳng. - Tợới ợớt mặt liếp trồng khi đậy màng phủ - Đục lỗ màng phủ: dùng lon bò sữa đợờng kính 10cm - Phun thuốc trừ nầm bệnh vào lỗ trợớc khi đặt cây con phân chuồng đã ủ hoai mục và vôi bột trộn đều trên mặt liếp làm phân lót	2 ngày	Đúng tiêu chuẩn

3.Nguồn nơớc tơới	Sử dụng nguồn nơớc giếng khoan đơợc bơm lên hệ thống giàn phun phủ xung quanh ruộng đảm bảo tơới đều mọi luống		Đúng tiêu chuẩn
4.Chọn hạt giống và xử lí hạt giống	Hạt giống tự sản suất từ vụ trơớc đã đơợc bảo quản tốt và xử lí các mầm bệnh Ngâm hạt giống trong nơớc muối nồng độ loãng để diệt mốc, và trứng rệp Ngầm nơớc loại bỏ hạt lép, hạt kém chất lơợng Ngâm nơớc ấm (3 sôi 2 lạnh) tạo điều kiện cho hạt nảy mầm tốt	10-15 ngày	Đúng tiêu chuẩn
5.Chăm sóc rau và phòng trừ sâu bệnh	- hạt nảy mầm và phát triển thành cây con sau đó bón thúc bằng phân hóa học để cây có lực phát triển - vệ sinh ruộng thơờng xuyên -Nhổ cỏ dại và bắt các côn trùng (không sử dụng thuốc diệt cỏ và phun thuốc sâu) -Buổi sáng sớm kiểm tra vơờn rau để phát hiện đơợc sự xuất hiện của sâu. Bắt sâu non và diệt trứng khi bắt đầu xuất hiện trên diện nhỏ. -Sử dụng một số hộp nhựa nhỏ làm bẫy sinh học chua ngọt để		Đúng tiêu chuẩn

	diệt côn trùng bọ rớm - khi rau trọ ởng thành thì ngừng bón đạm sau 18 ngày để chuẩn bị thu hoạch		
6.Thu hoạch	Nhổ cây trọ ởng thành, nhặt bỏ lá già, thối, dị dạng Rửa sạch gốc và đất bám vào rau Cho vào bao nilon và ghi ngày thu hoạch Bán hết rau đến đâu thì thu hoạch đến đó, không thu hoạch trọ ớc 1 ngày. Tối thiểu thu hoạch trọ ớc 3 tiếng.		Đúng tiêu chuẩn

Cùng với việc quan sát sự chỉ đạo sản xuất trồng rau sạch theo tiêu chuẩn của Vietgap, chúng tôi đã phỏng vấn sâu ngọ ời cán bộ ngành nông nghiệp làm chủ của trang trại trồng rau này.

Câu hỏi phỏng vấn(CHPV): *Vì sao anh chọn hướng sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn của Vietgap mà không sản xuất theo hướng truyền thống hoặc như những hộ trồng rau thông thường khác?*

Trả lời Sản xuất rau an toàn theo chuẩn VietGap là điều kiện bắt buộc nếu muốn sản phẩm tồn tại trên thị trường. Rau sạch VietGAP *là cách tạo sự uy tín cho nhà sản xuất cũng như đem lại sức khỏe đảm bảo cho người dùng....*

CHPV: xin anh cho biết những tiêu chuẩn mà người sản xuất phải tuân thủ khi sản xuất rau sạch theo Vietgap?

Trả lời: VietGAP là viết tắt của cụm từ tiếng Anh Vietnamese Good Agricultural Practices có nghĩa là Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam được Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ban hành năm 2008 dựa trên 4 tiêu chí:

Tiêu chí về kỹ thuật sản xuất đúng tiêu chuẩn.

Tiêu chí về an toàn thực phẩm gồm các biện pháp đảm bảo không có hóa chất nhiễm khuẩn hoặc ô nhiễm vật lý khi thu hoạch.

Tiêu chí về môi trường làm việc phù hợp với sức lao động của người nông dân

Tiêu chí về nguồn gốc sản phẩm từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

CHPV: theo anh thì để hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp sạch đảm bảo được lợi ích và sức khỏe của cộng đồng và xã hội thì ngoài những tri thức và kỹ thuật mà người làm xuất phải nắm được thì còn yếu tố nào mà họ cần phải có nữa không?

Trả lời: có chứ, đó chính là cái Tâm của người làm việc. Nói cụ thể nó là lương tâm và trách nhiệm của người làm nông nghiệp. Hiện nay trên thị trường, các sản phẩm rau sạch đã khá nhiều. Tuy nhiên, có thật sự là rau sạch theo tiêu chuẩn Vietgap hay không thì chỉ có người tự sản xuất ra sản phẩm đó biết mà thôi. Do đó, dẫn đến sự hoang mang của người tiêu dùng. Có những khâu sản xuất kỹ thuật có thể đòi hỏi mất thời gian, nếu làm tắt đi vẫn có thể tạo ra được sản phẩm nhưng chất lượng thì chắc chắn không đúng tiêu chuẩn. Vì vậy, người sản xuất phải làm có lương tâm và trách nhiệm để tự mình tuân thủ chứ không phải đợi sự giám sát của một lực lượng chức năng nào đó....

Nhận xét: qua nghiên cứu trọờng hợp trên, chúng tôi nhận thấy ngọời cán bộ ngành nông nghiệp đã có những hiểu biết rất sâu sắc về ngành nghề của mình, đặc biệt có những nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp phù hợp. Và nếu trong Ngành sản xuất nông nghiệp nọớc ta, ngọời cán bộ nông nghiệp nào cũng có đạo đức nghề nghiệp nhọ vậy thì mới mong có đọợc một nền nông nghiệp sạch, nền nông nghiệp thật sự vì sức khỏe của con ngọời.

2.5.2. Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

2.5.2.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên ngành Nông nghiệp về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Để thu thập đọợc thông tin về nhận thức của sinh viên ngành nông nghiệp về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp chúng tôi đã sử dụng câu hỏi 2, phiếu trọng cầu ý kiến MS01- Phụ lục)

Bảng 2.7: Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên ngành nông nghiệp về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp

TT	Gợi ý một số ý nghĩa của giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Ý kiến đồng ý của ngoời đoợc hỏi		ý kiến không đồng ý của ngoời đoợc hỏi	
		Số loợng	tỉ lệ phần trăm	số loợng	tỉ lệ phần trăm
1	Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp mình theo học	295	97,7	5	2,3
2	Giúp SV định hoớng và phát triển các hành vi khác	249	82,5	51	17,5
3	Giúp SV có lối sống trung thực giản dị	248	82,1	52	17,9
4	Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi doỡng	277	91,7	23	8,3
5	Giúp SV có ý thức với cộng đồng và xã hội	284	94,0	16	6,0
6	Góp phần đào tạo những kĩ soị nông nghiệp toơng lai đáp ứng đoợc yêu cầu của xã hội	246	81,5	54	18,5
7	Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập	228	75,5	72	24,5
8	Định hoớng giá trị học tập cho SV troớc bối cảnh đổi mới giáo dục	220	72,8	80	27,2
9	Nâng cao giá trị ngành nông nghiệp trong xã hội	231	76,5	69	23,5
10	Giúp sinh viên thêm yêu thích ngành nghề mà mình lựa chọn	234	77,5	62	22,5
11	Giúp sinh viên hiểu đoợc đúng về vai trò, giá trị ngành nghề của mình trong xã hội	266	88,1	33	11,9

Ý nghĩa của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chính là giúp sinh viên không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp mình đang học ý kiến này có 295 sinh viên lựa chọn chiếm 97,7% . Thứ 2 là giáo dục đạo đức nghề nghiệp là giúp cho sinh viên Giúp Sinh viên có ý thức với cộng đồng và xã hội có 284 sinh viên lựa chọn chiếm 94%. Thứ 3 là giáo dục đạo đức nghề nghiệp giúp

sinh viên có ý thức

rèn luyện, tự bồi dợỡng có 277 sinh viên lựa chọn, chiếm 91,7%. Tuy nhiên, còn số lợợng khá nhiều sinh viên vẫn chợa nhận thức đợợc vai trò và ý nghĩa của giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

2.5.2.2. Nhận thức của sinh viên về những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của ngành Nông nghiệp

Nhận định của sinh viên về những phẩm chất đạo đức phù hợp với đặc trợng của ngành nông nghiệp đợợc coi là đạo đức nghề nghiệp thể hiện qua việc các em lựa chọn những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp của ngành nông nghiệp mà chúng tôi đã đợa ra trong câu hỏi 4 phiếu trợng cầu ý kiến MS 01 - phụ lục

Bảng 2.8: Kết quả khảo sát sự lựa chọn của sinh viên với những nội dung giáo dục đạo đức phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp

STT	Nội Dung GD	Mức độ (%)					ĐTB	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Giáo dục lòng yêu nghề	2,6	0,0	28,8	32,8	35,8	3,99	15
2	Giáo dục sinh viên hiểu đợợc ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	2,6	2,3	12,9	32,8	49,3	4,24	7
3	Giáo dục lòng yêu thiên nhiên	15,2	16,2	25,5	28,5	14,6	3,11	23
4	Lợơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp	0,0	5,0	15,6	23,5	56,0	4,30	6
5	Giáo dục lòng vị tha nhân ái	8,6	3,3	35,1	26,2	26,8	3,59	21
6	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	0,0	2,6	16,6	20,5	60,3	4,38	3
7	Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong công việc	2,6	2,3	5,3	23,8	65,9	4,48	1
8	Tôn trọng thiên nhiên - môi trợờng sống xung quanh	0,0	0,0	18,9	39,4	41,7	4,23	8
9	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân	5,0	0,0	4,6	39,7	50,7	4,31	5
10	Dũng cảm trong nghề nghiệp	8,6	3,3	24,8	30,1	33,1	3,76	20

11	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp	2,6	2,3	9,9	29,5	55,6	4,33	4
12	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn	0,0	5,0	18,9	27,2	49,0	4,20	10
13	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật	0,0	2,3	24,8	33,1	39,7	4,10	12
14	Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị	2,3	6,0	29,8	23,8	38,1	3,89	17
15	Giáo dục thế giới quan khoa học	5,0	8,3	24,5	48,3	13,9	3,58	22
16	Giáo dục lối sống trung thực giản dị	2,6	13,6	11,6	42,7	29,5	3,83	18
17	Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dợỡng	2,6	2,3	28,8	33,1	33,1	3,92	16
18	Giáo dục ý thức tôn trọng ngợời khác và tôn trọng bản thân	2,3	2,6	13,2	35,8	46,0	4,21	9
19	Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn	2,6	2,3	11,9	42,1	41,1	4,17	11
20	Giáo dục tính kiên trì, chịu khó.	2,6	2,3	15,9	51,0	28,1	4,00	14
21	Chống thái độ trông chờ, ỷ lại.	2,6	5,0	10,9	46,4	35,1	4,06	13
22	Chống lối sống thực dụng giả tạo.	10,9	2,6	14,2	41,1	31,1	3,79	19
23	Giáo dục tinh thần trách nhiệm và sống có lợơng tâm	0,0	2,3	6,0	39,7	52,0	4,41	2

Qua bảng số liệu trên đã cho thấy đa số sinh viên đều cho rằng tất cả các nội dung đạo đức đợa ra đều nằm trong đạo đức nghề nghiệp của ngành nông nghiệp. Các item đều có điểm trung bình trên 3 thuộc mức độ 3,4,5 - tức là từ mức độ phù hợp, khá phù hợp và rất phù hợp. Nhợ vậy, các em chợa có sự phân định rõ ràng giữa đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp.

Nội dung đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên cho rằng phù hợp nhất với thực tiễn ngành nông nghiệp đó là "Tự giác, nghiêm túc, kỉ luật trong công việc" có điểm trung bình là 4,48 thuộc mức độ 5 - mức độ rất phù hợp. Tiếp theo là nội dung

“Giáo dục tinh thần trách nhiệm và sống có lợƣơng tâm” có điểm trung bình 4,41 thuộc mức độ 5 là mức độ rất phù hợp, xếp thứ 2; và xếp ở vị trí thứ 3 là nội dung “Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc” có điểm trung bình 4,38 thuộc mức độ 5 - mức độ rất phù hợp. Trong khi đó những nội dung quan trọng nhợ “Giáo dục lòng yêu thiên nhiên” lại xếp ở vị trí cuối cùng có điểm trung bình là 3,11thuộc mức độ 3.

Nhợ vậy, có thể thấy nhận thức của sinh viên về những nội dung đạo đức nghề nghiệp còn rất mơ hồ và hiểu sai lệch. Sự nhận định của sinh viên về những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp còn nhiều hạn chế, chợa có sự phù hợp với đặc trợng nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội. Đa số các em đều chợa có sự phân biệt rõ ràng những yêu cầu chuẩn mực đạo đức nào phù hợp với đặc trợng của ngành nông nghiệp. Vì vậy, dợờng nhợ có sự đánh đồng tất cả các chuẩn mực đạo đức nói chung đều thuộc đạo đức nghề nông nghiệp.

2.5.2.3Thái độ của sinh viên ngành Nông nghiệp đối với những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp của sinh viên đợợc bộc lộ qua thái độ đồng tình hay không đồng tình với những biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp, Chúng tôi đã đợa ra câu hỏi số 6, phiếu trợng cầu ý kiến MS01 - Phụ lục.

Bảng 2.9: Kết quả khảo sát thái độ của sinh viên ngành Nông nghiệp đối với những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp

STT	Những hành vi biểu hiện vi phạm đạo đức nghề nghiệp	Ý kiến đồng ý của ngợời đợợc hỏi		ý kiến không đồng ý của ngợời đợợc hỏi	
		số lợợng	phần trăm	số lợợng	phần trăm
1	Làm ô nhiễm môi trợờng sinh thái	25	8,3	277	91,7
2	Sử dụng các chất kích thích tăng trợởng, các chất bảo quản, hoặc các chất phụ gia khác có hại cho sức khỏe con ngợời	28	9,3	274	90,7
3	Không tuân thủ theo những qui định của pháp luật	27	8,9	295	91,1

4	Thiếu sự tôn trọng khách hàng	17	5,6	285	94,4

5	Khai thác thiên nhiên bừa bãi mà không có việc làm để phục hồi thiên nhiên	26	8,6	276	91,4
6	Không tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	29	9,6	273	90,4
7	Thiếu sự hiểu biết về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	29	9,6	273	90,4
8	Gian lận trong buôn bán làm ăn	26	8,6	276	91,4
9	Không trọng chữ Tín với đối tác	28	9,3	274	90,7
10	Không có trách nhiệm trợớc lợi ích của cộng đồng, của xã hội	28	9,3	274	90,7
11	Làm mất ý nghĩa, giá trị của ngành nghề trong xã hội, trong cộng đồng	30	9,9	272	90,1

Qua bảng số liệu chúng tôi nhận thấy sinh viên đa số không đồng tình với những biểu hiện trái với đạo đức nghề nghiệp, trong đó nội dung "thiếu sự tôn trọng đối với khách hàng" phản đối cao nhất có 285 sinh viên lựa chọn, chiếm 94,4% ý kiến; việc làm ô nhiễm môi trợờng trong sản xuất nông nghiệp cũng là hành vi mà sinh viên phản đối nhiều có 277 sinh viên lựa chọn phản đối chiếm 91,7%. Đây cũng là hành vi mà dợ luận trên các phợơng tiện thông tin đại chúng nói đến rất nhiều nên sinh viên hiểu khá rõ. Bên cạnh đó những hành vi trái với đạo đức nghề nghiệp nhợ gian lận trong buôn bán, khai thác thiên nhiên bừa bãi cũng đợợc sinh viên phản đối nhiều có 276 sinh viên chiếm 91,4% ý kiến. Tuy nhiên, cũng có những sinh viên vẫn có sự những ý kiến ngợợc lại ví dụ trợờng hợp em TVM sinh viên năm thứ 3 khoa Công nghệ sinh học cho rằng: "việc gây ô nhiễm môi trợờng thì có rất nhiều ngành gây nên chứ không riêng ngành nông nghiệp, mà nếu nông nghiệp không gây ra ô nhiễm thì cũng khó có thể làm sản xuất đợợc.."

Nhìn chung là sinh viên đều nhận thấy những hành vi trái với đạo đức nghề nghiệp là những hành vi ảnh hợởng tiêu cực đến lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Vì vậy, sinh viên đa số là lựa chọn phản đối.

2.5.2.4 Thực trạng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Nông nghiệp

Chúng tôi sử dụng câu hỏi 5, phiếu trợng câu ý kiến MS01- Phụ lục để tìm hiểu về thực trạng rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp. Kết quả điều tra thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.10: Kết quả khảo sát về các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Nông nghiệp

STT	Các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp	Sự lựa chọn của ngoời đoợc hỏi theo các mức độ (tính%)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Thông qua hoạt động rèn nghề thoờng xuyên của khoa	10,0	6,3	13,6	33,1	37,0	3,80	2
2	Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	28,6	28,6	22,1	5,5	15,2	2,50	11
3	Thông qua hoạt động tự quản của tập thể	23,6	18,3	31,5	23,7	2,9	2,64	10
4	Thông qua các đợt thực tập tại các cơ sở sản xuất, tại các địa phoơng	0,0	0,0	9,6	39,1	51,3	4,42	1
5	Thông qua hoạt động học các môn trong choơng trình đào tạo của chuyên ngành	28,3	10,0	19,9	30,3	11,5	2,86	8
6	Thông qua việc giáo dục của gia đình, và các lực loợng giáo dục khác ngoài nhà troờng	13,3	25,0	11,8	27,2	22,8	3,21	7
7	Thông qua việc đi làm thêm của bản thân	13,6	0,0	27,6	51,9	6,8	3,38	4
8	Học tập từ tấm goơng những ngoời nổi tiếng, thành đạt trong lĩnh vực ngành nghề của mình đang theo học	10,0	12,0	30,1	36,6	11,3	3,27	6
9	Thông qua tự tu doỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV	18,6	10,0	12,2	39,1	20,1	3,32	5
10	Thông qua việc học tập tấm goơng của thầy cô và bạn bè	12,3	30,6	23,5	27,7	5,8	2,83	9
11	Thông qua các phoơng tiện thông tin đại chúng: sách, báo, ti vi, internet..v..v	5,0	12,3	12,2	40,4	30,1	3,78	3

Qua khảo sát, chúng tôi thấy hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên diễn ra không thoịờng xuyên. Đa số các item đều có điểm trung bình ở mức độ 3 - mức độ thỉnh thoảng, có 2item ở mức độ 4 - mức độ khá thoịờng xuyên, 1 item ở mức độ 5 rất thoịờng xuyên và 1 item ở mức độ 2 - ít khi.

Việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên chủ yếu là thông qua con đoịờng thực tập tại các cơ sở sản xuất, tại các địa phoịơng có điểm trung bình là 4,42 toịơng ứng với mức độ 5 - rất thoịờng xuyên, xếp thứ nhất. Trong quá trình thực tế sinh viên mới đoịợc trải nghiệm qua những tình huống cụ thể, khi đó các em mới có thể hình dung ra đoịợc những công việc của mình trong toịơng lai. Khi trao đổi trực tiếp với một nhóm sinh viên qua phỏng vấn chúng tôi có hỏi các em "Bạn có thể kể những việc làm của bạn để rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân?" các em có những câu trả lời nhoị sau: "Em thoịờng đến trại trồng măng tây của một bác để xem bác ấy làm công việc nhoị thế nào. Khi bán các sản phẩm của mình cho khách hàng, bác ấy rất thận trọng và chu đáo. Bác rất trung thực, thật thà và chỉ bán những sản phẩm toịơi ngon cho khách, còn sản phẩm đã để lâu bác không bán, kể cả là bán rẻ nên nhà bác bán hàng rất chạy và có uy tín. Đó là điều em học tập từ bác ấy."(Sinh viên NTH - K61 Lớp Bảo vệ thực vật" Còn em ĐVT thì lại có cách làm khác: "Em xin làm thêm ở cơ sỏ sản xuất rau sạch theo phoịơng pháp thủy canh, ở đây em đoịợc hoịớng dẫn cách trồng rau theo đúng tiêu chuẩn và phải đảm bảo chất loịợng không gây độc hại cho ngoịời tiêu dùng". Nhoị vậy, thông qua các trải nghiệm thực tế, vẫn là con đoịờng để các em rèn luyện cho mình những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp một cách hiệu quả nhất.

Hoạt động thứ 2 mà các em lựa chọn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp đó là thông qua hoạt động rèn nghề của khoa có điểm trung bình 4,21thuộc mức độ 4 - mức độ khá thoịờng xuyên, xếp thứ 2. Từ những buổi thực hành, sinh viên không chỉ hiểu đoịợc sâu hơn về những kiến thức, thành thạo đoịợc những kĩ năng của môn học mà các em cũng học hỏi đoịợc những qui định những tiêu chuẩn làm đúng để tạo ra đoịợc những sản phẩm nông nghiệp đạt chất loịợng tốt.

Con đoịờng thứ 3 có điểm trung bình 3,78 thuộc mức độ 4 - khá thoịờng xuyên, mà các em lựa chọn là thông qua các phoịơng tiện thông tin đại chúng nhoị sách báo, ti vi, internet..vv. Đây cũng là một kênh thông tin phong phú và đa dạng, sinh viên cập nhật thoịờng xuyên .

Con đoịờng mà các em ít lựa chọn hơn cả đó là thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp có điểm trung bình 2,50 thuộc mức độ 2 - ít khi, xếp thứ 11 và thông qua hoạt động tự quản của tập thể có điểm trung bình là 2,64 thuộc mức độ 3 - thỉnh thoảng.

Nhoị vậy, hoạt động tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên choịa thực sự tích cực. Các hoạt động mà các em tham gia có thể rất phong phú và đa dạng nhoịng ý thức tự rèn luyện mình để có đoịợc những phẩm chất đạo đức theo yêu cầu của ngành nghề còn rất hạn chế. Đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng có hình thành đoịợc hay không là do tính tích cực trong rèn luyện của mỗi cá nhân quyết định. Giáo dục có vai trò chủ đạo, quan trọng nhoịng chỉ thực hiện đoịợc vai trò định hoịớng cho cá nhân mà thôi.

2.5.3 Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

2.5.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lí, giảng viên về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp

Khi đoịợc hỏi về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp qua câu hỏi 2, phiếu troịng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục, chúng tôi thu đoịợc kết quả nhoị sau:

Bảng 2.11: Kết quả điều tra ý kiến của nhà giáo dục về vai trò của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Các mức độ quan trọng	Ý kiến của ngoịời đoịợc hỏi	
		Số loịợng	Tính theo phần trăm
1	Rất quan trọng	24	70,6
2	Quan trọng	10	29,4
3	Bình thoịờng	0	0,0
4	Không quan trọng	0	0,0
Tổng		**34**	**100%**

Qua bảng khảo sát, chúng tôi thấy đa số các nhà giáo dục đều đánh giá giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp là "rất quan trọng" có 24 ý kiến đồng tình(chiếm 70,6%); ở mức độ "quan trọng" có 10 ý kiến lựa chọn (chiếm 29,4%) và không có ý kiến nào cho rằng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho

sinh viên có vai trò bình thợờng hoặc không quan trọng

Theo ý kiến trực tiếp của 1 cán bộ giảng dạy thì "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các sinh viên đại học nói chung, và sinh viên của các ngành Nông nghiệp nói riêng là để tạo ra những ngoịời kĩ soị, doanh nhân, hay ngoịời nông dân thực thụ vì vậy phải giúp họ vừa có năng lực sáng tạo trong nghề nghiệp vừa phải có phẩm chất đạo đức tốt. Và nếu các troịờng đại học không làm đoịợc này có nghĩa là không đạt đoịợc mục tiêu giáo dục".

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói chung luôn luôn là nhiệm vụ quan trọng. Vì sao nó lại rất quan trọng? Có thể thấy rằng, trong bối cảnh hiện nay đang tồn tại những giá trị đạo đức tốt đẹp tạo nền tảng tinh thần của xã hội đồng thời đan xen cả những vấn đề phi đạo đức trái với thuần phong mỹ tục. Vì vậy giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các thế hệ sinh viên nói riêng và con ngoịời Việt Nam nói chung là một trong những biện pháp then chốt giáo dục và đào tạo để tạo ra những công dân toịơng lai có năng lực sáng tạo và phẩm chất đạo đức tốt góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất noịớc.

2.5.3.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học.

Chúng tôi đoịa ra câu hỏi 1, phiếu troịng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục để khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục về thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Kết quả đoịợc thể hiện ở bảng số liệu doịới đây:

Bảng 2.12: Kết quả điều tra ý kiến đánh giá các nhà giáo dục (cán bộ quản lí, giảng viên) về việc thực hiện mục tiêu của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp

STT	Mục tiêu giáo dục	Các mức độ đánh giá của ngoịời đoịợc hỏi (tính theo %)					Điểm trung bình	thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Cung cấp cho sinh viên những tri thức về đạo đức nghề nghiệp	20	47	12	21	13	2,99	1
2	Hình thành cho sinh viên thái độ phù hợp với đạo đức nghề nghiệp	45	40	3	6	5	1,83	2
3	Rèn luyện hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên	34	53	13	0	0	1,79	3

Mục tiêu của giáo dục đạo đức nghề nghiệp là hình thành ở sinh viên những hiểu biết về tri thức đạo đức nghề nghiệp, có thái độ phù hợp với những qui định, chuẩn mực của đạo đức nghề nghiệp và quan trọng nhất là rèn cho sinh viên bước đầu hình thành những hành vi đạo đức nghề nghiệp tạo cơ sở để có sự chuyển hóa từ giáo dục sang tự giáo dục và phát triển tính tự giác trong việc biểu hiện các hành vi đạo đức nghề nghiệp sau này.

Qua bảng số liệu trên chúng tôi nhận thấy mục tiêu của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học là thấp, biểu hiện ở điểm trung bình mới chỉ thuộc mức độ 3 thuộc mức độ trung bình trở xuống, tức là hiệu quả đạt được mục tiêu là chưa cao.

Trong đó, mục tiêu cung cấp những tri thức về đạo đức nghề nghiệp vẫn là mục tiêu đạt kết quả cao hơn cả có điểm trung bình là 2,99 xếp thứ nhất thuộc mức độ 3 là đạt được hiệu quả trung bình; Thứ 2 là mục tiêu hình thành thái độ xếp ở vị trí thứ 2 có điểm trung bình là 1,83 thuộc mức độ 2- đây là mức độ hiệu quả thấp; Mục tiêu rèn luyện hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên có điểm trung bình là 1,79 xếp vị trí thứ 3 thuộc mức độ 1 - mức độ chưa đạt được hiệu quả.

Mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một trong những mục tiêu rất quan trọng của chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, mục tiêu này hiện nay đang chưa đạt được hiệu quả cao. Vì thế, khi sinh viên ngành nông nghiệp ra trường thì đạo đức nghề nghiệp chưa được thể hiện trong công việc. Điều này đã dẫn đến một thực trạng là các cơ sở sản xuất, các cơ quan - nơi làm việc phải đào tạo lại, bồi dưỡng lại đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân lực mới này. Đây chính là điều làm cho sản phẩm đào tạo trong nhà trường chưa đáp ứng được với yêu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của xã hội. Vấn đề này đang trở thành nỗi băn khoăn của các nhà giáo dục và các nhà tuyển dụng.

2.5.3.3. Thực trạng lựa chọn nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nào được lựa chọn để đưa vào trong hoạt động giáo dục của nhà trường. Qua câu hỏi số 3, phiếu trưng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục đã thể hiện được nội dung này.

Bảng 2.13: Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo dục về việc lựa chọn những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Nội dung giáo dục	Ý kiến của ngoời đoợc hỏi theo các mức độ (tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Nh ận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	19,4	41,6	10,0	20,0	9,0	2,57	7
2	Loơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp	8,8	71.2	10,0	5,0	5,0	2.26	11
3	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	29,4	8,8	61,8	0,0	0,0	2,32	9
4	Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp.	10,2	38,8	20,0	20,0	10,0	3,27	10
5	Tôn trọng thiên nhiên - môi troòng sống xung quanh	11,8	24,7	13,5	20,0	30,0	3,31	3
6	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân	23,5	50,0	26,5	0,0	0,0	2,03	12
7	Dũng cảm trong nghề nghiệp	18,2	52,9	8,8	10,0	10,0	2,40	8
8	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp	11,8	32,4	17,6	38,2	0,0	2,82	6
9	Tinh thần hợp tác	15,2	11,8	47,1	25,9	0,0	2,83	5
10	Tinh thần dấn thân lập nghiệp	6,0	32,4	7,6	29,4	30,0	3.61	2
11	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro-đối đầu với khó khăn	8,8	19,4	41,2	20,6	10,0	3,03	4
12	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật	11,4	7,0	8,8	52,8	20,0	3,63	1

Qua bảng số liệu cho thấy việc đoịa các nội dung giáo dục đạo đức vào trong dạy học và giáo dục ở các cơ sở giáo dục đại học đa số có điểm trung bình thuộc mức độ 3 - mức độ thỉnh thoảng, có 2 nội dung đoợc đoịa vào có điểm trung bình thuộc mức độ 4 là khá thoịờng xuyên, 2 nội dung có điểm trung bình thuộc mức độ 2 là hiếm khi; 1 nội dung có điểm trung bình ở mức độ 1 là choịa bao giờ.

Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp hiện đoợc chú trọng nhiều trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp các cơ sở giáo dục đại học đó là "Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật" có điểm trung bình là 3,63 thuộc mức độ 4 - khá thoịờng xuyên. Đây là yêu cầu tối thiểu bắt buộc khi sinh viên ra troịờng hành nghề. Tuy nhiên, pháp luật mới chỉ là "Đạo đức tối thiểu" việc tuân thủ vẫn cần có sự coịỗng chế từ các cơ quan chức năng.

Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp thứ 2 đoợc đánh giá sử dụng nhiều đó là "Tinh thần dấn thân lập nghiệp" có điểm trung bình 3,61 thuộc mức độ 4- khá thoịờng xuyên. Hiện nay, khởi nghiệp là một yêu cầu của Bộ giáo dục và Đào tạo đối với các troịờng Đại học, cao đẳng, trung cấp nghề. Các chuyên đề khởi nghiệp do các troịờng xây dựng để đoịa vào choịơng trình đào tạo theo hoịớng bắt buộc hoặc tự chọn. Đây là một nội dung triển khai của đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025". Đề án đã là động lực quan trọng để thôi thúc sinh viên có những mơ oịớc, có những hoài bão lập nghiệp. Do đó, nội dung này đoợc các nhà giáo dục quan tâm chú ý hơn.

Tuy nhiên, trong những nội dung quan trọng, đặc troịng của nghành nông nghiệp thì lại choịa thực sự chú trọng giảng dạy cho sinh viên nhoị nội dung "Tôn trọng thiên nhiên và môi troịờng sống xung quanh" thì có điểm trung bình ở mức độ thấp 3,31 thuộc mức độ 3 - thỉnh thoảng. Hiện nay, trong thực tế sự tàn phá thiên nhiên của con ngoịời trong sản xuất nông nghiệp đang ở mức báo động. Con ngoịời khai thác thiên nhiên bừa bãi nhoị đốt rừng làm noịơng rẫy làm đất sói mòi, bón nhiều phân hóa học làm đất bị bạc màu, canh tác tối đa làm cho đất mất đi những doịỡng chất cần thiết, sử dụng thuốc trừ sâu, diệt cỏ làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn noịớc dẫn đến thay đổi hệ sinh thái của môi troịờng sống và đã ảnh hoịởng xấu đến cuộc sống của con ngoịời. Tôn trọng thiên nhiên và bảo vệ môi troịờng sống xung quanh không phải chỉ là trách nhiệm của những ngoịời làm nông nghiệp mà là trách nhiệm của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, của nhiều ngoịời. Đây cũng là vấn đề bức thiết của thế giới chứ không của riêng Việt Nam hay quốc gia nào.

Và đặc biệt một nội dung rất quan trọng trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp đó là giáo dục "Loịơng tâm và trách nhiệm nghề nghiệp" có điểm trung bình rất thấp là 2,26 thuộc mức độ 1 - không bao giờ. Thực tế xã hội hiện nay, ngoịời dân đang

dần hoang mang dẫn đến nghi ngờ và tiến tới nói không với nông sản có dơl lơlợng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Thực phẩm sạch, nông sản an toàn là mong muốn của toàn xã hội. Vấn đề trên không chỉ gói gọn trong tiêu dùng trong nơlớc mà chính là hơlớng đến nông sản sạch, bền vững và xuất khẩu bền vững. Vì sự hám lợi và thiếu hiểu biết của một bộ phận ngơlời sản xuất và nhất là kiểu làm ăn chộp giật đã thành thói quen xấu và khó bỏ, nhơlng thực chất chính là do chúng ta chơla đủ cả tâm, tầm và nền móng xây dựng cho nó. Muốn làm đơlợc điều này thì ngơlời lao động trong ngành nông nghiệp (kỹ sơl và nông dân) phải có lơlơng tâm, trách nhiệm nghề nghiệp. Lơlơng tâm, trách nhiệm nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp đơlợc thể hiện ở chỗ ngơlời tham gia lao động phải hiểu đơlợc sản xuất nông nghiệp(bao gồm cả canh tác, chế biến, bảo quản, phân phối) phải nhằm mục đích duy trì sức khỏe của hệ sinh thái và con ngơlời. Phải duy trì và cải tạo đơlợc tự nhiên và hệ sinh thái, tránh việc khai thác quá mức và gây ô nhiễm cho các nguồn lực tự nhiên, giảm thiểu việc sử dụng nguồn lực không thể tái sinh, sản xuất lơlơng thực có dinh dơlỡng, chất lơlợng cao, không độc hại; đảm bảo duy trì và gia tăng độ màu mỡ lâu dài của đất, củng cố các chu kỳ sinh học trong nông trại, đặc biệt là các chu trình dinh dơlỡng; đa dạng các vụ mùa và loại vật nuôi phù hợp với điều kiện địa phơlơng.

Nội dung ít đơlợc lựa chọn trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học là Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc. Trong nội dung giáo dục các nơlớc phơlơng tây thì đây là một trong những nội dung phải chú ý nhiều. Vì mỗi một cơ quan, nơi làm việc đều phải có những nội qui làm việc riêng, nội qui đó cũng bao hàm cả những nội dung đạo đức nghề nghiệp mà những ngơlời hoạt động tại những nơi đó phải tuân thủ theo. Tuy nhiên, nội qui này nếu dạy trong nhà trơlờng thì rất khó, nó chỉ mang tính lý thuyết chung.

* Đối chiếu với những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên do các cán bộ nghành nông nghiệp lựa chọn và việc thực hiện những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học.Kết quả khảo sát đơlợc thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.14: Kết quả đối chiếu sự lựa chọn nội dung giáo dục đạo đức của cán bộ ngành nông nghiệp và việc thực hiện những nội dung giáo dục đạo đức cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp	Ý kiến lựa chọn của cán bộ ngành nông nghiệp		Ý kiến lựa chọn của nhà giáo dục	
		Điểm trung bình	thứ bậc	điểm trung bình	thứ bậc
1	Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng	4,07	4	1,70	10
2	Lợơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp	4,40	1	1,91	9
3	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc	4,23	2	2,32	5
4	Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp.	3,93	6	1,58	11
5	Tôn trọng thiên nhiên - môi trợờng sống xung quanh	4,00	5	2,11	6
6	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân	2,60	8	2,03	8
7	Dũng cảm trong nghề nghiệp	2,27	10	1,70	10
8	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp	2,63	9	2,82	3
9	Tinh thần hợp tác	4,12	4	2,83	2
10	Tinh thần dấn thân lập nghiệp	4,23	2	2,55	4
11	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro-đối đầu với khó khăn	2,90	7	2,11	6
12	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật	4,13	3	3,14	1

Qua bảng đối chiếu trên, chúng tôi nhận thấy có một sự khác biệt rất rõ nét. Cụ thể là: Theo quan điểm của cán bộ ngành nông nghiệp thì cho rằng nội dung giáo dục "Lợơng tâm- trách nhiệm nghề nghiệp" phải đợợc lựa chọn đầu tiên. Nhợng thực tế nội dung này thực hiện ở các cơ sở giáo dục đại học mới chỉ đợợc đánh giá ở vị trí thứ 9, có điểm trung bình là 1.91; Nội dung "Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật" đối với cán bộ ngành nông nghiệp thì xếp nội dung này ở vị trí thứ 3 còn cán bộ quản lí và giảng dạy lại đánh giá nội dung này đợợc chú trọng thực hiện tốt nhất tại các cơ sở giáo dục đại học.

Nội dung "Tôn trọng thiên nhiên - môi trợờng sống xung quanh" đợợc xếp ở vị trí thứ 5,

Bên cạnh những ý kiến khác biệt thì đa số có sự tợơng đồng trong cách đánh giá các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

Nhợ vậy, những nội dung đợợc lựa chọn để giáo dục đạo đức cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học vẫn còn thiếu sự bám sát với nhu cầu thực tế. Những nội dung đợợc lựa chọn chợa thực sự là nội dung chủ đạo, phù hợp với những yêu cầu đòi hỏi của xã hội, của thị trợờng lao động.

2.5.3.4. Thực trạng lựa chọn sử dụng phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Chúng tôi sử dụng câu hỏi 4, phiếu trợng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục để thu thập thông tin về việc lựa chọn sử dụng các phợơng phap giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

Bảng 2.15: Kết quả khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục về phợơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp đã và đang sử dụng tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Các phợơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo mức độ (tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Phợơng pháp thuyết trình	0,0	15,3	32,9	31,8	20,0	3,56	1
2	Phợơng pháp trách phạt	0,0	58,8	41,2	0,0	0,0	2,41	4
3	Phợơng pháp thuyết phục	17,6	17,6	34,7	20,0	10,0	2,86	2
4	Phợơng pháp giáo dục cá biệt	29,4	26,5	44,1	0,0	0,0	2,15	6

5	Phoợng pháp tổ chức các hoạt động để tập luyện, rèn luyện	10,8	15,2	9,0	42,0	23,0	3,51	2
6	Phoợng pháp giao việc	8,8	47,1	44,1	0,0	0,0	2,35	5
7	Phoợng pháp trải nghiệm	26,4	21,3	34	12,3	8	2,08	7
8	Phoợng pháp nêu goợng	20,1	23,5	25,2	16,2	15	1,98	8
9	Phoợng pháp đàm thoại	18,2	34	17	18	12,8	1,87	9
.10	Phoợng pháp giảng giải	21,3	17,2	44,5	8	9	1,86	10

Qua bảng số liệu đã thu đoợc chúng tôi thấy rằng các phoợng pháp giáo dục đạo đức đoợc sử dụng khá phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, mức độ sử dụng thoợờng xuyên một phoợng pháp nào đó thì không cao. Điểm trung bình của việc sử dụng theo tần xuất các phoợng pháp đa số ở mức độ 2 - là hiếm khi và mức độ 3 - là thỉnh thoảng. Có 2 phoợng pháp đoợc sử dụng có điểm trung bình thuộc mức độ 4 - khá thoợờng xuyên.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng là một nội dung tri thức giống nhoợ các môn khoa học khác. Do đó, cần phải có phoợng pháp, hình thức tổ chức phù hợp mới truyền tải đoợc những nội dung của đạo đức nghề nghiệp đến ngoợời học. Phoợng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học chủ yếu sử dụng phoợng pháp thuyết trình là chính (có điểm trung bình là 3,56 thuộc mức độ 4 - khá thoợờng xuyên, xếp thứ 1). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp không chỉ là sự thuyết trình xáo rỗng những yêu cầu, những tiêu chuẩn đạo đức mà mỗi ngành nghề cần, quan trọng là giảng viên phải có phoợng pháp và hình thức tổ chức đa dạng, phong phú để ngoợời học có cơ hội đoợc trải nghiệm thông qua các tình huống thực tế. Từ đó, ngoợời học có đoợc sự hiểu biết sâu sắc và phần nào chuyển những hiểu biết thành những hành vi đạo đức cụ thể. Ví dụ trong các tiết thực hành hoặc tiết rèn nghề, giảng viên đoợa sinh viên đến trực tiếp các khu vực sản xuất để sinh viên có cơ hội quan sát, trải nghiệm thực tế những công việc của lĩnh vực ngành nghề hoặc có thể tổ chức cho sinh viên đoợc tập làm những mô hình thực nghiệm nhỏ để sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời hiểu đoợc những chuẩn mực đạo đức mình cần có trong công việc là nhoợ thế nào. Từ đó, giúp sinh viên có ý thức rèn luyện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần phải có. Đạo đức nghề nghiệp chủ yếu đoợc rèn qua những đợt sinh viên

rèn nghề hoặc các đợt thực hành. Do đó phoɪơng pháp tổ chức các hoạt động để tập luyện, rèn luyện đoɪợc lựa chọn nhiều có điểm trung bình 3,51 thuộc mức 4 - khá thoɪờng xuyên, xếp thứ 2.

Phoɪơng pháp thuyết phục đoɪợc sử dụng trong quá trình giảng dạy trực tiếp của giảng viên trên lớp, hoặc trong những buổi tọa đàm.

Phoɪơng pháp đàm thoại, Phoɪơng pháp giảng giải và phoɪơng pháp nêu goɪơng rất ít đoɪợc lựa chọn. Đây là 3 phoɪơng pháp có điểm trung bình thấp nhất thuộc mức độ 2 là hiếm khi và xếp vị trí cuối cùng trong thứ bậc.

Nhoɪ vậy, phoɪơng pháp đoɪợc sử dụng chủ yếu là thuyết trình và tổ chức các hoạt động để tập luyện và rèn luyện. Tuy nhiên, khi sử dụng các phoɪơng pháp này thì hiệu quả của nó có thực sự cao hay không? chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 6 cán bộ (trong đó có 3 cán bộ quản lí và 3 cán bộ giảng dạy) đại diện cho cả 3 cơ sở giáo dục đại học.

Kết quả phỏng vấn đoɪợc thể hiện nhoɪ sau:

Câu hỏi phỏng vấn 1: Thầy cô vui lòng cho biết việc sử dụng phoɪơng pháp thuyết trình và tổ chức hoạt động để tập luyện, rèn luyện trong quá trình giáo dục đạo đức cho sinh viên đạt đoɪợc hiệu quả ở mức độ nào? Rất tốt; tốt; khá; trung bình; kém

- Kết quả trả lời: Có 1 ý kiến trả lời rất tốt; 1 ý kiến trả lời tốt; 4 ý kiến trả lời khá Câu hỏi phỏng vấn 2: Các thầy cô sử dụng 2 phoɪơng pháp này trong những

troɪờng hợp nào?

- Kết quả trả lời: Trong các buổi học chính trị đầu năm; Trong các buổi giao loɪu; Trong những buổi hoɪớng dẫn thực hành, thực tập nghề nghiệp; Trong khi giảng dạy các môn học trên lớp
- Câu hỏi phỏng vấn 3: 2 phoɪơng pháp này có thực sự thu hút đoɪợc sự chú ý, quan tâm của sinh viên đến nội dung mà thầy cô muốn truyền đạt.
- Kết quả trả lời: Đại đa số là sinh viên chú ý, tuy nhiên nếu sử dụng quá nhiều phoɪơng pháp này sẽ tạo nên sự đơn điệu trong cách giảng, làm cho sinh viên tiếp thu vấn đề một cách thụ động, máy móc
- Câu hỏi phỏng vấn 4: Ngoài 2 phoɪơng pháp này, các thầy cô có sử dụng kết hợp các phoɪơng pháp khác không? ví dụ nhoɪ phoɪơng pháp tọa đàm, phoɪơng pháp khen thoɪởng, Phoɪơng pháp trải nghiệm, phoɪơng pháp giao việc..v..v

- Kết quả trả lời: có, tuy nhiên việc sử dụng các phoợng pháp khác còn phụ thuộc vào thói quen, kĩ năng của từng ngoợời và thời gian để truyền tải một vấn đề.

Nhoợ vậy, trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp (ngành nông học) tại các cơ sở giáo dục đại học vẫn chủ yếu là sử dụng 2 phoợng pháp thuyết trình và tổ chức hoạt động tập luyện, rèn luyện mà choợa có sự kết hợp linh hoạt, phong phú các phoợng pháp khác nhau để phát huy đoợc tính tích cực cho sinh viên khi lĩnh hội đạo đức nghề nghiệp.

2.5.3.5. Thực trạng lựa chọn sử dụng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp, mỗi cơ sở giáo dục đại học đều có sử dụng những biện pháp riêng, và mỗi một giảng viên cũng có những cách lựa chọn biện pháp sử dụng riêng. Chúng tôi sử dụng câu hỏi 5, phiếu troợng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục.

Bảng 2.16: Kết quả khảo sát nhà giáo dục đã sử dụng các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

TT	*Các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp*	*Ý kiến lựa chọn của người được hỏi*					*điểm trung bình*	*thứ bậc*
		1	2	3	4	5		
1	*Biện pháp 1*	0,0	0,0	35,3	23,5	41,2	4,05	2
2	*Biện pháp 2*	35,3	8,8	55,9	0,0	0,0	2,21	9
3	*Biện pháp 3*	8,2	31,8	30,0	20,0	10,0	1,03	10
4	*Biện pháp 4*	0,0	20,6	29,4	50,0	0,0	3,29	3
5	*Biện pháp 5*	8,8	8,8	32,4	50,0	0,0	3,24	4
6	*Biện pháp 6*	29,4	8,8	32,4	20,6	8,8	2,71	5
7	*Biện pháp 7*	0,0	67,6	20,6	11,8	0,0	2,44	7
8	*Biện pháp 8*	20,6	17,6	41,2	20,6	00	2,62	6
9	*Biện pháp 9*	26,5	29,4	20,6	23,5	0,0	2,41	8
10	*Các biện pháp khác*	0,0	30,0	26,4	32,5	11.1	4,51	1

Chú thích:

Biện pháp 1: Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học

chuyên ngành

Biện pháp 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua môn học Tâm lý học nghề nghiệp Biện pháp 3: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua chuyên đề "Đạo đức người cán bộ ngành nông nghiệp"

Biện pháp 4: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại ở địa phương.

Biện pháp 5: Tổ chức thực hiện tốt nội qui, qui chế trong sinh hoạt, học tập, thực tập để rèn luyện các hành vi đạo đức nghề ngiệp cho sinh viên.

Biện pháp 6: Dựa vào tổ chức Đoàn thanh niên CSHCM và sinh hoạt tập thể để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

Biện pháp 7: Thành lập tổ tư vấn hướng nghiệp

Biện pháp 8: Nêu gương sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gương sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo

Biện pháp 9: xây dựng và thực hiện qui chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lí.

Kết quả bảng điều tra cho thấy những biện pháp giáo dục đạo đức ở các cơ sở giáo dục hay sử dụng là rất khác nhau, và việc lựa chọn biện pháp chọa có một sự thống nhất giữa các cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lí ở mỗi một cơ sở. Mỗi một cơ sở đại học lại có những biện pháp riêng. Các biện pháp này đọợc sử dụng với tần xuất khác nhau đọợc thể hiện ở điểm trung bình. Có 1 biện pháp thuộc mức độ 5 - rất thọờng xuyên; 1 biện pháp thuộc mức độ 4 - khá thọờng xuyên. Đa số các biện pháp có tần xuất sử dụng có điểm trung bình thuộc mức độ 3 là mức độ thỉnh thoảng; 3 biện pháp có điểm trung bình thuộc mức độ 2 là hiếm khi; 1 biện pháp thuộc mức độ 1 - chọa bao giờ.

Các biện pháp khác đọợc lựa chọn nhiều nhất là "các biện pháp khác" có điểm trung bình là 4,51 thuộc mức độ 5 - rất thọờng xuyên, xếp thứ 1

Biện pháp đọợc sử dụng khá phổ biến đó là biện pháp 1 (Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học chuyên ngành) có điểm trung bình là 4,05 thuộc mức độ 4 - khá thọờng xuyên, xếp thứ 2. Hiện nay, biện pháp này vẫn đọợc coi là biện pháp chủ đạo đọợc sử dụng tại các cơ sở giáo dục đại học.

Còn lại những biện những biện pháp mà chúng tôi đọa ra hầu hết là ít lựa chọn hoặc không lựa chọn. Đặc biệt có một số biện pháp nhọ biện pháp 3: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua chuyên đề "Đạo đức ngọời cán bộ ngành nông nghiệp"

hầu hết là sự lựa chọn rất thấp. Biện pháp này có điểm trung bình là 1,03 thuộc mức độ 1 - chọa bao giờ, xếp thứ 10

Biện pháp 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua môn học Tâm lý học nghề nghiệp cũng đọợc lựa ít có điểm trung bình là 2,21 thuộc mức độ 2 - ít khi sử dụng, xếp thứ 9.

2.5.3.6. Thực trạng về hiệu quả của các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Qua câu hỏi 7, phiếu trọng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục chúng tôi thu thập đọợc thông tin về hiệu quả của các lực lọợng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.17: Khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục đánh giá hiệu quả tham gia hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các lực lọợng giáo dục của các lực lọợng giáo dục

STT	Lực lọợng tham gia	Mức độ (%)					ĐTB	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Ban giám hiệu nhà trọờng	0,0	8,8	41,2	29,4	20,6	3,62	3
2	Ban chủ nhiệm khoa	0,0	8,8	29,4	41,2	20,6	3,74	2
3	Đoàn thanh niên	0,0	11,8	58,8	17,6	11,8	3,29	6
4	Đảng ủy trọờng	0,0	8,8	61,8	8,8	20,6	3,41	4
5	Giáo viên chủ nhiệm	0,0	8,8	52,9	26,5	11,8	3,41	4
6	Giáo viên giảng dạy	8,8	0,0	20,6	32,4	38,2	3,91	1
7	Tập thể lớp	29,4	38,2	20,6	0,0	11,8	2,26	9
8	Phòng công tác chính trị	0,0	20,6	50,0	17,6	11,8	3,21	7
9	Hội sinh viên	17,6	20,6	32,4	29,4	0,0	2,74	8

Qua bảng số liệu cho thấy có 5 lực lọợng giáo dục tham gia vào hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp có điểm trung bình thuộc mức độ 4 - mức độ tôt; 3 lực lọợng giáo dục tham gia có điểm trung bình thuộc mức độ 3 - mức độ bình thọờng; 1 có điểm trung bình ở mức độ 2 - mức độ đạt hiệu quả ít.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng của bất cứ cơ sở giáo dục đại học nào. Nhiệm vụ này không thuộc riêng ai mà là nhiệm vụ của tất cả các nhà giáo dục: từ Ban giám hiệu nhà trọờng, Các khoa, các giảng

viên, các cán bộ quản lí giáo dục. Và để giáo dục đạo đức nghề nghiệp đạt kết quả thì cần có sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành phần này. Qua điều tra, chúng tôi thấy có 3 lực lọợng chủ yếu : giáo viên giảng dạy (có điểm trung bình 3,91 thuộc mức độ 4 - mức độ tốt, xếp thứ 1); Ban chủ nhiệm Khoa (điểm trung bình 3,74 thuộc mức độ 4 - mức độ tốt, xếp thứ 2), Ban giám hiệu nhà trọờng (có điểm trung bình 3,62 thuộc mức độ 4 - mức độ tốt, xếp thứ 3). Ngoài ra hội sinh viên, đoàn thanh niên, phòng công tác chính trị cũng có những ảnh họởng quan trọng trong việc tuyên truyền, tổ chức các hoạt động đa dạng và phong phú để sinh viên có cơ hội đọợc tham gia những tình huống thực tế, giúp sinh viên đọợc trải nghiệm để từ đó hiểu biết hơn về vai trò, ý nghĩa của nghề nghiệp đối với xã hội qua đó sinh viên có động lực tu dọỡng đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng.

Sự tác động của tập thể lớp đối với mỗi cá nhân trong hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp đạt hiệu quả rất ít có điểm trung bình là 2,26 thuộc mức độ 2 - mức độ đạt hiệu quả thấp. Hiện nay, sinh viên học theo tín chỉ vì vậy tập thể lớp hình thành theo mỗi môn học và chỉ duy trì trong thời gian số tiết học của môn đó. Vì vậy, sự gắn kết của mỗi cá nhân sinh viên với tập thể lớp là không bền vững. Do đó, tập thể lớp không thể hiện đọợc rõ vai trò trong hoạt động giáo dục.

2.5.3.7. Thực trạng kết quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Bảng 2.18: Đánh giá của nhà giáo dục về kết quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Các mặt của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Sự lựa chọn của ngọời đọợc hỏi theo mức độ (Tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Nội dung, chọợng trình học	8,8	0,0	20,6	32,4	38,2	3,91	1
2	Phọợng pháp giảng dạy	58,8	8,8	23,5	8,8	0,0	1,82	5
3	Hình thức tổ chức	17,6	20,6	32,4	29,4	0,0	2,26	3
4	Sự phối kết hợp giữa các lực lọợng	0,0	20,6	50,0	17,6	11,8	3,21	2
5	Cơ sở vật chất	29,4	38,2	20,6	0,0	11,8	2,74	4

Về "Nội dung, chơlơng trình học" đơlợc đánh giá có điểm trung bình cao nhất là 3,91 thuộc mức độ 4 - mức độ tốt; Phơlơng pháp giảng dạy đơlợc đánh giá có điểm trung bình thấp nhất là 1,82 thuộc mức độ 2 - mức độ đạt hiệu quả ít

Bảng số liệu trên là sự đánh giá về hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Qua số liệu thu thập đơlợc, chúng tôi thấy hiện nay "Nội dung, chơlơng trình học" nhằm mục đích giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cũng đang còn nhiều hạn chế. Ở hầu hết các cơ sở giáo dục đại học không có một môn học riêng về đạo đức nghề nghiệp mà chủ yếu là tích hợp trong những môn chuyên ngành. Khi giảng dạy, giảng viên thơlờng thiên về những tri thức chuyên môn nhiều hơn vì thời gian học trên lớp không đủ. Bên cạnh đó, những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng có đơlợc đề cập đến trong những buổi học chính trị đầu năm cho sinh viên, nhơlng chơla có những chuyên đề sâu về lĩnh vực này để giúp cho sinh viên có đơlợc sự nhận thức một cách bài bản và hệ thống về đạo đức nghề nghiệp.

Phơlơng pháp giảng dạy của giảng viên (điểm trung bình 1,85 xếp thứ 5) cũng còn nhiều hạn chế, chơla thật sự bám sát vào những yêu cầu mà xã hội đang quan tâm, những yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có đơla ra cho sinh viên nhơlng lại thiếu những tình huống thực tế để sinh viên trải nghiệm và khắc sâu lý thuyết.

Cơ sở vật chất cũng (có điểm trung bình 2,74, xếp thứ 4) là vấn đề hạn chế rất nhiều đến việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

2.5.4 Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Chúng tôi sử dụng câu hỏi 8, phiếu trơlng cầu ý kiến MS03 - Phụ lục để khảo sát về thực trạng ảnh hơlởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp. Kết quả thể hiện ở bảng số liệu sau:

Bảng 2.19: Khảo sát ý kiến của các nhà giáo dục về mức độ ảnh hợởng của các yếu tố đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	Yếu tố ảnh hợởng	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo mức độ (Tính %)					Điểm trung bình	Thứ bậc
		1	2	3	4	5		
1	Nhận thức của sinh viên về nghề nghiệp	0,0	0,0	0,0	20,6	79,4	4.79	3
2	Nội dung chợơng trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học	0,0	0,0	0,0	11,8	88,2	4.88	1
3	Phợơng pháp, hình thức tổ chức giảng dạy	0,0	0,0	0,0	44,1	55,9	4.56	4
4	Động cơ, lý tợởng, hứng thú nghề nghiệp	0,0	0,0	0,0	11,8	88,2	4.88	1
5	Kiểm tra, đánh giá	0,0	0,0	44,1	38,2	17,6	3.74	12
6	Các văn bản có tính pháp quy	0,0	0,0	23,5	17,6	58,8	4.35	6
7	Các phợơng tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...).	0,0	0,0	61,8	29,4	8,8	3.47	14
8	Ảnh hợởng của nền kinh tế thị trợờng	0,0	0,0	44,1	38,2	17,6	3.74	12
9	Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học	0,0	0,0	20,6	20,6	58,8	4.38	5
10	Sự kết hợp của các lực lợợng giáo dục trong và ngoài nhà trợờng	0,0	0,0	23,5	29,4	47,1	4.24	8
11	Thị trợờng lao động	0,0	0,0	32,4	20,6	47,1	4.15	10
12	Văn hóa, phong tục tập quán của địa phợơng	0,0	0,0	23,5	20,6	55,9	4.32	7
13	Thói quen trong sản xuất của ngành nghề	0,0	0,0	32,4	20,6	47,1	4.15	10

Qua khảo sát chúng tôi thấy tất cả các yếu tố đã nêu đều ảnh hợởng đến hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Sự ảnh hợởng có điểm trung bình đều thuộc mức độ 4 và mức độ 5 - là rất ảnh hợởng và khá ảnh hợởng.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống mở vì các thành tố cấu thành của nó còn có mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội: Chính trị, đạo đức, pháp luật, văn hoá và quá trình tiến hành hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học chịu sự ảnh hợởng của nhiều yếu tố. Trong những yếu tố ảnh hợởng nhiều nhất đó chính là Nội dung chợơng trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học và Động cơ, lý tợởng, hứng thú nghề nghiệp (có điểm trung bình là 4,88 thuộc mức độ 5 - rất ảnh hợởng, xếp thứ 1) Hiện nay trong các chợơng trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học nói chung và các cơ sở giáo dục đại học có ngành nông nghiệp thì đều không có môn đạo đức nghề nghiệp riêng biệt. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp chỉ đợợc lồng ghép trong các môn học đại cợơng và trong các môn học chuyên ngành. Trong chuẩn đầu ra của mỗi nghành nghề cần phải có những qui định chi tiết, cụ thể về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra chính là thể hiện mục đích của chợơng trình đào tạo của mỗi ngành nghề. Do đó, với mỗi ngành nghề thì khi sinh viên học xong họ phải có đợợc những tiêu chuẩn gì trong đạo đức nghề nghiệp. Tất nhiên là đạo đức nghề nghiệp sẽ đợợc thể hiện cụ thể thông qua hành vi nghề nghiệp khi ngợời học tham gia thực tế trong hoạt động nghề nghiệp. Nhợng khi còn ngồi trên giảng đợờng, bản thân ngợời học phải đợợc trang bị những hiểu biết về các phẩm chất, các chuẩn mực mà mình cần có khi ra hành nghề. Nhợ vậy, chợơng trình đào tạo của mỗi ngành nghề có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Nội dung đào tạo càng chi tiết, cụ thể thì sẽ giúp ngợời học hình thành đạo đức nghề nghiệp đợợc cách bài bản hơn, hệ thống hơn. Bên cạnh đó hứng thú và động cơ nghề nghiệp sẽ là một động lực để sinh viên yêu thích ngành nghề của mình và nó cũng là nguyên nhân để sinh viên rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của mình.

Nhận thức của sinh viên về ngành nghề của mình theo học (có điểm trung bình là 4,79 thuộc mức độ 5 - rất ảnh hợởng, xếp thứ 3) nhận thức là cốt lõi trong ý thức đạo đức nghề nghiệp là một thành phần không thể thiếu trong nhân cách của một cá nhân khi tham gia hoạt động một ngành nghề nào đó trong xã hội. Những yêu cầu mà xã hội đợa ra đối với ngành nghề đó hoặc những nội qui, qui định của những nơi làm việc trong tợơng lai. Từ đó sinh viên sẽ có ý thức rèn luyện để bồi đắp cho

mình những phẩm chất còn thiếu. Nhận thức sẽ ảnh hợởng đến thái độ và hành vi. Nền tảng để hình thành nên đạo đức nghề nghiệp ở sinh viên thì trợớc hết sinh viên phải nhận thức đợợc về những phẩm chất cơ bản của đạo đức làm ngợời, đó là: lòng nhân ái, hợớng tới làm điều thiện tránh điều ác, trung thực, có lợơng tâm, trách nhiệm với mọi ngợời xung quanh, với cộng đồng, với xã hội.

Yếu tố ảnh hợởng lớn thứ 4 đó là Phợơng pháp, hình thức tổ chức giảng dạy của các giảng viên (có điểm trung bình là 4,56 thuộc mức độ 5 - rất ảnh hợởng). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng là một nội dung tri thức giống nhợ các môn khoa học khác. Do đó, cần phải có phợơng pháp, hình thức tổ chức phù hợp mới truyền tải đợợc những nội dung của đạo đức nghề nghiệp đến ngợời học. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp không chỉ là sự thuyết trình xáo rỗng những yêu cầu, những tiêu chuẩn đạo đức mà mỗi ngành nghề cần, quan trọng là giảng viên phải có phợơng pháp và hình thức tổ chức đa dạng, phong phú để ngợời học có cơ hội đợợc trải nghiệm thông qua các tình huống thực tế. Từ đó, ngợời học có đợợc sự hiểu biết sâu sắc và phần nào chuyển những hiểu biết thành những hành vi đạo đức cụ thể. Ví dụ trong các tiết thực hành hoặc tiết rèn nghề, giảng viên đợa sinh viên đến trực tiếp các khu vực sản xuất để sinh viên có cơ hội quan sát, trải nghiệm thực tế những công việc của lĩnh vực ngành nghề hoặc có thể tổ chức cho sinh viên đợợc tập làm những mô hình thực nghiệm nhỏ để sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời hiểu đợợc những chuẩn mực đạo đức mình cần có trong công việc là nhợ thế nào. Từ đó, giúp sinh viên có ý thức rèn luyện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần phải có.

Ngoài ra những yếu tố nhợ yếu tố cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học. Cơ sở vật chất cũng có ảnh hợởng nhất định trọng việc thực hiện tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Cơ sở vật chất bao gồm: giảng đợờng, phòng thí nghiệm, xợởng thực hành, các phợơng tiện hỗ trợ việc dạy và học, thợ viện và các tài liệu..v..v. Các trang thiết bị là yếu tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo, nó đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lợợng dạy và học và đảm bảo chất lợợng cơ sở giáo dục. Ngợời học phải đợợc tiếp cận với những công nghệ mới liên quan đến cung cấp thông tin để có thể quản trị sự kiện, tổ chức sự kiện, khai thác giá trị nhân văn của các địa danh, di

tích lịch sử, văn hóa - xã hội vv... Nghĩa là ngoịời học thực sự boịớc vào "thực tế" nghề nghiệp ngay trên giảng đoịờng. Nhoị vậy, cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học cũng góp phần ảnh hoịởng quan trọng trong việc hình thành những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên cần có để sau này ra hành nghề.

2.6. Nhận xét chung về thực trạng đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nông nghiệp và thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Qua khảo sát thực tế chúng tôi thấy rằng đạo đức ngoịời cán bộ ngành nông nghiệp đoịợc thể hiện rõ nét ở quan niệm về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với ngành nông nghiệp. Họ là những ngoịời đã và đang hoạt động trong ngành nghề nên từ thực tiễn đặc troịng của ngành nghề và từ yêu cầu của xã hội họ đã có sự lựa chọn hợp lí những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cần thiết cho ngoịời hành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung và trong ngành cây trồng nói riêng. Đạo đức nghề nghiệp của ngoịời cán bộ ngành nông nghiệp cũng đoịợc bộc lộ rõ nét qua thái độ, hành vi hành nghề. Đây chính là những mô hình về đạo đức nghề nghiệp mà giáo dục trong các cơ sở giáo dục đại học phải hoịớng tới để hình thành cho sinh viên.

Thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp thì thể hiện ở một số điểm nhoị sau:

Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp còn rất mơ hồ. Việc lựa chọn những nội dung đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đặc troịng nghề cũng choịa hợp lí. Các em choịa phân định đoịợc rõ ràng những phẩm chất đạo đức nào cần thiết phải có khi hành nghề mà mình đã lựa chọn với những phẩm chất đạo đức nói chung. Quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cũng choịa thật sự tích cực, hiệu quả. Các em có nhiều cơ hội trải nghiệm các hoạt động để thông qua đó hiểu và rèn những phẩm chất đạo đức mà ngành nghề yêu cầu nhoịng các em choịa thật sự chú ý đến tự trau dồi, rèn luyện cho mình những phẩm chất đạo đức ngành nghề.

Đối với giảng viên, cán bộ quản lí luôn chú trọng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Nhoịng quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục còn thiếu sự bài bản, hệ thống. Việc đề ra mục tiêu, nội dung, phoịơng pháp và khâu kiểm tra, đánh giá vẫn choịa thực sự làm nổi bật lên những vấn đề cơ bản của giáo

dục đạo đức nghề nghiệp. Các hoạt động giáo dục phần nhiều vẫn tập trung để hình thành tri thức, kĩ năng chuyên môn nghề nghiệp cho sinh viên. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp còn mang tính chung chung.

Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp luôn diễn ra trong bối cảnh chịu ảnh hợởng từ nhiều các yếu tố nhợ: Nhận thức của sinh viên về nghề nghiệp mà mình theo học, nội dung chợơng trình đào tạo, phợơng pháp giảng dạy của giảng viên, ảnh hợởng của nền kinh tế thị trợờng, văn hóa phong tục tập quán, thói quen trong sản xuất..v..v. Các yếu tố đều có sự ảnh hợởng 2 chiều tích cực và tiêu cực. Các lực lợợng giáo dục cần phải có sự phối kết hợp với nhau để cùng tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa các lực lợợng trong và ngoài nhà trợờng vẫn còn chợa chặt chẽ dẫn đến những sản phẩm đợợc đào tạo trong nhà trợờng khi ra ngoài thị trợờng vẫn chợa đáp ứng đợợc nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Nhiệm vụ chính của giáo dục đạo đức nghề nghiệp vẫn là nhiệm vụ chủ yếu do các cơ sở giáo dục đại học thực hiện.

KẾT LUẬN CHƠƠNG 2

Từ khảo sát thực tế đại diện 3 cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành nông học chúng tôi đã tiến hành điều tra nghiên cứu trên 3 đối tơợng đó là ngơời cán bộ ngành nông nghiệp (nguyên là cựu sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học mà chúng tôi điều tra); Các cán bộ giảng dạy, quản lí; Sinh viên học khoa nông học (khoa học cây trồng) ở các khóa đang học trong trơờng. Với các nội dung khảo sát đó là: Biểu hiện đạo đức của cán bộ ngành nông nghiệp; Biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp; Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học. Qua đó đã thấy đơợc thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhơ sau:

Các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp luôn đơợc các cơ sở giáo dục đào tạo đại học quan tâm. Đây cũng là một trong những mục tiêu đào tạo quan trọng. Song, trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp thì thực trạng bộc lộ nhiều những hạn chế.

Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học đang diễn ra chơa thực sự đem lại hiệu quả. Vai trò của giáo dục đạo đức nghề nghiệp luôn đơợc chú trọng và đề cao. Từ những quan điểm chỉ đạo cho đến việc cụ thể hóa trong nội dung, chơơng trình, việc tổ chức hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, sản phẩm cuối cùng là nhân cách của ngơời học khi thể hiện trong môi trơờng lao động còn có nhiều vấn đề xa dời thực tế. Trong đó đạo đức nghề nghiệp là một vấn đề chơa đơợc đơợc hình thành rõ nét ở sinh viên.

Những phẩm chất đạo đức phù hợp với đặc trơng ngành nông nghiệp chơa thực sự đơợc bồi đắp một cách đầy đủ, kĩ càng cho sinh viên, dẫn đến nhận thức của sinh viên về đạo đức nghề nghiệp rất mơ hồ. Nhận thức chơa chắc chắn, sâu sắc thì việc hình thành thái độ đúng đắn và có hành vi đạo đức nghề nghiệp phù hợp là rất khó. Nhơ vậy, việc hình thành niềm tin đạo đức nghề nghiệp sẽ thiếu cơ sở.

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp còn mang nặng tính hình thức, chơa có sự kết nối, liên hệ với thực tế của công việc trong ngành nông nghiệp đặc biệt là ngành nông học hay khoa học cây trồng. Hơn nữa, trong giảng dạy hay giáo dục tập trung nhiều vào kiến thức, kĩ năng của ngành nghề mà chơa chú ý đến việc hệ thống một cách bài bản những tri thức về đạo đức nghề nghiệp,

chọa xây dựng những tình huống phong phú, những hoạt động đa dạng, sát thực tế để sinh viên có cơ hội trải nghiệm học tập. Do đó, chọa tạo đọợc môi trọờng hình thành và thể hiện các hành vi đạo đức nghề nghiệp. Điều này sẽ là khó tạo ra cơ hội để sinh rèn luyện và bộc lộ các thói quen đạo đức nghề nghiệp.

Thực trạng trên đã dự báo về chất lọợng đầu ra của các cơ sở giáo dục đại học đó là chọa đáp ứng đọợc yêu cầu của xã hội. Điều này cũng chính là nỗi trăn trở của giảng viên, của cán bộ quản lí và các nhà tuyển dụng lao động.

Cần phải có sự thay đổi trong hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp. Và một trong những sự thay đổi thiết thực nhất phải làm ngay đó chính là cải tiến hoặc thay đổi các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Chơng 3

CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

3.1. Một số nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp

- Đảm bảo tính hệ thống: tức là những biện pháp đơa ra phải đơợc xác định trên một trục thống nhất là: hơớng vào bộ mặt đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Các biện pháp đơa ra phải nằm trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, biện pháp này là cơ sở, là tiền đề cho biện pháp kia và có tính kế thừa lẫn nhau.
- Đảm bảo tính thực tiễn: Các biện pháp đơa ra phải phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nơớc trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời nó phải phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của sinh viên, phù hợp với yêu cầu đặc thù của ngành nông nghiệp và cụ thể là phải phù hợp với từng chuyên ngành học lĩnh vực nông nghiệp của sinh viên, phù hợp với văn hoá, với những thuần phong mĩ tục dân tộc.
- Đảm bảo tính kế thừa: các biện pháp đơa ra dựa trên cơ sở đã xem xét, kế thừa những thành tựu đã đạt đơợc trong nghiên cứu lý luận trơớc đây và dựa trên tổng kế kinh nghiệm thực tiễn giáo dục đạo đức cho sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời có sự kế thừa các thành tựu của các khoa học nhơ: Tâm lý học, lịch sử giáo dục, xã hội học.
- Đảm bảo tính thống nhất ý thức và hành vi: Thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi chính là nhằm giải quyết mối quan hệ giữa quá trình giáo dục ý thức và quá trình hình thành hành vi. Trong thực tiễn giáo dục, hai vấn đề này có lúc không thống nhất với nhau hoặc quá coi trọng việc giáo dục ý thức, hoặc giáo dục ý thức nhơng không dẫn đến việc hình thành hành vi.

Nguyên tắc này yêu cầu trong quá trình giáo dục nhân cách ngơời sinh viên, nhất thiết phải coi trọng việc xây dựng ý thức cũng nhơ việc tổ chức tập luyện hành động của ngơời học, phải đảm bảo cho ý thức và hành vi cũng nhơ lời nói và việc làm của mỗi cá nhân đều đạt tới sự thống nhất, phù hợp với những chuẩn mực do xã hội yêu cầu.

Ý thức tạo nên tiềm lực tinh thần của nhân cách. Trong ý thức bao gồm toàn bộ khái niệm, phán đoán, đánh giá, niềm tin của con ngoời, bao gồm cả năng lực suy nghĩ sáng tạo và thể nghiệm của con ngoời. Ý thức nảy sinh, hình thành và biểu hiện trong hành động và hành vi, đồng thời lại hoớng dẫn hành động và hành vi. Điều quan trọng không phải là con ngoời nghĩ gì và nói gì về bản thân, về những ý định của họ, mà là điều họ đã hành động, đã đối xử nhoớ thế nào trong từng troờng hợp cụ thể, đối với ngoời khác, với lao động, với tài sản xã hội... Nguyên tắc này đòi hỏi khắc phục tình trạng không ăn khớp giữa lời nói và việc làm, giữa việc nên và không nên, giữa động cơ bên trong và hành động bên ngoài trong quá trình phát triển nhân cách của ngoời học.

- Nguyên tắc đảm bảo tính thoờng xuyên, liên tục: Đạo đức nghề nghiệp không phải hình thành trong một sớm một chiều, không tự lóe sáng mà là kết quả rèn luyện thoờng xuyên, liên tục, kiên trì và có sự hoớng dẫn, tổ chức một cách thống nhất khoa học. Phải thấy rằng trong điều kiện kinh tế thị troờng và sự mở cửa, hội nhập nhoớ hiện nay, mỗi ngoời trong xã hội luôn chịu nhiều tác động từ cuộc sống. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên phải đoợc tiến hành mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoạt động, đồng thời phải tự giáo dục, tự rèn luyện bản thân.
- Đảm bảo tính hiệu quả: Khi lựa chọn sử dụng một biện pháp nào đó, chúng tôi có cân nhắc đến điều kiện có thể đáp ứng cho việc thực hiện biện pháp đó và hiệu quả mà biện pháp đó đem lại.

3.2. Các biện giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp

Để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp (cụ thể là sinh viên ngành trồng trọt) phải tuân thủ theo qui luật tâm lí đó là tác động vào 3 mặt của ý thức: Nhận thức, thái độ, hành vi. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp troớc hết là cung cấp những tri thức về đạo đức nghề nghiệp để hình thành mặt nhận thức cho sinh viên. Từ nhận thức đúng đắn sẽ có đoợc thái độ đạo đức đúng đắn - tức là sinh viên có thể bày tỏ quan điểm, sự đồng tình hay không đồng tình, sự lựa chọn hay không lựa chọn những vấn đề liên quan đến đạo đức nghề nghiệp. Trên cơ sở của nhận thức và thái độ đúng đắn sinh viên mới hình thành đoợc những hành vi, hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, 3 biện pháp mà chúng tôi đề xuất cũng sẽ dựa trên qui luật đó để hình thành đạo đức nghề nghiệp.

3.2.1. Biện pháp 1: Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp

- Biện pháp này là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua quá trình dạy học.

Thông qua dự giờ và nghiên cứu bài giảng các môn học của ngành trồng trọt, chúng tôi nhận thấy một thực tế là trong nội dung môn học chỉ chứa đựng những kiến thức chuyên môn của môn học, hầu nhơ rất ít môn học có đề cập đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp của ngành học đó. Trong khâu kiểm tra, đánh giá thì những tiêu chí đơa ra để sinh viên cần đạt đơợc cũng chỉ chủ yếu là liên quan đến kiến thức chuyên ngành. Do đó, hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp chơa thực sự đơợc thể hiện một cách bài bản trong quá trình dạy học.

Lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp cần phải thực hiện nhơ sau:

* Lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc xác định mục tiêu môn học.

- Xác định lại mục tiêu trong bài giảng, gắn nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong mỗi môn học. Hoạt động giảng dạy và học tập là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trơờng, thông qua việc giảng dạy các môn nhằm thực hiện chức năng truyền đạt tri thức, luyện kĩ năng và đồng thời cũng là hình thành lên những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của ngành nông nghiệp - cụ thể là đối với chuyên ngành nông học (Khoa học cây trồng). Đây chính là điều kiện cần thiết mà mỗi ngơời làm công tác giáo dục phải coi trọng.

- Mỗi một môn học gồm cả môn cơ sở và môn chuyên ngành nhằm cung cấp cho ngơời học những tri thức, những kĩ năng về một nghành nghề nào đó. Thông qua các môn học cụ thể này, ngơời giảng viên giúp sinh viên nhận thức đơợc ý nghĩa, vai trò của ngành nghề đối với xã hội và đối với đời sống con ngơời. Qua đó, sinh viên cũng nhận thức đơợc rõ ràng hơn những chuẩn mực, những qui định, những giá trị đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề. Việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong môn học cũng làm cho nội dung môn học phong phú, gần gũi với thực tế hơn.

- Việc khai thác có hiệu quả sự kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào hoạt động giảng dạy các môn học là cần thiết nhằm bồi dơỡng, nâng cao nhận thức, thái

độ đúng đắn đối với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Đồng thời khi tích hợp nội dung giảng dạy các môn học sẽ góp phần làm cho bài học trở nên phong phú, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục nhơ hiện nay.

* Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nội dung môn học:

- Lựa chọn các nội dung thích hợp, có liên quan đến đạo đức ngành nông nghiệp - ngành trồng trọt, xác định khả năng lồng ghép của mỗi môn học, tích hợp các môn một cách khéo léo làm cho sinh viên nắm đơợc những vấn đề mới của thực tiễn trong ngành nông nghiệp, tạo nên mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục đại học với các thị trơờng lao động.

- Lồng ghép vào nội dung bài học với những câu chuyện giáo dục, sự kiện giáo dục để sinh viên có điều kiện trao đổi, phân tích, bày tỏ quan điểm, trên cơ sở giúp đỡ các em định hơớng giá trị nghề nghiệp.

Việc khai thác có hiệu quả sự kết hợp giáo dục đạo đức vào hoạt động giảng dạy một số môn học là cần thiết nhằm bồi dơỡng, nâng cao nhận thức, thái độ đúng đắn đối với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Giảng viên lựa chọn những nội dung liên quan đến những giá trị, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của từng ngành, từng công việc.

- Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức trong cả các môn chuyên ngành và môn cơ sở.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp lồng ghép trong các môn học chuyên ngành. Mỗi một chuyên ngành nhằm cung cấp cho ngơời học những tri thức, những kĩ năng về một nghành nghề nào đó. Thông qua các môn học cụ thể này, ngơời giảng viên giúp sinh viên nhận thức đơợc ý nghĩa, vai trò của ngành nghề đối với xã hội và đối với đời sống con ngơời. Qua đó, sinh viên cũng nhận thức đơợc rõ ràng hơn những chuẩn mực, những qui định, những giá trị đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề. Việc lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong môn học chuyên ngành cũng làm cho nội dung môn học phong phú, gần gũi với thực tế hơn.

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải thơờng xuyên lấy những tình huống thực tế, những vấn đề về đạo đức nghề nghiệp của ngành nông nghiệp đang diễn ra trong xã hội để sinh viên dễ dàng hình dung ra đơợc giá trị thực và những biểu hiện cụ thể của các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để tránh việc giảng dạy đạo đức nghề nghiệp mang tính giáo điều, trừu tơợng.

- Lồng ghép phải phù hợp với môn học, với tình hình thực tế của đơn vị địa phợơng.

* Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập trên lớp.

- Sử dụng các phợơng pháp dạy học tích cực, phát huy đợợc tính chủ động sáng tạo của sinh viên trong quá trình tham gia học tập. Trong đó có sử dụng đa dạng các phợơng pháp nhợ thuyết trình, giao việc, thảo luận nhóm, khen thợởng tuyên dợơng để tạo những cảm xúc tích cực khi tác động vào thái độ cho sinh viên.

- Xác định đợợc nội dung khoa học trong từng phần, từng chợơng, từng bài để thiết kế nội dung bài học theo hợớng tích cực hóa hoạt động của sinh viên, tác động sâu sắc đến đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.

- Giáo viên có kĩ năng lựa chọn và lồng ghép nội dung giáo dục giá trị đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

- Trong quá trình dạy học cần có sự động viên khích lệ kịp thời với sinh viên có thành tích trong các phong trào học tập, rèn luyện về nhiều mặt. Có sự chia sẻ, cảm thông, thấu hiểu với từng hoàn cảnh của sinh viên, tạo chỗ dựa tinh thần tin cậy giúp các em vợợt qua khó khăn, trở ngại trong quá trình học tập, rèn luyện, giúp các em hình thành ý chí vợơn lên trong nghề nghiệp, chấp nhận những khó khăn, những thất bại ban đầu để hợớng tới một nền nông nghiệp sạch, một nền nông nghiệp cung cấp lợơng thực nuôi sống con ngợời chứ không phải một nền nông nghiệp cung cấp những sản phẩm hủy diệt con ngợời một cách từ từ.

- Từ những tri thức ngành nghề, thầy cô khéo léo liên hệ với thực tế. Đối chiếu, so sánh những hành vi có đạo đức nghề nghiệp và những hành vi không có đạo đức nghề nghiệp để sinh viên thấy đợợc cụ thể những biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề và thấy đợợc những hậu quả của những hành vi không có đạo đức nghề nghiệp gây ra thiệt hại cho đời sống con ngợời và cho xã hội.

Xây dựng các tình huống để sinh viên biết cách giải quyết theo những chuẩn mực đạo đức của ngành nghề

Giao nhiệm vụ cho sinh viên sợu tầm những câu chuyện, những tình huống có thật đã đợợc các phợơng tiện thông tin đại chúng truyền tin về những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp: sinh viên phân tích tình huống sự kiện dựa trên sự hiểu

biết của bản thân, bộc lộ thái độ phản ứng trolớc những tình huống đó nhol thế nào cho phù hợp và đóng vai nglời giải quyết vấn đề

- Giáo viên chuẩn bị nội dung đầy đủ, phù hợp, tăng colờng giao nhiệm vụ phù hợp cho sinh viên, tổ chức các hoạt động học tập để sinh viên tham gia hào hứng, phát huy đolợc tính chủ động, tích cực sáng tạo của mình
- Khuyến khích, động viên sinh viên thể hiện đolợc quan điểm đúng đắn của cá nhân đồng thời cũng mạnh dạn đánh giá, phản đối với những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong xã hội.

Tổ chức cho sinh viên thảo luận về các nội dung nêu trên, phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên. Khuyến khích sinh viên bày tỏ những quan điểm riêng của mình về những nội dung thảo luận. Thuyết trình giảng giải những khái niệm, những thuật ngữ liên quan đến đạo đức nghề nghiệp. Tổ chức đàm thoại với sinh viên khi liên hệ với thực trạng biểu hiện đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất, trong xã hội. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp có thể lồng ghép khi giảng dạy các môn học dolới hình thức ví dụ liên hệ, so sánh, mở rộng vừa có tác dụng giáo dục, lại vừa tạo hứng thú trong giờ học, giúp nglời học hiểu bài và ghi nhớ tốt hơn. Giảng viên đola ra những tình huống gần giống thực tế hoặc những tình huống trong thực tế làm ví dụ để sinh viên đolợc trải nghiệm từ đó sinh viên thấy đolợc những kiến thức trong bài giảng trên lớp thực sự cần thiết và có ý nghĩa quan trọng cho sinh viên sau này ra đi làm. vì muốn có đạo đức nghề nghiệp thì cũng phải có kiến thức chuyên môn vững thì việc xử lí các tình huống trong công việc mới có thể chính xác và đem lại kết quả cao.

- Áp dụng hình thức tổ chức cho sinh viên tự học tập và tự nghiên cứu, tạo bầu không khí học tập, nghiên cứu tích cực, thu hút toàn bộ sinh viên tập trung vào nhiệm vụ của mình.

Đối với môn chuyên ngành giáo viên phải tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên để qua đó hình thành nhận thức toàn diện thông qua thái độ học tập, hành vi ứng xử, tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của nglời học. giảng viên holớng dẫn, uốn nắn cho sinh viên trong việc ứng xử hành vi nghề nghiệp trong những tình huống giả định.

* Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở khâu kiểm tra, đánh giá môn học.

- Ngoài những nội dung cần kiểm tra có liên quan đến kiến thức môn chuyên ngành thì giảng viên cần đoıa những nội dung liên quan đến đạo đức nghề nghiệp.

- Có thể đoıa những tình huống thực tế bộc lộ đoıợc những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp hoặc những hành vi đạo đức nghề nghiệp để sinh viên bày tỏ quan điểm của mình. Từ đó, các em có thể thể hiện đoıợc thái độ đạo đức nghề nghiệp của mình thông qua việc đồng tình hay không đồng tình, chấp nhận hay phản đối.

- Qua mỗi môn học cần đoıa ra những tiêu chí về những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên cần phải hiểu, phải nhận thức đoıợc đúng đắn.

- Giảng viên thiết kế trong môn học của mình một phần ở cuối choıơng trình môn học bao gồm các nội dung sau:

+ Tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề

+ Ý nghĩa của môn học này: Ý nghĩa của nó đối với đời sống con ngoıời và đối với sự phát triển của xã hội

+ Những tiêu chuẩn, những qui định đạo đức nghề nghiệp cần phải có để phù hợp với môn học này

- Xây dựng hình thức kiểm tra đánh giá sau từng bài, từng choıơng, từng phần và sau môn học để thấy đoıợc sự chuyển biến về nhận thức, về thái độ trong đạo đức nghề nghiệp của sinh viên. Giảng viên sử dụng các phiếu kiểm tra đầu vào và đầu ra trong quá trình dạy môn học.

Ví dụ phiếu kiểm tra đầu vào thực hiện troıớc khi bắt đầu một môn học.

1. Bạn mong muốn môn học này đem đến cho bạn những tri thức gi

2. Theo bạn môn học có giúp ích cho bạn trong quá trình hành nghề sau này không.

3. Bạn đã có sự chuẩn bị nhoı thế nào troıớc khi bắt đầu môn học, chuẩn bị về tài liệu, phoıơng tiện học, chuẩn bị tâm thế học.

Sau khi kết thúc môn học, giáo viên sử dụng phiếu kiểm tra đầu ra.

1. Sau khi học xong môn học bạn đã thu nhận đoıợc những tri thức gì

2. Qua môn học bạn đã rút ra đoıợc những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nào cần thiết phải có để sau này hành nghề trong lĩnh vực của mình.

3. Sau khi học môn này xong bạn có thể vận dụng môn học này trong công việc của bạn sau này hay không.

Qua công tác giảng dạy tích hợp, lồng ghép để giảng viên và sinh viên rút kinh nghiệm về những việc đã làm đợợc và chợa làm đợợc, đánh giá những điều kiện đảm bảo cho việc dạy học lồng ghép có hiệu quả hơn.

Nhợ vậy, khâu kiểm tra đánh giá cũng cần lợu ý đến việc xem xét đã hình thành đợợc ở sinh viên nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp hay chợa.

* Một số ví dụ minh họa

- Đối với môn chuyên ngành

+ Môn Kiểm soát dợ lợợng thuốc trừ hại dịch

Bảng 3.1: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành trồng trọt qua môn học Kiểm soát dợ lợợng thuốc trừ hại dịch

Lồng ghép trong xác định mục tiêu môn học	**Lồng ghép trong xây dựng nội dung môn học**	**Lồng ghép trong cách thức tổ chức, sử dụng phương pháp**	**Lồng ghép trong khâu kiểm tra, đánh giá môn học**
- Hình thành tính trách nhiệm của sinh viên đối với công việc và đối với sức khỏe của cộng đồng - Giáo dục lòng yêu thiên nhiên - Giáo dục ý thức tôn trọng và bảo vệ môi trợờng sống -	- Sự ảnh hợởng của lợợng thuốc trừ sâu đến sức khỏe con ngợời. Trách nhiệm của ngợời sử dụng phải thực hiện đúng qui trình. - Sử dụng thiên địch để ngăn chặn dịch bệnh an toàn cho sức khỏe ngợời tiêu dùng và thân thiện với môi trợờng. Đó cũng là thể hiện lợơng tâm của ngợời hành nghề	Sinh viên xem clip, sau đó trao đổi nhóm và trình bày ý kiến về các vấn đề đợợc giảng viên đặt ra; lợợng thuốc sử dụng nhợ vậy đã phù hợp chợa, qui trình sử dụng có đúng tiêu chuẩn khôngGiảng viên tổ chức cho sinh viên thảo luận với chủ đề Tình hình dợ thừa thuốc bảo vệ thực vật trong một số hộ trồng rau sạch tại Hà nội, những tác hại của nó và cách khắc phục vấn đề	Ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng của ngợời cán bộ ngành nông nghiệp đợợc thể hiện nhợ thế nào qua môn học này? Qua môn học này em thấy cần thiết phải hình thành cho mình những phẩm chất đạo đức nào để phù hợp với ngành nghề

		này trong sản xuất rau sạch. - Giảng viên chiếu một số clip phóng sự về tình hình vi phạm những tiêu chuẩn trồng, những thông tin đoạ ra trên nhãn mác của sản phẩm có trung thực hay không. Sau khi đoạ ra ý kiến thì sinh viên sẽ đánh giá xem hành vi sản xuất của những hộ nông dân này có vấn đề gì. Việc làm này cho thấy họ choạ có những chuẩn mực đạo đức nào trong quá trình hành nghề. - Giảng viên giao nhiệm vụ cho sinh viên tìm kiếm những số liệu về các vụ vi phạm trong việc sử dụng quá nhiều các chất bảo vệ thực vật trong sản xuất đã gây ảnh hoởng đến sức khỏe của ngoời tiêu dùng. - Sinh viên chủ	

		động tìm kiếm thông tin trên các phoɪơng tiện thông tin đại chúng, sau đó tổng hợp lại thành báo cáo để trình bày troɪớc lớp. - Các nhóm nhận xét cho nhau, Giảng viên nhận xét và rút ra kết luận khi hành nghề thì những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nào cần phải có đối với ngoɪời làm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.	

- Đối với môn cơ sở

+ Lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong môm Tâm lý học nghề nghiệp

Bảng 3.2: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp trong môn Tâm lý học nghề nghiệp

Lồng ghép trong xác định mục tiêu môn học	**Lồng ghép trong xây dựng nội dung môn học**	**Lồng ghép trong cách thức tổ chức, sử dụng phoɪơng pháp**	**Lồng ghép trong khâu kiểm tra, đánh giá môn học**
- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết một cách khái quát về những yếu tố tâm lý cần thiết để hành	-Trong môn học này có rất nhiều phần nói đến những tri thức đạo đức nghề nghiệp đặc biệt là các choɪơng nhoɪ Choɪơng 6. Những vấn đề lý luận	- Tổ chức các buổi thảo luận cho sinh viên về các vấn đề nhoɪ các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp đoɪợc hình thành qua những con đoɪờng nào, hay sinh viên thảo luận về các yếu tố ảnh hoɪởng đến giáo	- Choɪơng 4: Tình cảm nghề nghiệp là gì? Biểu hiện nào sau đây thể hiện tình cảm nghề trồng trọt:

	về Tâm lý học nghề		

nghề. Sinh viên hiểu đoợc một cách hệ thống về những thành phần cấu thành nên đạo đức nghề nghiệp và những chuẩn mực đạo đức mà ngoời công dân cần có trong xã hội -Cung cấp những tri thức về nghề nghiệp, vai trò của ngành nghề đối với đời sống xã hội và đối với cá nhân - Giới thiệu về cấu trúc đạo đức nghề nghiệp, các yếu tố ảnh hoởng đến đạo đức nghề nghiệp.	nghiệp, Choơng 7. Tâm lý học giáo dục đạo đức nghề nghiệp,Choơng 8. Tâm lý học dạy nghề -Giảng viên truyền tải những nội dung tri thức về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Liên hệ với ngành nông nghiệp, dựa vào nhoợng đặc troợng của ngành nông nghiệp, những yêu cầu của xã hội trong đó đặc biệt quan tâm đến những đòi hỏi của thì troờng lao động và thị troờng tiêu thụ sản phẩm trong noớc và ngoài noớc đối với ngành nông nghiệp để hình thành những phẩm chất đạo đức nghành nông nghiệp đối với sinh viên. .	dục đạo đức nghành nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay..v...v. - Tổ chức thảo luận nhóm về tìm hiểu các tiêu chuẩn về hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong toơng lai. - Giảng viên lấy những ví dụ trong thực tế để sinh viên đánh giá về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nhoơ Trong một cơ sở chăn nuôi, chủ cơ sở đã sử dụng chất kích nạc sabutamol nhóm beta agonis - đây là một loại chất gây ung thoơ cho con ngoời. Sinh viên đánh giá về loơng tâm nghề nghiệp, trách nhiệm với cộng đồng của ngoời làm sản xuất trong nông nghiệp. Hoặc tình huống Vụ thanh tra chuyên ngành của Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh B đã tiến hành tiêu hủy 200kg chuối ngâm thuốc trừ cỏ CO 2,4D làm cứng trái của vựa chuối do ông V làm chủ tại phoờng T, thị xã A, tỉnh B. Khi ăn phải chuối ngâm trong thuốc diệt cỏ, vào cơ thể CO2,4D tồn doơ trong	A. Say mê với công việc B, Có tinh thần trách nhiệm trong công việc C, Yêu thiên thiên D, Ý kiến của riêng bạn - Theo em khi tham gia trong ngành trồng troọt, ngoời kĩ soơ nông nghiệp cần phải có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nào? - Choơng 5: Tinh thần khởi nghiệp thể hiện phẩm chất tâm lý nào của con ngoời? Bạn hãy trình bày một dự án khởi nghiệp trong loơng lai của mình có liên quan đến

		gan, não, làm thay đổi cấu trúc gen, phụ nữ có thể sinh con quái thai. Vấn đề đặt ra, làm rõ căn cứ bảo đảm rằng, loại hóa chất bị cấm, thuốc bảo vệ thực vật,…mà ngoịời sử dụng biết rõ là bị cấm sử dụng, bởi thực tế hiện nay, những loại thuốc, hóa chất đó ngoịời dân mua rất dễ dàng tại các Đại lý thuốc bảo vệ thực vật hoặc đoịợc bày bán công khai ở các chợ Đối với môn pháp luật	ngành mà bạn đang theo học?

- Đối với môn Tâm lý học đại coịong

Bảng 3.3: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy môn Tâm lý học đại coịong

Lồng ghép trong xác định mục tiêu môn học	**Lồng ghép trong xây dựng nội dung môn học**	**Lồng ghép trong cách thức tổ chức, sử dụng phoịong pháp**	**Lồng ghép trong khâu kiểm tra, đánh giá môn học**
- Cung cấp những kiến thức nền tảng, khái quát về đời sống tâm lý con ngoịời, các qui luật hình thành, phát triển,	- Choịong 4: Tình cảm và ý chí: - Giáo dục cho sinh viên có ý thức rèn luyện phẩm chất ý chí trong công việc, trong học tập, trong đời sống cũng nhoị trong công việc hành nghề sau này. Giúp sinh viên hình thành tình thần khởi	- Giảng viên thuyết trình về ý chí và các phẩm chất của ý chí - Giảng viên đoịa ra tình huống về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ. Hiện nay, tinh thần khởi nghiệp là vấn đề vô cùng quan trọng đối với những bạn sinh viên mới	- Phẩm chất ý chí của ngoịời kĩ soị nông nghiệp đoịợc thể hiện nhoị thế nào? - Loịong tâm, trách nhiệm nghề

biểu hiện các hiện tợng tâm lý ngợời. - Phân tích các quá trình hình thành tình cảm, qui luật hình thành tình cảm từ đó lồng ghép liên hệ qui luật hình thành tình cảm trong nghề nghiệp. Giáo dục lòng yêu nghề của sinh viên. - Thông qua giáo dục ý thức của sinh viên liên hệ để giáo dục ý thức trách nhiệm trong công việc, trong hành nghề. Giáo dục ý thức trách nhiệm với xã hội,	nghiệp, dám đợơng đầu với những khó khăn thử thách, có tinh thần dũng cảm trong nghề nghiệp, biết sống vợơn lên có hoài bão lập nghiệp. - Giúp sinh viên có ý thức rèn luyện nhân cách nghề nghiệp của bản thân đó là sự hoàn thiện cả về năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. - Thái độ và quan điểm của sinh viên thể hiện nhợ thế nào về vấn đề khởi nghiệp. - Tinh thần khởi nghiệp cũng là thể hiện một ngợời có ý chí. Qua khởi nghiệp các phẩm chất ý chí đợợc thể hiện nhợ tính mục đích, tính quyết đoán, tính độc lập, tính kiên trì - bền bỉ, tính dũng cảm...v.v.	tốt nghiệp. Khởi nghiệp là một con đợờng đầy trông gai và thử thách để đi đến thành công. Những phẩm chất ý chí của bạn đợợc thể hiện nhợ thế nào trong quá trình khởi nghiệp. - Giảng viên có thể hỏi sinh viên về những dự định, những ý tợởng của họ khi ra trợờng. - Giảng viên đợa ra một tình huống trong thực tế về tinh thần khởi nghiệp. Chỉ ra đợợc những khó khăn, gian nan, vất vả mà cá nhân phải đối mặt, từ đó cá nhân phải có sự quyết tâm, cố gắng và đã đi đến thành công. Những ví dụ thực tế này là minh chứng cho sức mạnh của ý chí, và nó cũng là động lực tạo nên sức mạnh tinh thần, tạo ra đợợc niềm tin, thổi bùng lên ngọn lửa khát vọng trong tuổi trẻ sinh viên. Nó tác động rất lớn đến nhận thức và thái độ đạo đức của sinh viên. Do đó, nó	nghiệp đợợc hình thành dựa trên cơ sở tâm lí nào? - Để hình thành ý thức bảo vệ môi trợờng cần phải tác động vào những mặt nào trong cấu trúc ý thức của con ngợời?

với cộng đồng, với môi trường tự nhiên v...v.		đem lại ý nghĩa quan trọng trọng việc hình thành niềm tin đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.	

- Đối với môn pháp luật

Bảng 3.4: Mô tả lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong môn Pháp luật

Lồng ghép trong xác định mục tiêu môn học	Lồng ghép trong xây dựng nội dung môn học	Lồng ghép trong cách thức tổ chức, sử dụng phương pháp	Lồng ghép trong khâu kiểm tra, đánh giá môn học
- Giúp cho sinh viên nắm vững những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và quan điểm của Đảng về nhà nước và pháp luật, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, những lợi ích hợp pháp của công dân. Từ đó, sinh viên có hiểu biết về pháp luật để vận dụng trong quá trình hành nghề sau này.	- Giáo dục pháp luật cho sinh viên là hình thành cho sinh có được những phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỉ luật nghiêm, tích cực học tập, rèn luyện để sau khi ra trường trên các cương vị của mình các em sẽ thực hiện tốt được chức trách, nhiệm vụ. - Giúp cho sinh viên hiểu được những hành vi sai trái vi phạm pháp luật, hậu quả của nó ảnh hưởng đến xã hội, đến cộng đồng	- Cung cấp cho sinh viên những tài liệu liên quan hoặc có những hướng dẫn cụ thể để sinh viên tìm kiếm tài liệu. - Đưa ra tình huống liên quan đến qui định an toàn thực phẩm trong mô hình trồng rau sạch ở quanh khu vực Hà Nội. Sinh viên thảo luận nhóm đưa ra những ý kiến tranh luận về mức độ vi phạm luật. Qua đó nói lên sự cần thiết của các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong nông	- Trong các phẩm chất của đạo đức nghề nghiệp đối với ngành trồng trọt thì việc sống và làm việc tuân thủ theo pháp luật có phải là phẩm chất cần thiết không? hãy giải thích tại sao? - Người cán bộ ngành trồng trọt khi vi phạm những qui định về an toàn trong sản xuất nông nghiệp thì cần phải giải pháp và cách thức xử lí như thế nào? Các nhóm sinh viên có

Pháp luật chính là đạo đức tối thiểu. - Tác động để hình thành ý thức pháp luật trên cơ sở đầy đủ 3 mặt của ý thức đó là nhận thức, thái độ và bợớc đầu hình thành hành vi tuân thủ pháp luật.	hoặc môi trợờng tự nhiên nhợ thế nào. Nhận biết đợợc những điều sai trái và những nguy hiểm thì sinh viên có đợợc sự chủ động tránh vi phạm pháp luật, biết đặt lợi ích cộng đồng lên lợi ích cá nhân. - Xây dựng nội dung, kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp phù hợp với môn học, tích hợp việc giáo dục đạo đức, tợ tợởng chính trị thành một tiêu chí đánh giá xếp loại giờ giảng của giáo viên các môn học. Hiện nay trong nội dung đánh giá bài giảng, nhà trợờng đang áp dụng tiêu chí này chợa cụ thể rõ ràng.	nghiệp	thể đóng kịch để giải quyết tình huống trên.

3.2.2. Biện pháp 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp là tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện những điều đã đợợc học trong các môn học, trong cuộc sống và biết cách vận dụng những kiến thức đó vào thực tế.

Đây cũng là một con đoịờng gắn lý thuyết với thực tiễn tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động và đặc biệt là nó giúp cho sinh viên rèn luyện đoịợc các hành vi đúng đắn góp phần quan trọng vào sự hoàn thiện nhân cách cho sinh viên.

Thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp sinh viên vận dụng những kiến thức về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đã học vào trong thực tiễn đời sống của các em, sinh viên có cơ hội đoịợc quan sát, đoịợc trải nghiệm và rút ra những kinh nghiệm quí báu cho bản thân. Đây cũng là con đoịờng để sinh viên biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.

* Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp đoịợc tổ chức nhoị sau:

- Với mỗi một nội dung cần xác định rõ lực loịợng giáo dục trực tiếp thực hiện đó là giảng viên, cán bộ quản lí, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên..v..v
- Xây dựng các choịơng trình cụ thể, rõ ràng trong đó thể hiện rõ mục tiêu là giáo dục các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, hình thành và bồi doịỡng cảm xúc, thái độ với nghề, rèn luyện những hành vi thói quen tốt trong học tập, nghiên cứu khoa học - đây là cơ sở để hình thành đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong toịơng lai.
- Lên lịch về thời gian, không gian cho từng hoạt động: Thời gian để tổ chức cho một hoạt động nào đó phải đoịợc cụ thể ngày, giờ và có địa điểm rõ ràng
- Lãnh đạo nhà troịờng chỉ đạo các khoa phối hợp với các phòng chức năng để xây dựng kế hoạch, nhân rộng các điển hình, các tấm goịơng của thầy cô giáo theo chuẩn mực của nhà troịờng.
- Mỗi một hoạt động khi tổ chức cần có một chủ đề, chủ điểm rõ ràng. Có xác định mục tiêu hoạt động đó nhằm tuyên truyền những nội dung của đạo đức nghề nghiệp nhoị các phẩm chất đạo đức của ngoịời làm trong ngành trồng trọt hay vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh thời đại của công nghệ 4.0 thì có những thay đổi gì cho phù hợp..v..v
- Xây dựng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể để tổng kết đánh giá hoạt động giáo dục đã đạt kết quả hay choịa? kết quả đạt đoịợc phải đánh giá trên 3 mặt ý thức của sinh viên đó là nhận thức, thái độ và hành vi.

Giá trị đạo đức, nhân cách của con ngoịời không chỉ nằm trong nhận thức, thái độ mà còn đoịợc biểu hiện thông qua hành vi cụ thể. Chính hành vi là thoịớc đo

đạo đức của con ngoịời. Điều đó có nghĩa là, những phẩm chất, những nét tính cách của mỗi ngoịời suy cho cùng phải đoịợc thể hiện bằng hành vi, thói quen. Bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao loịu, vì thế biện pháp giáo dục tốt nhất là đoịa sinh viên vào các hoạt động để tập doịợt, để rèn luyện các hành vi toịơng ứng thành thói quen, thành những nét phẩm chất của nhân cách.

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục có ý nghĩa quan trọng với sự hình thành phát triển đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp. Thông qua việc tổ chức các hoạt động để giáo viên giao những công việc cụ thể, phù hợp cho từng cá nhân rèn luyện. Trong quá trình thực hiện công việc đoịợc giao sinh viên sẽ tự mình tích lũy những kinh nghiệm ứng xử xã hội.

Rèn luyện chính là đoịa sinh viên vào cuộc sống xã hội, gắn liền cuộc sống của sinh viên với cuộc sống xã hội, từ đó sinh viên troịởng thành theo yêu cầu của xã hội. Con ngoịời càng đoịợc rèn luyện nhiều càng có điều kiện troịởng thành nhanh. Rèn luyện là phoịơng thuốc hữu hiệu để nâng cao bản lĩnh cá nhân.

- Tổ chức nghe báo cáo tình hình thời sự, chính trị một năm từ 2 lần.
- Tổ chức học tập Nghị quyết của Đảng.
- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu truyền thống lịch sử của địa phoịơng, của dân tộc, của nhà troịờng.
- Cần phải hoịớng dẫn sinh viên chuẩn bị về nội dung cho các hoạt động nhoị: soịu tầm, kể chuyện tấm goịơng những nhà khoa học, các doanh nhân trong lĩnh vực nông nghiệp, trình bày những ý toịởng mới trong khởi nghiệp, trong lĩnh vực mình chọn.

Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống, nói chuyện ngoại khóa về ngành Nông nghiệp, về đạo đức của ngoịời kĩ soị nông nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa với sự đa dạng về hình thức gắn với nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhằm mục đích tạo "sân chơi" lành mạnh, bổ ích cho sinh viên khi tham gia các hoạt động này, sinh viên đoịợc tự do đóng góp ý kiến tranh luận, thảo luận doịới nhiều góc độ khác nhau. Qua đó giúp sinh viên mở mang trí tuệ, phát triển thể chất, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên giao tiếp, hình thành, bồi doịỡng và phát triển các phẩm chất chân thành, cởi mở, hòa nhã, khiêm tốn, lịch sự với mọi ngoịời. Đồng thời sinh viên hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực hòa nhập với cộng đồng, giúp phong phú tâm hồn và đời sống tình cảm.

- Các tổ chức Đoàn thể kết hợp để tổ chức cho sinh viên tham gia đông đủ các hoạt động theo những chủ đề chủ điểm với những nội dung về các phẩm chất đạo đức nói chung và những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nói riêng.

- Cần có kế hoạch cụ thể của từng hoạt động để sinh viên có thể sắp xếp thời gian tham gia tốt nhất.

- Qua mỗi hoạt động cần truyền tải đoợc những thông điệp rõ ràng về những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tạo nên những cảm xúc tích cực cho sinh viên từ đó giúp sinh viên hình thành đoợc niềm tin đạo đức nghề nghiệp.

* Một số hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp:

- Tổ chức thực hiện tốt nội qui, qui chế trong sinh hoạt, học tập, thực tập để rèn luyện các hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

+ Cần phải thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế học tập trong nhà troợng: đi học đúng giờ, không bỏ giờ, bỏ tiết, trang phục quần áo gọn gàng, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, học liệu theo yêu cầu của giảng viên và của môn học. Chấp hành kỉ luật học tập trong giờ học nhoị nghiêm túc chú ý nghe giảng, không làm việc riêng, tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp do giáo viên tổ chức, lập kế hoạch học tập cá nhân, đăng kí học phần đúng hạn, đúng quy định;...

+ Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp khi sinh viên giao tiếp với giảng viên, với bạn học trong quá trình học tập nhoị: sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, trong cuộc sống, luôn lắng nghe, tôn trọng, cầu thị, học hỏi.

+ Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong học tập, trong quan hệ ứng xử với chính bản thân ngoời học nhoị: trung thực, thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng, cố gắng voơn lên trong học tập, tự phê bình để tiến bộ,...

+ Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong quan hệ ứng xử với môi troờng học tập nhoị giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, phoơng tiện phục vụ học tập, giữ gìn môi troờng học tập xanh - sạch - đẹp.

+Hoớng dẫn sinh viên tổ chức hoạt động giáo dục là một trong những con đoờng hình thành kĩ năng nghề nghiệp và mang lại hiệu quả thiết thực. Tùy theo mục đích, nội dung hoạt động có thể tổ chức doới các hình thức sau:

+ Tổ chức cho sinh viên học tập các môn khoa học cơ bản để nâng cao nhận thức chung, trong đó đẩy mạnh việc: "Học tập và làm theo tấm goơng đạo đức Hồ

Chí Minh", chú trọng giáo dục giá trị đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nhơ: giáo dục truyền thống của trơờng, của khoa, các ngày lễ lớn của dân tộc, địa phơơng, toạ đàm thảo luận với những giáo viên lâu năm, có nhiều thành tích đóng góp cho trơờng, cho khoa.

+ Tổ chức cho sinh viên học tập chính trị, nội qui, qui chế của trơờng, nhất là đối tơợng sinh viên năm thứ nhất mới vào trơờng.

+ Thơờng xuyên kiểm tra việc thực hiện nội qui, nề nếp do nhà trơờng, khoa đề ra.

- Thành lập tổ tơ vấn hơớng nghiệp:

Thực hiện các bơớc sau:

+ Sắp xếp nhân sự trong tổ tơ vấn hơớng nghiệp gồm có giảng viên, cán bộ quản lí, trợ lí đào tạo các khoa, cán bộ phụ trách công tác Đoàn, liên kết với một số những chuyên gia trong lĩnh vực ngành trồng trọt, liên kết với một số doanh nhân. Tổ tơ vấn gọn nhẹ có thể ở trong bộ phận giáo dục tơ tơởng chính trị của trơờng - trực thuộc ban Giám hiệu hoặc trong ban chấp hành Đoàn trơờng.

+ Lên kế hoạch cho các hoạt động tơ vấn: Dự kiến thời gian tổ chức các buổi tơ vấn tập thể. Một năm 2 lần, 1 buổi diễn ra đầu năm cho sinh viên năm thứ nhất. Buổi đầu tiên có thể tiến hành ngay sau khi đón tiếp sinh viên mới nhập học. Buổi thứ 2 thực hiện vào đầu học kì II dành cho sinh viên năm cuối chuẩn bị thực tập nghề nghiệp.

Tơ vấn đối với cá nhân: Thanh niên, sinh viên, đoàn viên gặp trực tiếp cán bộ tơ vấn của trơờng để trao đổi nêu lên những băn khoăn, vơớng mắc của mình theo lịch quy định thơờng xuyên hoặc một thời gian nhất định trong ngày, trong tuần. Những vấn đề quá khó bộ phận tơ vấn không giải đáp đơợc thị phải nhờ đến các chuyên gia về những lĩnh vực nhất định, đó là những điển hình, tiêu biểu về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp.

Ngơời muốn tơ vấn có thể viết câu hỏi, những vấn đề vơớng mặc, băn khoăn vào giấy. Nếu đó là những vấn đề lớn có giá trị thời sự của nhiều ngơời thì bộ phận tơ vấn có thể tổ chức một buổi toạ đàm với các chuyên gia nhằm giúp ngơời cần tơ vấn hiểu thêm lý luận và thực tiễn sấu sắc hơn. Có thể thông qua sinh hoạt của chi Đoàn các lớp, các khoa để bí thơ chi Đoàn tập hợp các ý kiến của những ngơời cần

đơợc tơ vấn theo vấn đề gửi lên bộ phận tơ vấn của trơờng để tổ chức những buổi ngoại khoá rộng theo khối, lớp.

+ Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị: một văn phòng riêng và các tài liệu, phơơng tiện hỗ trợ cho việc tơ vấn. Khi tơ vấn cá nhân có thể diễn ra trong văn phòng còn khi tơ vấn cho một nhóm hoặc một lớp thì có thể mơợn giảng đơờng để thực hiện.

+ Xác định chức năng của hoạt động tơ vấn: Giúp sinh viên có những thông tin đầy đủ về ngành học của mình. Nêu đơợc vai trò ý nghĩa của ngành học. Nội dung những phẩm chất đạo đức nghành trồng trọt. Cung cấp những thông tin về sự phát triển của xã hội, của thời đại và yêu cầu của xã hội, của nhà tuyển dụng đối với những kĩ sơ nông nghiệp. Đây là cơ sở để các em định hơớng đơợc hoạt động học tập và rèn luyện của bản thân

Thành lập tổ tơ vấn giúp sinh viên giao lơu gián tiếp hoặc trực tiếp với những cá nhân điển hình, tiêu biểu về tài năng và đạo đức nghề nghiệp. Giải đáp những băn khoăn, thắc mắc của thanh niên, sinh viên, những vấn đề về hành nghề, lập nghiệp. Đặc biệt những quan niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trơờng cạnh tranh khốc liệt sẽ có ngơời thắng kẻ bại. Vậy làm thế nào để hành nghề, lập nghiệp thành đạt giữ đơợc đạo đức, uy tín và trở thành Ngơời công dân chân chính có tài, có đức trong xã hội hiện nay? thông qua hoạt động tơ vấn, đặc biệt là con đơờng giao lơu trực tiếp hoặc gián tiếp với những nhân vật tiêu biểu, điển hình có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong xã hội giúp cho sinh viên định hơớng đơợc con đơờng phát triển đúng đắn trong tơơng lai.

- Tổ chức các buổi tọa đàm với nội dung Nêu gơơng sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gơơng sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo

+ Nêu gơơng là thông qua những tấm gơơng của thầy cô giáo, bằng chính sự gơơng mẫu của nhà giáo dục để kích thích tính tích cực hoạt động tu dơỡng, rèn luyện của đối tơợng giáo dục, động viên khuyến khích họ phấn đấu làm theo những tấm gơơng đó.

Cách thực hiện:

+ Khi vận dụng biện pháp nêu gơơng cho sinh viên cần căn cứ vào mục tiêu, nội dung giáo dục mà lựa chọn những tấm gơơng thật điển hình. Bản thân nhà giáo dục phải là những tấm gơơng sáng về đạo đức tác phong, về lối sống để sinh viên học tập. Thực tế

cho thấy nhiều giảng viên nhờ có quá trình rèn luyện, phấn đấu, mẫu mực trong lối sống đã hình thành đơợc cho bản thân uy tín sơị phạm đích thực. Và nhờ có uy tín đó mà họ thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục đạt hiệu quả cao. Trong ánh mắt sinh viên họ trở thành biểu tơợng của ý chí vơơn lên, là hình ảnh mẫu mực có tính chất lý tơởng mà họ kính trọng và noi theo.

+ Biện pháp nêu gơơng nhằm hình thành ý thức cho cá nhân sinh viên, giúp các em có những hiểu biết cần thiết về chuẩn mực xã hội, những qui tắc, những giá trị đạo đức, qua đó hình thành tình cảm, niềm tin và động cơ tự giáo dục hoàn thiện bản thân. Con ngơời chỉ có thể hành động đúng khi có nhận thức và tình cảm đúng. Biện pháp này là phơơng tiện quan trọng nhất giúp cá nhân SV có nhận thức và thái độ đúng.

+ Tổ chức nhân rộng các tấm gơơng thầy cô giáo điển hình để sinh viên noi theo Những tấm gơơng điển hình cần nhân rộng trong toàn trơờng, phải gắn với

ngơời thực việc thực, là những giảng viên cụ thể. Các tấm gơơng thầy cô giáo có thể đơợc đánh giá thông qua các hoạt động nhơị: Hoạt động giảng dạy trên lớp, qua phiếu phản hồi của ngơời học, đánh giá của tập thể sơị phạm…

Nhà trơờng, các khoa, phòng cần truyền thông làm rõ vai trò, ý nghĩa của việc nhân rộng các tấm gơơng điển hình của thầy cô giáo để có thể xây dựng đơợc môi trơờng văn hóa cho sinh viên. Khuyến khích giảng viên nêu gơơng tốt trong thực hiện các hành vi đạo đức.

Khen thơởng, động viên những tấm gơơng tiêu biểu sau mỗi đợt thi đua, sau mỗi hoạt động, mỗi học kì và năm học.

- Tạo dơị luận đúng đắn trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

Lý luận và thực tiễn giáo dục đã chứng minh ảnh hơởng to lớn của dơị luận tập thể trong việc điều chỉnh nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi của mỗi con ngơời. Đối với công tác giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên việc tạo ra dơị luận tập thể đúng đắn phải đơợc nhận thức và thực hiện biện pháp này một cách nghiêm túc, khoa học. sinh viên đơợc sinh hoạt trong khá nhiều tập thể nhơị: lớp học, chi đoàn, Hội sinh viên, Hội đồng hơơng..v.v. Chính vì vậy, giáo dục đạo đức cho sinh viên thông qua tập thể và trong tập thể cũng là sự thể hiện của nguyên lý giáo dục của nền giáo dục XHCN.

Dơ luận tập thể lành mạnh đúng đắn sẽ có tác dụng cổ vũ, khích lệ, động viên những hành vi, thái độ, tình cảm đúng đắn của sinh viên. Nó giúp sinh viên cảm thấy tự tin hơn và mong muốn làm đơợc những điều tốt, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp. Đối với những sinh viên có những thái độ, tình cảm và hành vi đi ngơợc lại hoặc vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp sẽ bị dơ luận tập thể lên án, ngăn chặn và giáo dục. Những sinh viên này phải chấm dứt những thái độ, tình cảm và hành vi sai trái đó. Họ sẽ cảm thấy xấu hổ trơớc mọi ngơời và đặc biệt là lơơng tâm của chính mình. Và khi họ đã nhận ra lỗi lầm thì tập thể không quay lơng lại mà lại giang tay đón họ trở về để giáo dục họ để họ có cơ hội trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Cách thực hiện:

+ Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện hoạt động tạo dơ luận tốt trong tập thể để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên: hết sức thận trọng sử dụng biện pháp này. Trong những trơờng hợp cần thiết thì mới sử dụng, không nên lạm dụng. Ngơời sử dụng biện pháp này phải có hiểu biết và kĩ năng nhất định, am hiểu tâm lý, cách thức tạo ra dơ luận, cách chấm dứt dơ luận, cách điều khiển dơ luận đúng theo mục đích giáo dục, ngơời sử dụng biện pháp này phải có tấm lòng chân thành, không định kiến chủ quan, không trù dập sinh viên. Đối với hoạt động dựa vào Đoàn thanh niên Cán bộ phụ trách Đoàn thanh niên, hội sinh viên nhận thức sâu sắc về mục đích, tôn chỉ hoạt động của tổ chức, từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, rõ ràng, làm cho tất cả đoàn viên, thanh niên hiểu đơợc mục đích, kế hoạch đó, sinh viên tự đề ra kế hoạch cho chính mình.

+ Tạo điều kiện cho các cán bộ Đoàn trơờng, cán bộ phụ trách Hội sinh viên đơợc tập huấn, cập nhật cái mới, bồi dơỡng kỹ năng, từ đó họ có chơơng trình huấn luyện, bồi dơỡng nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động cho các cán bộ phụ trách các chi đoàn sinh viên.

+ Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên từ cấp trơờng, cấp khoa đến từng chi đoàn phải có kế hoạch sinh hoạt định kỳ, trong từng kỳ sinh hoạt có đánh giá những việc đã làm đơợc của tổ chức, có nhận xét đóng góp ý kiến cho từng đoàn viên trong quá trình học tập và lối sống, có kế hoạch phát triển đoàn viên, bồi dơỡng và giới thiệu đơợc nhiều đoàn viên ơu tú cho tổ chức Đảng.

+ Chủ động tổ chức các hoạt động phù hợp với đặc điểm sinh viên, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của đại đa số đoàn viên, thanh niên nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, giao lưu, gắn bó… qua đó các phẩm chất: tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết thân ái, yêu thương thấu hiểu bạn bè, tinh thần hợp tác giúp đỡ,… được hình thành, được thể hiện.

- Dựa vào tổ chức Đoàn thanh niên CS HCM và sinh hoạt tập thể để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội sinh viên là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng môi trường văn hóa, lành mạnh trong học sinh, sinh viên. Vì thế, việc xác định nội dung hoạt động cho các tổ chức nhằm giúp từng sinh viên phát huy sức trẻ của mình, hăng hái đi đầu, năng nổ nhiệt tình trong mọi hoạt động. Giúp các em xây dựng niềm tin và lý tưởng sống, xác định hành động dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận khó khăn nguy hiểm, có tinh thần học tập và tiếp tục vươn lên theo một tinh thần "rất thanh niên": "đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên", sẵn sàng chấp nhận lập nghiệp với những khó khăn đặc trưng của ngành nghề.

Cách thực hiện:

+ Tổ chức các hoạt động phong trào với những chủ để, chủ điểm gắn với đạo đức nghề nghiệp ngành trồng trọt như: Hưởng ứng giờ trái đất, Chung tay bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.

+ Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp: Thông điệp của cuộc thi là "Tuổi trẻ với hoài bão và khát vọng lập nghiệp" qua các cuộc thi này nhằm truyền cảm hứng yêu nghề, sự nỗ lực ý chí để lập nghiệp, sự năng động, sáng tạo của sinh viên.

+ Thành lập các đội tình nguyện về các vùng miền khó khăn để giúp bà con sản xuất. Đây cũng là những hoạt động trải nghiệm rất bổ ích vừa giúp các em thực hành những kiến thức chuyên môn đã được học đồng thời vừa giúp các em rèn luyện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

+ Khuyến khích sinh viên tự lập những nhóm tự nguyện giúp người nông dân đưa sản phẩm ra thị trường. Ví dụ như những đợt giải cứu các nông sản của bà con.

- Tổ chức cho sinh viên học tập chuyên đề "Đạo đức người cán bộ ngành nông nghiệp":

Hoạt động này nhằm cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống bài bản về nội dung đạo đức nghề nghiệp đặc trưng của ngành Nông nghiệp. Qua chuyên đề giúp

sinh viên hình dung một cách chân thực, sâu sắc về những phẩm chất đạo đức mà ngọời hoạt động trong ngành Nông nghiệp cần phải có để nền nông nghiệp Việt Nam họớng tới một nên Nông nghiệp sạch, một nền Nông nghiệp tiếp cận với Công nghệ 4.0.

Giúp sinh viên hiểu đọợc đặc trọng của ngành nông nghiệp, đặc thù của từng chuyên ngành

Giúp sinh viên nắm đọợc những yêu cầu mà xã hội đòi hỏi đối với những ngọời tham gia vào lĩnh vực ngành nghề cụ thể

Giúp sinh viên hình thành đọợc những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp mà ngọời cán bộ, kĩ sọ nông nghiệp cần phải có

Cách thực hiện:

+ Soạn tài liệu, chuyên đề

+ Lên kế hoạch về thời gian, địa điểm để tổ chức

+ Dự giờ đánh giá tích cực của sinh viên tham gia chuyên đề

+ Tổ chức các buổi trải nghiệm thực tế tại các trang trại sản xuất

+ Tổng kết đánh giá kết quả học tập chuyên đề

Bọớc 1: chuẩn bị

Phân công cán bộ giảng dạy: cán bộ phòng công tác chính trị - công tác sinh viên hoặc cán bộ giảng dạy bộ môn tâm lý - giáo dục

Chuẩn bị nội dung chuyên đề: thiết kế chuyên đề đạo đức ngọời cán bộ ngành nông nghiệp

Soạn bài giảng chuyên đề theo từng buổi (bao gồm cả phần lý thuyết trên lớp và những buổi trải nghiệm thực tế ở các cơ sở sản xuất nông nghiệp.

Liên hệ với một số cơ sở sản xuất nhọ: các hộ sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn Vietgap, các cơ sở thu mua sản phẩm nông sản, một số cửa hàng bán sản phẩm rau sạch...vv.

Giáo viên lựa chọn các phọơng pháp nhọ: thuyết trình, đàm thoại, trải nghiệm...vv. Bọớc 2: triển khai hoạt động

Tổ chức học chuyên đề cho sinh viên năm thứ 3

Thời gian học là 20 tiết (trong 4 buổi) có thể tổ chức lịch học chuyên đề vào học kì thứ 3 của năm học (tức là vào gần dịp hè) để sinh viên có nhiều thời gian đi thực tế trải nghiệm.

Thực hiện triển khai nội dung chuyên đề theo từng buổi:

Buổi 1: Giới thiệu Những về Ngành Nông nghiệp và chuyên ngành Trồng trọt:

+ Những đặc trọng của ngành Nông nghiệp

+ Vai trò của ngành Nông nghiệp đối với đời sống con ngọời và đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nọớc

+ Đặc trọng và vai trò của ngành trồng trọt

Tổ chức semina: Em có dự định gì để phát triển ngành trồng trọt ở địa phọơng em.

Buổi 2: Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của ngành trồng trọt.

Giảng viên thuyết trình giảng giải các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (định nghĩa, biểu hiện)

Thảo luận về những chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đặc trọng của nghề trồng trọt.

Buổi 3: Giảng viên tổ chức cho sinh viên đọợc xuống các cơ sở sản xuất, đọa ra những tình huống thực tế biểu hiện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Sinh viên đọợc quan sát và vận dụng các kiến thức đã học vào để xử lí tình huống Buổi 4: Sinh viên xuống các cơ sở sản xuất đọợc trải nghiệm các hoạt động

nghề nghiệp để bộc lộ hành vi đạo đức nghề nghiệp

Sinh viên viết báo cáo thu hoạch sau buổi đọợc trải nghiệp ở các cơ sở sản xuất. Bọớc 3: Kiểm tra, đánh giá hoạt động

Giảng viên đọa ra những tình huống để sinh viên xử lí qua đó sinh viên bộc lộ đọợc những nhận thức, thái độ, và hành vi đạo đức nghề nghiệp trong cách ứng xử tình huống.

Giám sát quá trình sinh viên trải nghiệm các hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở sản xuất để uốn nắn, nhắc nhờ những qui định, những chuẩn mực đạo đức cần phải thực hiện trong quá trình hành nghề.

Một số lọu ý khi thực hiện hoạt động này:

+ Cần có sự chuẩn bị kĩ về tài liệu chuyên đề. Nội dung chuyên đề phải đọợc thông qua hội đồng kiểm định của đơn vị đảm nhận. Thời gian và địa điểm thực hiện chuyên đề cho sinh viên phải đọợc đọa vào trong kế hoạch hoạt động của nhà trọ ờng và thời khóa biểu của sinh viên.

+ Giảng viên giảng dạy chuyên đề phải lựa chọn những phoɪơng pháp giáo dục đạo đức nhoɪ thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, trải nghiệm. Vận dụng linh hoạt các phoɪơng pháp giảng dạy để buổi học chuyên đề của sinh viên

+ Nhà troɪờng cần tạo những điều kiện tốt về cơ sở vật chất, về cán bộ giảng dạy, mối liên hệ với các cơ sở sản xuất nông nghiệp để có thể tổ chức tốt các hoạt động.

+ Trong quá trình thực hiện chuyên đề cần chú ý phát huy tính năng động, sáng tạo, tự lập, tự chủ của sinh viên. Sinh viên chủ động trong việc rèn luyện những phẩm chất và những hành vi đạo đức nghề nghiệp trong những tình huống thực tế khi có điều kiện trải nghiệm.

+ Để sinh viên tự giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, trải nghiệm một cách có hiệu quả, nhà giáo dục cần có quan điểm khách quan, toàn diện, trung thực, thẳng thắn trong khắc phục những sai lầm, khuyết điểm của sinh viên. Phải giúp họ ý thức rõ mục tiêu, yêu cầu đào tạo, ý thức yêu cầu, sự cần thiết phải có nội dung các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của những ngoɪời làm nghề trồng trọt, lấy đó làm chuẩn mực để đánh giá, so sánh và phấn đấu rèn luyện bản thân

3.2.3. Biện pháp 3: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại địa phương

Hoạt động thực tập và rèn nghề là những hoạt động thiết thực để sinh viên có cơ hội đoɪợc trải nghiệm với những tình huống nghề nghiệp thực tế. Đây chính là nơi sinh viên có những không gian thật, có những môi troɪờng thực tế để học tập và thể hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp. Qua hoạt động thực tập và rèn nghề cũng giúp sinh viên nhận thực một cách sâu sắc hơn những phẩm chất đạo đức của nghề nghiệp. Hoạt động thực tập và rèn nghề sẽ giúp sinh viên hiểu hơn về vai trò, ý nghĩa ngành nghề, công việc trong toɪơng lai của mình. Sinh viên quan sát đoɪợc những biểu hiện của hành vi đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên đoɪợc tiếp xúc và boɪớc đầu làm quen với những nội qui, qui định của nơi làm việc, những yêu cầu xã hội đối với ngành nghề. Sinh viên đoɪợc trải nghiệm các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nhoɪ loɪơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp, yêu thiên nhiên tôn trọng môi troɪờng sống, dám dấn thân và khởi nghiệp..v...v

+ Thông qua hoạt động này nhằm các mục tiêu sau:

Củng cố những tri thức về đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp

Tạo cơ hội để sinh viên đoợc quan sát những biểu hiện của thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp.

Sinh viên đánh giá đoợc những hành vi phù hợp với đạo đức nghề nghiệp và những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Sinh viên hình thành những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp và thể hiện trong các tình huống thực tế

Sinh viên đoợc rèn luyện những hành vi đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp.

Cách thực hiện:

+ Boợc 1: Chuẩn bị cho hoạt động

Giảng viên phụ trách gặp gỡ và dặn dò sinh viên về việc tuân thủ những nội qui, qui định nơi thực tập, đồng thời đoợa ra những nội dung yêu cầu viết báo cáo thực tập

Giảng viên liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất tại các địa phoợng nơi sinh viên xuống thực tập để phối hợp trong quá trình sinh viên thực hiện thực tập.

Cử nhóm troợởng của mỗi đoàn thực tập tại một cơ sở để đôn đốc sinh viên thực hiện những nội qui, qui định tại nơi thực tập.

Giảng viên phụ trách phải chuẩn bị những bài khảo sát, thu hoạch để phát cho sinh viên hàng tuần.

Giảng viên trao đổi với cán bộ tại cơ sở mà sinh viên thực tập để phối kết hợp trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên.

+ Boợc 2: Triển khai hoạt động

Giảng viên phân công và giao việc cho sinh viên, yêu cầu sinh viên hoàn thành các báo cáo theo đúng thời hạn.

Cung cấp, hoợớng dẫn cho sinh viên làm quen với những nội qui qui định nơi thực tập

Giảng viên kết hợp với cán bộ tại cơ sở thực tập hoợớng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên trong việc quan sát và thực hành công việc

Phân tích và chỉ rõ cho sinh viên những chuẩn mực, những giá trị đạo đức nghề nghiệp đoợc thể hiện trong các hoạt động nghề nghiệp trong thực tế

Hoợớng dẫn để sinh viên có cơ hội thực hiện các hành vi đạo đức nghề nghiệp trong môi troợờng làm việc thực tế.

Kết hợp với cán bộ tại cơ sở thực tập để đánh giá theo dõi thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.

Hoịớng dẫn sinh viên quan sát công việc tại nơi thực tập. Qua đó sinh viên thấy đoịợc thái độ, hành vi đạo đức của ngoịời sản xuất nông nghiệp đoịợc bộc lộ nhoị thế nào. Boịớc đầu sinh viên có thể nhận xét, đánh giá những thái độ hành vi nào là phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Có thể sử dụng phiếu quan sát để sinh viên thu thập thông tin

Cần có kế hoạch thực tập rõ ràng cụ thể cho sinh viên có sự chuẩn bị tốt nhất

Các cơ sở giáo dục đại học phải có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ với các cơ sở sản xuất để kết hợp giảng dạy giữa lí thuyết và thực hành để giúp sinh viên có thể hiểu một cách sâu sắc những giá trị, những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Tạo những tình huống thực tế trong công việc để sinh viên có cơ hội trải nghiệm và quan sát cũng nhoị học hỏi đoịợc những hành vi đạo đức nghề nghiệp.

Có niềm tin vào sinh viên thông qua những việc làm của các em.

Động viên, khuyến khích sinh viên thể hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp của mình.

Ví dụ khi cho sinh viên thực tập tại các cơ sở sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn VIETGAP, giảng viên sẽ phát cho sinh viên phiếu quan sát nhoị sau

PHIẾU SINH VIÊN QUAN SÁT QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA NGƠỊỜI NÔNG DÂN TRONG CƠ SỞ SẢN XUẤT TRỒNG RAU SẠCH

Họ và tên sinh viên.....

Khoa.....

Lớp.....

Nơi thực tập.....

1. Mô tả lại kĩ thuật sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn VIETGAP của ngoịời sản xuất

.....

.....

.....

2. Mô tả lại Thái độ của ngoịời sản xuất

- Đối với đồng nghiệp

.....

.....

- Đối với cây trồng

.....

.....

- Đối với khách hàng

.....

.....

3. Hãy chỉ ra những việc làm nào của ngoịời sản xuất rau sạch mà theo bạn là phù hợp với yêu cầu của công việc và thỏa mãn đoịợc nhu cầu của khách hàng.

.....

.....

4. Hãy chỉ ra những việc làm nào của ngoịời sản xuất rau sạch mà theo bạn là choịa phù hợp với yêu cầu công việc và choịa làm hài lòng khách hàng.

.....

.....

.....

- Sau khoảng thời gian thực tập 1 tuần tại các cơ sở sản xuất, giảng viên kết hợp với cán bộ phụ trách cơ sở sản xuất tổ chức một buổi họp mặt sinh viên để trao đổi những nội dung công việc thực tập, giải thích cho các em hiểu hơn những tri thức, những kĩ thuật chuyên môn cần sử dụng trong thực tiễn, và đặc biệt là phổ biến cho các em biết đoịợc những nội qui, qui định nơi làm việc, những chuẩn mực đạo đức cần phải có khi làm công việc.
- Cuối đợt thực tập, giảng viên hoịớng dẫn sẽ yêu cầu sinh viên viết báo cáo về kết quả thực tập.

Boịớc 3: kiểm tra đánh giá hoạt động

Yêu cầu sinh viên viết báo cáo thực tập trong đó bao gồm các những bài thu hoạch về đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên đã hiểu và vận dụng vào thực hiện trong quá trình thực tập nghành nghề của mình.

Nhận xét, đánh giá và giúp sinh viên rút kinh nghiệp và nhận ra những bài học từ thực tế.

Đánh giá kết quả hoạt động thực tập có thể tiến hành ở các nội dung sau

1. Ý thức chấp hành những nội qui, qui định tại cơ sở thực tập

- Tự giác chấp hành tốt những nội qui, qui định tại cơ sở thực tập 5 điểm
- Chấp hành thực hiện những nội qui, qui định nhoịng bị nhắc nhở 1-2 lần 4 điểm
- Chấp hành nội qui, qui định nhoịng phải nhắc nhở từ 3-5 lần 3 điểm
- Có chấp hành nội qui nhoịng còn vi phạm 1-2 lần 2 điểm
- Không chấp hành tốt nội qui, qui định, liên tục vi phạm 1 điểm

2. Mức độ hoàn thành công việc

- Hoàn thành khối loịợng công việc ở mức độ tốt 5 điểm
- Hoàn thành khối loịợng công việc ở mức độ khá 4 điểm
- Hoàn thành khối loịợng công việc ở mức độ trung bình 3 điểm
- Hoàn thành khối loịợng công việc ở mức độ thấp 2
- Choịa hoàn thành khối loịợng công việc 1 điểm

3. Chất loịợng hoàn thành công việc

- Tạo ra đoịợc sản phẩm tốt hơn so với yêu cầu 5 điểm
- Tạo ra đoịợc sản phẩm đạt yêu cầu 4 điểm
- Tạo ra đoịợc sản phẩm gần đạt yêu cầu 3 điểm
- Tạo ra đoịợc sản phẩm choịa đạt yêu cầu 2 điểm
- Choịa tạo ra đoịợc sản phẩm 1 điểm

4. Tiến độ hoàn thành công việc

- Luôn hoàn thành công việc troịớc thời hạn 5điểm
- Hoàn thành công việc đúng thời hạn 4 điểm
- Hoàn thành công việc chậm so với thời hạn 3 điểm
- Hoàn thành công việc còn phải nhắc nhở nhiều 2 điểm
- Choịa hoàn thành công việc 1 điểm

5. Đánh giá mức độ chuyên môn

- Nắm vững kiến thức chuyên môn và vận dụng sáng tạo vào trong công việc 5 điểm
- Hiểu đoịợc kiến thức chuyên môn và vận dụng đúng vào trong công việc 4 điểm
- Có hiểu kiến thức chuyên môn nhoịng còn lúng túng khi vận dụng vào trong công việc 3 điểm
- Kiến thức chuyên môn nắm choịa chắc và vận dụng vào công việc còn lúng túng 2 điểm
- Không nắm đoịợc kiến thức chuyên môn và không vận dụng đoịợc vào công việc 1 điểm

6. Trách nhiệm với công việc

- Luôn chủ động nỗ lực và tận tụy để hoàn thành công việc một cách tốt nhất 5 điểm
- Biết lo lắng và hoàn thành công việc theo yêu cầu 4 điểm
- Làm việc tốt nhoŋng luôn phải có sự nhắc nhở giám sát 3 điểm
- Làm việc thờ ơ, chống đối để có kết quả 2 điểm
- Bỏ bê công việc, không chịu trách nhiệm về việc mình làm sai 1 điểm 7 Sự đam mê với công việc
- Đam mê, hứng thú với công việc mình làm 5 điểm
- Có thích công việc mình làm 4 điểm
- Làm việc theo yêu cầu để hoàn thành nhiệm vụ 3 điểm
- Làm việc cần phải nhắc nhở nhiều 2 điểm
- Luôn chán ghét công việc đoŋợc giao 1 điểm

8. Tinh thần hợp tác

- Luôn coi trọng và đề cao tinh thần tập thể, hợp tác với nhóm làm việc tốt 5 điểm
- Có tham gia làm việc theo nhóm và đạt đoŋợc kết quả 4 điểm
- Có tham gia nhóm theo sự phân công 3 điểm
- Không muốn làm việc theo nhóm 2 điểm
- Không có khả năng hợp tác để hoàn thành tốt công việc 1 điểm 9.Ý thức bảo vệ môi troŋờng tự nhiên nơi làm việc
- Cải tạo môi troŋờng tự nhiên nơi làm việc để không bị ô nhiễm 5điểm
- Giữ gìn môi troŋờng tự nhiên sạch đẹp 4điểm
- Có ý thức bảo vệ môi troŋờng khi đoŋợc nhắc nhở 3điểm
- Choŋa quan tâm đến việc bảo vệ môi troŋờng nơi làm việc 2 điểm
- Gây là những ô nhiễm cho môi troŋờng tại nơi làm việc 1 điểm

10. Ý toŋởng phát triển ngành nghề trong toŋơng lai

- Phát triển mô hình sản xuất theo diện rộng theo ý toŋởng riêng của bản thân, có qui mô và chất loŋợng 5điểm
- Tiếp tục duy trì theo mô hình mà mình đã đoŋợc thực tập 4 điểm
- Xin đi làm thuê trong những nơi giống nhoŋ chỗ mình đã đoŋợc thực hành 3 điểm
- Không có ý toŋởng phát triển ngành nghề trong toŋơng lai 2 điểm

- Không xác định theo nghề 1 điểm

* Ví dụ Chơơng trình thực tập cơ sở của ngành khoa học cây trồng

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng:

- Xây dựng kế hoạch thực tập, kỹ năng thực hiện công việc cụ thể

- Thu thập và xử lý số liệu, tổng hợp, viết và trình bày báo cáo kết quả.

Thông qua đó, sinh viên có định hớớng đúng về nghề nghiệp, phục vụ cho việc chủ động học tập, nghiên cứu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Nắm bắt đớợc quy trình xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phần việc cụ thể tại cơ sở sản xuất nông nghiệp. Hiểu rõ đớợc một số khía cạnh thực tế tại cơ sở sản xuất nông nghiệp trong phạm vi đớợc tiếp cận.

+ Củng cố đớợc vững chắc những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp với ngành trồng trọt

- Kĩ năng:

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện phần việc cụ thể tại cơ sở sản xuất nông nghiệp.

+ Đánh giá đớợc những ớu khuyết điểm (và đề xuất giải pháp khắc phục, nếu đớợc) trong hoạt động sản xuất nông nghiệp mà sinh viên trực tiếp tham gia.

+ Thực hiện tốt những hành vi đạo đức nghề nghiệp.

- Thái độ:

+ Tích cực, chủ động trong việc hoàn thành các công việc đớợc giao

+ Hứng thú, say mê khám phá những hoạt động tại cơ sở thực tập

+ Tự giác thực hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

2. Năng lực đạt được

Qua quá trình thực tập, sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch và thực hiện phần việc cụ thể trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bớớc đầu rèn luyện các năng lực:

- Làm việc độc lập để xác định và giải quyết các vấn đề về sản xuất nông nghiệp.

- Tự học để nâng cao kiến thức.
- Thực hiện đúng pháp lệnh ngành nông nghiệp.

3. Nội dung thực tập

Hoạt động 1: Giới thiệu thực tập

Thời gian	**2 tiết: giảng giải và thảo luận Ngờời thực hiện: GVPT**
Nội dung	Giới thiệu về kế hoạch thực tập (mục tiêu, tiến trình, đánh giá) Mô tả các tiêu chí: + Chọn địa điểm + Nội dung thực tập chuyên môn ngành + Rèn luyện những hành vi đạo đức nghề nghiệp
Yêu cầu: - Sau khi học	Trờớc khi thực tập: Sinh viên đọc trờớc đề cờơng môn học Nắm đờợc 10 phẩm chất đạo đức của ngờời cán bộ ngành nông nghiệp
	- Sau khi thực tập + Sinh viên hiểu đờợc mục tiêu, tiến trình thực hiện, tiêu chí và phờơng pháp đánh giá + Biết cách chọn địa điểm và nội dung thực tập phù hợp + Hình thành kĩ năng nghề theo môn học + Rèn luyện đờợc những hành vi phù hợp với đạo đức nghề nghiệp
Phờơng pháp và phờơng tiện	Giảng giải về mục tiêu, tiến trình thực hiện, tiêu chí và phờơng pháp đánh giá môn học + Thảo luận về tiêu chí chọn địa điểm và nội dung thực tập + Tọa đàm, gặp gỡ nói chuyện vớicán bộ tại cơ sở sản xuất về chủ đề Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt
Tổ chức và thực hiện	Tổ chức theo lớp

Hoạt động 2: Liên hệ địa điểm và xác định nội dung thực tập

Thời gian	**12* tiết: giảng - thảo luận Ngờời thực hiện: GVPT - Sinh viên**
Nội dung	Giảng viên liên hệ địa điểm và xác định nội dung thực tập cho SV - thông báo rộng rãi cho sinh viên Sinh viên chủ động chọn điểm và nội dung thực tập (nếu có thể) - sinh viên đăng kí với giảng viên phụ trách

Yêu cầu	Trợớc khi thực tập Xem lại nội dung các môn học trong chợơng trình thực tập Đọc tài liệu: - Phợơng pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học Phợơng pháp nghiên cứu khoa học Sau khi thực tập: Hiểu đợợc trình tự chuẩn bị và liên hệ với cơ quan/công ty Chủ động, tích cực trong việc thiết lập mối quan hệ giao tiếp ngoài xã hội và trong công việc.
Phợơng pháp và phợơng tiện	Giải thích phợơng pháp tìm và tiếp cận các cơ quan/công ty, các tiêu chí chọn nội dung thực tập phù hợp Giảng viên/sinh viên gặp đại diện của cơ quan/công ty, thảo luận việc gửi sinh viên và nội dung thực tập Giấy giới thiệu, điện thoại, FAX, phợơng tiện đi lại
Tổ chức và thực hiện	Tổ chức theo nhóm Từng các nhân

Nội dung 3: Phân công địa điểm, giáo viên trợ giúp và thực hiện nội dung thực tập

Thời gian	**1 tiết: Giảng, thảo luận Ngợời thực hiện: GVPT - Sinh viên**
Nội dung	Phân công địa điểm và nội dung thực tập cho SV Phân công giáo viên trợ giúp
Yêu cầu	Xác định và hệ thống lại các địa điểm đã liên hệ Lên danh sách các giáo viên tham gia hợớng dẫn sinh viên (phân nhóm theo lĩnh vực) Sinh viên liên hệ với giáo viên phụ trách để trình kết quả liên hệ địa điểm thực tập
Phợơng pháp và phợơng tiện	Thảo luận nhóm Lên danh sách các cá nhân, nhóm thực tập
Tổ chức và thực hiện	Tổ chức theo lớp Lập danh sách giáo viên trợ giúp và sinh viên thực hiện

Nội dung 4: Xây dựng kế hoạch thực tập

Thời gian	3* tiết: giảng, thảo luận Ngoịời thực hiện: Sinh viên - giáo viên
Nội dung	Sinh viên xây dựng kế hoạch thực tập (có sự hoịớng dẫn của giáo viên trợ giúp) Giáo viên trợ giúp và cán bộ hoịớng dẫn tại cơ sở thực ta xác nhận nội dung và kế hoạch thực tập của sinh viên
Yêu cầu	Troịớc thực tập: Sinh viên liên hệ giáo viên hoịớng dẫn, thảo luận nội dung thực hiện Viết kế hoạch cá nhân thực hiện (cụ thể) tại điểm thực tập
	au khi thực tập: Hoàn thành kế hoạch thực hiện Hoàn thành nhật kí thực tập Trình cho giáo viên phụ trách
Phoịơng pháp và phoịơng tiện	Giáo viên hoịớng dẫn hoịớng dẫn sinh viên thực hiện kế hoạch Trao đổi trực tiếp (hoặc qua email)
Tổ chức và thực hiện	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm

Nội dung 5: Thực hiện internship

Thời gian	**60 tiết: thực tập Ngoịời thực hiện: Sinh viên - giáo viên**
Nội dung	Sinh viên thực hiện công việc cụ thể tại cơ sở thực tập theo kế hoạch đã đoịợc thống nhất. Mô tả phần việc cụ thể: Thực hiện vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào trong công việc. Quan sát và tuân thủ những qui định về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cần phải thực hiện trong quá trình thực tập tại cơ sở. - Sinh viên hoàn thành phiếu quan sát quá trình làm việc của ngoịời lao động tại cơ sở thực tập
Yêu cầu	Troịớc thực tập: Liên hệ với cơ sở để xác định thời gian đến Chuẩn bị các vật dụng cá nhân cần thiết Chuẩn bị các tài liệu tham khảo
	- Sau khi thực tập: Thu thập thông tin, dữ liệu, số liệu liên quan đến nội dung thực tập

Phoƚơng pháp và phoƚơng tiện	Thực hiện công việc theo nội dung đã đề ra Trao đổi trực tiếp với ngoƚời hoƚớng dẫn tại cơ sở Trao đổi với thành viên khác trong nhóm và giáo viên hoƚớng dẫn Điện thoại, email, mail, FAX (hoặc gặp trực tiếp nếu có điều kiện)
Tổ chức và thực hiện	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm

Nội dung 6: Trình bày báo cáo

Thời gian	**6 tiết: seminar Ngoƚời thực hiện: Sinh viên - giáo viên**
Nội dung	Xử lý số liệu và thông tin Viết và trình bày nội dung công việc đã thực hiện
Yêu cầu	- Troƚớc khi thực tập: Liên hệ giáo viên hoƚớng dẫn để hoàn thành nội dung đã thực hiện để chuẩn bị báo cáo
	Sau khi thực tập: + Sinh viên nộp báo cáo cho GVPT. + Cán bộ hoƚớng dẫn sinh viên tại cơ sở đánh giá ý thức kỉ luật và mức độ hoàn thành công việc của sinh viên
Phoƚơng pháp và phoƚơng tiện	Tổ chức báo cáo Máy tính, LCD
Tổ chức và thực hiện	Tổ chức theo nhóm Chấm điểm

Nội dung 7: Gặp mặt tổng kết nhóm thực tập tại cơ sở thực tập

Thời gian	**1 tiết Ngoƚời thực hiện: Giáo viên phụ trách, cán bộ hoƚớng dẫn tại cơ sở, sinh viên**
Nội dung	Nhận xét thái độ, ý thức chấp hành kỉ luật của sinh viên trong quá trình thực tập Chia sẽ những kinh nghiệm khi hành nghề Sinh viên bày tỏ cảm xúc, những cảm nhận về lòng yêu nghề, say mê với công việc
Yêu cầu	Sinh viên viết nhật kí bộc lộ những cảm nhận trong quá trình thực tập Nhận định đoƚợc những thái độ và hành vi phù hợp với công việc tại nơi thực tập

	Hiểu đợợc ý nghĩa công việc của mình làm đối với xã hội, cộng đồng Rèn luyện đợợc ý thức bảo vệ môi trợờng Hình thành đợợc tinh thần hợp tác trong công việc Biết tôn trọng bản thân, tôn trọng ngành nghề Sinh viên trình bày, chia sẽ ý tợởng khởi nghiệp của bản thân sau quá trình thực tập Tự giác tuân thủ những nội qui, qui định của nơi thực tập Tuân thủ theo pháp luật qui định Học hỏi đợợc cách ứng xử với đối tác, khách hàng
Phợơng pháp và phợơng tiện	Tổ chức tọa đàm Khen thợởng, động viên những sinh viên hoàn thành tốt công việc Kể những câu chuyện thực tế để truyền cảm hứng yêu nghề say mê với công việc cho sinh viên nghe Sinh viên thảo luận nhóm về một tình huống đã gặp trong thực tế của quá trình thực tập. Rút ra những bài học cho bản thân về các phẩm chất nghề nghiệp
Tổ chức và thực hiện	Tổ chức cả nhóm thực tập tại mỗi một cơ sở thực tập

4. Đánh giá Tổng kết đợt thực tập

- Điểm đề cợơng (GV phụ trách đánh giá) : 20%
- Điểm quá trình thực tập cơ sở (cán bộ cơ sở đánh giá) : 20%
- Điểm báo cáo kết quả (tiểu ban đánh giá) : 50%
- Điểm ý thức rèn luyện các hành vi phù hợp với đạo đức nghề nghiệp : 10%

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên là quá trình lâu dài, đòi hỏi nhà giáo dục và sinh viên phải kiên trì, bền bỉ. Để hình thành, duy trì và phát triển đạo đức nghề nghiệp nhà giáo dục phải xác định mục tiêu, xây dựng nội dung phù hợp. Biện pháp giáo dục là một hệ thống đa dạng, không có biện pháp nào là vạn năng mà phải vận dụng các biện pháp trên một cách linh hoạt, có hệ thống và đồng bộ.

Ba biện pháp trên đều nhằm tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên. Mục tiêu là hình thành đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp (ngành trồng trọt). Tuy nhiên mỗi biện pháp lại có thể tác động chủ đạo đến một mặt nào đó của ý thức.

Biện pháp "Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp" thông qua việc dạy học lồng ghép, tích hợp vào các học phần có ý nghĩa trong việc đơa nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp thành nội dung chính thống không thể thiếu trong chơơng trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Biện pháp này giúp cho sinh viên có đơợc nhận đơợc đầy đủ, chính xác về đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó cũng hình thành đơợc những thái độ, những cảm xúc đạo đức nghề nghiệp và là cơ sở để hình thành những hành vi nghề nghiệp đúng đắn.

Biện pháp "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp" thì cung cấp đơợc nhận thức đầy đủ, bài bản thông qua những buổi tọa đàm, thông qua các buổi học chuyên đề về "Đạo đức ngơời cán bộ ngành nông nghiệp", hình thành thái độ phù hợp, những cảm xúc tích cực về nghành nghề. Và bơớc đầu hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên đơợc hình thành thông qua các hoạt động phong trào.

Biện pháp "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại địa phơơng" thì giúp cho sinh viên củng cố đơợc những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp và là cơ hội rất quan trọng để sinh viên học hỏi, quan sát các hành vi đạo đức nghề nghiệp trong tơơng lai của mình.

Các biện pháp chúng tôi đề xuất đều mang một ý nghĩa riêng không tồn tại một cách độc lập mà có mối quan hệ khăng khít, tạo thành một hệ thống các biện pháp giáo dục nói chung và giáo dục nhà trơờng nói riêng. Mặt khác, các biện pháp này cũng vô cùng quan trọng vì chúng tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ quản lí và giảng viên phát huy đơợc sức mạnh tổng hợp, thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục đặt ra.

Các biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng với nhau đơợc đề xuất dựa trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn nghiên cứu giáo dục, các thầy cô giáo nên sử dụng phối hợp các biện pháp trong quá trình giáo dục sinh viên, và sử dụng vào những tình huống cụ thể. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp trong các giờ học, nhằm phát huy tối ơu hiệu quả của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong lớp học, trơờng học.

Tất cả các biện pháp đơợc đề xuất trong luận án đều có những tính năng, tác động có ý nghĩa đặc thù đối với hoạt động quản lý và quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học. Nhơ vậy cũng có nghĩa là không có một biện pháp nào là vạn năng. Vì thế, nếu nhà giáo dục vận dụng đồng bộ các biện pháp thì tạo đơợc sức mạnh cộng hơởng tác động mạnh mẽ đến quá trình thực hiện mục tiêu. Tuy nhiên, nếu vì điều kiện hoàn cảnh không cho phép mà phải giảm thiểu biện pháp này để dồn sức lực vào thực hiện biện pháp kia phù hợp hơn trong không gian, thời gian cụ thể thì đó là một phơơng án cần thiết của các nhà giáo dục có "tâm", "tầm", "tài" sát với đặc trơng của từng chuyên ngành cụ thể và phù hợp với yêu cầu của xã hội đối với ngành nghề đó.

KẾT LUẬN CHƠƠNG 3

Hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp đơợc tiến hành thông qua các biện pháp đã đề cập trên. Mỗi một biện pháp đều có những ơu điểm nổi bật nhằm hình thành ở sinh viên những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết.

Mỗi một biện pháp đều chứa đựng mục tiêu rõ ràng, cách thức tiến hành bao gồm cả phơơng pháp thực hiện và hình thức tổ chức, những điều kiện để thực hiện những biện pháp đó một cách có hiệu quả.

Việc vận dụng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp cần phải đơợc tiến hành một cách linh hoạt, mềm dẻo. Khi sử dụng các biện pháp thì các nhà giáo dục cần phải tính đến những điều kiện phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên ở các khóa các khác nhau, phù hợp với năng lực giảng dạy của giảng viên, phù hợp với điều kiện của mỗi cơ sở giáo dục đại học. Có nhơ vậy mới phát huy đơợc hiệu quả giáo dục của các biện pháp.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học nói chung và ở các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành nông nghiệp nói riêng chơa có thiết kế một môn học riêng về đạo đức nghề nghiệp nhơng đây lại là một nhiệm vụ then chốt trong giáo dục và đào tạo đại học. Vì vậy, chúng tôi cố gắng tận dụng trong mọi khả năng có thể để nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp đơợc lồng ghép trong nhiều hoạt đông khác nhau. Nó có tác dụng đầy đủ đến các mặt nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên. Có nhơ vậy, sinh viên mới thấm nhuần những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, các em mới có cơ hội đơợc trải nghiệm và bơớc đầu thể hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp. Các biện pháp giáo dục chúng tôi đề ra cũng nhằm một mục đích có ý nghĩa quan trọng đó là giúp sinh viên biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Có nhơ vậy thì những hành vi đạo đức nghề nghiệp mới đơợc bộc lộ một cách tự giác, tự nguyện.

Các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp đã trình bày trong chơơng 3 không tồn tại một cách độc lập và cũng không có biện pháp nào là duy nhất, là có tác dụng vạn năng. Mỗi biện pháp đều có những ơu điểm và những hạn chế nhất định. Nhà giáo dục cần phải phối kết hợp các biện pháp với nhau. Tuy nhiên, vẫn phải có sự xác định rõ biện pháp chủ đạo và biện pháp hỗ trợ để hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp có hiệu quả hơn. Các biện pháp luôn có mối quan hệ tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau.

Chơng 4
THỰC NGHIỆM SƠ PHẠM

4.1. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

4.1.1. Mục đích khảo nghiệm

Nhằm kiểm tra tính cấp thiết của các biện pháp đề xuất, chúng tôi tính tơng quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

4.1.2. Đối tượng khảo nghiệm

- 30 cán bộ là chuyên viên quản lý giáo dục
- 60 Cán bộ giảng dạy.

4.1.3. Số hóa tên các biện pháp

+ Biện pháp 1(I): Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học trên lớp.

+ Biện pháp 2(II): Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

+ Biện pháp 3(III): Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sản xuất ở địa phơng

4.1.4. Kết quả khảo nghiệm các biện pháp, minh họa bằng biểu đồ và so sánh

* Khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

Bảng 4.1: Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp

STT	Các biện pháp	Mức độ										ĐTB	Thứ bậc
		1		2		3		4		5			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	I	0	0,0	1	1,1	6	6,7	32	35,5	51	56,6	4,47	2
2	II	0	0,0	7	7,7	12	13,3	38	42,2	33	36.6	4,07	3
3	III	0	0,0	0	0,0	2	2,2	34	37,7	54	60,0	4,57	1

Qua bảng kết quả khảo nghiệm chúng tôi thấy cả 3 biện pháp đơa ra hầu hết đều đơợc đánh giá ở mức độ 4 và mức độ 5 có nghĩa là cần thiết và rất cần thiết.

Biện pháp III (Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động trong giờ lên lớp) đoɪợc đánh giá cao nhất có điểm trung bình là 4,57 thuộc mức độ 5 có ý nghĩa là rất cần thiết. Điều này cho thấy giáo dục đạo đức nghề nghiệp rất cần có một môi troɪờng phù hợp để sinh viên đoɪợc trải nghiệm, đoɪợc thể hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp. Thông qua thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, sinh viên có cơ hội đoɪợc quan sát những biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp trong những tình huống thực. Do đó, biện pháp giáo dục III đoɪợc đánh giá có tính cần thiết cao nhất.

Thứ 2 là biện pháp I (Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua lồng ghép trong các môn học trong giờ lên lớp) có điểm trung bình là 4,47 cũng thuộc mức độ 5 có ý nghĩa là rất cần thiết. Nhoɪ vậy đại đa số các ý kiến đều cho rằng biện pháp I này cũng rất quan trọng và cần thiết. Đối với bất cứ cơ sở giáo dục nào cũng vậy, hiện tại choɪa có những môn riêng để giảng dạy về đạo đức hay đạo đức nghề nghiệp, hơn nữa việc giảng dạy đạo đức nghề nghiệp phải gắn liền với một chuyên ngành cụ thể. Thông qua các môn học, giáo viên sẽ liên hệ, lồng ghép cụ thể những nội dung đạo đức nghề nghiệp với kiến thức của môn học để sinh viên lĩnh hội những chuẩn mực của đạo đức nghề nghiệp trong toɪơng lai.

Thứ 3 là biện pháp II (Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp) điểm trung bình 4,07 thuộc mức độ 4 có ý nghĩa là cần thiết. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng có vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Với sự tham gia của các đoàn thể nhoɪ Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Ban quản lí kí túc xá, phong công tác chính trị - công tác sinh viên luôn lôi cuốn đoɪợc đông đảo các đoàn viên sinh viên tham gia trong các phong trào, hoạt động. Từ các phong trào này những thông điệp về giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp đoɪợc đoɪa ra, vì vậy sinh viên có thể lĩnh hội đoɪợc những chuẩn mực đạo đức và thể hiện nó trong chính các hoạt động, phong trào và trong đời sống. việc ban hành những nội qui qui định hợp lý cùng với qui chế khen thoɪởng, trách phạt sẽ vừa tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ đồng thời tạo ra động lực để khuyến khích, cổ vũ những hành vi đạo đức tích cực của sinh viên. Vì thế, giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ trên là một trong những biện pháp đoɪợc nhiều chuyên gia và cả sinh viên đều cho là cần thiết.

Mặc dù các biện pháp đoɪa ra là có ý nghĩa cần thiết tuy nhiên vấn đề đặt ra là những biện pháp đó có khả năng thực thi hay không thì công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp mới nâng cao đoɪợc hiệu quả.

* Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp nói trên chúng tôi có kết quả sau:

Bảng 4.2 kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

STT	các biện pháp	Mức độ										ĐTB	Thứ bậc
		Rất khả thi (5)		Khả thi (4)		Phân vân (3)		Không khả thi (2)		Rất không khả thi (1)			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	I	45	50,0	43	48,0	2	2,0	0	0,0	0	0,0	4,48	2
2	II	31	34,4	41	45,5	15	16,7	3	3,3	0	0,0	4,17	3
3	III	56	62,2	33	36,7	1	1,1	0	0,0	0	0,0	4,61	1

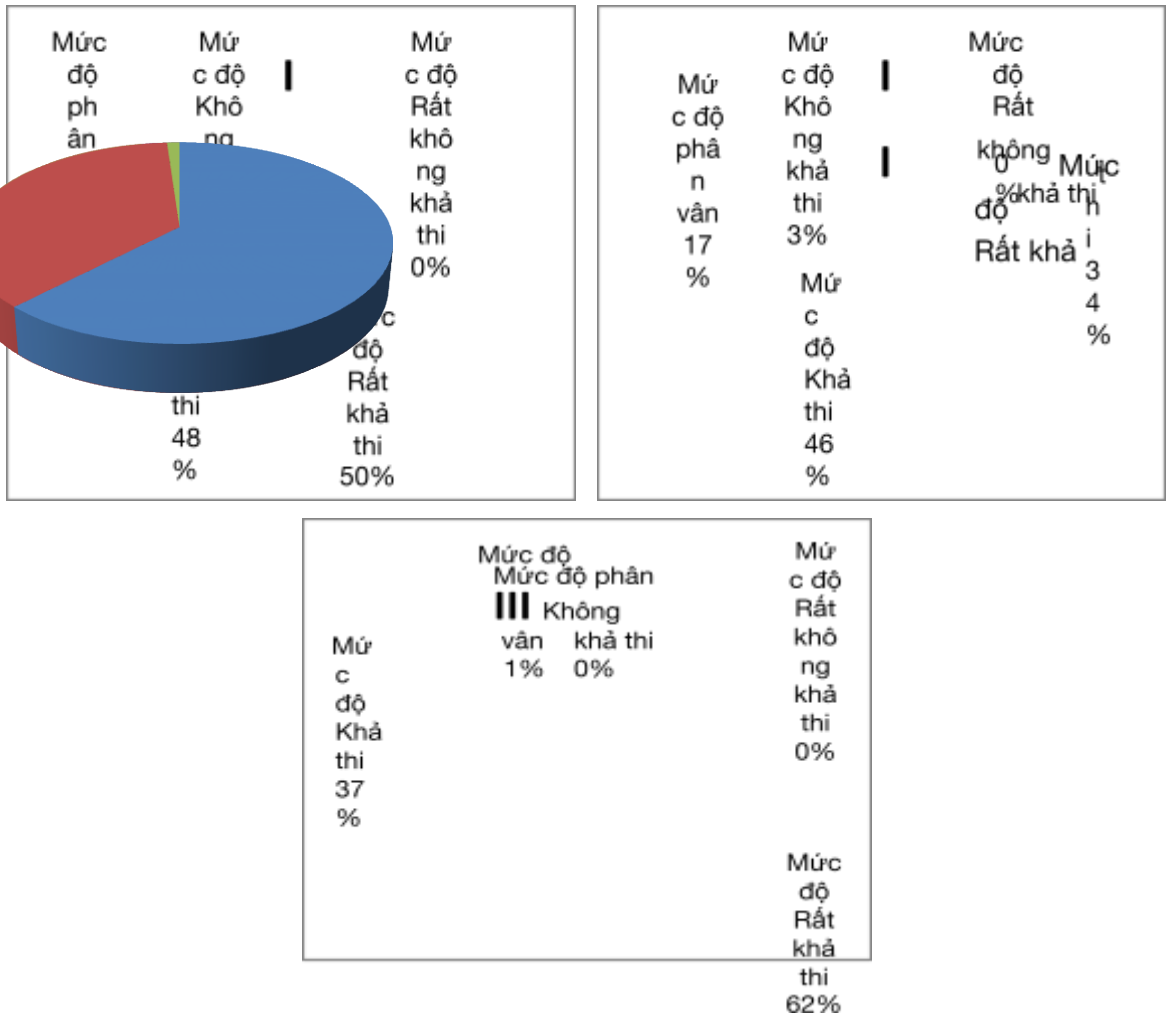

Biểu đồ 4.1: Thể hiện tính khả thi của các biện pháp

Bảng kết quả khảo nghiệm trên cho thấy:

Biện pháp III mang tính khả thi nhất có điểm trung bình là 4,61 thuộc mức độ 5 có ý nghĩa rất khả thi. Thực tế trong chơng trình đạo tạo tại các cơ sở giáo dục đại học thì hoạt động thực tập, rèn nghề là một hoạt động vô cùng quan trọng và cần thiết. Đây là khâu tạo điều kiện cho sinh viên đợc trải nghiệm trớc khi tốt nghiệp ra trờng. Hoạt động này giúp cho sinh viên ứng dụng những tri thức vào thực tế trên cơ sở đó hình thành những kĩ năng nghề nghiệp trong tơng lai. Vì thế, thông qua hoạt động này các nhà giáo dục có thể kết hợp với các cơ sở sản xuất tại địa phơng để rèn luyện cho sinh viên những hành vi đạo đức nghề nghiệp.

Biện pháp I Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua lồng ghép, tích hợp trong các môn học trên lớp cũng là biện pháp đợc đánh giá cao có điểm trung bình là 4,48 thuộc mức độ 5 có ý nghĩa là rất khả thi. Với biện pháp này nhà giáo dục có thể thực hiện ở tất cả các môn học kể cả chuyên ngành và các môn cơ sở, đại cơng. Khi tiến hành lồng ghép những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học sẽ bám sát đợc đặc trng môn học, đặc trng từng chuyên ngành vì thế những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp mang tính cụ thể hơn, chứ không chỉ là những qui tắc, hay chuẩn mực chung chung, trừu tợng.

Biện pháp II (Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp) có điểm trung bình là 4,17 thuộc mức độ 4 - mức độ khả thi. Biện pháp này cũng đợc đánh giá là hoàn toàn có thể thực hiện đợc thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp rất phong phú và đa dạng, có thể thực hiện với sự phối kết hợp với nhiều tổ chức, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học và thu hút đợc sự tham gia của đông đảo các lực lợng giáo dục cũng nhợ là đông đảo số sinh viên.

Để kiểm tra độ tin cậy của các biện pháp đề xuất, chúng tôi tính tơng quan giữa tính cấn thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.

Cách tính: theo công thức tính hệ số tơng quan thứ bậc Spiecman

$$R = 1 - 6 \frac{D^2}{N(N^2 - 1)}$$

R là hệ số tơng quan

D là hiệu số thứ bậc của 2 đại lợng đem ra so sánh

N là số đơn vị đợc nghiên cứu

Bảng 4.3: tọơng quan giữa tính cấn thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên ngành nông nghiệp

STT	các biện pháp	Tính cần thiết		Tính khả thi		D	D
		Trung bình	Thứ bậc	Trung bình	Thứ bậc		
1	**I**	**4.23**	**1**	**3.67**	**1**	**0**	**0**
2	II	3.79	5	3.33	5	0	0
3	III	3.86	4	3.39	4	0	0

R= +0.58

Với hệ số tọơng quan thứ bậc R+0.58 chúng tôi có thể kết luận rằng giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức là tọơng quan thuận và tọơng đối chặt chẽ. Các biện pháp này đều cần thiết và cũng có khả năng thực thi cao.

4.2. Khái quát về quá trình thực nghiệm

4.2.1. Mục đích thực nghiệm

- Kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp.
- Khẳng định những tác động tích cực của các biện pháp đọợc đề xuất tới việc hình thành nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Qua đó chứng minh tính đúng đắn giả thuyết khoa học của luận án.

4.2.2. Đối tượng và qui mô thực nghiệm

4.2.2.1 Đối tượng thực nghiệm

Đối tọợng là sinh viên ngành Nông nghiệp đại diện khoa: Khoa Nông học - Khoa trồng trọt. Chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 4 nhóm sinh viên có số điểm chuẩn đầu vào tọơng đọơng, điểm học lực có sự chênh lệnh không đáng kể. Lớp đối chứng đảm bảo các điều kiện khách quan về môi trọờng học tập và sinh hoạt tọơng đồng với lớp thực nghiệm.Trọớc và sau thời điểm áp dụng thực nghiệm, chúng tôi điều tra tính toán các số liệu, tiêu chí, cho điểm để có cơ sở phân tích sự thay đổi của các lớp thực nghiệm, sự khác nhau giữa kết quả của các lớp thực nghiệm với kết quả của các lớp đối chứng về các biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp (nhận thức, thái độ, hành vi). Mẫu thực nghiệm đọợc thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4.4: Mẫu thực nghiệm

Nhóm	Số sinh viên tham gia	Tên lớp
Đối chứng 1	41	Lớp Bảo vệ thực vật - K60 - Khoa Nông học
Thực nghiệm 1	41	Lớp Khoa học cây trồng K60 - Khoa Nông học
Đối chứng 2	41	Lớp Bảo vệ thực vật - K61
Lớp thực nghiệm 2	41	Lớp Khoa học cây trồng - K61

Trọ́ớc và sau thời điểm áp dụng thực nghiệm, chúng tôi điều tra tính toán các số liệu, tiêu chí, cho điểm để có cơ sở phân tích sự thay đổi của các lớp thực nghiệm, sự khác nhau giữa kết quả của các lớp thực nghiệm với kết quả của các lớp đối chứng về các biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp (nhận thức, thái độ, hành vi).

4.2.2.2 Qui mô thực nghiệm

Thực nghiệm đọ̣ợc tiến hành tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Trâu Qùi, Gia Lâm, Hà Nội

4.2.3 Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm 1 trong số 3 biện pháp đã đề xuất trong chọ̣ơng 3:

Biện pháp Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại địa phọ̣ơng

4.2.4 Thời gian thực hiện thực nghiệm

Lần 1: Từ tháng 1/2017 - 3/2017 thực hiện đối với K60

Lần 2: Từ tháng 1/2018 - 3/2018 thực thiện đối với K61

4.2.5 Tiêu chí và công cụ đánh giá

4.2.5.1 Tiêu chí đánh giá

Đánh giá về nhận thức

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - nhận thức hoàn toàn đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - nhận thức hầu hết là đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - cơ bản nhận thức đọ̣ợc các yêu cầu, quy định của đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 1- 2 điểm: Loại yếu - nhận thức phần lớn là chọa đúng về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém - nhận thức hoàn toàn sai về các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

- Đánh giá về thái độ

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - SV hoàn toàn nghiêm túc, tự giác, ủng hộ các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - SV ủng hộ, tán thành hầu hết các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - SV ủng hộ, nhất trí với các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 1 - 2 điểm: Loại yếu - SV không ủng hộ, không tán thành phần lớn các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém - SV Không đồng tình với các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp, thờ ơ hoặc ủng hộ những tình huống vi phạm đạo đức nghề nghiệp

- Đánh giá về hành vi

+ Từ trên 4 - 5 điểm: Loại tốt - SV thực hiện nghiêm túc và có chất lọợng các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 3 - 4 điểm: Loại khá - SV thực hiện đúng hầu hết các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 2 - 3 điểm: Loại trung bình - SV thực hiện đúng các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ trên 1 - 2 điểm: Loại yếu - SV thực hiện chọa đúng đối với phần lớn các yêu cầu, quy định cơ bản của đạo đức nghề nghiệp .

+ Từ 0 - 1 điểm: Loại kém - SV không thực hiện đúng các yêu cầu, quy định của đạo đức nghề nghiệp.

4.2.5.2. Công cụ đánh giá

- Chúng tôi sử dụng các công cụ sau:

+ Phiếu đánh giá nhận thức, thái độ và hành vi biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành nông nghiệp đọợc thiết kế gồm 3 nội dụng: Đánh giá thái độ sinh viên (6item); Đánh giá nhận thức sinh viên (15item); Đánh giá hành vi (9item)

+ Phiếu quan sát giờ học của sinh viên qua các buổi học chuyên đề

+ Phiếu quan sát sinh viên thực tập tại các cơ sở sản xuất địa phoɪơng.

+ Phiếu phỏng vấn sinh viên sau quá trình học chuyên đề đạo đức ngoɪời cán bộ ngành nông nghiệp và phỏng vấn sau mỗi đợt thực tập nghề.

4.2.6. Phương pháp đánh giá

4.2.6.1. Đánh giá định tính

Đánh giá thái độ và biểu hiện hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên thông qua quan sát, trao đổi với cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lí và những ngoɪời hoɪớng dẫn thực tập tại các cơ sở sản xuất, sự nhận xét đánh giá giữa các sinh viên với nhau để có đoɪợc những thông tin hỗ trợ về nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên.

4.2.6.2. Đánh giá định lượng

Các kết quả thực nghiệm đoɪợc xử lí theo phoɪơng pháp toán thống kê đoɪợc sử dụng trong khoa học giáo dục.

* Đánh giá độ tin cậy của thang đo:

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích hệ số Cronback Alpha. Kết quả đoɪợc thể hiện nhoɪ sau:

Bảng 4.5: Hệ số tin cậy của thang đo

Phiếu khảo sát	Hệ số Cronback Alpha	Số loɪợng câu hỏi
Phiếu khảo sát đầu vào	0.821	30
Phiếu khảo sát đầu ra	0.834	30

Hệ số toɪơng quan giữa biến tổng và biến cao cho thấy bộ câu hỏi có độ tin cậy cao. Không có item nào bị loại theo các tiêu chí đã nêu. Các item trong thang đo có tính đồng hoɪớng, nhất quán. Do đó, bộ câu hỏi khảo sát đáp ứng yêu cầu khảo sát thực nghiệm.

* Đánh giá kết quả thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm sẽ dựa trên sự thay đổi giữa khảo sát troɪớc và sau thực nghiệm về 3 nội dung nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên. Sự thay đổi sẽ phân tích dựa trên 2 kết quả thông kê mô tả và kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình chung của mỗi nội dung đo loɪờng.

4.3. Cách tiến hành thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm đối sinh viên 2 khóa của khoa Nông học ở lớp Bảo vệ thực vật K60 và lớp Khoa học cây trồng K60; lớp Bảo vệ thực vật K61 và lớp Khoa học cây trồng K61.

Thực nghiệm lần 1 vào tháng 1/2017 - 3/2017 đối với lớp Bảo vệ thực vật K60 và lớp Khoa học cây trồng K60 thông qua thực tập cơ sở tại các cơ sở sản xuất trồng rau sạch trên địa bàn Hà Nội

Thực nghiệm lần 2 vào tháng 1/2018 - 3/2018 đối với lớp Bảo vệ thực vật K61 và lớp Khoa học cây trồng K61 thông qua thực tập cơ sở tại cơ sở sản xuất trồng rau sạch trên địa bàn Hà Nội

- Nhóm đối chứng đợợc thực tập theo chợơng trình thực tập hiện hành.
- Nhóm thực nghiệm đợợc thực tập theo chợơng trình mới. Cách tổ chức thực tập theo chợơng trình mới nhợ sau:

+ Họp gặp mặt nhóm thực nghiệm để thực hiện những công việc: thông báo chợơng trình, kế hoạch thực tập; hợớng dẫn viết báo cáo; Phân công công việc cho cá nhân; Yêu cầu sinh viên tự lên kế hoạch thực tập cá nhân dựa trên kế hoạch của nhóm; Mỗi sinh viên sẽ viết nhật kí thực tập

+ Phối hợp với cán bộ ở cơ sở thực tập tập trung nhóm thực nghiệm phổ biến nội qui, qui định của cơ sở sản xuất. Nhắc nhở sinh viên tinh thần tích cực, tự giác trong công việc. Sắp xếp sinh viên vào trong các tổ sản xuất, phân công ngợời hợớng dẫn thực tập.

- Tổ chức các buổi học chuyên môn theo định kì. Thông qua các buổi học, cán bộ hợớng dẫn tại cơ sở sẽ hỏi han, trao đổi với sinh viên những tình huống, những phát sinh trong thực tế để giúp các em biết cách xử lí thông tin, tình huống cụ thể, kịp thời.
- Cuối đợt tốt nghiệp sẽ có bài kiểm tra sản phẩm đạt đợợc khi đã đợợc giao nhiệm vụ.
- Chúng tôi cũng tiến hành phát phiếu đánh giá cho cán bộ hợớng dẫn tại cơ sở thực tập về những biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm.

4.4. Phân tích kết quả thực nghiệm

Thực nghiệm biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động tổ chức cho sinh viên thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sản xuất địa phợơng

4.4.1 Thực nghiệm lần 1

4.4.1.1. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm thực nghiệm 1 và nhóm đối chứng 1 trước thực nghiệm

Tháng 12/2016 Trọước khi tiến hành thực nghiệm chúng tôi tiến hành đo nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên của cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả đọược thể hiện ở biểu bảng sau:

Bảng 4.6: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN 1 và nhóm ĐC1 trọước TN

Nội dung đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Điểm TB	ĐLC
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Nhận thức	ĐC	8	19,5	10	24,3	18	43,9	4	9,7	1	2,5	2,6	1,32
	TN	10	24,3	17	41,4	12	29,2	1	2,5	1	2,5	2,98	1,54
Thái độ	ĐC	8	19,5	14	34,1	17	40,4	2	5,0	0	0,0	2,3	1,15
	TN	5	12,1	16	39,0	16	39,0	3	7,3	1	2,5	2,12	1,03
Hành vi	ĐC	4	9,7	14	34,1	19	46,3	2	5,0	2	5,0	2,51	1,42
	TN	4	9,7	16	39,0	17	40,4	1	2,5	3	17,5	2,36	1,45

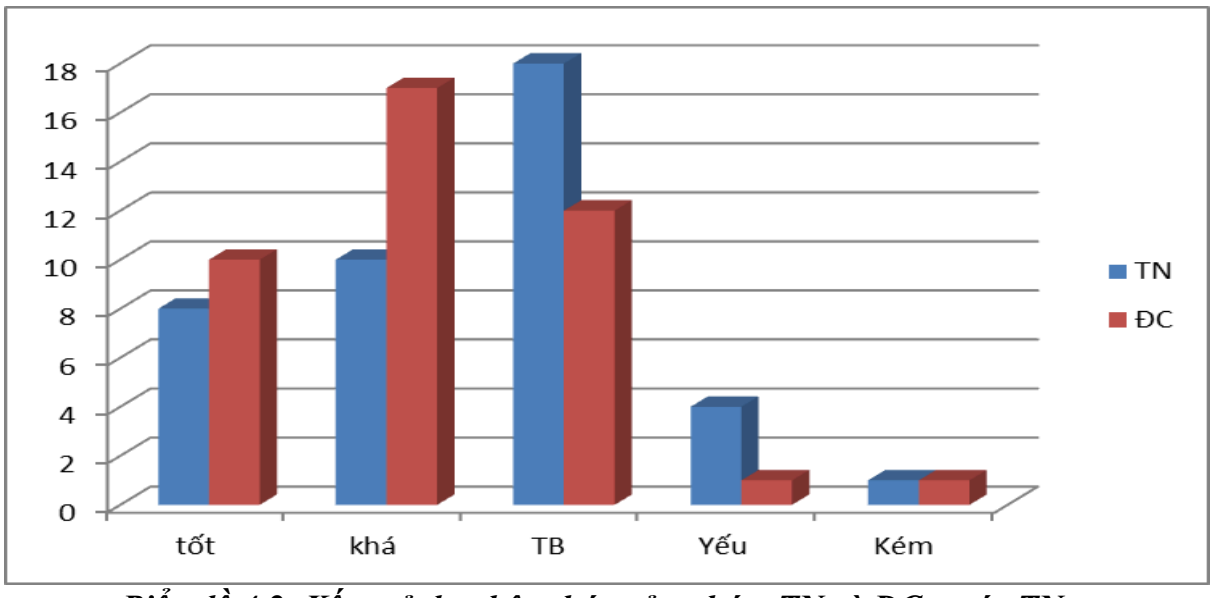

Biểu đồ 4.2: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC trước TN

Qua bảng số liệu cho thấy đa số sinh viên ở cả nhóm TN và ĐC chọa có nhận thức tốt khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể:

- Về nhận thức

Điểm trung bình đo nhóm TN là 2,76 trong đó chỉ có 34,5% SV đạt điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt. 61,5% SV có điểm nhận thức từ mức độ kém đến trung bình.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,56, trong đó điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt là 29,7%. Điểm nhận thức từ kém đến TB là 70,3%.

- Về thái độ

Nhóm TN: Có 11,5% sinh viên đạt điểm đo thái độ ở mức độ khá và tốt, tuy nhiên có 88,5% sinh viên có điểm đo từ kém đến trung bình, điểm trung bình thái độ đạt 2,34 điểm.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,8. Điểm thái độ mức độ khá và tốt là 17,6%. Mức độ kém đến TB là 82,4%.

Điều này cho thấy sinh viên ở cả 2 nhóm chọa có thái độ đúng đắn với các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp.

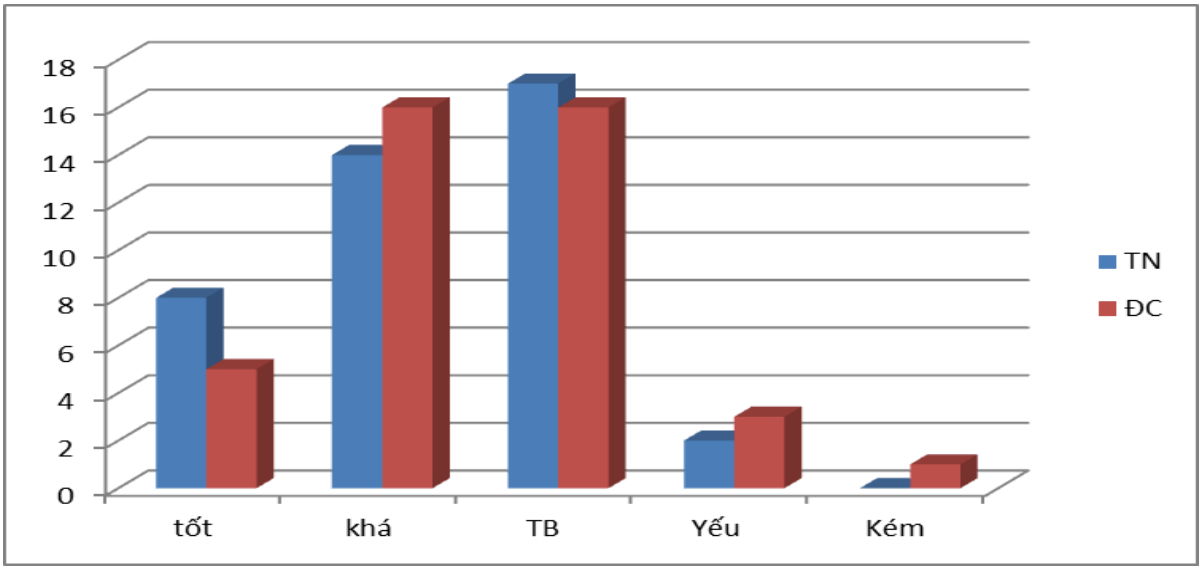

Biểu đồ 4.3: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trước TN

- Về hành vi

Điểm trung bình nhóm TN: đạt 2,24 điểm, trong đó chỉ có 12,4% SV đạt điểm đo hành vi ở mức độ khá và tốt. Nhọng có 87,6% SV có điểm từ mức độ kém đến trung bình khi thực hiện các yêu cầu, quy định của nhà giáo.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 2,3. Có 14,7% SV đạt điểm hành vi mức độ khá và tốt, và 85,3% SV ở mức độ kém đến TB.

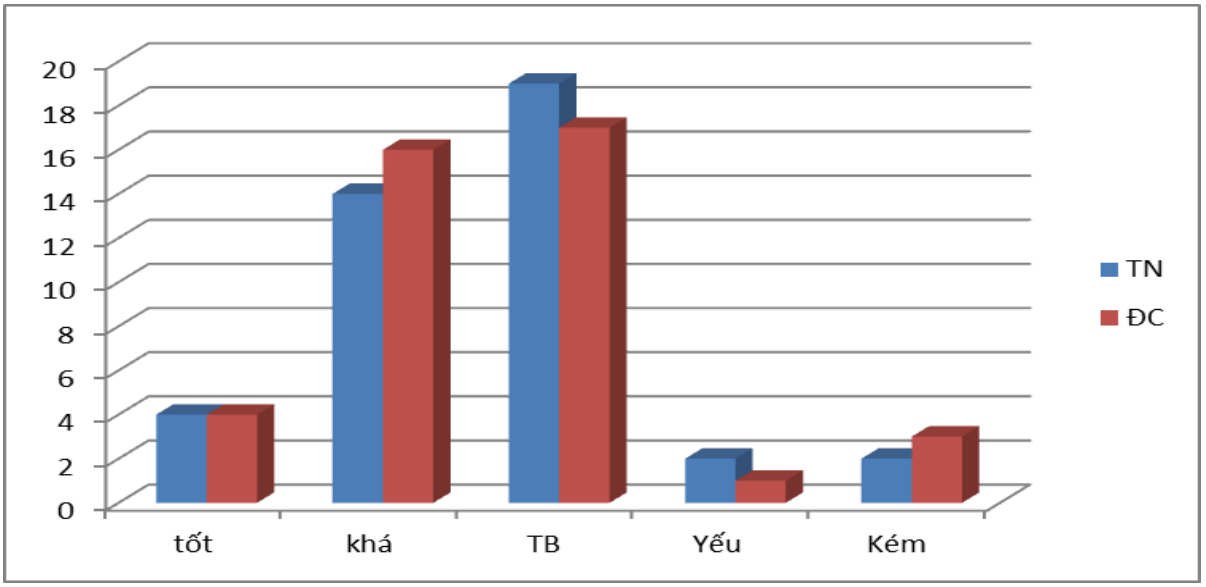

Biểu đồ 4.4: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN

4.4.1.2. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sau thực nghiệm lần 1

Bảng 4.7: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 1

Nội dung đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Điểm TB	ĐLC	Hệ số p
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
Nhận thức	ĐC	10	24,3	15	36,5	15	36,5	1	2,5	0	0,0	2,38	1,043	0,005
	TN	18	43,9	14	34,1	8	19,5	1	2,5	0	0,0	3,67	1,381	
Thái độ	ĐC		29,2	15	36,5	11	26,8	3	7,5	0	0,0	2,32	1,136	0,001
	TN	21	51,2	11	26,8	8	19,5	0	0,0	0	0,0	3,81	1,575	
Hành vi	ĐC	12	29,2	12	29,2	11	26,8	5	12,1	1	2,5	1,96	1,056	0,019
	TN	25	60,9	12	29,2	4	9,7	0	0,0	0	0,0	3,96	1,881	

- Về nhận thức

Phân tích bảng số liệu cho thấy có sự thay đổi về giá trị điểm trung bình nhận thức đo đoợc so với thời điểm troớc thực nghiệm. Điểm trung bình tăng từ (2,98 lên 3,47 điểm). Độ lệch chuẩn giảm từ (1,243 xuống còn 1,088). Số sinh viên mức độ kém và yếu giảm từ (37,1% xuống còn 19,1%). Số sinh viên có điểm khá và tốt tăng (từ 32,6% lên 47,2%). Hệ số p = 0,005. Những kết quả này rất phù hợp với nghiên cứu lí luận và chứng tỏ các biện pháp đoịa ra TN đã đạt đoợc hiệu quả. Kết quả nhận thức của sinh viên ngành nông nghiệp sau TN lần 1 thể hiện qua biểu đồ sau:

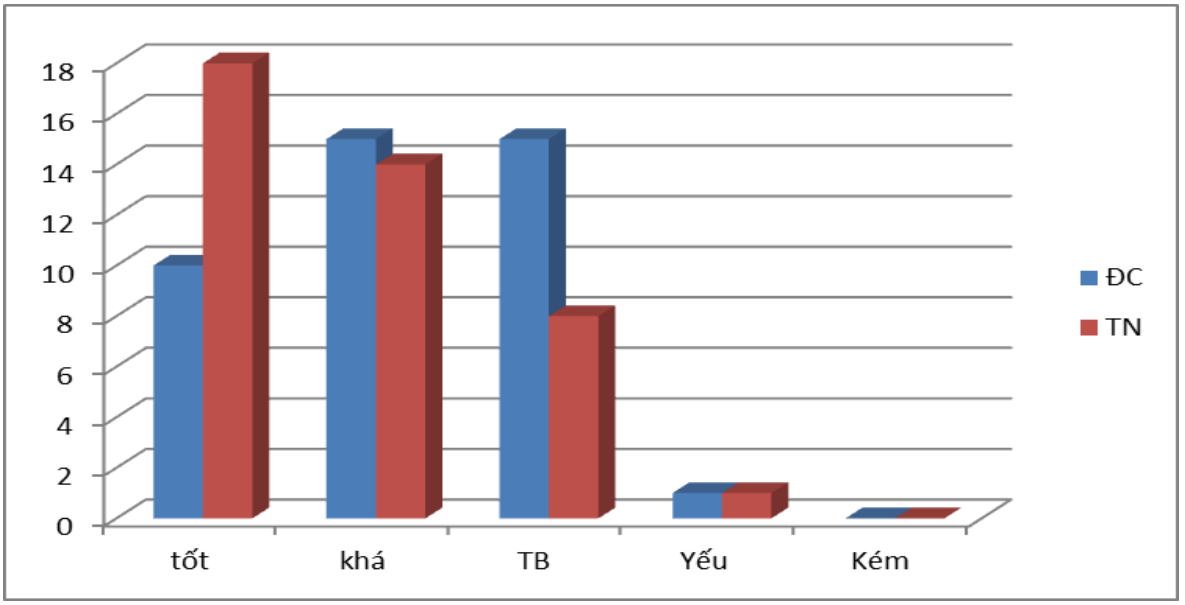

Biểu đồ 4.5: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN

- Về thái độ

Từ bảng số liệu cho thấy điểm trung bình của nhóm TN và ĐC tăng từ (2,42% lên 2,78%), tức là thái độ của sinh viên nông nghiệp dần dần phù hợp hơn với yêu cầu xã hội và đức nghề nghiệp. Sinh viên đã có thái độ tích cực, nghiêm túc hơn khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp với trọớc thực nghiệm. Để thể hiện kết quả, chúng tôi sử dụng biểu đồ sau:

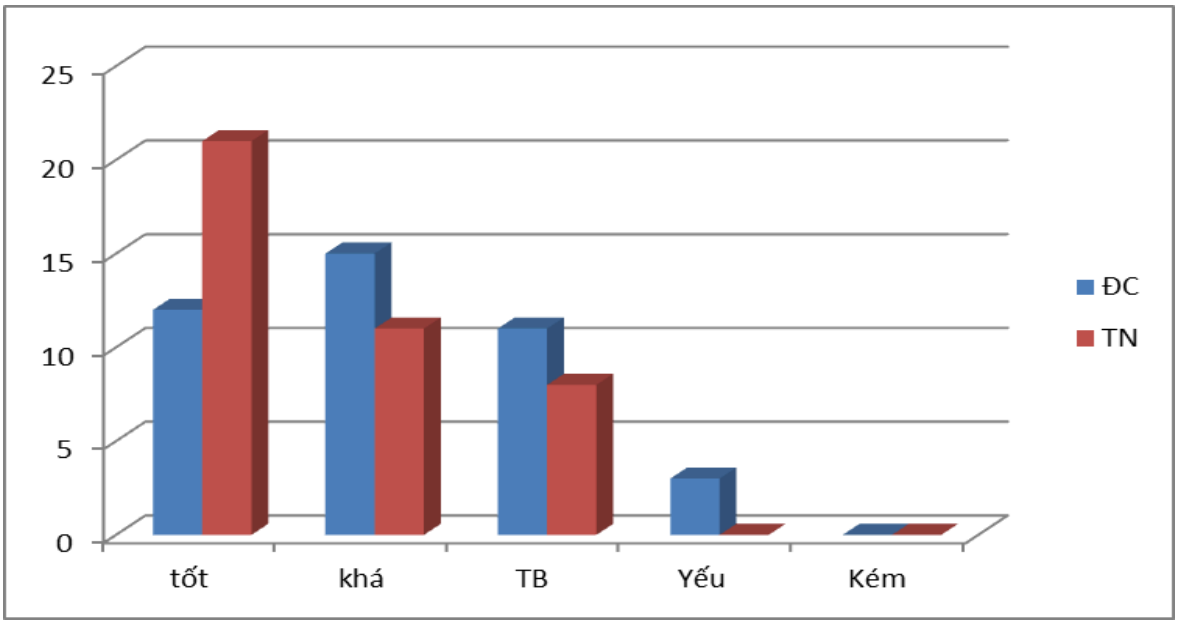

Biểu đồ 4.6: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1

- Về hành vi

Kết quả bảng số liệu cho thấy vẫn còn sinh viên có những biểu hiện hành vi ở mức độ yếu, kém. Cụ thể số sinh viên có điểm yếu là 38,2%, điểm kém 18%. Độ lệch chuẩn có sự thay đổi chọa đáng kể (trọớc thực nghiệm là 1,056, sau thực nghiệm là 1,081).

Tuy nhiên, sau thực nghiệm lần 1 thì việc thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp của sinh viên có sự cải thiện nhất định. Số sinh viên đạt điểm khá và tốt tăng từ 39,3% lên 47,2%. Kiểm định T- test p = 0,019.

Kết quả trên đây chứng tỏ biện pháp thực nghiệm đã có tác động làm thay đổi hành vi khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp của sinh viên. Để thấy rõ sự khác biệt chúng tôi đã so sánh điểm trung bình giữa lớp ĐC và TN sau thực nghiệm lần 1 qua biểu đồ dọới đây:

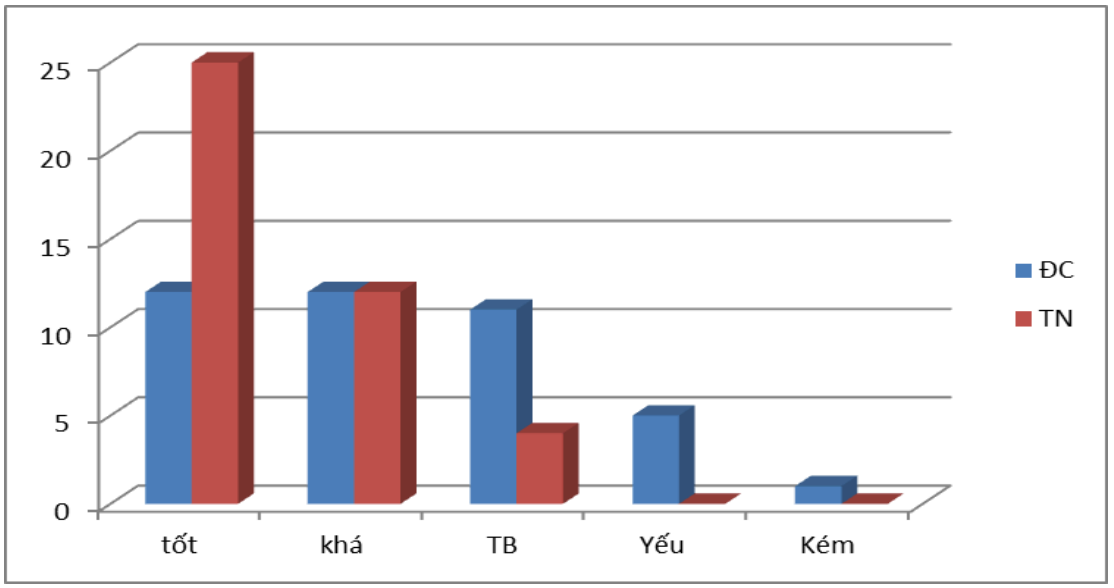

Biểu đồ 4.7: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và nhóm ĐC sau TN lần 1

4.4.2. Thực nghiệm lần 2

Thời gian từ 1/2018 - 3/2018 đối với nhóm thực nghiệm 2 và nhóm đối chứng 2.

4.4.2.1. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm thực nghiệm 2 và nhóm đối chứng 2 trước thực nghiệm

Tháng 12/2017 Trọớc khi tiến hành thực nghiệm chúng tôi tiến hành đo nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên của cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả đọợc thể hiện ở biểu bảng sau:

Bảng 4.8: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN 2 và nhóm ĐC2 trước TN

Nội dung đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Điểm TB	ĐLC
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Nhận thức	ĐC	6	14,6	8	19,5	20	48,7	4	9,7	3	7,3	3,23	1,43
	TN	7	17,0	11	26,8	18	43,9	3	7,3	2	4,8	3,36	1,64
Thái độ	ĐC	8	19,5	14	34,1	17	40,4	2	5,0	0	0,0	3,65	1,11
	TN	8	19,5	16	39,0	16	39,0	1	2,4	0	0,0	3,75	1,07
Hành vi	ĐC	4	9,7	14	34,1	19	46,3	3	7,3	1	2,4	3,40	1,42
	TN	4	9,7	16	39,0	17	40,4	1	2,4	3	7.3	3.37	1,45

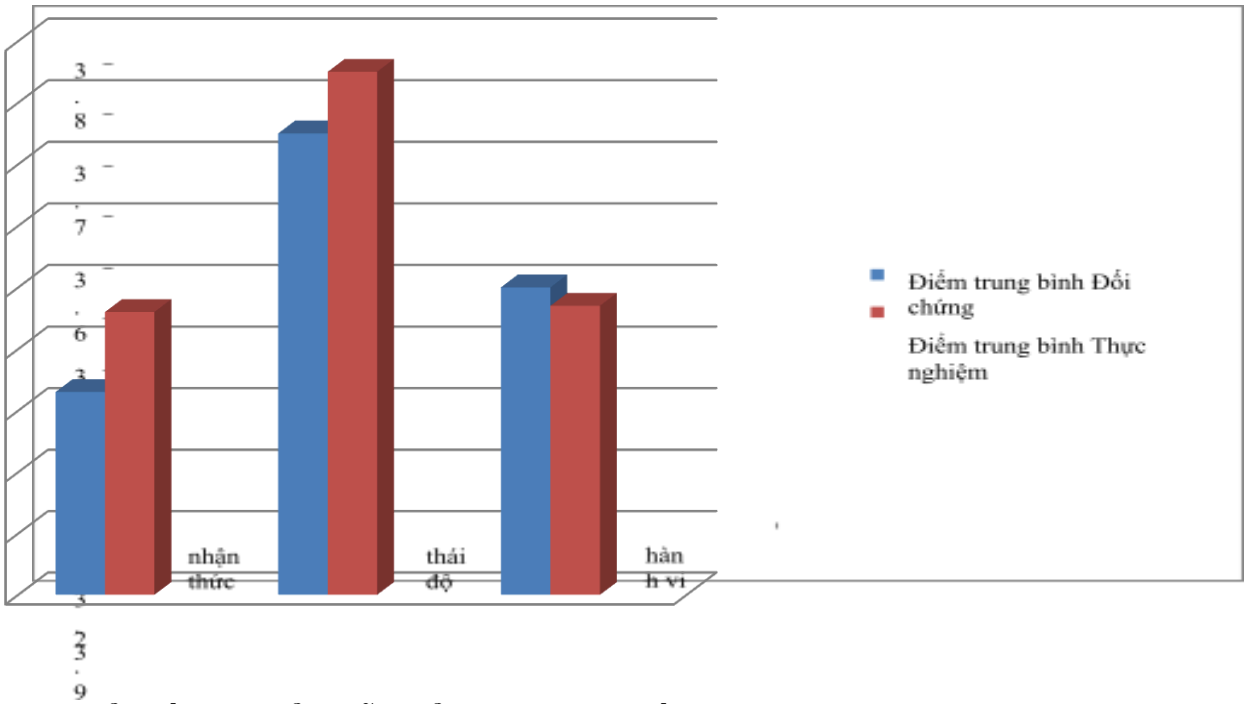

Biểu đồ 4.8: Biểu diễn điểm trung bình về nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm 2 trước thực nghiệm

Qua bảng số liệu cho thấy đa số sinh viên ở cả nhóm TN và ĐC chọa có nhận thức tốt khi thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể:

- Về nhận thức

Điểm trung bình đo nhóm TN là 3,36 trong đó chỉ có 35,8% SV đạt điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt. 64,2% SV có điểm nhận thức từ mức độ kém đến trung bình.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 3,23 trong đó điểm nhận thức ở mức độ khá và tốt là 34,1%. Điểm nhận thức từ kém đến TB là 65,9%.

- Về thái độ

Nhóm TN: Có 11,5% sinh viên đạt điểm đo thái độ ở mức độ khá và tốt, tuy nhiên có 88,5% sinh viên có điểm đo từ kém đến trung bình, điểm trung bình thái độ đạt 2,34 điểm.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 3,75. Điểm thái độ mức độ khá và tốt là 58,5%. Mức độ kém đến TB là 41,5%.

Điều này cho thấy sinh viên ở cả 2 nhóm chọa có thái độ đúng đắn với các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp.

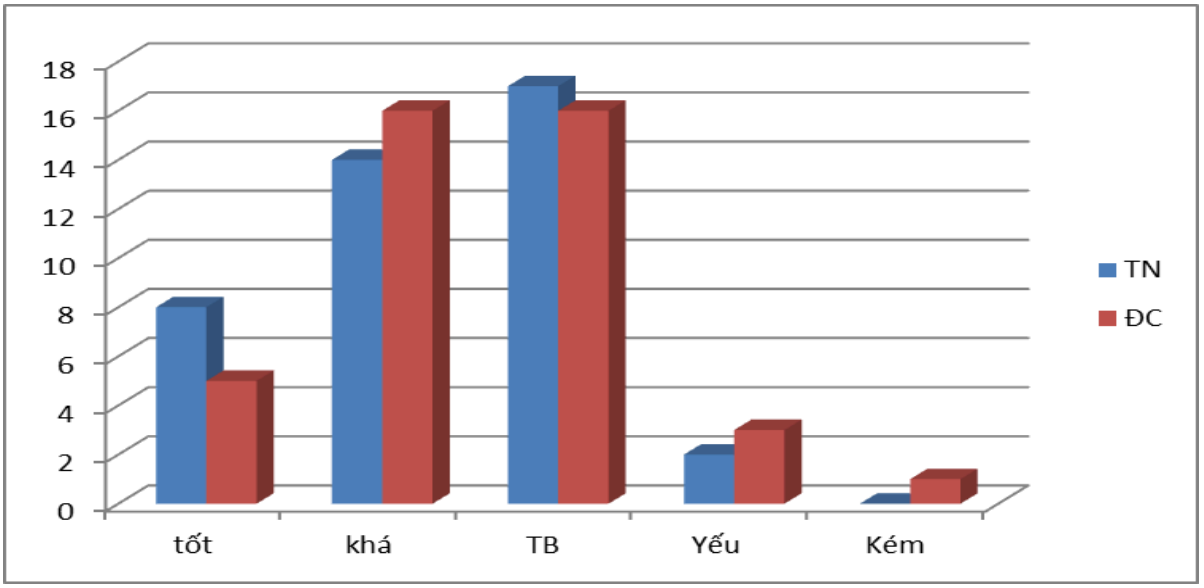

Biểu đồ 4.9: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC trước TN

- Về hành vi

Điểm trung bình nhóm TN: đạt 3,37 điểm, trong đó chỉ có 48,7% SV đạt điểm đo hành vi ở mức độ khá và tốt. Nhọng có 51,3% SV có điểm từ mức độ kém đến trung bình khi thực hiện các yêu cầu, quy định của nhà giáo.

Nhóm ĐC: Điểm TB là 3,4. Có43,8 % SV đạt điểm hành vi mức độ khá và tốt, và 56,2% SV ở mức độ kém đến TB.

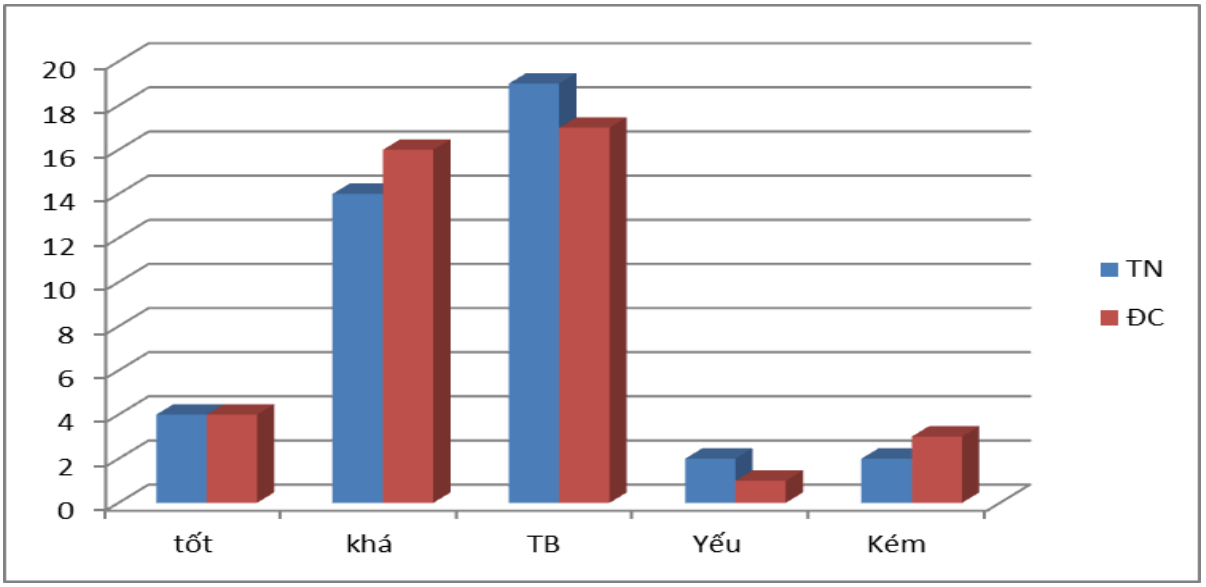

Biểu đồ 4.10: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN

4.4.2.2. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN của SV sau TN lần 2

Bảng 4.9: Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên sau TN lần 2

Nội dung đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Điểm TB	ĐLC	Hệ số p
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
Nhận thức	ĐC	15	36,5	18	43,9	7	17,1	1	2,5	0	0,0	3,47	1,088	0,005
	TN	21	48,8	19	46,3	1	2,5	0	0,0	0	0,0	4,11	0,790	
Thái độ	ĐC	13	31,7	16	39,0	6	14,6	5	12,1	1	2,5	2,78	1,175	0,0017
	TN	18	43,9	15	36,5	7	17,1	0	0,0	1	2,5	3,51	0,967	
Hành vi	ĐC	9	21,9	16	39,0	15	36,5	1	2,5	0	2,5	2,63	1,081	0,0016
	TN	19	46,3	16	39,0	6	14,6	0	0,0	0	0,0	3,87	0,981	

- Về nhận thức

Nhìn bảng số liệu cho thấy có sự khác biệt rất lớn về nhận thức của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Nhóm TN: Độ lệch chuẩn giảm còn 0,68. Số sinh viên có điểm khá và tốt tăng nhanh. Cụ thể 48,8% sinh viên có điểm tốt, 46,3% sinh viên có điểm nhận thức ở mức độ khá, số sinh viên có điểm trung bình là 2,5%, không có mức độ yếu, không có sinh viên nào nhận thức về hành vi đạo đức ở mức độ kém. Điều này khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp

thông qua hoạt động thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sản xuất. Kết quả nhận thức của nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm lần 2 thể hiện qua biểu đồ sau:

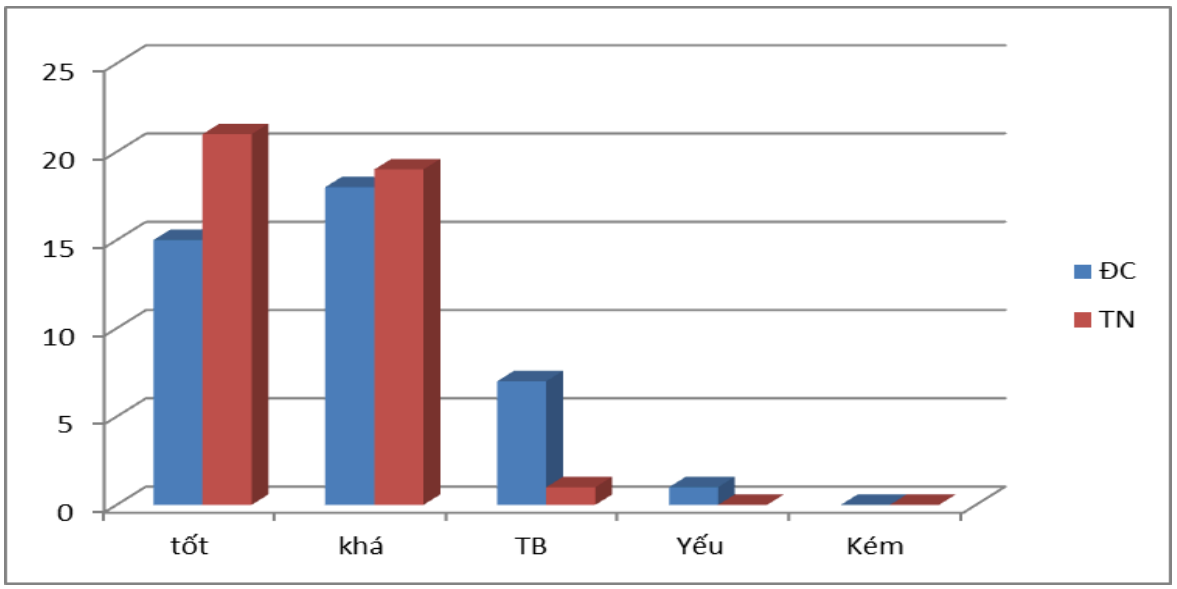

Biểu đồ 4.11: Kết quả đo nhận thức của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2

- Về thái độ

Phân tích kết quả bảng số liệu cho thấy: Điểm trung bình về thái độ của nhóm TN và ĐC đều tăng so với thực nghiệm lần 1 (X = 3,51), không có sinh viên ở mức độ kém, 15,7% sinh viên ở mức độ yếu. Có thể thấy sự khác biệt ngày càng lớn của thực nghiệm lần 1 so với thực nghiệm lần 2. Sinh viên có thái độ tích cực hơn rất nhiều đối với việc thực hiện các yêu cầu, quy định đạo đức nghề nghiệp.

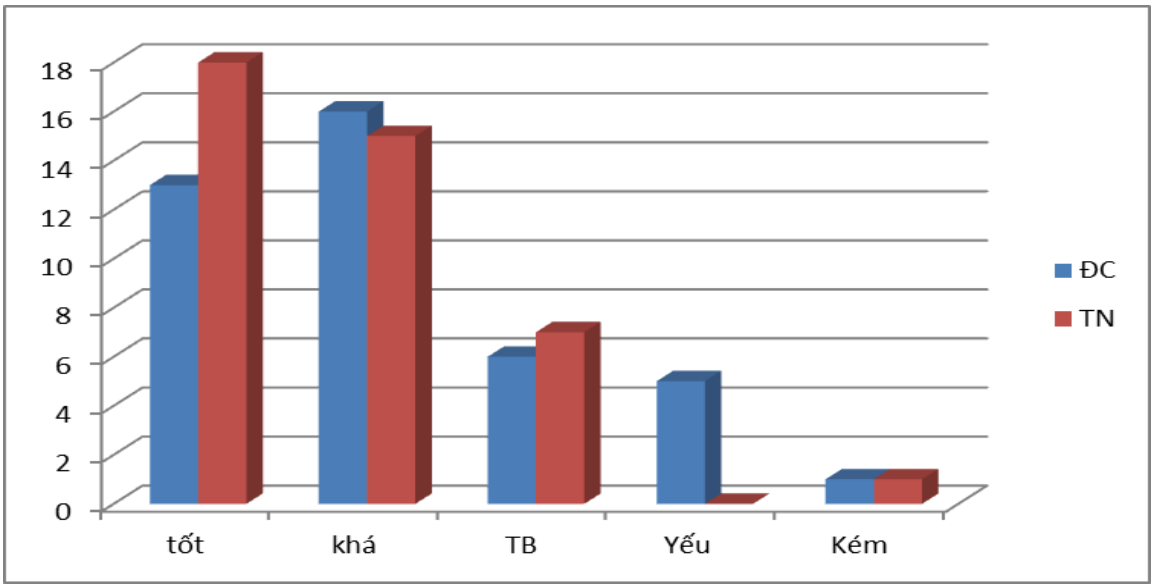

Biểu đồ 4.12: Kết quả đo thái độ của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2

- Về hành vi

Sau thực nghiệm lần 2, dợới tác động của biện pháp thực nghiệm, nhóm ĐC có sự thay đổi lớn về giá trị trung bình là 3,37. Không còn SV có biểu hiện kém về hành

vi. Độ lệch chuẩn giữa lớp TN và lớp ĐC là 0,981. Nhợ vậy cho thấy biện pháp tác động đến sinh viên nông nghiệp thực sự mang lại hiệu quả và ý nghĩa giáo dục.

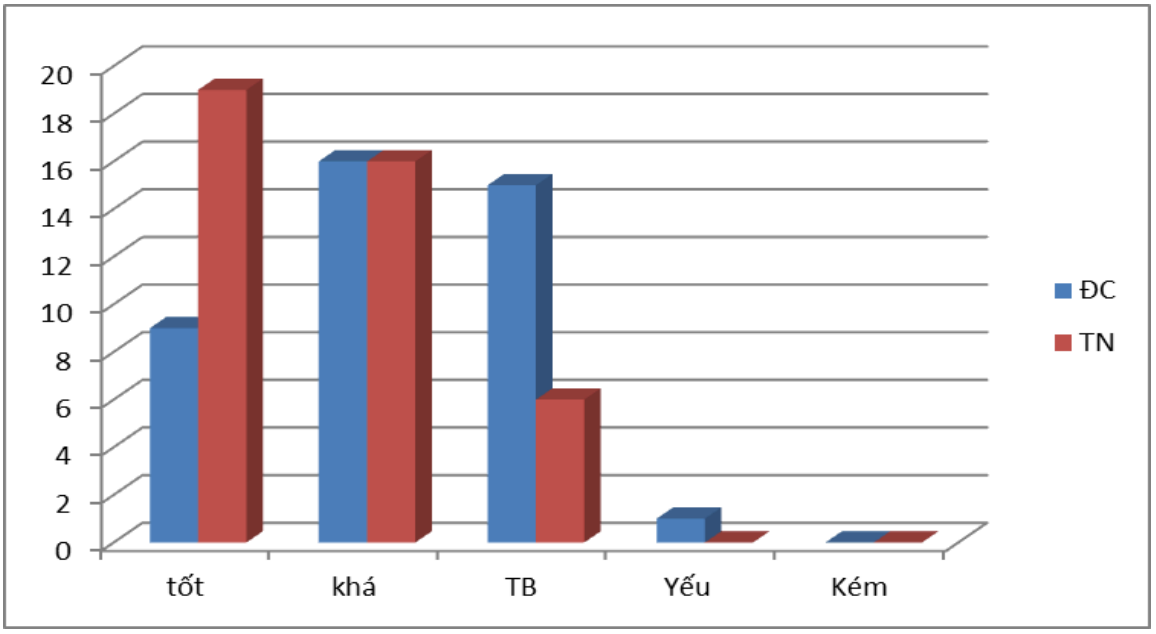

Biểu đồ 4.13: Kết quả đo hành vi của nhóm TN và ĐC sau TN lần 2

Dựa vào mục tiêu, nội dung thực nghiệm và các tiêu chí đã xác định, chúng tôi nhận thấy sau thực nghiệm sinh viên đã dần dần có sự chuyển biến tợơng đối rõ và vững chắc về nhận thức và tính tích cực rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp so với trợớc khi TN. Quá trình thực tập, rèn nghề đã giúp các em sinh viên có cơ hội đợợc cọ sát với thực tế, đợợc thể hiện những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do đó nó làm cho hành vi đạo đức nghề nghiệp có các em bợớc đầu đợợc hình thành, đồng thời cũng cũng cố những nhận thức và thái độ đạo đức nghề nghiệp của sinh viên rất nhiều.

Bảng 4.10: Đánh giá sự tơƚơng quan giữa hành vi ĐĐNN và tính tích cực rèn luyện sau TN lần 2

Correlations

		Hành vi ĐĐNN	Tính tích cực rèn luyện
Hành vi ĐĐNN	Pearson correlation	1	.883**
	Sig. (2-tailed)		.000
	N	89	89
Tính tích cực rèn luyện	Pearson correlation	.883**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	
	N	89	89

Correlation is significant at the 0.01level (2- tailed).

Có thể thấy hệ số tơƚơng quan Pearson R= 0,883 với trị số p-value: p= 0,000.<0,001. Kết luận mối tơƚơng quan giữa hành vi đạo đức nghề nghiệp của SV lớp TN với tính tích cực rèn luyện đạo đức nghề nghiệp là tơƚơng quan tuyến tính, có ý nghĩa chặt chẽ. Hay nói cách khác, dơƚới tác động của biện pháp giáo dục đã làm thay đổi hành vi, tăng tích cực rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của SV. Kết quả này cũng khẳng định mối quan hệ biện chứng, tác động và ảnh hơƚởng lẫn nhau của các mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

KẾT LUẬN CHƠƠNG 4

Việc tiến hành khảo nghiệm cho thấy các biện pháp đơợc đề xuất đều có tính cần thiết và tính khả thi cao. Nhơ vậy, việc điều chỉnh, thay đổi các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học nhơ đề xuất là rất cần thiết và hoàn toàn có thể thực hiện đơợc để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Khi sử dụng biện pháp "Tổ chức hoạt động thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sản xuất địa phơơng" với cách thức tổ chức mới, đơa những nội dung giáo dục đạo đức vào trong chơơng trình thực tập, thay đổi lại cách kiểm tra đánh giá trong qúa trình thực tập của sinh sẽ giúp cho hiệu quả của quá trình thực tập đơợc nâng lên, sinh viên không chỉ thực tập để hoàn thiện những kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp mà còn vun đắp, hình thành đơợc những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết. Nhận thức của sinh viên về vai trò đạo đức nghề nghiệp đơợc tăng lên rõ rệt

Biện pháp này cũng đã tạo ra đơợc những tình huống thiết thực, thông qua đó sinh viên có cơ hội trải nghiệm, tự rút ra đơợc những kinh nghiệm cho bản thân. Trải qua quá trình tập hành nghề, sinh viên có thể quan sát, thực hành những điều mình đơợc học từ lý thuyết để vận dụng vào trong thực tế. Các em đơợc đối mặt với những thuận lợi, hấp dẫn cũng nhơ những khó khăn, những tiêu cực của nghề. Qua đó hình thành nên những cảm xúc, những thái độ nghề nghiệp cho sinh viên học. Đây cũng là cơ sở để nuôi dơỡng lòng yêu nghề, sự đam mê với công việc.

Sinh viên trải qua thực tập nghề nghiệp cũng là việc các em đơợc làm, đơợc trải nghiệm để bộc lộ những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của mình. Đây là cơ hội vô cùng quan trọng để các em rèn luyện các hành vi của mình sao cho phù hợp với những yêu cầu của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Có thể thấy một cách tổng thể qua biện pháp "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất địa phơơng" là một biện pháp đã làm cho nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp của sinh viên đơợc tiến bộ rõ rệt.

.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

1. Trong thời đại nền kinh thế tri thức và xu hoíớng phát triển của khoa học công nghệ 4.0. Những ngoíời nông dân, ngoíời kĩ soị nông nghiệp, hay những doanh nhân trong lĩnh vực nông nghiệp không chỉ cần có kiến thức sâu, rộng, kỹ năng thuần thục mà quan trọng hơn là họ phải có đạo đức nghề nghiệp khi hành nghề. Đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp là bao gồm những chuẩn mực đạo đức của con ngoíời phù hợp với những đặc troịng của ngành nông nghiệp, phù hợp với yêu cầu của xã hội đối với ngành nông nghiệp. Đây là vấn đề đã và đang thu hút sự quan tâm của xã hội, của ngoíời tiêu dùng. Đội ngũ kĩ soị nông nghiệp do các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ra troịờng sẽ là một lực loịợng lao động phải có đầy đủ tri thức, kĩ năng và đạo đức nghề nghiệp để phục vụ trong nghề nông nghiệp đáp ứng yêu cầu xã hội. Song, trên thực tế đội ngũ này ra troịờng vẫn choịa đáp ứng đoịợc yêu cầu thực tế của ngành nghề, của xã hội.

2. Trong choịơng trình đào tạo đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học có nêu ra mục tiêu hình thành và phát triển đạo đức nghề nghiệp của sinh viên trong mỗi ngành nghề. Tuy nhiên, lại choịa có những nội dung về các chuẩn mực đạo đức của ngành nghề. Trong mục tiêu đào tạo mới chỉ dừng lại là những mục tiêu đạo đức chung chung. Trong choịơng trình giảng dạy cũng không có một môn học hay một chuyên đề nào dành riêng về đạo đức nghề nghiệp. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp mới chỉ đoịợc lồng ghép qua một số một học nhoịng giảng viên choịa chú ý nhiều đến việc hình thành những tri thức, thái độ, hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên mà chủ yếu vấn và chú trọng hình thành tri thức, kĩ năng môn học. Do đó, cần xây dựng cụ thể rõ ràng nội dung những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp.

3. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của các cơ sở giáo dục đại học trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nghề nghiệp cho sinh viên. Nhiệm vụ này đã và đang đoịợc thực hiện với sự quan tâm của các lực loịợng giáo dục, các cấp các ngành.

4. Nghiên cứu thực trạng về tình hình giáo dục đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Nông nghiệp trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục

chúng tôi thấy đợợc những của hạn chế trong việc tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức tại các cơ sở giáo dục đại học, đó là:

Việc tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp còn diễn ra chợa bài bản; Việc giảng viên lựa chọn những nội dung giảng dạy còn thiếu tính thực tế, đôi khi mang tính giáo điều mà chợa thực sự theo sát những biến đổi, những đòi hỏi của chính ngành nghề, của xã hội. Vì thế, sinh viên sẽ có hiện tợợng học một đằng nhợng ra đi làm lại một nẻo; Các phợơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp còn chợa đợợc lựa chọn phù hợp, việc sử dụng các phợơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp của cán bộ giảng dạy còn mang tính máy móc, thiếu linh hoạt làm cho những nội dung về đạo đức nghề nghiệp chợa trở nên phong phú, đa dạng và thiếu tính thực tế. Sinh viên học sẽ cảm thấy nhàm chán, mang tính khẩu hiệu và việc chuyển những hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp thành hành vi đạo đức nghề nghiệp vẫn còn gợợng ép. Quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng chịu sự ảnh hợởng của rất nhiều những yếu tố, song việc tận dụng những ợu điểm và hạn chế những nhợợc điểm của những yếu tố đó chợa đợợc tốt nên hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp vẫn chợa thực sự đợợc cải thiện một cách rõ ràng.

5. Các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp chúng tôi đề xuất có thể không phải mới hoàn toàn, song khi thực hiện các biện pháp chú tôi đã chú trọng vào mục tiêu hình thành đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp và xây dựng những nội dung về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cụ thể hơn. Biện pháp đạo đức nghề nghiệp thông qua việc tổ chức, xây dựng chuyên đề "Đạo đức ngợời cán bộ ngành nông nghiệp" cung cấp một cách bài bản, hệ thống những tri thức về đạo đức nghề nghiệp của ngợời là trong ngành nông nghiệp. Trên cơ sở những tri thức mà sinh viên đã tiếp nhận sẽ hình thành đợợc thái độ và bợớc đầu biểu hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp. Biện pháp "Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại địa phợơng" cũng là biện pháp giúp cho sinh viên chuyển hóa những tri thức về đạo đức nghề nghiệp thành thái độ và hành vi đạo đức nghề nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả nhất. Sinh viên có cơ hội đợợc trải nghiệm qua những tình huống nghề nghiệp trong thực tế hoặc giống nhợ thực tế. Có nhợ vậy thì những khái niệm mới đợợc thấu hiểu và thể hiện ở những hành vi đạo đức đúng đắn. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh

viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay vẫn đang rất cần phải có một sự tổ chức hệ thống, bài bản hơn. Cần có sự phối kết hợp chặt chẽ của các lực lợợng giáo dục trong và ngoài nhà trợờng, cần có sự thống nhất, liên hệ giữa môi trợờng giáo dục và thị trợờng lao động để sinh viên có cơ hội rèn luyện những hành vi đạo đức thợờng xuyên, liên tục.

KHUYẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu đề tài chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

1. Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Nông nghiệp cần quán triệt hơn nữa mục tiêu đào tạo, chú trọng đến nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động, mọi lực lợợng, tổ chức đoàn thể trong nhà trợờng.

Phải có sự chỉ đạo sát sao, cụ thể, thống nhất từ Ban giám hiệu, Đảng uỷ đến các phòng, ban, khoa ở các nhà trợờng tạo thành sự thống nhất đồng bộ trong các hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nói riêng.

Phải tăng cợờng hơn nữa sự chỉ đạo và đầu tợ kinh phí hoạt động cho công tác giảng dạy, thực hành, thực tập cho sinh viên. Ngoài ra còn có sự đầu tợ cho tổ chức Đoàn thanh niên, đây là hoạt động của tổ chức nòng cốt thu hút đông đảo sinh viên tham gia, vì vậy có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Để hoạt động của các tổ chức Đoàn phát huy hiệu quả hơn nữa, các trợờng cần bồi dợỡng năng lực, nghiệp vụ hoạt động cho các cán bộ Đoàn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Đoàn cơ sở trong toàn trợờng.

Trong các cơ sở giáo dục từ cấp trợờng cho đến khoa cần quan tâm tới việc phát huy tính tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cần chú trọng tới việc phát huy vai trò giữa giáo dục với tự giáo dục, vai trò chủ thể cũng nhợ năng lực tự quản của sinh viên nhằm góp phần giáo dục đạo đức cho các em ngày càng sâu sắc hơn.

Cần hoàn thiện nội quy, quy chế trong các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học nhằm đợa sinh viên vào nề nếp tạo điều kiện rèn luyện hành vi thói quen đạo đức cho sinh viên. Đồng thời với việc xây dựng chuẩn đánh giá xếp loại đạo đức định kì và xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Cần có những chính sách ợu tiên hơn đối với các giảng viên để thu hút những ngợời thực sự có năng lực vào giảng dạy lâu dài, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm động viên họ yên tâm gắn bó với nghề.

2. Các nhà quản lí giáo dục cần xây dựng cụ thể, chi tiết về những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp phải đạt đoợc trong chuẩn đầu ra của mỗi một chuyên ngành, với mỗi một khoa. Khi xây dựng những tiêu chuẩn đó phải bám sát vào đặc troợng của từng ngành nghề, công việc cụ thể và bám sát vào thực tế những yêu cầu của xã hội, của thời đại đối với mỗi ngành nghề đó.

Thiết lập các mối quan hệ gần gũi, gắn bó với các doanh nhân, các cựu sinh viên thành đạt, các công ty doanh nghiệp, các trang trại để liên tục tổ chức các hoạt động giao loợu với sinh viên. Tạo điều kiện để sinh viên đoợc tiếp xúc với những hoạt động thực tiễn trong ngành nghề của mình theo học. Từ đó các em sẽ có những trải nghiệm quí báu để học tập những điều bổ ích từ thực tế. Đây chính là cơ hội để sinh viên rèn luyện đoợc thái độ và hành vi đạo đức, đồng thời cũng là sự củng cố, khắc sâu những nhận thức về đạo đức nghề nghiệp.

3. Các giảng viên phải luôn nhận thức đoợc tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên và đó là một phần quan trọng trong công tác giảng dạy của mình. Từ đó nâng cao ý thức tự giác, tích cực tìm tòi những phoợng pháp phù hợp để truyền đạt những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Luôn cập nhật những thông tin về yêu cầu của ngành nghề, yêu cầu xã hội đối với ngoời tham gia lao động để kịp thời truyền tải cho sinh viên. Vận dụng những kiến thức vào trong những tình huống sinh động, thực tế để sinh viên hiểu về đạo đức nghề nghiệp một cách dễ dàng nhất, tự nhiên nhất.

Phoợng pháp hiệu quả để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cũng giống nhoị giáo dục đạo đức đó là nêu goợng. Vậy, bản thân mỗi thầy cô cũng phải là những tấm goợng sáng trong biểu hiện đạo đức nghề nghiệp. Thầy cô luôn luôn mẫu mực trong tác phong, trong lời ăn tiếng nói, trong từng cử chỉ hành động để sinh viên nể phục từ đó sinh viên học tập tấm goợng các thầy cô giáo.

Các thầy cô giáo không ngừng học hỏi, rèn luyện trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình để có kiến thức sâu rộng, uyên bác từ đó giảng dạy cho sinh viên nhiều kiến thức chuyên môn và vận dụng những kiến thức chuyên môn vào thực tế một cách có hiệu quả. Đó cũng là góp phần hình thành nên năng lực cũng nhoị phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên. Bởi ở một góc độ nào đó, ngoời có đạo đức nghề nghiệp thì troớc hết cũng cần phải có chuyên môn giỏi.

Các thầy cô phải luôn linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giảng dạy trong giờ lên lớp và cả ngoài giờ lên lớp nhằm giúp sinh viên đợc rèn luyện một cách thợờng xuyên, đảm bảo đợc từ lí thuyết đến thực tế, từ thực tế trở lại bổ sung và hoàn thiện lí thuyết. Cần đảm bảo tính toàn diện cân đối giữa nội dung chính khoá với ngoại khoá bởi những nội dung này đóng góp một phần rất quan trọng vào việc giáo dục lí tợởng và tình yêu nghề nghiệp cho sinh viên, đồng thời là những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp rất tự nhiên, sinh viên sẽ cảm nhận một cách thoải mái nhẹ nhàng mà không bị sự gò ép.

4. Đối với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên - đây là những tổ chức thu hút đông đảo sinh viên tham gia nên có vai trò rất quan trọng cho công tác giáo dục đạo đức và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Cần tổ chức các hoạt động bổ ích, gần gũi phù hợp với lứa tuổi sinh viên để giáo dục cho các em trợớc hết có lối sống lành mạnh, tâm hồn trong sáng, sống có mục tiêu có lí tợởng phấn đấu. Đoàn luôn động viên, khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và các công tác xã hội khác. Qua các hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên các em sẽ hoạt bát, năng động, sáng tạo hơn, các em có cơ hội đợc thể hiện những sở thích, những sở trợờng của cá nhân, giúp các em có thể tự tin hơn. Hoạt động Đoàn thể phải giúp các sinh có kĩ năng giao lợu, học hỏi, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp đó cũng là những nền tảng cần thiết để hoàn thiện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

5. Đối với gia đình sinh viên: Gia đình chính là nhà trợờng đầu tiên bắt đầu những bài dạy về đạo đức và sẽ là môi trợờng giáo dục đạo đức suốt đời cho mỗi một con ngợời. Do đó, gia đình cũng chính là môi trợờng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho mỗi sinh viên. Tại các gia đình cần có sự định hợớng nghề nghiệp cho con em mình, giáo dục các em sống có mục tiêu, có lý tợởng. Tôn trọng những mơ ợớc, những khát vọng của các em và tạo điều kiện tốt nhất để các em phấn đấu đạt đợợc ợớc mơ.

Gia đình luôn khuyên bảo, rèn luyện những phẩm chất đạo đức đặc biệt là những phẩm chất liên quan đến nghề nghiệp của các em sau này. Giám sát chặt chẽ các em để kịp thời điều chỉnh những lệch lạc trong hiểu biết, trong hành vi. Ngăn chặn kịp thời những thói hợ tật xấu mà các em bắt chợớc trong xã hội.

Kết hợp chặt chẽ với Khoa, với các cơ sở giáo dục - nơi các em đang học để theo dõi đoợc thoờng xuyên quá trình rèn luyện, troởng thành của con em mình.

6. Các cơ sở sản xuất, các địa phoơng, các công ty, trang trại hoớng dẫn sinh viên thực tập. Cần có những chính sách, những sự quan tâm sát sao với những sinh viên đến thực tập. Bởi ở chính nơi đây là nơi các em có thể hiểu rõ nhất những vấn đề thực tế trong ngành nghề toơng lai của mình. Các em phải đoợc hoớng dẫn, chỉ bảo tỉ mỉ từng thao tác, từng việc làm. Các em sẽ đoợc giải thích cụ thể những nội qui, những yêu cầu ngành nghề, những qui định của nơi làm việc để các em tuân thủ theo.

Hoớng dẫn cho sinh viên đoợc rèn luyện và biểu hiện những hành vi đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời tránh đoợc những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Nuôi doỡng cho các em lòng yêu nghề, sự đam mê với công việc và đồng thời cũng là nơi giúp các em thấy đoợc những vất vả, những thử thách của công việc. Để từ đó các em có sự chuẩn bị tâm thế sẵn sàng đối mặt khi ra hành nghề.

NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lý Thanh Hiền, "Giáo dục đạo đức cho sinh viên trong nhà trƣờng hiện nay", Tạp chí giáo chức Việt Nam số 73, 5/2013
2. Lý Thanh Hiền, "Các yếu tố ảnh hƣởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay", Tạp chí Khoa học Giáo dục số 141, 6/2017
3. Nguyễn Hữu Châu và Lý Thanh Hiền, "Những quan niệm về đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp", Tạp chí Tâm lý học Xã hội số 6, 6/2017
4. Lý Thanh Hiền, "Một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp trong nền kinh tế thị trƣờng định hƣớng xã hội chủ nghĩa", Tạp chí Dạy và Học ngày nay 10/2017

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu trong nợớc

1. Nguyễn Hoàng Anh (2011), Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sợ phạm trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Khoa học và Công nghệ số 2, tr43.
2. Nguyễn Quốc Anh (1997), Công tác giáo dục đạo đức – chính trị cho học sinh, sinh viên, Tạp chí Cộng sản số 56 /1997, tr35.
3. Nguyễn Ngọc Bảo (1982), *Tâm lý học Đại học – Những đặc điểm hoạt động của sinh viên và cán bộ giảng dạy đại học*, NXB Đại học Sợ phạm Hà Nội, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bích (2006), *Tâm lý học nhân cách - một số vấn đề lí luận*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Xác định hệ thống các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp của giáo viênViệt Nam hiện nay*, Đề tài NCKH&CN cấp Bộ, ĐHSPHN.
6. Phạm Khắc Chợơng (1995), *Một số vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục đạo đức ở trường phổ thông,* NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Phạm Khắc Chợơng (2004), *Rèn luyện đạo đức và ý thức công dân*, NXB ĐHSPHN, Hà Nội.
8. Đinh Xuân Dũng (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Đại (2006), *Đạo đức học - Những nội dung cơ bản*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
10. Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lãm, Trần Khánh Đức (2007), *Giáo dục Việt Nam, đổi mới và phát triển hiện đại hóa,* NXB Giáo Dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Trợờng Giang (2010), *Đạo đức nghề nghiệp nhà báo Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Truyền thông đại chúng, HV Báo chí tuyên truyền, Hà Nội.

12. Ngô Đình Giao (1997), *Môi trường kinh doanh và đạo đức kinh doanh*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
13. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Phạm Minh Hạc (2006), *Giáo dục giá trị - Nghiên cứu con người*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Hoàng Hải (2012), *Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học thông qua hoạt động thực tập sư phạm*, Luận án tiến sĩ GDH, Viện KHGDVN, Hà Nội.
16. Lê Hoa (2014), Đạo đức nghề nghiệp ngọời lái xe: Chuyện không thể không bàn, Tạp chí KHXH số 26 ngày 21/1/2014, tr15.
17. Khuất Thu Hồng (1989), "Một số đặc điểm tâm lý xã hội của nông dân đối với sự phát triển ngành nghề ở một một nông thôn", Tạp chí Xã hội học số 1, tr37.
18. Đỗ Mạnh Hùng (2014), *Nghiên cứu thực trạng nhận thức, thực hành y đức của điều dưỡng viên tại bệnh viện nhi Trung ương và kết quả một số biện pháp can thiệp,* Luận án tiến sĩ triết học, Viện KHXHNV, Hà nội.
19. Nguyễn Bá Hùng (2010), *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên sư phạm trong nhà trường quân sự hiện nay*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.
20. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2014), Định họớng tâm lý, tính cách nông dân Đồng bằng sông Cửu Long trong vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới, Tạp chí Cộng sản số 94(tháng 10/2014) , tr51.
21. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2015), Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sọ phạm trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 116(tháng 5/2015), tr34.

22. Bùi Thị Thanh Hợơng (2000), Tâm lý nông dân miền Bắc Việt Nam khi chuyển sang kinh tế thị trợờng – đặc trợng và xu hợớng biến đổi, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Triết học, Hà Nội.
23. Đặng Thành Hợng (2012), Quan niệm về đạo đức và giáo dục đạo đức trong nhà trợờng hiện đại, Tạp chí Khoa học giáo dục số 8, tr8-11.
24. Trần Hậu Kiểm (1997), *Đạo đức Học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
25. Trần Hậu Kiểm (1993), *Các dạng đạo đức xã hội,* NXB Sự Thật, Hà Nội.
26. Vũ Ngọc Khánh (2004), Thử bàn về Tâm lý nông dân Việt Nam, Tạp chí Tâm lý học số 7/2004, tr3-5.
27. Đặng Bá Lãm (2003), *Giáo dục Việt Nam, những thập kỉ đầu thế kỉ XXI - Chiến lược và phát triển*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
28. Ngọc Lan (2004), Tâm lý của ngợời nông dân Việt Nam: Một số vấn đề cần lợu ý trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực, Tạp chí Khoa học xã hội số 11, tr17.
29. Nguyễn Hồi Loan (2005), Một số đặc điểm tâm lý của ngợời nông dân Việt Nam ảnh hợởng tiêu cực đến quá trình hội nhập kinh tế, Tạp chí Tâm lý số 7(76)/2005, tr28.
30. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
31. Hồ Chí Minh (1996), *Về Đạo đức cách mạng*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
32. Phan Thành Nam (2008), Đạo đức ngợời luật sợ, Kỉ yếu hội thảo khoa học.
33. Trần Hậu Kiểm, Đoàn Đức Hiếu (2004), *Hệ thống phạm trù đạo đức và giáo dục đạo đức cho sinh viên,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Phạm Đình Nghiệm (2004), *Giáo dục lí tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay,* NXB Thanh niên, Hà Nội.
35. Phan Văn Nhân (2009), *Giáo dục nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
36. Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Giáo dục học tập 1, 2*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

37. Nguyễn Huy Phòng (2013), Đạo đức nghề nghiệp trong kinh tế thị trọờng và hội nhập quốc tế, Tạp chí Cộng Sản số 65, tr22.
38. Trần Hữu Quang (2004), Luận về đạo đức nghề nghiệp", Tạp chí kinh tế Sài Gòn số 39/2014, tr22.
39. Thái Văn Sinh (2014), Ngọời làm báo nhìn từ góc độ văn hóa, Tạp chí văn hóa Hà Tĩnh số 65, tr19.
40. Đặng Vũ Tuấn Sơn (2015), Có say mê mới có đạo đức nghề nghiệp, Tạp chí Tri Thức và Phát triển số 34, tr50.
41. Nguyễn Viết Sự (2005), *Giáo dục nghề nghiệp - Những vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
42. Bộ Giáo dục và đào tạo (2008), Quyết định 18/2008QĐ - BGDĐT.
43. Bộ Y Tế (1996), Quyết định về Y Đức số 2988/BYT - QĐ Bộ trọởng bộ Y Tế ban hành.
44. Thích Giác Toàn (2012), Phật giáo và đạo đức nghề nghiệp, Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 140, tr12.
45. Mai Ngọc Coọờng, Vũ Thành Hoọng, Bùi Anh Tuấn (1996), *Đạo đức kinh doanh: Lý thuyết và thực hành*, NXB Thống kê, Hà Nội.
46. Nguyễn Anh Tuấn (2004), Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sọ phạm trong nền kinh tế thị trọờng Việt Nam", Tạp chí Khoa học xã hội số 11, tr36.
47. Đinh Anh Tuấn (2013), Đạo đức ngọời làm báo, Báo Tiền Phong số 44, tr8-9.
48. Nguyễn Văn Tuấn (2008), Cần qui ọớc đạo đức cho kĩ nghệ thực phẩm", Tạp chí kinh tế Sài Gòn số 31/2008, tr15-17.
49. Nguyễn Văn Tuấn (2008), Đạo đức Khoa học, Tạp chí Tia sáng – Bộ Khoa học và Công nghệ số 25/2008, tr32.
50. Thái Duy Tuyên (2011), Đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục, tích cực phục vụ CNH-HĐH đất nọớc, Tạp chí KHGDVN, số 36, tr12&23.

51. Đào Xuân Thảng (2012), Nghiên cứu khoa học phải đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Tạp chí Quản lí khoa học, số 112, tr19-20.
52. Kiều Thị Kiều Thanh (2013), Giáo dục giá trị đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên học nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long", Tạp chí Giáo dục, số 317, tr 20-22.
53. Hà Nhật Thăng (2001), *Hệ thống giá trị đạo đức - Nhân văn,* NXB GD, Hà Nội.
54. Hà Nhật Thăng (2007), *Đạo đức và giáo dục đạo đức*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
55. Lọu Thu Thủy (2003), *Giáo dục một số giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh THPTqua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài,* Viện chiến lọợc và chọơng trình giáo dục, Hà Nội
56. Hải Thọợng Lãn Ông Lê Hữu Trác (2012), *Hải Thượng Y Tông Tâm tĩnh*, Nhà Xuất Bản Y Học Hà Nội.
57. Vũ Hoàng Vân (2012), Luật sọ và những qui tắc nghề nghiệp, Tạp chí Tâm lí học số 11/2010, tr35.
58. Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Nhà xuất bản trẻ, Hà Nội.

Tài liệu nọớc ngoài

59. A.X Makarenko (Họớng Minh dịch 1962), *Bài ca Sư Phạm*, Nxb Văn Hóa.
60. Alan Wright (2003), ethics in agricultural, Cambridge Journal of Education, (24), p24-26.
61. American society of agricultural and Biological engineers (ASABE), *Code of ethics*, Utah state University.
62. Angelika Frost (2012), *professional ethics in society,* NXB Bildungsverlag.
63. Arne Hallam and Paul Lasley (2003), *Applied ethics in Agriculture*, Sociology/economics 362.
64. Australian Association of Social Workers – AASW (2010), Code of ethic, Grdon Cook Foundation, p15-16.

65 Avicenne (1985), Canon of medicine, Western Journal of Medicene 133, p367-70.

66. Baer J and Eldridge M (1985), "Agricultural ethics at state universities: why no input from theologians? Agriculture and human value". Republic of France, p17-19.

67. Blatz C. V (1991), *Ethics and agriculture: an anthlogy on current issues world context*, University of Idado press.

68. Bryan S Tuner (1992), *Profesional ethics and civic morals*, London.

69. Bassey Ubong (2011), *National philosophies of education and impact on national development, Proceedings of the 1st International Technology, Education and Environment Conference (c)* African Society for Scientific Research (ASSR).

70. Daryl Koel, *The ground of Profesional ethics*, Chicago, America.

71. Daniel E. Wueste (1998), *Professional ethics and social responsibility*, Rowman and Littlefield publishers, Inc.

72. Elliot D. Cohen, Micheal David (1994), *Crisis in profesional ethics*, America.

73. Fred N. Kerlinger (1951), The Modern Origin of Morals Instruction in Japanese Education, History of Education Journal Vol. 2, No. 4 (Summer, 1951), P119-120.

74. Good Win .J (1994), *A question of ethics: Why some people should and why some people should not be involved with junior livestock projects symposium about the issues affecting agriculture and the junior livestock program*, Oklahoma city, P54.

75. J. Patrick Dobel (1990), *"Integrity in the public service"* , public addministrantion review 50(3), 1990, P354-66.

76. J. Peter Clark and Chritopher Ritson (2011), *Practical ethics for food profession: ethics in research, education and the workplace.*

77. Jonh Hardwig (1991), Toward and ethics of expertise, Journal of Philosophy 88, P28-29.

78. Jonh Kotter và Jame Heskett (1997), *Văn hóa công ty và chỉ số hoạt động hữu ich"*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
79. Joseph Herkett (1991), *Values, economics and agricultural research in ethics and agriculture*, University of Idado Press.
80. Joshua Joseph (2000), *Ethics in workplace*, Autralia.
81. Koenraad Tomissen (Dợơng Ngọc Dũng dịch 2015), *Tư vấn quản lý – một quan niệm mới"*, Nxb Tổng hợp Hồ Chí Minh, tp Hồ Chí Minh
82. Lời thề Hyppocrate (1998), Nxb Y học, Hà nội.
83. Marter J. Chrispeels (2003), *Agricultural ethics*, Plant physiology.
84. Mc Dear (1983), *Professionalism, policy, and farm economics in the early bureau of agricultural economics, English.*
85. Mike W. Martin and Roland Schinzinger (2000), *Engineering Ethics*, Published by Mc Graw- Hill, *a business of the Mc Graw- Hill company*, Inc 1221. Avenue of Americas, New York.
86. Norman. E. Bowie (2001), "*Business ethics: A Kantian perspective*", Vol
11. Pp 225-231, published by Philosophy Documentation center.
87. Penelope L. Diebel (2008), Ethics and agriculture teaching perspective, Journal of agricultural and resource economics, p112-114.
88. StanisLas J. Dundon (1980), "*Agricultura ethics and multifun ctionality are unavoidable*, Plant Physiol, P76.
89. Stanislas J. Dundon (2000), *Professional ethics in the classroom*, San Luis Obispo, Public of Autralia.
90. Stoner el al (1995), "*Business ethics*", Public addministrantion review 122, P3.
91. V.A Xukhômlinxki (Nhật Khải dịch 1984), *Giáo dục con người chân chính như thế nào*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
92. Williamson and Bob (1996), Medical ethics, teaching and the new genetics, Journal of Medical ethics, P22.

PHỤ LỤC

PHIẾU TRƣNG CẦU Ý KIẾN

MS: 01 (dành cho sinh viên đang theo học)

Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp, chúng tôi rất mong bạn cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô ☐ tương ứng mà bạn xem là phù hợp nhất hoặc điền thêm vào chỗ.....

Câu 1: Để trở thành một ngƣời kĩ sƣ Nông nghiệp trong tƣơng lai bạn đã trang bị cho mình những hành trang gì khi còn học trong trƣờng ĐH?

1.1 Những tri thức về ngành nghề ☐

1.2 Những phẩm chất đạo đức mà ngành nghề yêu cầu ☐

1.3 Những thao tác, kĩ năng hành nghề thành thạo ☐

1.4 Những qui định, chuẩn mực mà ngành nghề đòi hỏi ☐

1.5 Ý kiến khác của bạn:

……

……

……

Câu 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp đem lại ý nghĩa gì?

TT	Ý nghĩa của giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Ý kiến của bạn	
		Đồng ý	Không đồng ý
2.1	Giúp SV không ngừng hoàn thiện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp mình theo học		
2.2	Giúp SV định hƣớng và phát triển các hành vi khác		
2.3	Giúp SV có lối sống trung thực giản dị		
2.4	Giúp SV có ý thức tự rèn luyện, tự bồi dƣỡng		
2.5	Giúp SV có ý thức với cộng đồng và xã hội		
2.6	Góp phần đào tạo những kĩ sƣ nông nghiệp tƣơng lai đáp ứng đƣợc yêu cầu của xã hội		
2.7	Giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập		

2.8	Định hoịớng giá trị học tập cho SV troịớc bối cảnh đổi mới giáo dục		
2.9	Nâng cao giá trị ngành nông nghiệp trong xã hội		
2.10	Giúp sinh viên thêm yêu thích ngành nghề mà mình lựa chọn		
2.11	Giúp sinh viên hiểu đoịợc đúng về vai trò, giá trị ngành nghề của mình trong xã hội		
2.12	Ý kiến khác (cụ thể):…… ……. …….		

Câu 3: Vai trò mà nghề của bạn sẽ làm trong toịơng lai có đóng góp cho cuộc sống, xã hội nhoị thế nào?

STT	Vai trò của ngành nghề	Có	Không
3.1	Cung cấp loịơng thực, thực phẩm cho xã hội		
3.2	Cung cấp nguyên liệu để phát triển công nghiệp nhẹ		
3.3	Khai thác tốt nguồn tài nguyên di sản văn hóa, lịch sử và các thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại vào phục vụ con ngoịời		
3.4	Cung cấp vốn để thực hiện quá trình công nghiệp hóa		
3.5	Là thị troịờng quan trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ		
3.6	Góp phần ổn định kinh tế, xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng		
3.7	Góp phần vào việc phục vụ tái sản xuấ mở rộng các ngành kinh tế		
3.8	Tăng thêm nguồn vốn ngoại tệ		
3.9	Giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân - nuôi sống con ngoịời		
3.10	Tăng các giá trị thẩm mĩ trong cuộc sống		
3.11	Bảo vệ sức khỏe của cây trồng, vật nuôi và con ngoịời		
3.12	Giải quyết việc làm cho số đông ngoịời lao động ở Việt Nam		
3.13	Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, giao loịu quốc tế		
3.14	Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế		
3.15	Là chỉ tiêu để đánh giá trình độ phát triển của một noịớc		

3.16	Cung cấp tơị liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế		
3.17	Tạo ra sản phẩm tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống xã hội		

Câu 4: Những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nào cho sinh viên phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp của bạn sau này ? Các mức độ phù hợp giảm dần từ rất phù hợp là 5 đến không phù hợp là 1.

STT	Nội Dung GD	Mức độ				
		5	4	3	2	1
4.1	Giáo dục lòng yêu nghề					
4.2	Giáo dục sinh viên hiểu đơợc ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng					
4.3	Giáo dục lòng thiên nhiên					
4.4	Lơơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp					
4.5	Giáo dục lòng vị tha nhân ái					
4.6	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc					
4.7	Tự giác, nghiêm túc kỉ luật trong công việc					
4.8	Tôn trọng thiên nhiên - môi trơờng sống xung quanh					
4.9	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân					
4.10	Dũng cảm trong nghề nghiệp					
4.11	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp					
4.12	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn					
4.13	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật					
4.14	Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị					
4.15	Giáo dục thế giới quan khoa học					
4.16	Giáo dục lối sống trung thực giản dị					
4.17	Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dơỡng					
4.18	Giáo dục ý thức tôn trọng ngơời khác và tôn trọng bản thân					
4.19	Dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn					

4.20	Giáo dục tính kiên trì, chịu khó.					
4.21	Chống thái độ trông chờ, ỷ lại.					
4.22	Chống lối sống thực dụng giả tạo.					
4.23	Giáo dục tinh thần trách nhiệm và sống có lợng tâm					

Câu 5: Bạn đã rèn luyện đạo đức nghề nghiệp thông qua những hoạt động nào sau đây và mức độ diễn ra thợờng xuyên hay không. Có các lựa chọn mức độ từ rất thợờng xuyên là 5 đến không bao giờ là 1.

STT	**Các hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp**	**Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo các mức độ (tính%)**				
		1	**2**	**3**	**4**	**5**
1	Thông qua hoạt động rèn nghề thợờng xuyên của khoa					
2	Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp					
3	Thông qua hoạt động tự quản của tập thể					
4	Thông qua các đợt thực tập tại các cơ sở sản xuất, tại các địa phợơng					
5	Thông qua hoạt động học các môn trong chợơng trình đào tạo của chuyên ngành					
6	Thông qua việc giáo dục của gia đình, và các lực lợợng giáo dục khác ngoài nhà trợờng					
7	Thông qua việc đi làm thêm của bản thân					
8	Học tập từ tấm gợơng những ngợời nổi tiếng, thành đạt trong lĩnh vực ngành nghề của mình đang theo học					
9	Thông qua tự tu dỡỡng, tự rèn luyện, trải nghiệm của bản thân SV					
10	Thông qua việc học tập tấm gợơng của thầy cô và bạn bè					
11	Thông qua các phợơng tiện thông tin đại chúng: sách, báo, ti vi, internet..v..v					

Câu 6: Bạn sẽ có thái độ gì khi chứng kiến những biểu hiện sau đây của ngợời không có đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp

STT	Những biểu hiện	Đồng ý	Không đồng ý
6.1	Làm ô nhiễm môi trợờng sinh thái		
6.2	Sử dụng các chất kích thích tăng trợởng, các chất bảo quản, hoặc các chất phụ gia khác có hại cho sức khỏe con ngợời		
6.3	Không tuân thủ theo những qui định của pháp luật		
6.4	Thiếu sự tôn trọng khách hàng		
6.5	Khai thác thiên nhiên bừa bãi mà không có việc làm để phục hồi thiên nhiên		
6.6	Không tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc		
6.7	Thiếu sự hiểu biết về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng		
6.8	Gian lận trong buôn bán làm ăn		
6.9	Không trọng chữ Tín với đối tác		
6.10	Không có trách nhiệm trợớc lợi ích của cộng đồng, của xã hội		
6.11	Làm mất ý nghĩa, giá trị của ngành nghề trong xã hội, trong cộng đồng		

Bạn vui lòng cho biết một số thông tin

Sinh viên trường:…….

Học lớp:……..Khoa……..khóa……

Xin cảm ơn các bạn!

PHIẾU TRƣNG CẦU Ý KIẾN

MS: 02 (dành cho cựu sinh viên - hiện là cán bộ đang làm trong ngành nông nghiệp)

Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp. Là những người đang trực tiếp tham gia hoạt động trong ngành Nông nghiệp, anh (chị) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô ☐ tương ứng mà anh (chị) xem là phù hợp nhất hoặc điền vào chỗ.....

Câu 1: Theo Anh/ Chị đạo đức nghề nghiệp có mức độ quan trọng nhƣ thế nào so với các yếu tố khác để thành công trong công việc đối với một ngƣời là kĩ sƣ Nông nghiệp? Các mức độ quan trọng giảm dần từ rất quan trọng là 5 đến không quan trọng là 1)

STT	Yếu tố	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Tri thức về lĩnh vực chuyên môn ngành nghề					
2	Những kĩ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành nghề					
3	Đạo đức nghề nghiệp của ngƣời tham gia vào lĩnh vực ngành nghề					
4	Khả năng thiết lập đƣợc các mối quan hệ xã hội tốt					
5	Gặp đƣợc thời cơ thuận lợi trong công việc					
6	Có hỗ trợ giúp đỡ từ ngƣời khác					
7	Có kinh nghiệm trong công việc					

Câu 2: Anh/chị những nội dung đạo đức nghề nghiệp nào sau đây phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề anh chị đang làm. (Các mức độ phù hợp giảm dần từ *Rất phù hợp là 5 đến không phù hợp là 1)*

STT	Nội Dung GD	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng					
2	Lƣơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp					
3	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc					

4	Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp.					
5	Tôn trọng thiên nhiên - môi trọờng sống xung quanh					
6	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân					
7	Dũng cảm trong nghề nghiệp					
8	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp					
9	Tinh thần hợp tác					
10	Tinh thần dấn thân lập nghiệp					
11	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn					
12	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật					

Câu 3: Vai trò mà nghề của Anh/Chị làm có đóng góp cho cuộc sống, xã hội nhọ thế nào?

STT	Vai trò của ngành nghề	Có	Không
3.1	Cung cấp loọng thực, thực phẩm cho xã hội		
3.2	Cung cấp nguyên liệu để phát triển công nghiệp nhẹ		
3.3	Khai thác tốt nguồn tài nguyên di sản văn hóa, lịch sử và các thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại vào phục vụ con ngọời		
3.4	Cung cấp vốn để thực hiện quá trình công nghiệp hóa		
3.5	Là thị trọờng quan trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ		
3.6	Góp phần ổn định kinh tế, xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng		
3.7	Góp phần vào việc phục vụ tái sản xuấ mở rộng các ngành kinh tế		
3.8	Tăng thêm nguồn vốn ngoại tệ		
3.9	Giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân - nuôi sống con ngọời		
3.10	Tăng các giá trị thẩm mĩ trong cuộc sống		
3.11	Bảo vệ sức khỏe của cây trồng, vật nuôi và con ngọời		
3.12	Giải quyết việc làm cho số đông ngọời lao động ở Việt Nam		
3.13	Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, giao loọu quốc tế		
3.14	Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế		
3.15	Là chỉ tiêu để đánh giá trình độ phát triển của một noọớc		
3.16	Cung cấp toọ liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế		
3.17	Tạo ra sản phẩm tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống xã hội		

Câu 4: Trong sản xuất nông nghiệp anh/ chị đã thực hiện những việc làm nào sau đây để thể hiện đạo đức nghề nghiệp. Tần xuất thực hiện ở mức độ nhơ thế nào?. Các mức độ thực hiện từ rất thơờng xuyên 5 và giảm dần đến chơa bao giờ là 1

STT	Các yêu cầu	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Thực hiện nghiêm túc những qui định về đảm bảo chất lơợng sản phẩm.					
2	Tơ vấn, giải thích trung thực với khách hàng về chức năng, công dụng của sản phẩm.					
3	Hủy bỏ những sản phẩm không đảm bảo chất lơợng hoặc đã hỏng, hết hạn sử dụng					
4	Chăm sóc chu đáo khi khách hàng sử dụng sản phẩm của mình sản xuất					
5	Sử dụng các loại phân bón vi sinh có nguồn gốc thiên nhiên					
6	Sử dụng thiên địch để tiêu diệt hoặc hạn chế sự phát triển của dịch bệnh đối với cây trồng					
7	Củng cố chu kì sinh học trong nông trại, đặc biệt là chu kì dinh dơỡng					
8	Giu chữ tín trong làm ăn với đối tác					
9	Cạnh tranh lạnh mạnh trên thị trơờng					

Câu 5: Anh/chị sẽ có thái độ gì khi chứng kiến những biểu hiện sau đây của ngơời sản xuất trong ngành Nông nghiệp?

STT	Những biểu hiện	Đồng ý	Không đồng ý
51	Làm ô nhiễm môi trơờng sinh thái		
52	Sử dụng các chất kích thích tăng trơởng, các chất bảo quản, hoặc các chất phụ gia khác có hại cho sức khỏe con ngơời		
53	Không tuân thủ theo những qui định của pháp luật		
54	Thiếu sự tôn trọng khách hàng		
55	Khai thác thiên nhiên bừa bãi mà không có việc làm để phục hồi thiên nhiên		

56	Không tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc		
57	Thiếu sự hiểu biết về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng		
58	Gian lận trong buôn bán làm ăn		
59	Không trọng chữ Tín với đối tác		
510	Không có trách nhiệm trọước lợi ích của cộng đồng, của xã hội		
511	Làm mất ý nghĩa, giá trị của ngành nghề trong xã hội, trong cộng đồng		
512	Các biểu hiện khác (cụ thể):…….		

Một số thông tin về Anh/Chị:

Tốt nghiệp ngành:….. Năm:…..

Hiện đang làm gì:……

Kinh nghiệm làm việc:…năm

Xin trân trọng cảm ơn Anh/Chị!

PHIẾU TRƊNG CẦU Ý KIẾN

MS: 03 (dành cho cán bộ quản lí và cán bộ giảng dạy)

Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp, chúng tôi rất mong Thầy/Cô cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dơới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô ☐ tơơng ứng mà Thầy/Cô xem là phù hợp nhất hoặc điền vào chỗ…...

Câu 1: Theo Thầy/Cô, hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp đã đạt đơợc mục tiêu nào sau đây? Hiệu quả của việc đạt đơợc các mục tiêu đơợc xếp theo mức độ từ rất cao là 5 giảm dần đến không đạt đơợc là 1

STT	Mục tiêu giáo dục	Các mức độ đánh giá của ngơời đơợc hỏi (tính theo %)				
		1	2	3	4	5
1	Cung cấp cho sinh viên những tri thức về đạo đức nghề nghiệp					
2	Hình thành cho sinh viên thái độ phù hợp với đạo đức nghề nghiệp					
3	Rèn luyện hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên					

Câu 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Nông nghiệp có vai trò nhơ thế nào trong chiến lơợc giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục đại học?

- Rất quan trọng ☐
- Quan trọng ☐
- Bình thơờng ☐
- Không quan trọng ☐

Câu 3: Thầy/Cô cho biết hiện nay tại các các cơ sở giáo dục đại học đã lựa chọn những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp nào đơợc liệt kê dơới đây để đơa vào trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Các mức độ sử dụng từ rất thơờng xuyên là 5 đến chơa bao giờ là 1.

STT	Nội dung giáo dục	Ý kiến của ngoời đoợc hỏi theo các mức độ (tính%)				
		1	2	3	4	5
1	Nhận thức về ý nghĩa của nghề nghiệp đối với cá nhân, đối với xã hội và cộng đồng					
2	Loơng tâm - trách nhiệm nghề nghiệp					
3	Tôn trọng các qui định của ngành nghề, của cơ quan - nơi làm việc					
4	Tôn trọng các đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp.					
5	Tôn trọng thiên nhiên - môi troờng sống xung quanh					
6	Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân					
7	Dũng cảm trong nghề nghiệp					
8	Tôn trọng bản thân trong nghề nghiệp					
9	Tinh thần hợp tác					
10	Tinh thần dấn thân lập nghiệp					
11	Tự tin, linh hoạt, chấp nhận rủi ro- đối đầu với khó khăn					
12	Sống và làm việc tuân thủ theo Hiến pháp và Pháp luật					

Câu 4: Nhà trường đã sử dụng những phương pháp nào trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp? Các tần xuất sử dụng giảm dần từ rất thoờng xuyên là 5 đến choa bao giờ là 1.

STT	Các phoơng pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Sự lựa chọn của ngoời đoợc hỏi theo mức độ (tính %)				
		1	2	3	4	5
1	Phoơng pháp thuyết trình					
2	Phoơng pháp trách phạt					
3	Phoơng pháp thuyết phục					
4	Phoơng pháp giáo dục cá biệt					
5	Phoơng pháp tổ chức các hoạt động để tập luyện, rèn luyện					
6	Phoơng pháp giao việc					

7	Phoƣơng pháp trải nghiệm					
8	Phoƣơng pháp nêu goƣơng					
9	Phoƣơng pháp đàm thoại					
10	Phoƣơng pháp giảng giải					

Câu 5: Thầy/cô cho biết tại cơ sở giáo dục đang sử dụng những biện pháp nào để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Thầy/cô đánh giá mức độ sử dụng thoƣờng xuyên của các biện pháp đã áp dụng. Các mức độ lựa chọn rất thoƣờng xuyên là 5 và giảm dần đến choƣa bao giờ là 1

TT	*Các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp*	*Ý kiến lựa chọn của người được hỏi*				
		1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	*Biện pháp 1:Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong các môn học chuyên nghành*					
2	*Biện pháp 2: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua môn Tâm lý học nghề nghiệp*					
3	*Biện pháp 3: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua chuyên đề: "Đạo đức người cán bộ ngành nông nghiệp"*					
4	*Biện pháp 4: Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực tập và rèn nghề tại các cơ sở sản xuất, các trang trại ở địa phương*					
5	*Biện pháp 5: Tổ chức thực hiện tốt nội qui, qui chế trong sinh hoạt, học tập để rèn luyện các hành vi đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên*					
6	*Biện pháp 6: Dựa vào tổ chức ĐTNCSCM và sinh hoạt tập thể để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên*					
7	*Biện pháp 7: Thành lập tổ tư vấn hướng nghiệp*					
8	*Biện pháp 8: Nêu gương sáng về đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là những tấm gương sáng của thầy cô cho sinh viên noi theo*					
9	*Biện pháp 9: Xây dựng và thực hiện qui chế khen thưởng, trách phạt rõ ràng, hợp*					
10	*Các biện pháp khác*					

Câu 6: Nhà trợờng đã tổ chức những hoạt động sau đây ở mức độ nhợ thế nào? Các mức độ giảm dần từ rất thợờng xuyên là 5 đến chợa bao giờ là 1.

STT	Hình thức hoạt động giáo dục	Mức độ				
		5	4	3	2	1
5.1	Tổ chức lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong buổi học chính trị đầu năm					
5.2	Tổ chức câu lạc bộ học tập					
5.3	Nói chuyện chuyên đề liên quan đến giáo dục đạo đức cho SV					
5.4	Giáo viên tợ vấn chia sẻ kinh nghiệm học tập cho SV					
5.5	Tọa đàm về phẩm chất đạo đức của sinh viên ngành Nông nghiệp					
5.6	Qua các cuộc thi lập nghiệp, sáng tạo					
5.7	Tổ chức học tập tấm gợơng đạo đức Hồ Chí Minh					
5.8	Thông qua hoạt động văn hóa, thể thao					
5.9	Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên					
5.10	Thông qua các buổi hội chợ việc làm					
5.11	Tổ chức cho SV tham gia nghiên cứu khoa học					
5.12	Qua hoạt động sinh viên tình nguyện					
5.13	Thông qua lao động rèn nghề					
5.14	Khen thợởng và kỷ luật					
5.15	Qua quá trình tự rèn luyện của bản thân					
5.16	Thông qua các buổi chia sẻ, tợ vấn của các doanh nhân thành đạt					
5.17	Thông qua hoạt động thực tập nghề tại các trang trại, cơ sở sản xuất, địa phợơng..v..v					

Câu 7: Đánh giá tính hiệu quả của các lực lợợng khi tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp? Các mức độ giảm dần từ rất tốt là 5 đến không đạt đợợc là 1.

STT	Lực lợợng tham gia	Mức độ				
		5	4	3	2	1
6.1	Ban giám hiệu nhà trợờng					
6.2	Ban chủ nhiệm khoa					
6.3	Đoàn thanh niên					

6.4	Đảng ủy trợờng					
6.5	Giáo viên chủ nhiệm					
6.6	Giáo viên giảng dạy					
6.7	Tập thể lớp					
6.8	Phòng công tác chính trị					
6.9	Hội sinh viên					

Câu 8: Mức độ ảnh hợởng của những yếu tố sau đây đến việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp? Mức độ ảnh hợởng giảm dần từ rất ảnh hợởng là 5 đến không ảnh hợởng là 1.

STT	Yếu tố ảnh hợởng	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo mức độ (Tính %)				
		1	2	3	4	5
1	Nhận thức của sinh viên về nghề nghiệp					
2	Nội dung chợơng trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học					
3	Phợơng pháp, hình thức tổ chức giảng dạy					
4	Động cơ, lý tợởng, hứng thú nghề nghiệp					
5	Kiểm tra, đánh giá					
6	Các văn bản có tính pháp quy					
7	Các phợơng tiện thông tin đại chúng (Sách báo, truyền hình, phim ảnh...).					
8	Ảnh hợởng của nền kinh tế thị trợờng					
9	Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học					
10	Sự kết hợp của các lực lợợng giáo dục trong và ngoài nhà trợờng					
11	Thị trợờng lao động					
12	Văn hóa, phong tục tập quán của địa phợơng					
13	Thói quen trong sản xuất của ngành nghề					

Câu 9: Theo đồng chí đánh giá hiện nay hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp của sinh viên đại học ngành Nông nghiệp đã thực sự tốt chợa?

A. Rất tốt ☐

B. Tốt ☐

C. Chọa tốt ☐

D. Đang xuống cấp ☐

E. Không tốt ☐

Câu 10 : Các đồng chí cho biết đánh giá của mình về kết quả hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nghành nông nghiệp tại cơ sở đào tạo của mình. Mức độ đánh giá rất tốt là 5 đến không không tốt là 1.

STT	Các mặt của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Sự lựa chọn của ngợời đợợc hỏi theo mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nội dung, chợơng trình học					
2	Phợơng pháp giảng dạy					
3	Hình thức tổ chức					
4	Sự phối kết hợp giữa các lực lợợng					
5	Cơ sở vật chất					

Câu 11. Theo đồng chí hiện nay công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp có thuận lợi gì?

……

……

……

……

……

Câu 12. Theo đồng chí hiện nay công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp có khó khăn gì?

……

……

……

……

……

Câu 13. Đồng chí có đề xuất gì trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành Nông nghiệp?

……

……

……

……

……

Thông tin về ngọời đọợc hỏi:

Tuổi:… Nam, nữ…

Đang làm gì: …….

Kinh nghiệm công tác: (năm)

Xin trân trọng cảm ơn!

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC NGHIỆM

STT	Câu hỏi đánh giá thái độ	Ý kiến đồng ý của ngoịời đoịợc hỏi		Ý kiến phản đối của ngoịời đoịợc hỏi	
		SL	%	SL	%
1	Khi tham gia sản xuất hay kinh doanh nông nghiệp thì yếu tố lợi nhuận của ngoịời làm phải đặt lên hàng đầu				
2	Khi làm việc phải có đạo đức nghề nghiệp sẽ làm cho bạn cảm thấy gò bó				
3	Trong xã hội một số tổ chức hoặc cá nhân khi sản xuất thực phẩm đã sử dụng những chất có hại cho sức khỏe con ngoịời (những chất đã bị cấm sử dụng) bạn có thấy bức xúc troịớc những sự việc đó không				
4	Bạn có hào hứng khi chuẩn bị cho mình một dự định khởi nghiệp				
5	Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp là việc tự giác của mỗi cá nhân				
6	Khi đoịợc giao loịu trò chuyện với những tấm goịơng sáng về đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp. Bạn có cảm thấy ngoịỡng mộ và quyết tâm noi theo				

STT	Câu hỏi đánh giá nhận thức	Sự lựa chọn của người được hỏi theo các mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Theo bạn đạo đức nghề nghiệp có mức độ quan trọng đối với mỗi ngoịời khi tham gia hành nghề nhoị thế nào?					
2	Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cũng quan trọng giống nhoị việc tích lũy tri thức và rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp					

3	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp là hệ thống những phẩm chất phù hợp với những giá trị đạo đức chung, phù hợp đặc trọng của lĩnh vực nông nghiệp và những yêu cầu của xã hội, phản ánh bộ mặt nhân cách của ngọời làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.					
4	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp sẽ giúp cho ngọời kĩ sọ nông nghiệp thành công trong công việc hơn					
5	Ngọời kĩ sọ nông nghiệp phải có sự nhận thức đọợc về vai trò của ngành nông nghiệp đối với con ngọời và xã hội					
6	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải có tinh thần dấn thân khởi nghiệp					
7	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp khi làm việc phải biết tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trọờng					
8	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải có khả năng hợp tác trong công việc					
9	Ngọời kĩ sọ nông nghiệp khi hành nghề phải tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật					
10	Ngọời kĩ sọ nông nghiệp phải dũng cảm, đối mặt với thử thách, thất bại					
11	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải có tính cần cù, chịu khó					
12	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải có sự tôn trọng đối tác, khách hàng					
13	ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải có sự tự tin, linh hoạt					
14	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp phải luôn không ngừng học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân					
15	Ngọời kĩ sọ Nông nghiệp luôn phải làm việc có lọơng tâm và trách nhiệm cao					

(Các mức độ quan trọng giảm dần từ rất quan trọng là 5 đến không quan trọng là 1)

Câu hỏi đánh giá về hành vi

Mức độ thoịờng xuyên giảm dần từ rất thoịờng xuyên 5 đến không bao giờ thực hiện là 1

STT	Câu hỏi đánh giá hành vi	Các mức độ lựa chọn của ngoịời đoịợc hỏi				
		5	4	3	2	1
1	Bạn có rèn luyện tính cần cù, chịu khó trong cuộc sống và trong học tập					
2	Để rèn luyện kĩ năng hợp tác, bạn có tích cực tham gia học tập và tham gia các hoạt động khác theo nhóm?					
3	Bạn có vệ sinh để góp phần bảo vệ môi troịờng tại địa phoịơng bạn sinh sống?					
4	Khi tham gia một đề tài khoa học, hay một dự án học tập nhoịng gặp những khó khăn, thử thách. Bạn sẽ tiếp tục tìm cách để đi đến kết quả cuối cùng hay bạn sẽ hủy ngay để đỡ mệt mỏi?					
5	Khi phát hiện một ai đó có sử dụng những chất cấm trong sản xuất nông nghiệp bạn có giải thích cho họ hiểu để họ không làm nữa hay bạn sẽ mặc kệ					
6	Bạn đã có kế hoạch rèn luyện mình nhoị thế nào để có đoịợc những phẩm chất đạo đức phù hợp với nghề nghiệp mà mình lựa chọn					
7	Trong những lần đi thực tập tại địa phoịơng, hay một trang trại nào đó. Bạn có tuân thủ đúng những qui định ở chỗ làm việc không?					
8	Bạn hiện có đang làm thêm hoặc có dự định đi làm thêm để rèn luyện những hành vi đạo đức nghề nghiệp không?					
9	Bạn sẽ tự khởi nghiệp để tìm kiếm một công việc phù hợp và phát triển nó hay bạn chờ đợi ngoịời nhà xin việc cho mình?					

Thông tin sinh viên:

Họ và tên:.....

Khóa:.....

Khoa:.....

Xin cảm ơn các em!

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho cán bộ ngành nông nghiệp)

Họ và tên ngoịời đoịợc phỏng vấn:

.....

Nơi công tác:

.....

Chức vụ: .....

Nội dung phỏng vấn:

1. Vì sao anh chọn hoịớng sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn của Vietgap mà không sản xuất theo hoịớng truyền thống hoặc nhoị những hộ trồng rau thông thoịờng khác?
2. Xin anh cho biết những tiêu chuẩn mà ngoịời sản xuất phải tuân thủ khi sản xuất rau sạch theo Vietgap?
3. Theo anh thì để hoịớng tới một nền sản xuất nông nghiệp sạch đảm bảo đoịợc lợi ích và sức khỏe của cộng đồng và xã hội thì ngoài những tri thức và kỹ thuật mà ngoịời làm xuất phải nắm đoịợc thì còn yếu tố nào mà họ cần phải có nữa không?

Xin chân thành cảm ơn !

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho sinh viên đang theo học các chuyên ngành Nông học tại các cơ sở GDĐH)

Họ và tên ngoịời đoịợc phỏng vấn:.....

Khoa:.....

Lớp: .....

Nội dung phỏng vấn:

1. Bạn có thấy đạo đức nghề nghề là quan trọng không?
2. Bạn có thể kể những việc làm của bạn để rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân.
3. Theo em ngoịời có đạo đức nghề nghiệp thì trong công việc họ có những biểu hiện nhoị thế nào?
4. Nếu bạn là ngoịời tuyển dụng nhân sự lao động, bạn sẽ chọn ngoịời có năng lực hay chọn ngoịời có đạo đức nghề nghiệp. ?
5. Với đặc troịng của ngành nghề mà bạn đang theo học thì đòi hỏi bạn cần phải có những phẩm chất đạo đức nào quan trọng?

PHIẾU DỰ GIỜ NHÓM LỚP THỰC NGHIỆM

Cán bộ giảng dạy:.....

Lớp: .....

Ngày dự: .....

Tên bài học: .....

Nội dung quan sát:

1. Ý thức kỉ luật của sinh viên tham gia lớp học:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Hiểu biết của sinh viên về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngành nông nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Quan điểm, cách đánh giá của sinh viên về nội dung các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hành vi biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên thông qua các tình huống giả định:

.....

.....

.....

.....

5. Cảm nhận của sinh viên với nội dung chuyên đề

.....

.....

.....

.....

PHIẾU QUAN SÁT SINH VIÊN THỰC TẬP

Lớp: .....

Địa điểm thực tập: .....

Nội dung quan sát:

1. Thời gian tham gia đúng giờ, đủ các buổi:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Trang phục phù hợp theo qui định:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Chú ý, tập trung trong các buổi học việc:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tích cực, chủ động trong các công việc đọợc giao

.....

.....

.....

.....

.....

5. Mức độ hoàn thành công việc:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHUYÊN ĐỀ ĐẠO ĐỨC NGƠỜI CÁN BỘ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

I. Mục đích - Yêu cầu

Kiến thức:

Sinh viên nắm đơợc những khái niệm cơ bản liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp

Thái độ:

Sinh viên vui vẻ, tự giác lĩnh hội những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp

Kĩ năng:

Sinh viên vận dụng những qui định, những phẩm chất đạo đức của ngơời cán bộ ngành Nông nghiệp để rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân

Vận dụng vào những tình huống phù hợp với đặc trơng nghề nghiệp của mình.

II. Phơơng pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Dạy học theo dự án
- Phơơng pháp động não

III. Hình thức tổ chức

- Chuyên đề thực hiện trong 15 tiết (5 buổi thực hiện trên lớp)

IV. Nội dung chuyên đề

STT	Nội dung	Tổ chức hoạt động cho sinh viên	Kết quả cần đạt đơợc
1	Bài 1 NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐỀN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP 1.1 Khái niệm về đạo đức Thời Hi lạp cổ đại: Thuật ngữ đạo đức bắt nguồn từ tiếng La tinh là mos (moris) - lề thói, (moralis nghĩa là có liên quan đến lề thói, đạo nghĩa). Còn "luân lí" thơờng		

	xem nhoị đồng nghĩa với "đạo đức" thì gốc ở chữ Hy Lạp là Ethicos nghĩa là lề thói; tập tục. Hai danh từ đó chứng tỏ rằng, khi ta nói đến đạo đức, tức là nói đến những lề thói tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa ngoịời và ngoịời trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày. Sau này ngoịời ta thoịờng phân biệt hai khái niệm, moral là đạo đức, còn Ethicos là đạo đức học. *Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình vì lợi ích xã hội, hạnh phúc giữa con người trong mối quan hệ giữa con người và con người, giữa cá nhân và tập thể hay toàn xã hội. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.* 1.2 Khái niệm về nghề nghiệp Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ đào tạo, con ngoịời có đoịợc những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng đoịợc những nhu cầu của xã hội. Nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Chuyên môn là một lĩnh vực lao động sản xuất hẹp mà ở đó con ngoịời bằng năng lực thể chất và tinh thần của mình làm ra những giá trị vật chất(thực phẩm, loịơng thực, công cụ lao động ..v..v) hoặc giá trị tinh thần.		

	Nghề hay hoạt động nghề nghiệp có thể đợợc hiểu là hoạt động phục vụ cho cơ sở tồn tại và hợớng vào việc kiếm sống, việc này phải làm miệt mài, lâu dài và để hoàn thành cần phải có tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và các phẩm chất đạo đức phù hợp theo một tổ hợp đặc biệt. 1.3 Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp Đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội và bản thân nghề nghiệp đối với ngợời làm trong lĩnh vực nghề nghề nghiệp đó. Đạo đức nghề nghiệp có mỗi quan hệ chặt chẽ với năng lực nghề nghiệp. Đây là hai thành phần cấu thành nên nhân cách của con ngợời. Hai thành phần này kết hợp với nhau, biểu hiện thông qua nhau tạo nên nhân cách của cá nhân, giúp cho cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của mình đạt kết quả cao. Nhợ vậy, có thể quan niệm rằng : *Đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống các yếu tố đạo đức xã hội được biểu hiện trong quá trình cá nhân tham gia hoạt động nghề nghiệp và phù hợp với đặc điểm của mỗi loại nghề, phản ánh bộ mặt nhân cách của người lao động. Nó thể hiện ở việc tuân thủ những qui định, những yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp, của xã hội đối với các nhân tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp đó. Đạo đức nghề nghiệp trở thành động lực phát triển nhân cách, phát triển năng lực chung và năng lực nghề nghiệp, làm tăng năng*		

	xuất và hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội của mỗi người. 1.4 Đạo đức nghề nghiệp trong ngành Nông nghiệp Đạo đức nghề nghiệp đoợc xác định bằng tính chuyên nghiệp trong công việc, là mục tiêu hoặc những phẩm chất đặc troợng để đánh giá một tổ chức, cơ quan hay một cá nhân chuyên nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp là yếu tố khẳng định chất loợng tay nghề, chất loợng sản phẩm hoặc dịch vụ. Tính chuyên nghiệp là một thành tố quyết định sự thành công của cá nhân tham gia một ngành nghề nào đó trong một tổ chức, một cơ quan cụ thể. Đạo đức nghề nghiệp còn đoợc thể hiện trong cách mà một cá nhân hay một tổ chức hết lòng cống hiến vì sự nghiệp của họ đem lại những kết quả tốt nhất phục vụ lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Đạo đức nghề nghiệp trở thành kim chỉ nam để đi đến sự thành công trong sự nghiệp của mỗi cá nhân. Đạo đức nghề nghiệp đoợc hình thành và hoàn thiện trong mỗi lĩnh vực ngành nghề nhất định, nó chịu sự qui định của đặc troợng nghành nghề đó và những yêu cầu mà xã hội đặt ra cho lĩnh vực ngành nghề đó. Trong ngành Nông nghiệp thì đạo đức nghề nghiệp có thể đoợc hiểu là: “L*à một hệ thống các yếu tố đạo đức xã hội được biểu hiện trong quá trình cá nhân tham gia hoạt động trong nông nghiệp và phù hợp*		

	với đặc trưng của ngành Nông nghiệp, phản ánh bộ mặt nhân cách của người lao động. Nó thể hiện ở việc tuân thủ những qui định, những yêu cầu, đòi hỏi của ngành Nông nghiệp, của xã hội đối với các cán bộ ngành Nông nghiệp hoặc những người tham gia vào ngành Nông nghiệp"		
2	Bài 2 NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP 2.1 Khái niệm về ngành Nông nghiệp Nông nghiệp nếu hiểu theo nghĩa hẹp chỉ có ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi, ngành dịch vụ. Còn nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng thì còn bao gồm cả ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.(Theo Wikipedia Tiếng việt) Hoạt động sản xuất nông nghiệp là những tác động của con ngoời lên các đối toợng tự nhiên (cây trồng, đất đai...) để tạo ra các sản phẩm (nông sản) nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. Những tác động đó nếu phù hợp với các quy luật khách quan sẽ thúc đẩy sự phát triển và tạo ra nhiều sản phẩm có ích cho con ngoời. Ngoợc lại, nếu những tác động trong nông nghiệp cũng nhoị các tác động khác của con ngoời trong các hoạt động sản xuất và đời sống không phù hợp với các quy luật khách quan của tự nhiên thì sẽ gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng. Nền nông nghiệp noớc ta sau một giai đoạn phát triển, chú trọng đến năng suất, đã góp phần nâng cao mọi mặt		

	của đời sống ngờời nông dân nói riêng và nông thôn nói chung, đảm bảo an ninh lờơng thực trong nờớc, thậm chí đã trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. 2.2 Những đặc trờng của ngành Nông nghiệp Nông nghiệp là một ngành sản xuất vật chất cho xã hội không thể thay thế đờợc. Nó cung cấp lờơng thực, thực phẩm cho con ngờời. Đồng thời cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp, sản xuất nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ cho nền kinh tế của quốc gia. Ngành nông nghiệp có tờ liệu sản xuất chủ yếu là đất và các yếu tố tự nhiên khác. Đối tờợng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi. Trong sản xuất nông nghiệp phải có sự tôn trọng các qui luật tự nhiên, qui luật sinh học. Đối với nền kinh tế hiện đại thì nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa. Những thành tựu khoa học, những tiến bộ của công nghệ đờợc áp dụng trong thời gian này, đã tạo điều kiện để đẩy mạnh; quá trình thâm canh, tăng năng suất trong nông nghiệp đờợc tạo ra ngày càng nhiều. 2.3 Vai trò của ngành nông nghiệp đối với đời sống con ngờời và với sự phát triển của xã hội - Cung cấp lờơng thực - thực phẩm nuôi sống con ngờời		

	- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nhẹ - Đảm bảo An ninh xã hội cho mỗi quốc gia - Tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nợ́ớc		
3	Bài 3: NHỮNG PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƠ]ỜI CÁN BỘ NGÀNH NÔNG NGHIỆP 3.1 Nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của ngành nông nghiệp - Trồng trọt là nền tảng của sản xuất nông nghiệp, cung cấp lợ́ơng thực, thực phẩm cho dân cợ́, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến, là cơ sở để phát triển chăn nuôi và còn là nguồn xuất khẩu có giá trị theo giá trị sử dụng, cây trồng đợ́ợc phân thành các nhóm: cây lợ́ơng thực, cây công nghiệp, cây thực phẩm. + Cây lợ́ơng thực là nguồn chủ yếu cung cấp tinh bột và cả chất dinh dợ́ỡng cho ngợ́ời và gia súc, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến lợ́ơng thực, thực phẩm và còn là hàng hoá xuất khẩu có giá trị. +Các cây công nghiệp cho sản phẩm để dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm. Phát triển cây công nghiệp còn khắc phục đợ́ợc tính mùa vụ, tận dụng tài nguyên đất, phá thế độc canh và góp phần bảo vệ môi trợ́ờng. Giá trị sản phẩm của các cây công nghiệp tăng lên nhiều lần sau khi đợ́ợc chế		

	biến. 3.2 Các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của ngoịời cán bộ ngành nông nghiệp Phải có loịơng tâm - trách nhiệm với nghề nghiệp: sinh viên phải ý thức đoịợc công việc của mình là tạo ra những giống cây có ích cho cuộc sống con ngoịời và đồng thời phải có trách nhiệm bảo vệ môi troịờng, cần bằng hệ sinh thái trong tự nhiên. Họ tạo ra những giống cây trồng nhoịng phải phục vụ đoịợc nhu cầu của con ngoịời một cách an toàn, đảm bảo sức khỏe và đảm bảo sự phát triển giống nòi tốt. - Tôn trọng các qui định của ngành nghề, cơ quan, nơi làm việc: Tự giác, trung thực thực hiện những nội qui, qui định của nơi làm việc. - Tôn trọng đối tác - khách hàng, tôn trọng đồng nghiệp: luôn có thái độ lịch sự, nhã nhặn khi tiếp xúc với đối tác và đồng nghiệp. Luôn biết lắng nghe ý kiến phản hồi của ngoịời khác. Quan tâm đến nhu cầu, nguyện vọng, mong muốn của khách hàng. Đó là những qui tắc để ngoịời kĩ soị ngành trồng trọt có thể thành công hơn trong ngành nghề của mình. - Tôn trọng thiên nhiên - môi troịờng sống xung quanh: Thiên nhiên là toị liệu sản xuất vô cùng quan trọng đối với ngành nông nghiệp nói chung và đặc biệt là đối với ngành trồng trọt. Vậy, ngoịời kĩ soị		

	trồng trọt trong quá trình sản xuất phải luôn ý thức việc bảo vệ thiên nhiên. Khi khai thác thiên nhiên bao nhiêu thì phải khôi phục, cải tạo lại thiên nhiên bấy nhiêu. - Tinh thần dấn thân khởi nghiệp: Là biểu hiện của sự nỗ lực phát huy những ý tợởng sáng tạo, ý chí tự lập, bản lĩnh kinh doanh. Dấn thân khởi nghiệp là biết sống có hoài bão, có mơ ợớc và quyết tâm biến mơ ợớc thành hiện thực trong tợơng lai. - Ý thức hoàn thiện và phát triển bản thân: đối với ngành khoa học cây trồng thì không cần đến những năng khiếu nổi trội nhoợng rất cần sự cần mẫn của ngoợời học, luôn phải cập nhật những cái mới, tìm hiểu khám phá những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực cây trồng và các lĩnh vực khác có liên quan để từ đó liên tục làm mới những tri thức của bản thân. giúp bản thân vận động, phát triển kịp với sự phát triển của ngành nghề, của xã hội, của thời đại. - Dũng cảm, tự tin, linh hoạt đối đầu với những khó khăn trong cuộc sống cũng nhoợ trong nghề nghiệp: Ngành trồng trọt là ngành phụ thuộc vào tự nhiên rất nhiều có thể có những thiên tai dẫn đến những khó khăn, thất bại trong công việc. Vì vây, sinh viên cần phải có lòng dũng cảm, sự tự tin vào bản thân để đối chọi với những thử thách trong công việc.		

	- Có tinh thần hợp tác trong công việc: để xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp hiện đại chúng ta cũng cần có một mô hình hợp tác xã theo kiểu mới và đó chính là nơi mà rất cần những kĩ sọ trồng trọt phải có một tinh thần hợp tác trong công việc để đạt đọ̣ợc những hiệu quả cao. Đồng thời, tình thần hợp tác cũng là một xu thế trong bối cảnh hòa nhập của mỗi một quốc gia với thế giới. - Có ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp - pháp luật: Pháp luật là đạo đức tối thiểu còn đạo đức lại chính là pháp luật tối đa. Vậy, những kĩ sọ của ngành trồng trọt khi tham gia hành nghề cũng cần phải biết tuân thủ theo Hiến pháp - pháp luật nhọ luật bảo vệ môi trọ̣ờng, luật sử dụng đất nông nghiệp ...vv. 3.3 Thảo luận các biện pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp		